

**BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MƯU**

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
NHÂN VIÊN QUÂN Y ĐẠI ĐỘI TẠI TRƯỜNG
CAO ĐẲNG HẬU CẦN 1**

MÃ SỐ: 2022.100.071

Đơn vị chủ trì đề tài: Trường Cao đẳng Hậu cần 1

Chủ nhiệm đề tài: Trung tá, BSCK1. Hồ Văn Thạnh

Hà Nội, tháng 12 năm 2022

BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MUỖ

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
NHÂN VIÊN QUÂN Y ĐẠI ĐỘI TẠI TRƯỜNG
CAO ĐẲNG HẬU CẦN 1

MÃ SỐ: 2022.100.071

Chủ nhiệm đề tài: Trung tá, BSCK1. Hồ Văn Thạnh

Thành viên: Thượng tá, DSCK2. Lê Đình Mạnh – Thư ký
Trung tá, BSCK1. Phạm Thị Mai Hạnh
Thiếu tá, CN. Lê Văn Bình
Thiếu tá, Y sĩ. Nguyễn Thị Anh Thúy

Cục Nhà trường/BTTM
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị chủ trì đề tài
(Ký tên, đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài

Trung tá, BSCK1. Hồ Văn Thạnh

MỤC LỤC	TRANG
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN QUÂN Y ĐẠI ĐỘI TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẬU CẦN 1.....	4
1.1 Cơ sở lý luận.....	4
1.1.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước, Quân đội về đổi mới, phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo.....	4
1.1.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước, Quân đội về phát triển ngành y tế, chăm sức khỏe bộ đội và nhân dân.....	9
1.1.3. Đào tạo, chất lượng đào tạo và những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo NVQYc.....	19
1.2. Thực trạng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.....	30
1.2.1. Lịch sử đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.....	30
1.2.2. Thực trạng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.....	32
Chương 2. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN QUÂN Y ĐẠI ĐỘI TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẬU CẦN 1.....	52
2.1. Nguyên tắc và yêu cầu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường CĐ Hậu cần 1.....	52
2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.....	53
2.2.1. Đổi mới chương trình đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.....	53
2.2.2. Đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, tài liệu đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.....	67
2.2.3. Phát triển đội ngũ nhà giáo, đổi mới phương pháp dạy học đối tượng nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.....	83
2.2.4. Nâng cao chất lượng tự học đối tượng nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.....	107
2.2.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng nhân viên quân y đại đội.....	114
2.2.6. Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá học viên NVQYc.....	116

KẾT LUẬN.....	120
KIẾN NGHỊ.....	121
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	122
PHỤ LỤC.....	125

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
BH	Bệnh học
BV	Bệnh viện
BTTM	Bộ Tổng Tham Mưu
BYT	Bộ Y tế
BLĐTB&XH	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
BQP	Bộ Quốc phòng
BGH	Ban Giám hiệu
CNT	Cục Nhà trường
CQY	Cục Quân y
CNQY	Chủ nhiệm Quân y
CQY- TCHC	Cục Quân y – Tổng cục Hậu cần
CNT - BTTM	Cục Nhà trường – Bộ Tổng tham mưu
CTĐT	Chương trình đào tạo
CDHC1	Cao đẳng Hậu cần 1
CD	Chiến đấu
CNTT	Công nghệ thông tin
CSSK	Chăm sóc sức khỏe
DH	Dạy học
ĐH	Đại học
ĐH-CD	Đại học – cao đẳng
ĐT	Đào tạo
ĐBCLGD-ĐT	Đảm bảo chất lượng Giáo dục – Đào tạo
ĐC	Đồng chí
GD – ĐT	Giáo dục - Đào tạo
GV	Giáo viên

HĐ	Hoạt động
HĐKH	Hội đồng khoa học
HV	Học viên
HV-SV	Học viên – Sinh viên
HL	Huấn luyện
HL - CD	Huấn luyện – Chiến đấu
KHGB	Kế hoạch giảng bài
TCHC	Tổng cục Hậu cần
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
SSCĐ	Sẵn sàng chiến đấu
QSTƯ	Quân sự Trung ương
QĐ	Quân đội
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết

Ngay sau cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, ngày 25/3/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 34/SL tổ chức Bộ Quốc phòng, trong đó có Cục Quân y. Căn cứ sắc lệnh trên, ngày 16/4/1946, Bộ Quốc phòng ban hành Nghị định số 12/NĐ quy định nhiệm vụ và tổ chức Cục Quân y. Trải qua quá trình xây dựng, phục vụ chiến đấu và chiến đấu, ngành quân y đã có sự phát triển vượt bậc, từ nhỏ đến lớn, từ thô sơ đến hiện đại, hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bộ đội, cứu chữa thương binh, bệnh binh, tham gia bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ những phân đội quân y trong kháng chiến chống Pháp đến nay ngành Quân y đã hoàn chỉnh với hệ thống tổ chức từ cơ quan chỉ đạo, chỉ huy điều hành đến các bộ phận chuyên môn kỹ thuật như tổ chức chỉ huy quân y, điều trị, vệ sinh phòng dịch, đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất và cung cấp thuốc, trang bị y tế, pháp y từ cấp chiến lược đến cấp chiến dịch, chiến thuật.

Hệ thống tổ chức lực lượng ngành quân y đã từng bước được xây dựng, củng cố, hoàn thiện trên tất cả các tuyến, bao gồm bệnh viện, bệnh xá, quân y đơn vị và cơ sở nghiên cứu có giường bệnh; các viện và trung tâm chuyên ngành, cơ sở đào tạo; các đội vệ sinh phòng dịch... Đội ngũ cán bộ, nhân viên quân y luôn được đào tạo quy hoạch theo một lộ trình phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm quân y cho bộ đội tác chiến ở mọi loại hình chiến thuật, cứu chữa thương binh, bệnh binh và chăm sóc sức khỏe bộ đội; bảo đảm quân y sẵn sàng chiến đấu và các tình huống đột xuất; công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bộ đội và điều trị, dự phòng; công tác huấn luyện phục vụ nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, phòng chống dịch, khắc phục hậu quả thiên tai, cấp cứu thảm họa, nâng cao sức cơ động của quân y tuyến trước và công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Trong hệ thống tổ chức ngành quân y, lực lượng ở gần bộ đội nhất, chăm sóc trực tiếp sức khỏe bộ đội là các đồng chí y tá, hiện nay gọi là nhân viên quân y đại đội (NVQYc). Có thể nói rằng lực lượng NVQYc góp phần quan trọng trong bảo đảm sức khỏe bộ đội trong sinh hoạt, huấn luyện và chiến đấu. Đại dịch Covid-19 đã minh chứng rõ nét tầm quan trọng của quân y đơn vị; vị trí, vai trò, chức năng của lực lượng quân y sĩ, nhân viên quân y đại đội. Họ luôn ở tuyến đầu, xông pha vào nơi tâm dịch, vừa truy vết, phục vụ chăm sóc điều trị, vừa làm công tác tư vấn sức khỏe bộ đội và nhân dân. Bên cạnh đó, các đồng chí NVQYc còn là người tiếp phẩm, chăm nuôi, làm nhiệm vụ hiếu nghĩa với đồng bào, đồng chí.

Quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước về phát triển Giáo dục – Đào tạo, phát triển ngành Y tế. Theo đó phát triển GD – ĐT tiếp tục được xác định là “Quốc sách hàng đầu”, phát triển ngành y tế “Chất lượng cao gắn với xây dựng mạng lưới y tế theo hướng gần dân, ở đâu có dân thì ở đó có y tế”. Trong Quân đội tiếp tục đẩy mạnh thực hiện ba khâu đột phá, trong đó xác

định đột phá về huấn luyện và đào tạo là quan trọng; thực hiện đúng phương châm giáo dục, đào tạo trong quân đội "Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị". Như vậy, trong những năm tới phát triển giáo dục, đào tạo; phát triển ngành quân y nói chung trong đó có phát triển nhân viên quân y đại đội cả về số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới là tất yếu, khách quan.

Trường Cao đẳng Hậu cần 1 – Tổng cục Hậu cần có nhiệm vụ đào tạo nhân viên chuyên môn kỹ thuật thuộc lĩnh vực Y - Dược và Hậu cần từ bậc sơ cấp, trung học, cao đẳng. Trong những năm qua nhà trường đã đào tạo hàng ngàn NVQYc cung cấp cho các đơn vị trong toàn quân, thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội, nhân dân. Nhân viên quân y đại đội do Nhà trường đào tạo cơ bản đáp ứng tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh tại đơn vị.

Tuy nhiên đứng trước những yêu cầu cao về xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; lực lượng quân y nói chung và NVQYc nói riêng phải tiếp tục được phát triển cả về số lượng và chất lượng. Là giảng viên nhiều năm tham gia đào tạo đối tượng NVQYc, chúng tôi phát hiện một số bất cập trong đào tạo đối tượng NVQYc, nếu có những giải pháp khắc phục phù hợp chắc chắn chất lượng đào tạo NVQYc ngày càng tốt hơn. Với trách nhiệm, tâm huyết nghề nghiệp chúng tôi thực hiện đề tài ***“Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1”***.

2. Mục tiêu của đề tài

Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.

3. Nội dung

Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn chất lượng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.

Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại trường Cao đẳng Hậu cần 1.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Chất lượng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.

Phạm vi nghiên cứu: Chất lượng đào tạo và những yếu tố liên quan đến chất lượng đào tạo đối tượng nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp xã hội học: Điều tra, phỏng vấn sư phạm, sử dụng bảng hỏi điều tra, khảo sát thực trạng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.

Phương pháp logic: Phân tích số liệu thứ cấp.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.

Đề tài nghiên cứu thành công sẽ góp phần làm cơ sở cho nâng cao chất lượng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.

7. Kết cấu của đề tài: Gồm phần mở đầu, chương 1, chương 2, phụ lục, tài liệu tham khảo.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN QUÂN Y ĐẠI ĐỘI TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẬU CẦN 1

1.1 Cơ sở lý luận

1.1.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước, Quân đội về đổi mới, phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển giáo dục – đào tạo được hình thành rất sớm. Xuất thân từ một gia đình khoa bảng có truyền thống yêu nước, trước khi ra nước ngoài tìm đường cứu nước (năm 1911), thầy giáo Nguyễn Tất Thành đã truyền bá tư tưởng yêu nước, thương nòi cho học trò trường Dục Thanh (Phan Thiết). Trong quá trình hoạt động cách mạng, Người tìm hiểu một cách sâu sắc lịch sử văn hóa các dân tộc và lịch sử thế giới văn minh, và với trí tuệ trác tuyệt, Người đánh giá rất cao vai trò của GD-ĐT đối với sự hưng thịnh của mỗi quốc gia, dân tộc; bởi GD-ĐT có nhiệm vụ cực kỳ trọng đại là nâng cao dân đức, mở mang dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, là động lực của sự phát triển, đưa mỗi quốc gia, dân tộc tiến tới văn minh, giàu mạnh.

Kế thừa và phát huy truyền thống “tôn sư trọng đạo” của dân tộc, thực hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta hết sức chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo.

Đảng ta luôn xác định, giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đã được khẳng định rất rõ trong các văn kiện, Nghị quyết của Đảng, đặc biệt là trong Nghị quyết số 29 của Hội nghị Trung ương 8, khóa XI, khẳng định đây không chỉ là quốc sách hàng đầu, là “chìa khóa” mở ra con đường đưa đất nước tiến lên phía trước, mà còn là “mệnh lệnh” của cuộc sống.

Trong Văn kiện đại hội XII, kế thừa quan điểm chỉ đạo của nhiệm kỳ trước, Đảng ta đưa ra đường lối đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, xác định đây là một kế sách, quốc sách hàng đầu, tiêu điểm của sự phát triển, mang tính đột phá, khai mở con đường phát triển nguồn nhân lực Việt Nam trong thế kỷ XXI, khẳng định triết lý nhân sinh mới của nền giáo dục nước nhà “dạy người, dạy chữ, dạy nghề”.

Đại hội XIII của Đảng xác định tiếp tục: “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người”. Những chủ trương trên, được Đảng ta cụ thể hóa ở những định hướng chủ yếu sau:

Thứ nhất, tiếp tục khẳng định và cụ thể hóa vị trí, vai trò hàng đầu của giáo dục đào tạo trong phát triển đất nước.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế. Mục tiêu giáo dục và đào tạo là hướng vào phát triển con người toàn diện cả năng lực và phẩm chất, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng

công nghiệp lần thứ tư; trong đó: “Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam”.

Nội dung, chương trình giáo dục và đào tạo ở mỗi cấp học, bậc học phải bám sát mục tiêu, yêu cầu, đối tượng, quan điểm, phương châm, nguyên tắc giáo dục và đào tạo; có sự kế thừa và phát triển, được chuẩn hóa, hiện đại hóa đáp ứng yêu cầu của xã hội, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Chuyển mạnh giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và xã hội.

Thứ ba, tiếp tục cụ thể hóa chủ trương “hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân” theo tinh thần tinh, gọn, hiệu quả phù hợp với từng cấp, học, bậc học và loại hình đào tạo.

Thứ tư, cụ thể hóa xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển giáo dục Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Thứ năm, xác định phương thức quản lý nhà nước đối với phát triển giáo dục và đào tạo nước nhà.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Bộ GD-ĐT xây dựng chiến lược phát triển GD-ĐT từ năm 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo chiến lược thì mục tiêu tổng quát đến năm 2030 của giáo dục Việt Nam là phát triển toàn diện con người Việt Nam, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, làm nền tảng cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Đồng thời, xây dựng hệ thống giáo dục mở, phục vụ học tập suốt đời, công bằng và bình đẳng, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn đến năm 2045 là xây dựng nền giáo dục Việt Nam hiện đại, kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn minh nhân loại, xây dựng đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến của khu vực vào năm 2030 và đạt trình độ tiên tiến của thế giới vào năm 2045.

10 giải pháp nhằm phát triển giáo dục Việt Nam được đề cập trong chiến lược bao gồm: Hoàn thiện thể chế; đổi mới công tác quản lý giáo dục; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục; phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân; đổi mới chương trình, nội dung phương pháp và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục; thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, ứng dụng chuyển giao gắn liền với đào tạo; tăng cường hội nhập quốc tế.

Trong Quân đội, quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước về phát triển GD-ĐT. Trên tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, GD-ĐT trong Quân đội giai đoạn tới cần tập trung vào các nội dung chủ yếu.

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp đối với công tác giáo dục, đào tạo. Đây là nội dung quan trọng hàng đầu, quyết định việc đổi mới, phát triển giáo dục, đào tạo trong Quân đội. Các cơ quan, đơn vị, nhà trường trong toàn quân, trước hết là cấp ủy, người chỉ huy các cấp tiếp tục quán triệt sâu sắc các nghị quyết, kết luận của Đảng, Quân ủy Trung ương, chỉ thị của Bộ Quốc phòng về công tác giáo dục, đào tạo. Trọng tâm là Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI; Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; Nghị quyết số 86-NQ/ĐUQSTW, ngày 29/3/2007 của Đảng ủy Quân sự Trung ương (nay là Quân ủy Trung ương) về công tác giáo dục - đào tạo trong tình hình mới; Kết luận số 60-KL/QUTW, ngày 18/01/2019 của Quân ủy Trung ương về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 765-NQ/QUTW về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2013 - 2020 và những năm tiếp theo; Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong Quân đội giai đoạn 2011 - 2020; Chỉ thị số 105/CT-BQP, ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc tăng cường học tập ngoại ngữ và tiếng dân tộc thiểu số trong toàn quân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, v.v.; nhận thức đầy đủ vị trí, tầm quan trọng của việc phát triển giáo dục, đào tạo trong Quân đội trong tình hình hiện nay. Từ đó, đề cao vai trò, trách nhiệm, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quan trọng này. Trên cơ sở Tổng kết thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020, các đơn vị, nhà trường tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và quan điểm chỉ đạo, mục tiêu đổi mới, phát triển giáo dục, đào tạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ được giao. Trong đó, chú trọng thực hiện tốt các kế hoạch, chương trình, đề án về công tác nhà trường, nhất là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI; Kế hoạch hành động của hệ thống nhà trường Quân đội khắc phục triệt để những khâu yếu, mặt yếu trong tổ chức thực hiện; Chỉ lệnh của Bộ Quốc phòng về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng năm 2022 trong đó tiếp tục thực hiện tốt phương châm giáo dục, đào tạo "Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị". Các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, nòng cốt là Cục Nhà trường cần chủ động phối hợp với các nhà trường, đơn vị, tiến hành rà soát, nghiên cứu, làm tốt chức năng tham mưu cho Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, phát triển giáo dục, đào tạo trong Quân đội theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trước mắt, tập trung nghiên cứu xây dựng, tham mưu cho Bộ Quốc phòng ban hành "Chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo trong Quân đội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045", phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

Hai là, đẩy mạnh kiện toàn, xây dựng hệ thống nhà trường Quân đội tinh gọn, mạnh. Toàn quân tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy mô, tổ chức biên chế, nhiệm vụ của các nhà trường, đảm bảo tinh, gọn, mạnh, hiện đại, chính quy, mẫu mực, phù hợp với phương hướng tổ chức Quân đội và yêu cầu phát triển giáo dục, đào tạo của đất nước. Đặc biệt, cần có các biện pháp đột phá nhằm xây dựng nhà trường chính quy, mẫu mực. Các cơ quan chức năng tăng cường phối hợp, tham mưu với cấp trên và chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng một số học viện, nhà trường thành trường trọng điểm theo kế hoạch. Đồng thời, hướng dẫn, kiểm tra các nhà trường thực hiện nghiêm đề án tổ chức các nhà trường theo Kết luận số 16-KL/TW của Bộ Chính trị; điều chuyển chức năng, nhiệm vụ của một số trường; thống nhất tên gọi, phân định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, khoa giáo viên, đơn vị và quy mô đào tạo của các trường. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, các nhà trường phải tích cực nghiên cứu, huy động nguồn lực, triển khai giải pháp đồng bộ xây dựng nhà trường thông minh, tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chủ động đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện dạy học bảo đảm đồng bộ, hiện đại theo đề án xây dựng “nhà trường thông minh”, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo trong tình hình mới.

Ba là, tiếp tục rà soát, đổi mới quy trình, chương trình, nội dung đào tạo, phương pháp dạy và học, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội trong tình hình mới. Phát huy kết quả đã đạt được, các nhà trường Quân đội tiếp tục rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện quy trình, chương trình, nội dung đào tạo theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa”, đảm bảo tính kế thừa, liên thông giữa các cấp học, bậc học; thực hiện đào tạo theo chức danh gắn với trình độ học vấn và mặt bằng chung của hệ thống giáo dục quốc gia. Trong đó, chú trọng cập nhật, bổ sung vào chương trình, nội dung đào tạo những vấn đề mới về quân sự, quốc phòng; sự phát triển của khoa học công nghệ, nghệ thuật quân sự, trang bị, vũ khí thế hệ mới và thực tiễn huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của đơn vị theo Chỉ thị số 89/CT-BQP, ngày 04/4/2018 của Bộ Quốc phòng “Về việc tăng cường tổng kết thực tiễn công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu gắn với công tác giáo dục, đào tạo của các nhà trường Quân đội, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”. Cùng với đó, cần thực hiện tốt việc xây dựng một số chương trình thí điểm đào tạo, bồi dưỡng tài năng quân sự; tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 89/CT-BQP, ngày 09/11/2016 của Bộ Quốc phòng, tạo đột phá về dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống các nhà trường Quân đội; Chỉ thị số 105/CT-BQP, ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc tăng cường học tập ngoại ngữ và tiếng dân tộc thiểu số trong toàn quân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới và Kế hoạch số 1884/KH- BQP, ngày 27/5/2020 thực hiện Đề án Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030 trong Quân đội; thực hiện đúng Chỉ lệnh của Bộ Quốc phòng về phương châm giáo dục, đào tạo “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”. Các đơn vị, nhà trường tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, áp dụng phương pháp dạy học tích cực, phát huy tính chủ động, tự giác, tích cực, sáng tạo của học viên; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật mô phỏng vào giảng dạy, v.v. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phúc

tra, kiểm định chất lượng đào tạo; tổ chức thi, chấm thi chặt chẽ, đánh giá thực chất kết quả học tập của học viên; đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, tài liệu và triển khai các đề tài, nhiệm vụ khoa học theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu khoa học với hoạt động giáo dục, đào tạo.

Bốn là, chăm lo xây dựng, phát triển, chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Các nhà trường tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm Quyết định số 89/QĐ-TTg, ngày 18/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030” và Nghị quyết số 109-NQ/QUTW, ngày 11/02/2019 của Quân ủy Trung ương về xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội, nhất là cán bộ cấp chiến dịch, chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, để xây dựng những giải pháp tổng thể, mang tính chiến lược lâu dài. Trên cơ sở đó, tăng cường kiện toàn, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ giảng viên, cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu, chú trọng xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành, giảng viên, giáo viên có chức danh khoa học, dạy giỏi ở các cấp. Phát huy kết quả trong thực hiện Chỉ thị số 102/CT-BQP, ngày 05/9/2018 của Bộ Quốc phòng về việc tăng cường cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị tham gia giảng dạy và báo cáo kinh nghiệm thực tế tại Học viện Quốc phòng để nhân rộng triển khai ở các học viện, trường sĩ quan còn lại góp phần gắn đào tạo ở nhà trường với thực tiễn ở các cơ quan, đơn vị. Các nhà trường cần kết hợp đồng bộ các giải pháp về tư tưởng, tổ chức, chính sách với công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, công nghệ thông tin, nghiệp vụ sư phạm, năng lực quản lý, kinh nghiệm thực tiễn đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục và chủ trương của Quân ủy Trung ương; đồng thời, có chế độ, chính sách phù hợp để thu hút và động viên, khuyến khích nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên yên tâm phấn đấu vì sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

Năm là, tích cực huy động các nguồn lực đầu tư tạo sự đột phá về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học. Đây là nội dung quan trọng, tác động đến kết quả đổi mới, phát triển giáo dục, đào tạo trong Quân đội trong những năm tới, nhất là trong điều kiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và khoa học công nghệ quân sự phát triển mạnh mẽ. Theo đó, Bộ Quốc phòng tiếp tục chỉ đạo huy động các nguồn lực đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, thao trường, bãi tập; bổ sung vũ khí, trang bị thể hệ mới cho các nhà trường, theo hướng “đi trước đón đầu”, tăng cường đầu tư trang thiết bị, công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học theo mô hình “Nhà trường thông minh, tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”. Các nhà trường cần quản lý, sử dụng hiệu quả hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện có; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt, nhất là Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo giai đoạn 2016 - 2020 định hướng đến năm 2025” đã được Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt, nhằm từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa trang bị, thiết bị dạy học, tạo nền tảng nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.

Việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới đang đặt ra ngày càng cấp thiết. Đó vừa là yêu cầu, vừa là giải pháp giúp chúng ta vượt qua khó khăn, thách thức của thời cuộc và phát triển bền vững. Điều kiện tiên quyết, suy đến cùng là do con người quyết định, trong đó giáo dục, đào tạo, nền học vấn là nhân tố quan trọng nhất. Đảng ta nhất quán khẳng định: “Giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu”, “đầu tư cho giáo dục, đào tạo là đầu tư cho phát triển”. Tuy nhiên, trên thực tế, hiệu quả thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới giáo dục, đào tạo đến nay vẫn còn những hạn chế, bất cập, chất lượng thấp.

1.1.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước, Quân đội về phát triển ngành y tế, chăm sóc khỏe bộ đội và nhân dân

1.1.2.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển ngành y tế, chăm sóc sức khỏe bộ đội và nhân dân

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình Chủ tịch Hồ Chí Minh đều hướng tình thương yêu và sự quan tâm đặc biệt đến sức khỏe của người dân, trong đó có lực lượng vũ trang nhân dân. Người mong muốn và căn dặn: “Chính sách của Đảng và Chính phủ phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói là Đảng và Chính phủ có lỗi, nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi, nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi, nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”. Trong thư gửi Hội nghị cán bộ y tế năm 1955, Người định hướng xây dựng một nền y học nước nhà thích hợp với nhu cầu của nhân dân và dựa trên nguyên tắc khoa học, dân tộc và đại chúng. Công tác y tế dự phòng cũng được Hồ Chí Minh quan tâm, Người nói: “Phòng bệnh cũng cần thiết như chữa bệnh”, “phòng bệnh hơn trị bệnh”, “mọi người từ già trẻ, trai gái đã là người dân yêu nước đều phải quan tâm đến vấn đề vệ sinh, giữ gìn sức khỏe”. Trong tác phẩm “Đời sống mới”, Người viết: “Sạch sẽ là một phần của đời sống mới, sạch sẽ thì dân ít ốm, khỏe mạnh thì làm được việc, làm được việc thì có ăn”. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân là nhân tố rất quan trọng có ý nghĩa quyết định đến sự thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Người chỉ rõ: “giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới thành công”, “sức khỏe của cán bộ và nhân dân được bảo đảm thì tinh thần càng hăng hái; tinh thần và sức khỏe đầy đủ thì kháng chiến càng nhiều thắng lợi, kiến quốc càng mau thành công”.

Đối với mỗi người dân, chưa đầy một năm sau ngày khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Bác đã khuyên nhủ mọi người rằng: “Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công. Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt. Mỗi một người dân mạnh khỏe tức là cả nước mạnh khỏe. Vậy nên, luyện tập thể dục, bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi một người yêu nước. Việc đó không tốn kém, khó khăn gì. Gái trai, già trẻ ai cũng nên làm và ai cũng làm được... Dân cường thì nước thịnh. Tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục. Tự tôi, ngày nào tôi cũng tập”. Cho nên, đối

với mọi tầng lớp, lứa tuổi, ngành nghề đều phải giữ gìn và nâng cao sức khỏe. Người khuyên các cháu thiếu nhi “Phải siêng tập thể thao cho mình mập được nở nang”, không những phải “Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào/ Học tập tốt, lao động tốt/ Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt” mà còn phải “Giữ gìn vệ sinh thật tốt”. Trong nhà máy, xí nghiệp, vấn đề sức khỏe cho công nhân cũng quan trọng: “Nếu công nhân đủ ăn, đủ mặc thì họ mới đủ sức; đủ sức thì làm được việc. Một con ngựa ăn no mới chạy nhanh. Một cái máy đủ dầu mỡ mới quay đều. Người ta cũng thế”. Với Người, vấn đề vệ sinh, sức khỏe, bất luận là giàu hay nghèo đều phải thực hiện thật tốt. Nếu “người giàu không giúp cho dân nghèo ăn ở đúng vệ sinh, đến khi có bệnh dịch thì người giàu cũng khó sống”. Đối với vấn đề vệ sinh, để bảo vệ sức khỏe chung cho cộng đồng, cũng có những trường hợp phải cưỡng bách người vi phạm phải tuân theo lợi ích sức khỏe chung như “trong làng nhiều ao, nhiều muỗi, thường có đau ốm, người làng biết vậy, ai cũng bằng lòng lấp ao của mình. Chỉ một hai người không chịu theo, để người làng vì muỗi mà đau ốm liên miên. Vì vệ sinh chung làng có quyền buộc một hai người kia phải lấp ao”. Vì thế, những gì liên quan có lợi cho sức khỏe con người, Bác đều biểu dương khen ngợi: “Chúng ta tự hào có nhiều cụ ông, cụ bà ngoài 70, 80 tuổi vẫn hằng hái học tập và lao động, lập ra những đội “bach đầu quân” trồng cây, gây rừng, đôn đốc phong trào bình dân học vụ và vận động vệ sinh phòng bệnh”.

Hồ Chí Minh cũng đã đánh giá rất cao những thành quả đạt được của ngành y tế nước nhà “Công tác y tế đã có nhiều thành tích, đã ngăn chặn được nhiều dịch bệnh và bệnh xã hội cũ, sức khỏe của nhân dân được nâng cao. Trẻ em ngày càng được săn sóc chu đáo hơn”. Ngày 2-1-1947, Người đã có thư khen ngợi sự tận tâm của các y, bác sĩ, cán bộ cứu thương, trong đó có đoạn: “Tôi được báo cáo rằng: Các thầy thuốc và cán bộ đều hết lòng săn sóc thương binh một cách chu đáo. Thế là các bạn cũng trực tiếp tham gia kháng chiến cứu quốc”.

Hồ Chí Minh là người rất quan tâm đến vấn đề y đức, một người thầy thuốc giỏi đồng thời phải là một người mẹ hiền hết lòng vì bệnh nhân. Trong thư gửi Hội nghị cán bộ y tế toàn quốc năm 1953, Người viết “Cán bộ y tế cần phải thương yêu người bệnh như anh em ruột thịt. Cần phải tận tâm tận lực phụng sự nhân dân. Lương y phải kiêm từ mẫu”. Trong Tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức là gốc rễ của con người, của tài năng. Với các thầy thuốc, Bác càng đặc biệt chú ý hơn về đạo đức. Bác dặn “Người bệnh phó thác tính mệnh của họ nơi các cô, các chú. Chính phủ phó thác cho các cô, các chú việc chữa bệnh tật và giữ sức khỏe cho đồng bào. Đó là một nhiệm vụ rất vẻ vang. Vì vậy, cán bộ cần phải thương yêu, săn sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình, coi họ đau đớn cũng như mình đau đớn. Lương y phải như từ mẫu, câu nói ấy rất đúng”. Điều này thể hiện tinh thần nhân văn cao cả, tấm lòng nhân hậu hết mực vì nhân dân, vì con người của Hồ Chí Minh.

Người thầy thuốc không những cứu chữa cho người bệnh về thể xác mà còn phải động viên, khích lệ và cảm thông về mặt tinh thần. Trong thư gửi Hội nghị quân y (3-1948), Người viết: “Người thầy thuốc chẳng những có nhiệm vụ cứu chữa bệnh tật mà còn phải nâng đỡ tinh thần những người ốm yếu”. Thầy thuốc như mẹ hiền còn phải được thể hiện ở sự hết lòng với người bệnh, vì mục đích cứu

người nên không phân biệt sang hèn, giàu nghèo, thân sơ, không được câu lợi, kể công mà căn cứ vào bệnh nặng, nhẹ, nguy, lành mà sắp xếp việc cứu chữa.

Hồ Chí Minh không chỉ coi lương y phải như từ mẫu mà còn vạch rõ phương hướng đào tạo đội ngũ thầy thuốc Việt Nam thành những “lương y kiêm từ mẫu”. Đó là “về chuyên môn cần luôn học tập, nghiên cứu để luôn luôn tiến bộ, nhưng phải chú trọng cái gì thiết thực và thích hợp với hoàn cảnh kháng chiến của ta. Về chính trị cần trau dồi tư tưởng và đạo đức của người cán bộ trong chế độ dân chủ: yêu nước, yêu dân, yêu nghề, đoàn kết nội bộ, thi đua học tập, thi đua công tác ...”. Để thực hiện được những nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao phó, Bác ân cần căn dặn cán bộ ngành y tế: “Trước hết là phải thật thà đoàn kết... Đoàn kết giữa cán bộ cũ và cán bộ mới. Đoàn kết giữa tất cả những người trong ngành y tế, từ các bộ trưởng, thứ trưởng, bác sĩ, dược sĩ cho đến các anh chị giúp việc. Bởi vì công việc và địa vị tuy có khác nhau, nhưng người nào cũng là một bộ phận cần thiết trong ngành y tế, trong việc phục vụ nhân dân”.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác y tế và sức khỏe là kim chỉ nam giúp Đảng ta xây dựng những quan điểm cơ bản có ý nghĩa định hướng cho sự phát triển một nền y học Việt Nam hiện đại và một ngành y tế xã hội chủ nghĩa có tính ưu việt trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.1.2.2 Quan điểm của Đảng, Nhà nước về phát triển ngành y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển ngành y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, Đảng và Nhà nước ta không ngừng quan tâm, chăm lo phát triển ngành y tế. Coi phát triển y tế, chăm lo sức khỏe nhân dân là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, bởi sức khỏe là vốn quý nhất của xã hội. Quan điểm này của Đảng đã được thể hiện rõ trong các văn kiện của các kỳ Đại hội, các Nghị quyết chuyên đề về phát triển ngành y tế. Đặc biệt là Đại hội XIII nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Phát biểu tại lễ khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Tổng Bí thư, Chủ tịch Nước Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” và “Nguồn lực con người là quan trọng nhất”. Để thực hiện quan điểm chỉ đạo này, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm của Đảng.

Cũng tại phiên khai mạc Đại hội XIII của Đảng, Tổng Bí thư, Chủ tịch Nước Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa; sự lãnh đạo nhạy bén, đúng đắn của Đảng; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời của Chính phủ; sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của cả hệ thống chính trị; sự đồng tình, hưởng ứng, ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài, chúng ta đã kịp thời khống chế, cơ bản kiểm soát, ngăn chặn được sự lây lan của đại dịch COVID-19 trong cộng đồng; hạn chế tối đa những thiệt hại, tổn thất do dịch bệnh gây ra, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho nhân dân; từng bước khôi phục sản xuất kinh doanh, nỗ lực hoàn thành ở mức cao nhất các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm 2020

và cả giai đoạn 2016 - 2020. Việt Nam được thế giới ghi nhận, coi là điểm sáng trong việc thực hiện thắng lợi "mục tiêu kép" vừa khống chế, ngăn chặn đại dịch COVID-19 thành công; vừa phục hồi, phát triển kinh tế, bảo đảm đời sống và an toàn cho người dân”.

Đây cũng chính là khẳng định nỗ lực của Đảng, Nhà nước và nhân dân trong phòng chống dịch COVID-19. Khẳng định nhiệm vụ coi công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là yếu tố hàng đầu của Đảng và Nhà nước.

Tại Hội nghị Y tế toàn quốc đầu tháng 1.2021, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cho rằng: Thế giới đánh giá chúng ta là nước "thần tốc" và công nhận Việt Nam phòng chống đại dịch thành công. Chúng ta đã ngăn chặn được khủng hoảng về y tế rất sớm, từ đó ngăn cản khủng hoảng kinh tế và khủng hoảng xã hội, trước hết là đảm bảo công việc cho người lao động.

Tại văn kiện, Đảng đã đề cập tới việc xây dựng chiến lược 10 năm 2021-2030. Trong đó, với riêng lĩnh vực y tế phải hoàn thành các yêu cầu: “Đổi mới cơ chế quản lý, xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế, thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, tổ chức cung cấp dịch vụ y tế công, bảo đảm các dịch vụ cơ bản, phấn đấu trên 95% dân số được quản lý, theo dõi và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe. Chú trọng công tác dự phòng, sàng lọc và phát hiện sớm, chữa trị kịp thời. Tập trung phát triển mạnh y tế cơ sở và y tế dự phòng. Tiếp tục sắp xếp các trung tâm, đơn vị làm nhiệm vụ y tế dự phòng cấp tỉnh và Trung ương, hình thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh đồng bộ ở tất cả các cấp và kết nối với mạng lưới kiểm soát bệnh tật thế giới. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học y học, phát triển các ngành khoa học phục vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe con người. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ thông tin, công nghệ số trong khám, chữa bệnh, liên thông công nhận kết quả khám, xét nghiệm, triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân; khắc phục tình trạng quá tải bệnh viện. Phấn đấu đạt 32 giường bệnh và 11 bác sĩ trên 1 vạn dân. Tập trung phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu, xây dựng một số cơ sở khám, chữa bệnh có tầm cỡ khu vực và quốc tế. Đào tạo, nâng cao năng lực và tổ chức quản trị chuyên nghiệp các cơ sở y tế. Khuyến khích phương thức đối tác công - tư, đầu tư tư nhân, cung cấp các dịch vụ khám, chữa bệnh theo yêu cầu; phát triển mô hình bác sĩ gia đình. Thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, phấn đấu tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên 95% dân số, đa dạng mức đóng và mức hưởng. Phát triển y học cổ truyền gắn với y học hiện đại. Phát triển dược liệu, công nghiệp dược và thiết bị y tế; nâng cao năng lực nghiên cứu, chủ động sản xuất vaccine, thuốc sáng chế.

Nâng cao chất lượng công tác dự báo, giám sát, phát hiện, khống chế, ngăn chặn hiệu quả, không để dịch bệnh lớn xảy ra, ứng phó kịp thời các vấn đề khẩn cấp, sự cố môi trường, bảo đảm an ninh y tế. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cơ sở bảo đảm thực hiện đúng vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe của người dân trên địa bàn. Phòng ngừa và kiểm soát lây nhiễm HIV, tiến tới chấm dứt bệnh dịch AIDS trước năm 2030.

Với sự chuẩn bị chủ động và những giải pháp mang tính chiến lược công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân của Đảng sẽ có nhiều thành tựu mới, tạo nhiều chuyển biến tích cực trong đời sống xã hội.

Thực tiễn đã chứng minh tính đúng đắn đó, tháng 5 năm 2021, dịch Covid-19 bùng phát tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Thực hiện quan điểm của Đảng, Nhà nước “Chống dịch như chống giặc”. Toàn đảng, toàn dân, toàn quân trong đó nòng cốt là lực lượng quân y, dân y hướng về Miền nam với khẩu hiệu “Chiến thắng dịch Covid-19 mới trở về”. Lực lượng vũ trang, nhân viên quân – dân y đến từng phường, vào từng nhà vừa truy vết, điều trị, chăm sóc, tư vấn, tiếp phẩm, làm việc hiếu nghĩa với đồng bào. Những hình ảnh đó in đậm trong tình cảm nhân dân, phản ánh sinh động tình gắn bó quân dân. Là minh chứng rõ nét cho chế độ XHCN ưu việt, đường lối quan điểm đúng đắn của đảng, nhà nước, quân đội trong xây dựng phát triển ngành y tế, ngành quân y cách mạng.

1.1.2.3 Ngành quân y cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng

Cục Quân y được thành lập ngày 16/4/1946. Ngay từ khi mới thành lập ngành quân y luôn được sự quan tâm, lãnh đạo của Bác Hồ, của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và sự thương yêu, giúp đỡ, đùm bọc của các tầng lớp nhân dân. Trải qua quá trình xây dựng, phục vụ chiến đấu và chiến đấu, ngành quân y đã có sự phát triển vượt bậc, từ nhỏ đến lớn, từ thô sơ đến hiện đại, hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bộ đội, cứu chữa thương binh, bệnh binh, tham gia bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ những phân đội quân y trong kháng chiến chống Pháp đến nay ngành Quân y đã hoàn chỉnh với hệ thống tổ chức từ cơ quan chỉ đạo, chỉ huy điều hành đến các bộ phận chuyên môn kỹ thuật như tổ chức chỉ huy quân y, điều trị, vệ sinh phòng dịch, đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất và cung cấp thuốc, trang bị y tế, pháp y từ cấp chiến lược đến cấp chiến dịch, chiến thuật.

Hệ thống tổ chức lực lượng ngành quân y đã từng bước được xây dựng, củng cố, hoàn thiện trên tất cả các tuyến, bao gồm bệnh viện, bệnh xá, quân y đơn vị và cơ sở nghiên cứu có giường bệnh; các viện và trung tâm chuyên ngành, cơ sở đào tạo; các đội vệ sinh phòng dịch... Đội ngũ cán bộ, nhân viên quân y luôn được đào tạo quy hoạch theo một lộ trình phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm quân y cho bộ đội tác chiến ở mọi loại hình chiến thuật, cứu chữa thương binh, bệnh binh và chăm sóc sức khỏe bộ đội; bảo đảm quân y sẵn sàng chiến đấu và các tình huống đột xuất; công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bộ đội và điều trị, dự phòng; công tác huấn luyện phục vụ nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, phòng chống dịch, khắc phục hậu quả thiên tai, cấp cứu thảm họa, nâng cao sức cơ động của quân y tuyến trước và công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Công tác quân y gồm tổng thể những hoạt động chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho bộ đội, cứu chữa thương binh bệnh binh, tham gia chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân; là một chuyên ngành của hậu cần quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp

ủy Đảng và người chỉ huy đơn vị; là công tác chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chiến sĩ quân y, đồng thời là công tác chung của mọi cán bộ chiến sĩ trong quân đội, được tiến hành kết hợp với ngành y tế và sự giúp đỡ của nhân dân.

a) Nhiệm vụ cơ bản của công tác quân y

- Tổ chức xây dựng ngành quân y vững mạnh toàn diện theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, bảo đảm quân y cho quân đội thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ trong mọi tình huống, tham gia xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên và tiềm lực y tế cho quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân, đồng thời tham gia chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân theo quy định của Nhà nước và Bộ quốc phòng.

+ Ngành quân y cách mạng là phải trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân Việt Nam, hết lòng hết sức phục vụ quân đội và nhân dân trong mọi tình huống.

+ Phải xây dựng ngành chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại:

. Tính chính quy là một yêu cầu tất yếu khách quan của việc xây dựng quân đội, đảm bảo sự thống nhất trong mọi hoạt động quân y. Tính chính quy được thể hiện trước hết trong việc chấp hành các điều lệnh quân đội và các điều lệ, chế độ công tác của ngành.

. Tinh nhuệ và từng bước hiện đại nhằm nâng cao chất lượng công tác quân y, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại vào công tác quân y, đưa khoa học kỹ thuật ra phía trước phục vụ thương binh bệnh binh và bộ đội.

+ Trong thời bình:

. Xây dựng các lực lượng y tế dự bị động viên, chuẩn bị tiềm lực y tế cho quốc phòng nhằm sẵn sàng phục vụ với hiệu quả cao nhất khi đất nước chuyển sang có chiến tranh.

. Quân y góp sức vào việc chăm lo sức khỏe nhân dân, sử dụng các lực lượng phương tiện quân y để phòng chống dịch bệnh và cứu chữa cho nhân dân, chú trọng tới các vùng sâu, vùng xa và trong các tình huống thảm họa.

- Sử dụng các biện pháp y học để dự phòng bệnh tật, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bộ đội, cứu chữa thương binh, bệnh binh kịp thời và có chất lượng để góp phần khôi phục khả năng chiến đấu, lao động của bộ đội và thương binh bệnh binh.

+ Nhiệm vụ chiến đấu đòi hỏi mỗi cán bộ chiến sĩ phải có sức khỏe tốt, dẻo dai, bền bỉ, có thể chiến đấu liên tục dài ngày, nhanh chóng thích nghi với mọi địa hình, khí hậu, thời tiết, sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại.

+ Ngành quân y có chức năng tham mưu cho cấp ủy và người chỉ huy về công tác bảo vệ sức khỏe: báo cáo tình hình sức khỏe, bệnh tật của bộ đội và đề xuất các biện pháp cần thực hiện để giữ vững và nâng cao sức khỏe.

+ Ngành quân y thực hiện các biện pháp y học để phòng chống bệnh tật, giữ vững và nâng cao sức khỏe cho bộ đội

+ Ngành quân y phải làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục vệ sinh phòng bệnh, làm cho mỗi cán bộ chiến sĩ có những hiểu biết cần thiết về bảo vệ sức khỏe, tích cực chủ động tham gia rèn luyện sức khỏe và phòng chống bệnh tật.

+ Trong chiến tranh, nhiệm vụ của quân y là phải cứu sống tính mạng, hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ tử vong hoả tuyến và tại các tuyến, tìm mọi biện pháp để nhanh chóng bổ sung quân số về chiến đấu, giảm tỷ lệ tàn phế, phục hồi đến mức cao nhất khả năng lao động cho thương binh.

- Tổ chức bảo đảm đầy đủ vật tư quân y phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bộ đội và cứu chữa thương binh, bệnh binh, tổ chức quản lý vật tư quân y theo đúng các quy định của Nhà nước và quân đội.

+ Những vật tư quân y dự trữ cho thời chiến phải được bảo quản tốt nhất, bảo đảm chất lượng cao khi được đem ra sử dụng.

+ Để thực hiện công tác bảo đảm vật tư quân y, phải thực hiện tạo nguồn, tiếp nhận, tổ chức tiếp tế, bảo quản, bảo chế thuốc, bảo đảm kỹ thuật trang bị và kiểm soát kiểm nghiệm thuốc.

- Tổ chức bảo đảm công tác thú y trong quân đội.

+ Xây dựng kế hoạch vệ sinh phòng bệnh, bảo vệ đàn vật nuôi trong biên chế và chăn nuôi, ngăn ngừa các dịch bệnh.

+ Tổ chức cứu chữa vật nuôi khi bị thương, bị bệnh.

+ Tổ chức tạo nguồn bảo đảm thuốc và dụng cụ thú y, đáp ứng yêu cầu phòng bệnh, chữa bệnh cho vật nuôi.

b) Các mặt công tác nghiệp vụ

- Công tác quản lý chỉ đạo ngành và phối hợp thực hiện nhiệm vụ động viên y tế.

- Công tác vệ sinh phòng dịch.

- Công tác điều trị dự phòng.

- Công tác tiếp tế quân y.

- Công tác huấn luyện và nghiên cứu khoa học kỹ thuật quân y.

c) Tổ chức ngành quân y

- Quân y cấp chiến lược:

+ Cục quân y (cơ quan Cục quân y).

+ Các cơ sở quân y về điều trị thương binh bệnh binh, vệ sinh phòng dịch, sản xuất tiếp tế quân y, nghiên cứu - đào tạo và Viện pháp y quân đội.

+ Hội đồng y học quân sự.

+ Các chuyên viên quân y.

- Quân y cấp chiến dịch:

+ Phòng quân y.

- + Các bệnh viện và đội điều trị.
- + Đội vệ sinh phòng dịch.
- + Kho quân y.
- Quân y cấp chiến thuật
- + Quân y binh chủng, sư đoàn, bộ chỉ huy quân sự tỉnh, bộ chỉ huy biên phòng tỉnh
- + Quân y trung đoàn, lữ đoàn: chủ nhiệm quân y, đại đội quân y (hoặc trạm quân y) và kho thuốc.
- + Quân y tiểu đoàn và tương đương

Quân y tiểu đoàn bộ binh có 1 y sỹ và 2 y tá làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội, tiến hành các biện pháp điều trị và vệ sinh phòng dịch trong tiểu đoàn. Trong chiến đấu, triển khai thành trạm quân y tiểu đoàn để bổ sung cấp cứu cho thương binh.

Quân y tiểu đoàn thuộc quyền chỉ huy tiểu đoàn và chịu sự chỉ đạo của quân y cấp trên về chuyên môn nghiệp vụ.

Quân y các tiểu đoàn binh chủng thường có 1 y sỹ và 1 y tá.

+ Quân y đại đội và tương đương.

Đại đội có y tá phụ trách. Đại đội bộ binh trong chiến đấu có thêm cứu thương giúp việc.

Y tá đại đội thuộc quyền đại đội trưởng, chịu sự chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ của quân y cấp trên, là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các mặt công tác quân y của đại đội.

Các tiểu đội có chiến sỹ vệ sinh. Chiến sỹ vệ sinh là chiến đấu viên của tiểu đội, được quân y bồi dưỡng những kiến thức cần thiết để giúp y tá đôn đốc tiểu đội thực hiện vệ sinh phòng bệnh và cấp cứu thương binh trong chiến đấu.

d) Sơ lược lịch sử phát triển của nhân viên quân y đại đội

Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa vừa mới thành lập đã phải bước ngay vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Lớp y tá đầu tiên được đào tạo 6 tháng do GS. Đỗ Xuân Hợp làm hiệu trưởng được tổ chức tại quân khu X (Việt Bắc). Những y tá vào học lớp này được tuyển chọn tương đối kỹ lưỡng. Sau đó liên khu III cũng mở lớp đào tạo y tá. Năm 1950, ta mở nhiều chiến dịch, nhu cầu chăm sóc thương bệnh binh tăng mạnh. Cần đào tạo y tá cấp tốc (3 tháng) để cung cấp nhiều y tá cho kháng chiến đáp ứng công tác quản lý chăm sóc và phục vụ người bệnh. Trong những năm 1950, Cục Quân y cũng đã mở một số lớp đào tạo y tá trưởng, nhưng chương trình chưa được hoàn thiện. Mặt khác, kháng chiến rất gian khổ, ta có ít máy móc y tế, thuốc men cũng rất hạn chế, nên việc điều trị cho bệnh nhân chủ yếu dựa vào chăm sóc và chính nhờ y tá mà nhiều thương bệnh binh bị chấn thương, đoạn (cụt) chi do những vết thương chiến tranh, sốt rét ác tính đã qua khỏi.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Đất nước ta bị chia làm 2 miền. Miền Bắc bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục chịu sự xâm lược của đế quốc Mỹ.

Ở miền Nam, năm 1956 có trường Cán sự điều dưỡng Sài Gòn, đào tạo Cán sự điều dưỡng 3 năm. Năm 1968 do thiếu điều dưỡng trầm trọng nên đã mở thêm ngạch điều dưỡng sơ học 12 tháng chính quy gọi Tá viên điều dưỡng tại các trường điều dưỡng. Hội Điều dưỡng Việt Nam tại miền Nam được thành lập. Hội xuất bản nội san điều dưỡng. Năm 1973 mở lớp điều dưỡng y tế công cộng 3 năm tại Viện Quốc gia y tế công cộng.

Ở miền Bắc, năm 1954, Bộ Y tế đã xây dựng chương trình đào tạo y tá sơ cấp hoàn chỉnh để bổ túc cho số y tá học cấp tốc trong chiến tranh. Năm 1968, Bộ Y tế xây dựng tiếp chương trình đào tạo y tá trung cấp, tuyển sinh học hết cấp 2 (hết lớp 7) với thời gian đào tạo y tá trung học 2 năm 6 tháng. Khóa đầu tiên đào tạo của lớp y tá được tổ chức tại Bệnh viện E trung ương, Bệnh viện Việt Đức (đào tạo chuyên khoa), Bệnh viện Bạch Mai và sau đó được xây dựng thành trường Trung học Y tế Bạch Mai trực thuộc Bộ Y tế. Đồng thời Bộ Y tế cũng gửi giảng viên của hệ này đi tập huấn ở Liên Xô, Ba Lan, CHDC Đức từ năm 1975, tiêu chuẩn tuyển chọn vào y tá trung học cần trình độ văn hóa cao hơn (tốt nghiệp hết cấp 3), học sinh được tuyển chọn bắt buộc phải tốt nghiệp trung học phổ thông hay bổ túc văn hóa và chương trình đào tạo cũng hoàn thiện hơn.

Việc đào tạo điều dưỡng trưởng cũng đã được quan tâm. Ngay từ năm 1960, một số bệnh viện và trường trung học y tế trung ương đã mở lớp đào tạo y tá trưởng như lớp Trung học y tế Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện E Hà Nội. Tuy nhiên, chương trình và tài liệu giảng dạy chưa được hoàn thiện. Ngày 21/11/1963, Bộ trưởng Bộ Y tế ra quyết định về chức vụ y tá trưởng ở các cơ sở điều trị: bệnh viện, Viện điều dưỡng.

Năm 1975, kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, đất nước được thống nhất. Bộ Y tế đã thống nhất chỉ đạo công tác chăm sóc và điều trị bệnh nhân ở cả hai miền. Từ đó, chương trình đào tạo điều dưỡng được thống nhất chung là đào tạo Y tá trung học, học 2 năm 6 tháng.

Năm 1982, Bộ Y tế ban hành chức danh y tá trưởng bệnh viện và y tá trưởng khoa.

Năm 1985, Bộ Y tế thành lập tổ nghiên cứu y tá và một số bệnh viện đã xây dựng phòng điều dưỡng, thí điểm tách ra khỏi phòng y vụ tại bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Đa khoa Ung Bì.

Ngày 14 tháng 7 năm 1990, Bộ Y tế ban hành quyết định số 570/BYT-QĐ thành lập phòng Y tá điều dưỡng trong các bệnh viện có trên 150 giường bệnh. Ngày 14 tháng 3 năm 1992 Bộ trưởng Bộ Y tế ra quyết định thành lập phòng y tá trong Vụ Điều trị của Bộ Y tế và đến năm 1996, Bộ Y tế chính thức bổ nhiệm chức vụ trưởng phòng điều dưỡng đầu tiên.

Năm 1986, khu vực thành phố Hồ Chí Minh mở đại hội thành lập Hội Điều dưỡng thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1989, Hội Điều dưỡng thủ đô Hà Nội và Hội

Điều dưỡng tỉnh Quảng Ninh ra đời, sau đó lần lượt một số tỉnh thành khác cũng thành lập Hội Điều dưỡng, thôi thúc sự ra đời của Hội Điều dưỡng Việt Nam. Được sự cho phép của chính phủ trong Quyết định 375 – CT, ngày 26 tháng 10 năm 1990, Hội Y tá – Điều dưỡng Việt Nam mở đại hội lần thứ nhất tại hội trường Ba Đình lịch sử. Nhiệm kỳ thứ nhất của BCHTW Hội là 3 năm (1990 – 1993). BCH có 31 ủy viên ở cả hai miền. Bà Vi Thị Nguyệt Hồ là chủ tịch, ba phó chủ tịch là: cô Trịnh Thị Loan, cô Nguyễn Thị Niên, ông Nguyễn Hoa. Tổng thư ký là ông Phạm Đức Mục. Ngày 26 tháng 3 năm 1993, Đại hội đại biểu Y tá điều dưỡng toàn quốc lần thứ 2 (nhiệm kỳ 1993 – 1997) được tổ chức tại Bộ Y tế và Ban chấp hành mới gồm 45 ủy viên, chủ tịch là bà Vi Thị Nguyệt Hồ, ba phó chủ tịch là: ông Nguyễn Hoa, cô Trịnh Thị Loan, ông Phạm Đức Mục (kiêm tổng thư ký). Năm 1997, đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 3 (nhiệm kỳ 1997 – 2001) được tổ chức tại hội trường Thống Nhất – thành phố Hồ Chí Minh. Ban chấp hành gồm có chủ tịch là bà Vi Thị Nguyệt Hồ, ba phó chủ tịch là cô Trịnh Thị Loan phụ trách các tỉnh phía Nam, ông Nguyễn Hoa phụ trách các tỉnh miền Trung và ông Phạm Đức Mục phụ trách các tỉnh phía Bắc, trong nhiệm kỳ này ban tổ chức cán bộ của chính phủ sau này là Bộ Nội vụ đã đồng ý đổi tên Hội Y tá – Điều dưỡng Việt Nam thành Hội Điều dưỡng Việt Nam. Năm 2002, đại hội đại biểu toàn quốc, Hội Điều dưỡng Việt Nam được tổ chức nhiệm kỳ 4 tại Hà Nội. Hiện nay chủ tịch Hội Điều dưỡng Việt Nam là ông Nguyễn Đức Mục. Theo thống kê của Bộ Y tế, hiện nay lực lượng Điều dưỡng trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học trong ngành y tế chiếm 97%; Điều dưỡng sơ cấp (y tá sơ cấp) chiếm 3% hoạt động dưới vai trò hộ lý, công vụ.

Trong quân đội, từ năm 1946 đến năm 1999, các Trường Quân y đào tạo y tá sơ cấp (3 tháng) và trung cấp (12 tháng, 24 tháng) cung cấp cho toàn quân. Từ năm 2000 đến năm 2016 đào tạo y tá sơ cấp (3 tháng) và Điều dưỡng trung cấp (18 tháng, 24 tháng). Từ năm 2013 các Trường Quân y đào tạo Y tá sơ cấp (6 tháng) và Điều dưỡng trung cấp (24 tháng). Từ năm 2017 đến nay đổi tên đối tượng y tá thành NVQYc. Từ năm 2021 các Trường Quân y ngừng đào tạo Điều dưỡng trung học, thực hiện nhiệm vụ đào tạo NVQYc (6 tháng), Điều dưỡng cao đẳng liên thông hệ Quân sự (18 tháng).

Qua đây chúng ta cũng thấy lịch sử chuyên ngành Y tá, Điều dưỡng Việt Nam, Quân y Việt Nam gắn liền với lịch sử phát triển ngành y tế của đất nước, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong quân đội, NVQYc (Y tá) có nhiều đóng góp quan trọng trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Bộ đội. Chính nhờ NVQYc (Y tá) mà nhiều thương bệnh binh đã được cứu sống trong điều kiện rất khó khăn, gian khổ của chiến trường. Trong thời bình họ là người gần bộ đội, theo sát bộ đội, phát hiện và cấp cứu điều trị kịp thời nhất khi bộ đội ốm đau, tai nạn. Trong đại dịch vừa qua, NVQYc vừa thực hiện tốt nhiệm vụ phòng chống dịch trong quân đội, tăng cường phòng chống dịch bảo vệ sức khỏe nhân dân. Hình ảnh các đồng chí NVQYc vừa thực hiện truy vết, lấy bệnh phẩm xét nghiệm, vừa tiếp phẩm nuôi quân – dân, vừa thực hiện nhiệm vụ hiếu nghĩa càng tô đẹp thêm hình ảnh người chiến sĩ quân y cách mạng, anh Bộ đội Cụ Hồ trong lòng nhân dân. Chúng ta có quyền tự hào về lực lượng quân y nói chung và NVQYc nói riêng.

Tuy nhiên hiện nay lực lượng NVQYc tại các đơn vị trong toàn quân chưa đáp ứng đủ biên chế để thực hiện nhiệm vụ. Theo thống kê của Cục Quân Y – Tổng cục Hậu cần năm 2022, đối tượng Nhân viên Quân y đại đội thiếu khoảng 13 – 18%. Một số đơn vị thiếu NVQYc nhiều nhất là: Quân khu 4 thiếu 13,2%; quân khu 1 thiếu 14,6%; quân khu 2 thiếu 14,3%; quân khu 5 thiếu 15,1%; quân khu 9 thiếu 16,8%.

Hiện nay trước yêu cầu nhiệm vụ mới của Quân đội, đặc biệt là ứng phó hiệu quả với tình hình dịch bệnh phức tạp. Một trong những vấn đề then chốt, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội, nhân dân là tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực quân y, chú trọng nguồn nhân lực cho tuyến y tế cơ sở, đưa y tế đến các đơn vị cấp đại đội, ở đâu có hoạt động của bộ đội, ở đó có quân y mà lực lượng quan trọng nhất là NVQYc. Lực lượng NVQYc được xác định là lực lượng quan trọng, cùng ăn ở, sinh hoạt, huấn luyện, chiến đấu với bộ đội. Trước thực trạng thiếu nhân lực NVQYc cần có giải pháp tăng cường đào tạo NVQYc đảm bảo số lượng, chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội trong huấn luyện và chiến đấu.

1.1.3 Đào tạo, chất lượng đào tạo và những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo NVQYc

1.1.3.1. Khái niệm

Theo Từ điển tiếng Việt do GS. Hoàng Phê chủ biên (Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2010), Đào tạo – đó là làm cho trở thành người có năng lực theo những tiêu chuẩn nhất định.

Theo Đại từ điển do GS. Nguyễn Như Ý chủ biên (Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 1998), Đào tạo – đó là dạy dỗ, rèn luyện để trở nên người có hiểu biết, có nghề nghiệp.

Phân tích những nét nghĩa chính của các Từ điển giải thích trên đây cho thấy, “đào tạo” được hiểu là một quá trình dài, khép kín nhằm trang bị và xây dựng cho khách thể các tố chất mà trước đó khách thể đó không có.

Nghị định 18/2010/NĐ-CP ngày 5/3/2010 của Chính phủ đã đưa ra cách hiểu về đào tạo như sau: “Đào tạo là quá trình truyền thụ, tiếp nhận có hệ thống những tri thức, kỹ năng theo quy định của từng cấp học, bậc học”.

Theo cách hiểu trên, đào tạo là quá trình truyền đạt một lượng kiến thức, kỹ năng, thái độ nhất định cho một đối tượng học tập cụ thể mà quá trình truyền đạt này phải là một qui trình khép kín với những chuẩn mực và hệ phương pháp dạy và học cụ thể, trong một khoảng thời gian nhất định. Yếu tố xuất phát điểm của năng lực, kiến thức đầu vào của đối tượng được đào tạo không nhất thiết làm rõ, nhưng năng lực và kiến thức đầu ra (sau quá trình truyền đạt, dạy và học) phải được qui chuẩn và xác định rõ các tiêu chuẩn đã đạt được. Sự chuyển biến về chất lượng năng lực và kiến thức của đối tượng được đào tạo sau khi trải qua một qui trình dạy và học để có thể đảm nhận và đáp ứng được yêu cầu của một chuyên ngành đã được học.

1.1.3.2. *Chất lượng đào tạo*

Khái niệm chất lượng được sử dụng rộng rãi trong cuộc sống và hoạt động thực tiễn. Tuy nhiên, quan niệm về chất lượng cũng rất phong phú.

Dưới góc độ tiếp cận của Triết học, chất lượng được coi là thuộc tính chủ yếu, gồm toàn bộ những đặc điểm, quan hệ, trật tự, cấu trúc... tạo ra cái bản chất, tính riêng biệt của một vật, một quá trình và phân biệt chúng với những sự vật, quá trình khác.

Trong giáo dục đào tạo, hiện tồn tại một số quan niệm về chất lượng như:

- Chất lượng được đánh giá bằng “đầu vào”

Một số nước phương Tây cho chất lượng một trường phụ thuộc vào chất lượng hay số lượng đầu vào của trường đó. Quan niệm này được gọi là quan niệm nguồn lực, nghĩa là: Nguồn lực = Chất lượng.

Theo quan niệm đó, một trường tuyển sinh được sinh viên giỏi, có đội ngũ cán bộ giảng dạy có uy tín, có nguồn tài chính cần thiết để trang bị các phòng thí nghiệm, giảng đường với các thiết bị tốt nhất được xem là trường có chất lượng cao.

Tuy nhiên, quan niệm trên đã bỏ qua sự tác động của quá trình đào tạo diễn ra rất đa dạng và liên tục trong một thời gian dài trong trường. Với cách đánh giá đó, quá trình đào tạo được xem là một “hộp đen”, chỉ dựa vào sự đánh giá “đầu vào” và phỏng đoán chất lượng “đầu ra”. Sẽ khó giải thích trường hợp một trường có nguồn lực “đầu vào” dồi dào nhưng chỉ có những hoạt động đào tạo hạn chế; hay ngược lại, một trường có nguồn lực khiêm tốn nhưng lại cung cấp cho người học một chương trình đào tạo hiệu quả.

- Chất lượng được đánh giá bằng “đầu ra”

Cho “đầu ra” của giáo dục có tầm quan trọng hơn nhiều so với “đầu vào” của quá trình đào tạo. “Đầu ra” chính là sản phẩm hiện hữu của giáo dục đào tạo được thể hiện bằng năng lực của người học tốt nghiệp hay khả năng cung cấp các hoạt động đào tạo của nhà trường đó.

Ở đây, có hai vấn đề cơ bản có liên quan đến cách tiếp cận chất lượng này. Thứ nhất, mối liên hệ giữa “đầu vào” và “đầu ra” đã không được xem xét đúng mức. Trong thực tế, mối liên hệ này là có thật và không thể bỏ qua, dù đó không phải là mối liên hệ nhân quả. Một trường có khả năng tiếp nhận những người học xuất sắc, không có nghĩa là người học của họ sẽ tốt nghiệp xuất sắc. Thứ hai, cách đánh giá “đầu ra” của các trường là rất khác nhau.

- Chất lượng được đánh giá bằng “giá trị gia tăng”

Quan niệm này cho rằng, một trường học có tác động tích cực tới người học khi nó tạo ra được sự khác biệt trong sự phát triển trí tuệ và nhân cách của người học. “Giá trị gia tăng” được xác định bằng giá trị của “đầu ra” trừ đi giá trị của “đầu vào”, kết quả thu được là “giá trị gia tăng” mà trường học đã đem lại cho người học và được đánh giá là chất lượng giáo dục.

Theo quan điểm này một loạt các vấn đề phương pháp luận nan giải sẽ nảy sinh: khó có thể thiết kế một thước đo thống nhất để đánh giá chất lượng đầu vào và đầu ra để tìm được hiệu số của chúng và đánh giá được chất lượng của nhà trường đó. Mặt khác, các nhà trường trong hệ thống giáo dục lại rất đa dạng, không thể dùng một bộ công cụ đo duy nhất cho tất cả các trường. Hoặc cho dù có thể thiết kế được một bộ công cụ như vậy, giá trị gia tăng được xác định sẽ không cung cấp thông tin gì cho ta về sự cải tiến quá trình đào tạo trong từng trường học.

- Chất lượng được đánh giá bằng “giá trị học thuật”

Là quan niệm truyền thống của nhiều trường học phương Tây, chủ yếu dựa vào sự đánh giá của các chuyên gia về năng lực học thuật của đội ngũ cán bộ giảng dạy trong từng trường trong quá trình thẩm định, công nhận chất lượng đào tạo. Điều đó có nghĩa là trường nào có đội ngũ các nhà khoa học có uy tín cao thì được coi là trường có chất lượng cao.

Song trên thực tế, khó có thể đánh giá được chất xám của đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khi xu hướng chuyên ngành hoá ngày càng sâu, phương pháp luận ngày càng đa dạng.

- Chất lượng được đánh giá bằng “văn hoá tổ chức riêng”

Dựa trên nguyên tắc, các trường phải tạo ra được “văn hoá tổ chức riêng” hỗ trợ cho quá trình liên tục cải tiến chất lượng, quan niệm này cho rằng, một nhà trường được đánh giá là có chất lượng khi có được “văn hoá tổ chức riêng” với đặc trưng quan trọng là không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Ở đây, bao hàm cả các giả thiết về bản chất của chất lượng và bản chất của tổ chức. Thực chất, quan niệm này được chuyển sang từ lĩnh vực công nghiệp và thương mại nên khó có thể áp dụng trong giáo dục đào tạo.

- Chất lượng được đánh giá bằng “kiểm toán”

Là quan niệm cho chất lượng giáo dục thể hiện ở quá trình bên trong nhà trường và nguồn thông tin cung cấp cho việc ra quyết định. Nếu kiểm toán tài chính xem xét các tổ chức có duy trì chế độ sổ sách tài chính hợp lý không thì kiểm toán chất lượng quan tâm xem xét các trường có thu thập đủ thông tin phù hợp và những người ra quyết định có đủ thông tin cần thiết hay không, quá trình thực hiện các quyết định về chất lượng có hợp lý và hiệu quả không. Từ đó, quan niệm này cho nếu một cá nhân có đủ thông tin cần thiết có thể có được các quyết định chính xác và chất lượng sẽ được đánh giá qua quá trình thực hiện, còn đầu vào và đầu ra chỉ là các yếu tố phụ.

Tuy nhiên, sẽ khó lý giải khi một cơ sở đại học có đầy đủ phương tiện thu thập thông tin song vẫn có thể ra những quyết định chưa hợp lý.

- Quan niệm của tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục quốc tế

Cần có bộ tiêu chí tiêu chuẩn cho giáo dục về tất cả các lĩnh vực và việc kiểm định chất lượng một trường sẽ dựa vào bộ tiêu chí chuẩn đó. Khi không có bộ tiêu chí chuẩn, việc thẩm định chất lượng sẽ dựa trên mục tiêu của từng lĩnh

vực để đánh giá. Những mục tiêu này sẽ được xác lập trên cơ sở trình độ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và những điều kiện đặc thù của trường đó.

Để đánh giá chất lượng đào tạo của một trường cần dùng bộ tiêu chí có sẵn, hoặc dùng các chuẩn đã quy định; hoặc đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu đã định sẵn từ đầu của nhà trường. Trên cơ sở kết quả đánh giá, các trường sẽ được xếp thành các loại sau: Chất lượng tốt, chất lượng đạt yêu cầu, chất lượng không đạt yêu cầu.

Theo Từ điển tiếng Việt, chất lượng để chỉ “cái tạo nên phẩm chất, giá trị của một con người, một sự vật, sự việc”. Chất lượng là một tập hợp các yếu tố, các đặc tính, sự tích hợp, thống nhất của toàn bộ yếu tố, đặc tính cấu thành chứ không phải là một yếu tố, một đặc tính đơn lẻ. Chất lượng bao giờ cũng gắn với một sự vật, một hiện tượng, một quá trình cụ thể. Như vậy, nghiên cứu chất lượng cần chú ý các vấn đề sau:

- Cần cụ thể hoá các yếu tố, đặc tính tạo nên chất lượng để tác động vào các yếu tố, đặc tính đó, nếu không sẽ không thể có chất lượng như mong muốn.
- Cần có sự tác động vào tất cả các yếu tố, đặc tính tạo nên chất lượng, nếu chỉ quan tâm tới một hoặc một vài yếu tố, đặc tính nào đó cũng không thể có chất lượng mong muốn.
- Để tạo nên chất lượng cần có nhiều giải pháp lựa chọn, từ đó chọn ra giải pháp tối ưu nhất.
- Để đánh giá chất lượng cần có những tiêu chí cụ thể làm cơ sở cho đánh giá một cách khách quan, chính xác.

Chất lượng đào tạo: Chất lượng đào tạo là khái niệm bao hàm chất lượng của đầu vào, chất lượng của quá trình dạy học và chất lượng của đầu ra. Chất lượng đào tạo cũng chính là bao hàm chất lượng của hoạt động dạy và chất lượng của hoạt động học. Đó chính là một bộ phận hợp thành của chất lượng giáo dục, đào tạo, là kết quả của cả hoạt động dạy và hoạt động học.

Cheng và Tam (1997) cho rằng, chất lượng đào tạo là đặc trưng của một loạt yếu tố đầu vào, quá trình và đầu ra của hệ thống giáo dục đào tạo mà nó cung cấp các dịch vụ làm thỏa mãn nhu cầu sinh viên và nhu cầu của xã hội về đào tạo, chất lượng đào tạo là kết quả tác động tích cực của tất cả các yếu tố cấu thành hệ thống đào tạo và quá trình đào tạo vận hành trong môi trường nhất định.

1.1.3.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo

a) Chương trình đào tạo

Có nhiều quan điểm khác nhau, tuy nhiên, một quan điểm chung phổ biến là chương trình đào tạo không chỉ đơn giản là một tập hợp các môn học được trang bị cho học viên, sinh viên trong toàn khóa học, mà là một quy trình, hoặc một chuỗi các cơ hội được cung cấp cho sinh viên trong khóa học. Do vậy, cấu trúc của chương trình đào tạo là tất cả những thành tố cần có để hoàn thành được quy trình đó.

Chương trình đào tạo là một trình tự dưới dạng văn bản của các kinh nghiệm học tập được tạo ra với mục đích phát triển kiến thức cho các học viên. Việc thiết kế các chương trình giảng dạy là hướng trực tiếp đến mục tiêu, qua đó, kinh nghiệm học tập có thể được hướng dẫn và kết quả học tập theo mong đợi được đưa ra nhằm đảm bảo kiến thức của học viên được phát triển phù hợp với khóa học cụ thể.

Chương trình đào tạo được xem là một trong những yếu tố có vai trò quan trọng nhất trong hoạt động đào tạo của một nhà trường. Ở các cấp phổ thông, chương trình đào tạo gần như giống nhau về tài liệu và nội dung. Nhưng chương trình đào tạo có độ khác biệt nhất định giữa các trường bậc cao đẳng, đại học, kể cả giữa các ngành hay chuyên ngành giống nhau ở các trường khác nhau. Những hoạt động trên giảng đường chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nội dung chương trình đào tạo. Một chương trình đào tạo tốt có thể cung cấp động lực để việc giảng dạy và học tập được hiệu quả hơn. Ngược lại, chương trình đào tạo không phù hợp có thể tạo ra những cản trở và ràng buộc khả năng sáng tạo và phát triển của người dạy và người học. Vì vậy, việc đánh giá chương trình đào tạo là một khâu quan trọng để xác định chất lượng đào tạo.

Một chương trình đào tạo tốt có thể cung cấp động lực để việc giảng dạy và học tập được hiệu quả hơn. Ngược lại, chương trình đào tạo không phù hợp có thể tạo ra những cản trở và ràng buộc khả năng sáng tạo và phát triển của người dạy và người học.

b) Giáo trình, tài liệu phục vụ dạy học

Giáo trình là hệ thống tài liệu giảng dạy của một môn học. Nó là tài liệu học tập hoặc giảng dạy được thiết kế và biên soạn dựa trên cơ sở chương trình môn học. Mục đích để làm tài liệu giảng dạy chính thức cho giáo viên, hoặc/và làm tài liệu học tập chính thức cho học sinh, sinh viên. Tính chất của giáo trình phải bám sát chương trình đào tạo, đảm bảo tính hệ thống, tính ứng dụng, tính cơ bản, tính chính xác và tính cập nhật về nội dung khoa học của môn học.

Giáo trình, tài liệu có vai trò quan trọng đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo. Giáo trình, tài liệu có nhiều loại như sách giáo khoa, sách tham khảo, tài liệu bồi dưỡng, giáo trình điện tử, bài giảng, phần mềm hỗ trợ dạy học....

c) Đội ngũ nhà giáo

Đây là điều kiện tiên quyết, bởi lẽ suy cho cùng con người có vai trò quyết định trong giáo dục, đào tạo. Một nhà trường có chương trình đào tạo tiên tiến, giáo trình tài liệu đầy đủ, cơ sở vật chất hiện đại nhưng đội ngũ nhà giáo thiếu, yếu thì khó nói đến chất lượng đào tạo. Một nhà trường có chương trình đào tạo tiên tiến, giáo trình tài liệu đầy đủ, cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, phương pháp dạy học tích cực, hoạt động khảo thí tốt, thì chắc chắn chất lượng đào tạo sẽ ngày được nâng cao.

Hiện nay đối với công tác giáo dục chúng ta không thể không nhắc tới vai trò quan trọng của các nhà giáo, Nghề nhà giáo được ví như một nghề trồng người

tức là tạo nên những con người có tư duy và phẩm chất tích cực góp phần xây dựng và phát triển đất nước văn minh và tiến bộ hơn.

Giáo viên, giảng viên được hiểu là người giảng dạy, giáo dục cho học sinh, sinh viên, lên kế hoạch, tiến hành các tiết dạy học, thực hành và phát triển các khóa học cho học sinh các cấp khác nhau phù hợp với độ tuổi và nằm trong chương trình giảng dạy của nhà trường đề ra đồng thời cũng là người kiểm tra, ra đề, chấm điểm thi cho học sinh để đánh giá chất lượng, năng lực của từng học sinh theo quy định của nhà trường và pháp luật.

Hiện nay các giáo viên nam thường được gọi là thầy giáo, giáo viên nữ thường được gọi là cô giáo. Giáo viên, giảng viên không chỉ đóng vai trò là người truyền đạt tri thức thông thường mà phải là người tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, gợi mở, cổ vũ, trọng tài cho các hoạt động học tập tìm tòi khám phá, giúp học sinh tự lực chiếm lĩnh, nắm vững kiến thức mới được học. Giáo viên, giảng viên phải có năng lực biết đổi mới phương pháp dạy học.

Hiện nay có thể thấy trong sự phát triển về kinh tế thế giới và bối cảnh kỹ thuật công nghệ phát triển nhanh, tạo ra sự chuyển dịch định hướng giá trị, đội ngũ nhà giáo trước hết phải là nhà giáo dục có năng lực phát triển ở học sinh về cảm xúc, thái độ, hành vi, bảo đảm người học làm chủ được và biết ứng dụng hợp lý tri thức học được vào cuộc sống bản thân, gia đình, cộng đồng. Bằng chính nhân cách của mình, đội ngũ nhà giáo tác động tích cực đến sự hình thành nhân cách của học sinh, giáo viên phải là một công dân gương mẫu, có ý thức trách nhiệm xã hội, hăng hái tham gia vào sự phát triển của cộng đồng, là nhân vật chủ yếu góp phần hình thành bầu không khí dân chủ trong lớp học, trong nhà trường, có lòng yêu giới trẻ và có khả năng tương tác với giới trẻ.

Căn cứ theo quy định tại điều 67. Tiêu chuẩn của nhà giáo Luật Giáo dục 2019 quy định cụ thể. Nhà giáo phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt;
 2. Đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm;
 3. Có kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học chính là cách thức hoạt động giữa thầy và trò để nhằm đạt được mục tiêu dạy học xác định đồng thời phù hợp với nội dung và các điều kiện dạy học cụ thể. Phương pháp dạy học cụ thể bao gồm: đóng vai, thảo luận nhóm, trò chơi,...

Phương pháp dạy học tích cực được xem là một xu hướng trong chương trình giảng dạy hiện nay. Với phương pháp này, cả giáo viên lẫn học sinh đều có thể nhận được rất nhiều lợi ích tuyệt vời mà phương pháp truyền thống không làm được. Và những ưu điểm của phương pháp dạy tích cực đó là...

- Ưu điểm của phương pháp dạy tích cực trong vai trò của giáo viên

Không phải ngẫu nhiên phương pháp dạy học tích cực được rất nhiều giáo viên trên khắp thế giới đề cao và áp dụng. Vì phương pháp này không chỉ mang lại lợi ích cho học sinh, mà còn thực sự mang lại những lợi ích tuyệt vời cho chính người giảng dạy.

+ Vai trò của giáo viên được đề cao

Ưu điểm của phương pháp dạy học tích cực đối với giáo viên là rất lớn. Khi học sinh là đóng vai trò trung tâm trong việc học thì vai trò của giáo viên càng được đề cao. Vì để học sinh làm trung tâm, giáo viên cần là người có bản lĩnh, có kiến thức và chuyên môn tốt, để dẫn dắt học sinh.

+ Chuyên môn của giáo viên được nâng cao

Bên cạnh đó, giáo viên khi xây dựng một giờ học theo phương pháp dạy học tích cực cần thực sự chuyên tâm cập nhật kiến thức, để có thể giải đáp mọi thắc mắc của học sinh. Không chỉ còn kiến thức trong sách vở, những học sinh thật sự tích cực với giờ giảng, có thể liên hệ, mở rộng kiến thức thành nhiều vấn đề mới hơn. Và áp lực này chính là động lực để giáo viên nâng cao kiến thức, chuyên môn của mình.

+ Mọi quan hệ giữa giáo viên và học sinh trở nên gần gũi

Một trong những ưu điểm của phương pháp dạy học tích cực đó là tăng sự tương tác giữa giáo viên và học sinh. Thường thì theo phương pháp giảng dạy truyền thống, giáo viên sẽ thuyết trình và học sinh ghi chép và việc tiếp nhận kiến thức mang tính một chiều.

Nhưng đối với phương pháp dạy học tích cực, giáo viên luôn cần tương tác với học sinh để trao đổi, bàn luận và tìm ra phương pháp xử lý vấn đề. Qua đó, mối quan hệ giữa thầy và trò cũng trở nên gần gũi hơn.

- Ưu điểm của phương pháp dạy học tích cực trong vai trò của học viên

Như đã nói ở trên, phương pháp dạy học tích cực mang lại rất nhiều lợi ích cho cả người dạy lẫn người học. Đó là những ưu điểm mà phương pháp dạy học truyền thống bị hạn chế. Và một số ưu điểm của phương pháp dạy học tích cực trong vai trò của học sinh đó là:

+ Thái độ học tập tích cực

Một giờ học áp dụng phương pháp dạy học tích cực, học sinh sẽ thấy mình là trung tâm và mình được học, được tiếp nhận kiến thức chứ không phải bị ép buộc. Trong giờ học, học sinh sẽ chủ động chia sẻ những ý kiến, kiến thức của mình với giáo viên và bạn học. Vì vậy khi bước vào giờ học, học sinh sẽ luôn có tinh thần thoải mái, thái độ đón nhận kiến thức một cách tích cực và hạnh phúc vì được thể hiện bản thân mình. Với tinh thần như vậy, khả năng ghi nhớ, tiếp nhận kiến thức mới cũng cao hơn hẳn.

+ Tăng sự tự tin, khả năng sáng tạo

Một trong những ưu điểm của phương pháp dạy học tích cực đó là giúp học sinh trở nên tự tin hơn, thể hiện được bản thân và phát huy nhiều khả năng tiềm ẩn

bên trong. Học sinh với vai trò là người chủ động để tiếp nhận kiến thức trong các giờ học, sẽ có nhiều cơ hội để khám phá bản thân, hiểu được mình đang ở đâu và cần làm gì, trở nên tự tin, có trách nhiệm với bản thân, từ đó kích thích khả năng và sự sáng tạo bên trong.

Theo giải thích của chuyên gia thì: Chỉ khi người học được tự khám phá kiến thức, tự học, tự làm và tự bổ sung cho nhau thì kiến thức mới trở thành tri thức của người học, chuyển thành hành động, thành thói quen hàng ngày của họ.

+ Nhanh chóng biến kiến thức thành tri thức của bản thân

Với phương pháp dạy học tích cực, học sinh sẽ nhanh chóng biến kiến thức từ sách vở, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, trở thành tri thức của bản thân. Đây là ưu điểm của phương pháp dạy học tích cực vượt trội hơn hẳn so với phương pháp đọc – chép truyền thống.

Giữ vai trò trung tâm, học sinh sẽ chủ động tiếp nhận kiến thức, thu nhận thông tin từ giáo viên và bạn học. Lúc này vai trò của giáo viên không hề mất đi, mà là giúp học sinh sàng lọc, lựa chọn thông tin và ứng dụng kiến thức vào giải quyết nhiệm vụ học tập và các vấn đề khác trong cuộc sống hiệu quả hơn. Đây là lúc học sinh có thể biến những kiến thức sách vở thành tri thức cho bản thân mình. Trên đây là những ưu điểm của phương pháp dạy học tích cực, những lợi ích tuyệt vời của phương pháp này đối với giáo viên và học sinh. Có thể thấy những ưu điểm vượt trội của phương pháp dạy học lấy học sinh là trung tâm, mang đến nhiều lợi ích hơn hẳn so với phương pháp truyền thống. Những điều này giải thích vì sao phương pháp này trở thành một xu hướng giảng dạy phổ biến trên khắp thế giới như hiện nay.

e) Hoạt động tự học, tự quản

Tự học là một trong nhiều phương thức học của học viên và việc tự học đóng vai trò quan trọng trong cả quá trình học của người học. Tự học được xem là phương thức chủ động để người học có thể phát huy tối đa sự tự giác trong nghiên cứu, tìm tòi tri thức. Trong đào tạo hiện nay, tự học được xem là chìa khóa quyết định hiệu quả học tập; đặc biệt tự học càng có ý nghĩa đối với đối tượng người học là học viên quân đội. Tự học không những giúp người học nắm vững tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, hình thành thái độ nghề nghiệp đúng đắn mà còn giúp người học rèn luyện nhân cách, hình thành thói quen học và học nữa, học mãi. Bởi vậy việc tự học, tự nghiên cứu của người học là vô cùng cần thiết trong chương trình đào tạo giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, tự học như thế nào được xem là hiệu quả? Yếu tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả tự học của người học? Nhân tố nào quyết định việc tự học của học viên sẽ đem lại lợi ích? Hàng loạt các câu hỏi đặt ra khi xác định phương thức tự học của người học là học viên quân đội. Câu trả lời phải khẳng định được vị trí và ưu điểm của tự học đối với việc thu nhận kiến thức đúng đắn của người học cũng như sự trau dồi, rèn giũa khả năng tư duy của người học. Việc tự học không thể xảy ra, cũng như hiệu quả của việc tự học không đạt được mục đích của người học là điều không tránh khỏi nếu chúng ta không phân tích kỹ lưỡng những yếu tố ảnh hưởng đến sự tích cực của việc tự học. Chúng tôi cho rằng việc tự học của người học chỉ đạt được mục đích khi kết quả của tự học là việc

người học có thể đạt được mục tiêu của bài học ở các mức độ khác nhau cũng như việc người học không nhận thức sai lệch những kiến thức cơ bản của bài học. Việc tự học cũng được xem là hữu ích nếu người học đam mê việc tự học, chủ động khám phá, tích cực tìm tòi và không ngừng phát huy tính sáng tạo trong quá trình học.

Tự học thực sự có hiệu quả và chịu chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau. Nhưng yếu tố quan trọng nhất, quyết định đến chất lượng tự học của người học là Giảng viên, cán bộ quản lý gọi là tự học có sự quản lý, hướng dẫn của cán bộ giáo viên. Giảng viên đóng vai trò quan trọng trong quá trình tự học của người học cũng như ảnh hưởng tích cực đến khả năng tự học của người học. Nhiều nhà nghiên cứu về giáo dục đã cho rằng: “học viên, sinh viên không biết cách tự học là do thầy giáo không biết cách dạy, hay dạy không đúng cách”. Như vậy, giảng viên ảnh hưởng nhiều đến quá trình tự học của học viên, đặc biệt là ảnh hưởng đến hiệu quả của việc tự học. Vì lẽ đó tự học được xem là phương thức học đúng khi tự học là quá trình bản thân người học tích cực, độc lập, tự giác chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, năng động tìm tòi, phân tích sách vở, tài liệu tham khảo bằng phương pháp phù hợp trên cơ sở hướng dẫn của giảng viên. Điều này cho thấy việc tự học của học viên viên hệ không chính quy không phải việc tự do nghiên cứu mà là hoạt động học tự giác chịu sự điều khiển của giảng viên nhằm đạt được những mục tiêu của bài học cũng như mục tiêu môn học.

f) Các hoạt động ngoại khóa

Hoạt động ngoại khóa là một trong những mảng hoạt động giáo dục quan trọng ở Nhà trường trong việc giáo dục học viên phát triển toàn diện. Tham gia các hoạt động ngoại khóa không chỉ giúp các em tăng cường sức khỏe, giải tỏa mệt mỏi sau những giờ học căng thẳng mà còn có ý nghĩa hỗ trợ cho giáo dục chính khóa, góp phần phát triển và hoàn thiện nhân cách, bồi dưỡng năng khiếu và tài năng sáng tạo của học sinh là cơ hội để các em phát triển các kỹ năng cần thiết trong cuộc sống. Có thể thấy những tác dụng quan trọng của hoạt động ngoại khóa như sau:

Giúp giảm áp lực, tạo niềm vui và hứng thú trong học tập. Với lịch học dày đặc và một núi bài tập học viên dần cảm thấy việc học ngày càng căng thẳng, mệt mỏi. Nếu tình trạng này xảy ra thường xuyên và kéo dài sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và thể chất của học viên. Việc tham gia các hoạt động ngoại khóa giúp học viên có thể thư giãn sau những giờ học chính khóa. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng giúp các em giải tỏa được tâm trạng, lấy lại hứng thú học tập, cải thiện tốt chất lượng học tập và trở nên tích cực hơn trong các hoạt động khác.

Nâng cao thể lực. Khi tham gia hoạt động ngoại khóa của Nhà trường, học viên sẽ được tham gia các trò chơi “team” thể lực, để rèn luyện ý chí, thể lực và tinh thần đồng đội, HV sẽ được vận động cơ thể một cách toàn diện, từ đó giúp phát triển thể chất và nâng cao sức đề kháng. Các trò chơi vận động giúp HV kiểm soát tốt trọng lượng cơ thể, có lợi cho tim và giúp HV linh hoạt hơn.

Rèn luyện kỹ năng sống, mở rộng kiến thức xã hội. Hoạt động ngoại khóa không chỉ giúp HV nhanh nhẹn, hoạt bát hơn mà thông qua những hoạt động Nhà

trường xây dựng, còn giúp HV phát triển thêm những kỹ năng mềm khác như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, lãnh đạo, kỹ năng xử lý tình huống,...vv.

Ngoài ra khi tham gia chương trình ngoại khóa kỹ năng ở trường, các em sẽ được đến với những chuyên đề kỹ năng sống, do các chuyên gia tâm lý có kinh nghiệm thực hiện. Những chuyên đề này, đã được lựa chọn, thẩm định để phù hợp với từng đối tượng lứa tuổi và sự cần thiết của các em.

Gắn kết mối quan hệ đồng đội, bạn bè. Các hoạt động tập thể giúp HV giao lưu, gắn kết bạn bè, với những trò chơi “team”, do Nhà trường xây dựng đều có độ khó nhất định, yêu cầu cả nhóm tập trung mới thực hiện được, giúp HV hiểu thế nào là tinh đồng đội, sự sẻ chia và gắn kết. HV sẽ cùng nhau suy nghĩ, thảo luận tìm phương án và nỗ lực hết mình để vượt qua thử thách, như vậy mối quan hệ của HV sẽ được gắn kết hơn.

g) Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Có thể khẳng định, chất lượng giáo dục quyết định sự phát triển bền vững của bất cứ ngôi trường nào. Trong đó bên cạnh chương trình đào tạo, lộ trình học tập và đội ngũ giáo viên thì cơ sở vật chất cũng đóng vai trò quan trọng và là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giáo dục tại trường.

Đầu tiên, cơ sở vật chất được hiểu là tất cả các phương tiện được sử dụng cho mục đích giảng dạy, học tập và các hoạt động khác liên quan đến bồi dưỡng, đào tạo tại trường nhằm giúp giáo viên nâng cao chất lượng giảng dạy và học viên nâng cao khả năng tiếp thu, lĩnh hội, trải nghiệm kiến thức, đồng thời rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng cần thiết trong quá trình học tập tại trường.

Được học tập trong một môi trường có cơ sở vật chất khang trang mang ý nghĩa khá lớn đối với HV-SV. Các em sẽ quen dần với môi trường hiện đại, tiêu chuẩn và chất lượng cao. Từ đó, sự kỳ vọng về chất lượng cuộc sống cũng như công việc sẽ được nâng lên theo thời gian. Nhờ vậy, khi trưởng thành, cho dù làm việc trong bất cứ lĩnh vực nào, với vai trò gì, HV sẽ có những tiêu chuẩn nhất định với bản thân, tạo động lực phát triển năng lực một cách mạnh mẽ.

Cơ sở vật chất – kỹ thuật bao gồm từ việc xây dựng trường lớp, không gian trường học được tính toán kỹ lưỡng đến các trang thiết bị hiện đại phục vụ trong quá trình học tập và giảng dạy. Đây cũng chính là đặc trưng quan trọng của một ngôi trường hiện đại. Cơ sở vật chất kỹ thuật trước tiên phải tạo ra không gian học tập và sinh hoạt thoải mái. Điều này có nghĩa là các tiêu chuẩn về nhiệt độ, vệ sinh không khí, ánh sáng và âm thanh đều phải được đảm bảo. Ngoài ra, từng vật dụng như bàn ghế, tủ đồ, bảng, dụng cụ học tập,... Cũng phải đảm bảo về mặt kích thước để phù hợp với tầm nhìn và vóc dáng của người học.

Thêm vào đó, các phương tiện hiện đại khác cũng giúp các thầy cô giảm thiểu đi phần thời gian trình bày thuần lý thuyết, dành nhiều thời lượng tiết học cho HV tiếp cận, trải nghiệm, tương tác, chủ động tư duy, tìm tòi và sáng tạo. Qua đó, HV có thể dễ dàng và thuận lợi hơn trong việc tiếp thu bài giảng, hiểu sâu và nhớ lâu hơn.

1.1.3.4. Dạy học đối tượng NVQYc

Mục tiêu trong giảng dạy y học nói chung và dạy học NVQYc nói riêng được xác định rõ ràng dựa trên đặc thù nghề nghiệp. Dựa trên đặc thù đó, các giáo viên, giảng viên phải có những phương pháp khác nhau nhằm đạt được những mục tiêu trong việc dạy và học. Giảng dạy đối tượng NVQYc có 3 mục tiêu cơ bản là:

Mục tiêu 1: Dạy kiến thức

Đặc thù của NVQYc là thuộc nhóm nghề thực hành, luôn đòi hỏi lý thuyết phải gắn liền với thực tế trong điều kiện huấn luyện, chiến đấu. Không những vậy mà thực hành còn luôn được coi trọng hàng đầu bởi việc phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và điều trị là trên từng mặt bệnh cụ thể lại gắn với từng người bệnh cụ thể. Thực tế điều kiện huấn luyện, chiến đấu của bộ đội rất đa dạng và phong phú vì vậy những biến đổi về sức khỏe, tai nạn rất dễ xảy ra, đòi hỏi NVQYc phải biết chẩn đoán và điều trị được những bệnh lý đơn giản, cấp cứu được những tai nạn thường gặp của bộ đội. Do vậy việc dạy nghề y nhằm trang bị cho học viên kiến thức lý thuyết và đặc biệt là kỹ năng thực hành. Không những vậy nghề y còn có hệ thống lý thuyết phức tạp và việc thực hành để áp dụng lại là trên người bệnh cụ thể. Do đó NVQYc cần phải được đào tạo bài bản, chú trọng tới kỹ năng rèn luyện thực hành, trau dồi lý thuyết và đặc biệt cần chú trọng tới thái độ, đạo đức nghề nghiệp. Nội dung dạy nghề luôn phải đổi mới theo kịp với tình hình thực tế ở đơn vị và hoạt động của bộ đội.

Mục tiêu 2: Dạy y đức

Dạy y đức hay còn gọi là dạy người. Đây là một mục tiêu hết sức quan trọng trong ngành y nói chung và trong giảng dạy NVQYc nói riêng. Việc dạy y đức chính là dạy người, nhằm xây dựng và hình thành nhân cách của người thầy thuốc, người chiến sĩ quân y 5 tốt, người chiến sĩ quân y làm theo lời Bác Hồ dạy. Có lý tưởng cách mạng, thấm nhuần tư tưởng phục vụ bộ đội, sẵn sàng cùng bộ đội xông pha trên tuyến lửa, xung phong vào tâm dịch để chăm sóc sức khỏe bộ đội và nhân dân. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, cơ chế thị trường phát triển mạnh mẽ, tình hình dịch Covid-19 phức tạp đã tác động không nhỏ đến tâm lý, nhân cách con người trong toàn xã hội thì việc dạy y đức đặc biệt quan trọng. Việc xây dựng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho người chiến sĩ quân y đại đội là hết sức cần thiết, để từ đó đào tạo ra những người NVQY có đủ kiến thức, kỹ năng và có đạo đức nghề nghiệp luôn biết đặt lợi ích sức khỏe bộ đội lên trên hết, bám sát bộ đội trong huấn luyện, chiến đấu, sinh hoạt. Cùng đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mục tiêu 3: Dạy phương pháp

Hơn bao giờ hết việc giảng dạy phương pháp đang được đề cao và chú trọng đặc biệt. Chúng ta không thể chỉ giảng dạy những kiến thức đơn thuần bởi hệ thống kiến thức là vô cùng lớn, thực tế huấn luyện và chiến đấu vô cùng phong phú. Do vậy việc dạy phương pháp chính là biến qua trình học thành tự học, biến quá trình phát triển thành tự phát triển. Nhiệm vụ của giáo viên, giảng viên là trang bị cho học viên phương pháp học, định hướng việc tự học, tự phát triển, tự tìm

hiếu, tự trang bị kiến thức. Qua đó nhằm phát huy tối đa năng lực học tập, tính sáng tạo và khả năng phát triển của học viên. Quá trình học không còn là thụ động nữa mà là chủ động. Không những vậy mà kiến thức của học viên không chỉ bó hẹp trong phạm vi được giáo viên trang bị mà còn được mở rộng mạnh mẽ thông qua việc tự học, tự phát triển ở đơn vị. Ở đây vai trò của giáo viên, giảng viên cũng là rất quan trọng trong việc định hướng đúng quá trình tự học tự tìm hiểu, khơi gợi được những tiềm năng sáng tạo của học viên.

Đặc biệt đối với NVQYc thì việc tự học tự phát triển là yêu cầu thường xuyên. Phải luôn luôn không ngừng học hỏi, học thầy, học bạn, học đồng nghiệp, học qua bộ đội, qua bệnh nhân. Phải thường xuyên tìm hiểu, tra cứu thông tin cập nhật kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành, tích lũy kinh nghiệm chuyên môn. Phải thường xuyên tự lượng giá, tự điều chỉnh, tích lũy và rút ra kinh nghiệm trong thực hành nghề nghiệp.

Dạy học NVQYc cũng chú trọng đến phương pháp, phải chú trọng dạy học tích cực, phối hợp nhiều phương pháp, chú trọng yếu tố nhắc lại nhưng mềm mại, khéo léo. Kinh nghiệm cho thấy dạy học NVQYc rất cần ở những nhà giáo có kinh nghiệm thực tiễn ở đơn vị và có kinh nghiệm dạy học đối tượng y được phong phú. Chất lượng dạy học sẽ tốt nếu trực quan, ghi ngắn và lượng giá.

1.2. Thực trạng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1

1.2.1. Lịch sử đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1

Lịch sử đào tạo NVQYc của Trường CDHC1 gắn liền với sự phát triển của Trường Cao đẳng Hậu cần 1. Để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe bộ đội và nhân dân, Bộ Quốc phòng thành lập các trường quân y nhằm đào tạo nhân lực phục vụ chiến trường.

Trường Cao đẳng Hậu cần 1 - Tổng cục Hậu cần được thành lập ngày 25 tháng 11 năm 1966 theo thông báo số 2154/TB-TCHC của Tổng cục Hậu cần. Từ ngày thành lập đến nay, trường mang nhiều phiên hiệu: Trường Trung cấp Quân y (1966 – 1976); Trường Trung học Quân y (1976 – 1977); Trường Trung học Quân y 1 (1977 – 1996). Tháng 4 năm 1996, thực hiện quyết định của Bộ Quốc phòng Trường Trung học Quân y 1 hợp nhất về Học viện Quân y trở thành Hệ đào tạo Trung học Quân y (1996 – 2006). Tháng 8 năm 2006, Bộ Quốc phòng ra quyết định số 136/QĐ-BQP thành lập Trường Trung học Quân y 1, đến năm 2008 đổi tên thành Trường Trung cấp Quân y 1.

Ngày 10-2-2017, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ký quyết định thành lập Trường Cao đẳng Quân y 1 được nâng cấp từ Trường Trung cấp Quân y 1, Học viện Quân y.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 Trường CD Quân y 1 đổi tên thành Trường CD Hậu cần 1 theo Quyết định số 1500/QĐ-LĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và Quyết định số 278/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc điều chuyển nguyên trạng Trường CD Quân y 1 về TCHC. Đây là một sự kiện đánh dấu một bước phát triển mới của nhà trường.

56 năm qua, kế thừa truyền thống quý báu của thế hệ cha anh để lại, tiếp thu những tiến bộ của nền giáo dục hiện đại và nền y học tiên tiến gắn với nền y học cổ truyền của dân tộc, với tinh thần đoàn kết, quyết tâm khắc khó khăn của toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên, học viên, chiến sĩ qua các thế hệ đã xây dựng nên truyền thống “Day tốt, học tốt – Đoàn kết, kỷ luật – Tự lực, tự cường”. Nhà trường đã đào tạo trên 50.000 cán bộ, nhân viên y tế, trong đó có hàng ngàn nhân viên quân y đại đội (trước đây gọi là y tá) thực hiện sự nghiệp chăm sóc sức khỏe bộ đội và nhân dân. Nhà trường đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý.

Ngay sau khi được thành lập, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phục vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thực hiện chỉ đạo của Cục Quân y năm 1969, nhà trường tiến hành đào tạo y tá sơ cấp thời gian đào tạo 3 tháng theo phương châm “Cần gì học nấy”, “Học để phục vụ chiến trường”, “Đào tạo theo nhu cầu của chiến trường”.

Sau năm 1975, thực hiện chỉ đạo của Cục Quân y, Nhà trường tiến hành đổi mới nội dung, chương trình đào tạo y tá sơ cấp cho phù hợp với thời bình, thời gian đào tạo 3 tháng, mỗi năm 2 khóa, quân số khoảng 240 học viên.

Đến năm 2013, thực hiện luật nghĩa vụ quân sự mỗi năm thực hiện tuyển quân 1 đợt vào đầu năm. Cục Quân lực phân bổ chỉ tiêu đào tạo y tá sơ cấp cho nhà trường từ 240 – 320 học viên, thời gian đào tạo 6 tháng. Cục Quân y phê duyệt chương trình đào tạo y tá sơ cấp 6 tháng. Năm 2017, đổi tên từ y tá sơ cấp thành nhân viên quân y đại đội, thời gian đào tạo 6 tháng.

Cùng với dòng chảy phát triển của lịch sử nhà trường, chất lượng đào tạo NVQYc ngày càng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội và nhân dân. Có thể nói lực lượng NVQYc là lực lượng quan trọng, không thể thiếu góp phần to lớn hoàn thành nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội và nhân dân. Góp phần cùng toàn quân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

1.2.2. Thực trạng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1

Chất lượng đào tạo của một đối tượng ở bất kỳ một Nhà trường nào cũng phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Chất lượng đào tạo NVQYc tại Trường CDHC1 cũng không ngoại lệ, nó cũng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, tựu trung lại đó là yếu tố đầu vào (công tác chiêu sinh, tuyển sinh), tổ chức đào tạo (chương trình, giáo trình, bài giảng, phương pháp, kiểm tra đánh giá, cơ sở vật chất phục vụ, hoạt động hỗ trợ học viên...), chuẩn đầu ra (hoàn thành tốt nhiệm vụ tại đơn vị, đáp ứng mục tiêu đào tạo). Để đưa ra giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo NVQYc, chúng tôi đi sâu nghiên cứu một số yếu tố chính quyết định chất lượng đào tạo NVQYc tại Trường CD Hậu cần 1 – TCHC.

1.2.2.1. Chương trình đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1

** Những điểm mạnh*

Chương trình đào tạo nhân viên quân y đại đội (y tá sơ cấp) đã được xây dựng, chỉnh lý, bổ sung rất nhiều lần để phù hợp với thực tiễn của bộ đội trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Chương trình đào tạo y tá sơ cấp (đào tạo 3 tháng) được xây dựng lần đầu năm 1969, chỉnh lý bổ sung vào các năm 1975, 1982, 1987, 1996, 2007. Năm 2013 Nhà trường xây dựng và đưa vào vận hành chương trình đào tạo y tá sơ cấp với thời gian đào tạo 6 tháng. Năm 2016 chương trình NVQYc được Nhà trường xây dựng, Học viện Quây y và BQP phê duyệt; chương trình được chỉnh lý, bổ sung định kỳ vào các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 (*phụ lục 7*).

Chương trình đào tạo NVQYc hiện tại có một số điểm mạnh cơ bản sau:

Một là, đã có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của chương trình đào tạo đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc.

Do nhận thức được vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt của chương trình đào tạo đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo NVQYc, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã thường xuyên coi trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc. Coi đây là nhiệm vụ quan trọng, quyết định đến chất lượng đào tạo. Chương trình đào tạo thay đổi từ 3 tháng, 6 tháng; tên gọi cũng thay đổi phù hợp với chức năng, nhiệm vụ: từ y tá sơ cấp sang NVQYc. Thay đổi cơ bản về nội hàm từ phụ giúp y, bác sĩ sang hoạt động độc lập, phụ trách chăm sóc sức khỏe cho một đại đội. Từ nhiệm vụ cơ bản băng bó, cầm máu, vận chuyển, điều trị tiêu chảy, sốt (trong chiến đấu) nay có thể điều trị các nhóm bệnh cơ bản, thực hiện đầy đủ thành thạo 5 kỹ thuật cấp cứu, thực hiện trinh sát vệ sinh phòng dịch, tổ chức đảm bảo quân y... đáp ứng ngày càng cao nhiệm vụ của quân đội trong thời đại mới.

Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo đối tượng NVQYc, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường luôn quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Hướng dẫn của cơ quan cấp trên về biên soạn chương trình đào tạo, mà trực tiếp là CNT- Bộ Tổng tham mưu, CQY – TCHC. Nhà trường đã thành lập Hội đồng khoa học, các tổ chuyên môn tại các cơ quan đơn vị, thực hiện quyết liệt công tác xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo. Đặc biệt để tăng tính hiệu quả và thực tiễn, nhà trường đã cử cán bộ, giáo viên là thành viên hội đồng biên soạn đi thực tế tại các đơn vị trong toàn quân, qua đó chương trình đào tạo NVQYc ngày càng sát thực tiễn của quân đội.

Hội đồng khoa học nhà trường đã có sự phân công trách nhiệm rõ ràng và thống nhất quy chế, phương thức chỉ đạo, quản lý công tác xây dựng chương trình đào tạo. Mặc dù gặp không ít khó khăn, song Hội đồng khoa học nhà trường đã có nhiều cố gắng, chủ động khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ, chỉ đạo các cơ quan, khoa giáo viên, đơn vị thống nhất về mặt nhận thức và chủ động triển khai chặt chẽ, có chất lượng công tác xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu mà trực tiếp là Hội đồng khoa học, cấp ủy, chỉ huy các khoa giáo viên luôn đề cao vai trò, trách nhiệm trong công tác nghiên cứu, xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo. Đại đa số cán bộ, giảng viên của Nhà trường có nhận thức đúng về chương trình đào

tạo và vai trò của nó đối với chất lượng huấn luyện và chuẩn đầu ra. Kết quả khảo sát xã hội học cho thấy, 81,4% tổng số giáo viên điều tra được hỏi có nhận thức đúng về chương trình đào tạo; 79,4% cho rằng chương trình đào tạo có vai trò rất quan trọng đối với chất lượng huấn luyện NVQYc; 84,7% cho rằng chương trình đào tạo hiện nay cơ bản đáp ứng mục tiêu đào tạo NVQYc; 90,9% cho rằng sự cần thiết tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo NVQYc.

Báo cáo kết quả công tác xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo nói chung từ năm 2016 đến 2020 và phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2020 -2025 Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2020 – 2025 khẳng định “Hội đồng khoa học, các khoa giáo viên, đã có nhiều cố gắng, nỗ lực, chủ động và tích cực khắc phục khó khăn, triển khai chặt chẽ, nghiêm túc, có chất lượng công tác xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo. Chất lượng đào tạo các đối tượng tại nhà trường ngày một tốt hơn sát với thực tiễn lâm sàng, và thực tiễn huấn luyện, chiến đấu của bộ đội”.

Hai là, thực hiện đúng quy trình tổ chức xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc.

Những điểm mạnh trong quy trình tổ chức xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc ở Trường CD Hậu cần 1 hiện nay được xem xét ở 3 khâu chủ yếu đó là: Xây dựng kế hoạch; tổ chức lực lượng biên soạn và khâu thẩm định, nghiệm thu, đánh giá kết quả. Đây có thể nói là bước đột phá cơ bản góp phần nâng cao chất lượng biên soạn chương trình đào tạo NVQYc của Nhà trường.

Xây dựng kế hoạch biên soạn chương trình đào tạo NVQYc: Phòng Đào tạo là cơ quan thường trực của Hội đồng khoa học nhà trường đã tích cực, chủ động trong xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các cơ quan, khoa giáo viên tổ chức đăng ký xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc. Làm tốt công tác thẩm định kế hoạch và lập kế hoạch tổng thể, tham mưu, trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt và tổ chức giao nhiệm vụ nghiên cứu, biên soạn cho các phòng, khoa theo đúng lĩnh vực công tác, chuyên môn giảng dạy. Ngay sau khi có chỉ thị, hướng dẫn, kế hoạch của Hội đồng khoa học, cấp ủy, chỉ huy các đơn vị đã chủ động, tích cực triển khai chặt chẽ, nghiêm túc. Tất cả cấp ủy, chỉ huy của các đơn vị đều xác định việc xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo là một trong những nhiệm vụ quan trọng, khó khăn cần tập trung sức lãnh đạo không chỉ trong một năm mà có thể kéo dài trong nhiều năm. Vấn đề đặt ra là, cần phải có một kế hoạch hết sức khoa học trong điều kiện đơn vị phải tiến hành cùng một lúc rất nhiều nhiệm vụ đan xen, chồng chéo. Thực tế cho thấy, việc lập kế hoạch đã khó nhưng thực hiện đúng theo kế hoạch còn khó hơn. Vì vậy, đòi hỏi ngay từ khâu lập kế hoạch cần phải có sự cân nhắc, tính toán hết sức khoa học về nội dung, tính chất, mức độ khó của chương trình đào tạo cần biên soạn; tính chất, nhiệm vụ của đơn vị; số lượng và chất lượng của đội ngũ tham gia xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo... Trong những năm qua, phần lớn các đơn vị đều hoàn thành nhiệm vụ theo đúng kế hoạch đã đặt ra. Đây có thể nói là một thành công bước đầu rất đáng ghi nhận, thể hiện sự nỗ lực, cố gắng, tinh thần trách nhiệm cao của các lực lượng tham gia biên soạn chương trình đào tạo nói chung và chương

trình đào tạo NVQYc nói riêng. Làm tốt khâu xây dựng kế hoạch sẽ là tiền đề hết sức quan trọng để thực hiện có hiệu quả khâu tổ chức lực lượng xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc.

Tổ chức lực lượng xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc: Trên cơ sở kế hoạch giao nhiệm vụ của Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học đã chỉ đạo chặt chẽ các cơ quan, khoa giáo viên ra quyết định thành lập các Ban, tổ biên soạn. Lực lượng tham gia biên soạn được lựa chọn từ các đồng chí có trách nhiệm, kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, có học hàm, học vị tương ứng với yêu cầu của từng chương trình đào tạo. Quá trình tổ chức biên soạn chương trình đào tạo được tiến hành chặt chẽ, theo một quy trình thống nhất trong toàn trường từ khâu xây dựng, thông qua đề cương; viết bản thảo; hội thảo; xin ý kiến chuyên gia (Chủ nhiệm quân y các đơn vị, cán bộ và giảng viên nhiều kinh nghiệm); nghiệm thu theo phân cấp (cấp cơ sở, cấp trường và đề nghị thẩm định ở Cục Nhà trường – Bộ Tổng tham mưu, Cục Quân y - TCHC); biên tập, nghiệm thu, sử dụng, đánh giá hiệu quả. Nhờ vậy, chương trình đào tạo NVQYc do Nhà trường biên soạn trong thời gian qua cơ bản đảm bảo tiến độ, chất lượng và đáp ứng chuẩn năng lực của đối tượng NVQYc. Nhiều đơn vị đã được Nhà trường khen thưởng trong công tác nghiên cứu, xây dựng chương trình đào tạo như: Phòng Đào tạo, Khoa Y học Cơ sở, Khoa Y học Lâm sàng, Khoa Y học Quân sự, Khoa Dược, Khoa Quân sự chung, Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2. Ngoài ra, các khoa giáo viên còn chủ động xin đi thực tế tại các cơ quan đơn vị trong toàn quân để tìm thực tiễn huấn luyện, công tác chăm sóc sức khỏe bộ đội, thực trạng nhu cầu, cơ cấu bệnh tật; xin ý kiến của Thủ trưởng và CNQY các đơn vị, từ đó điều chỉnh chương trình đào tạo NVQYc sát với thực tế. Đây là một trong những hoạt động rất có ý nghĩa, những ý kiến của đội ngũ cán bộ đi thực tế đa phần được Hội đồng khoa học đánh giá cao, qua đó chất lượng chương trình đào tạo ngày một tốt hơn.

Thẩm định, nghiệm thu, đánh giá chương trình đào tạo NVQYc: Đây là một trong những khâu khó và hết sức quan trọng trong quy trình tổ chức biên soạn chương trình đào tạo. Bởi lẽ, suy cho cùng chất lượng của chương trình đào tạo như thế nào? cần phải bổ sung, sửa chữa ra sao? có được đưa vào sử dụng hay không? phụ thuộc chủ yếu vào khâu thẩm định, nghiệm thu, đánh giá. Để thẩm định, nghiệm thu, đánh giá có hiệu quả đòi hỏi phải xây dựng được hệ tiêu chí, chuẩn mực để đánh giá chất lượng CTĐT. Đặc biệt, các thành viên trong Hội đồng thẩm định phải có kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn phù hợp với chương trình đào tạo NVQYc, nhất là những người có kinh nghiệm thực tiễn đơn vị. Thời gian qua Hội đồng khoa học nhà trường mà cơ quan thường trực là Phòng Đào tạo đã chú trọng khâu kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả xây dựng, chỉnh lý, biên soạn CTĐT nhân viên quân y đại đội. Thực hiện nghiêm túc việc nghiệm thu theo phân cấp (cấp cơ sở, cấp trường và đề nghị thẩm định ở các Hội đồng cấp TCHC, CNT). Thường xuyên củng cố, kiện toàn các hội đồng xét duyệt, thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo. Ngay từ cấp cơ sở, nhiều khoa đã chủ động mời các thành viên có trình độ, kinh nghiệm không thuộc biên chế của đơn vị mình tham gia hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, nhất là CNQY các đơn vị. Đồng thời, phối, kết hợp chặt chẽ và có hiệu quả hoạt động của các Hội đồng với

việc xin ý kiến các chuyên gia để tăng hàm lượng khoa học trong xét duyệt, thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo NVQYc. Kết quả là năm 2017 nhà trường đã hoàn thành xây dựng CTĐT nhân viên quân y đại đội, hội đồng nghiệm thu của CQY- TCHC đánh giá rất cao. Từ năm 2017 đến nay Trường CD Hậu cần 1 định kỳ chỉnh lý, bổ sung, biên soạn CTĐT nhân viên quân y đại đội ngày một hoàn thiện hơn.

Ba là, chất lượng của chương trình đào tạo NVQYc đã biên soạn cơ bản đáp ứng được mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo NVQYc của nhà trường và phù hợp hoạt động phục vụ huấn luyện, chiến đấu của bộ đội. Chương trình đào tạo cơ bản đáp ứng đúng phương châm đào tạo "Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị".

Quán triệt sâu sắc nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của CQY – TCHC, CNT – Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng, cùng với sự chủ động, tích cực linh hoạt, sáng tạo của tất cả các lực lượng tham gia xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo. Đặc biệt, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ và chỉ huy các cấp (từ cấp Trường đến cấp Khoa). Do vậy, cho đến nay các chương trình đào tạo NVQYc cơ bản đáp ứng mục tiêu. Tính riêng từ năm 2013 đến nay, Nhà trường đã tiến hành 02 đợt xây dựng lớn và 4 đợt chỉnh lý, bổ sung chương trình đào tạo NVQYc. Chất lượng chương trình đào tạo NVQYc do Nhà trường chủ trì xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đảm bảo tốt, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội ở tuyến quân y đại đội.

Năm học 2021 – 2022, cùng với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo các đối tượng, Nhà trường tiếp tục chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc theo hướng sát với thực tiễn huấn luyện, chiến đấu, thích ứng với các mối nguy cơ dịch bệnh phi truyền thống. Thực hiện đúng phương châm "Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị".

Điều tra xã hội học cho thấy có 86% cán bộ, giảng viên và 87,5% học viên cho rằng chương trình đào tạo NVQYc ở Trường CD Hậu cần 1 hiện nay cơ bản đáp ứng mục tiêu đào tạo NVQYc; 95% nhân viên quân y đại đội tại các đơn vị làm đúng chuyên môn, thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao. Báo cáo Tổng kết năm học 2021 – 2022 của Trường CD Hậu cần 1 khẳng định “Công tác xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo ở Trường CD Hậu cần 1 đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới căn bản giáo dục – đào tạo, tạo bước đột phá quan trọng góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện đào tạo của nhà trường”.

Mặc dù gặp không ít khó khăn song từ năm 2013 đến nay Trường CD Hậu cần 1 đã có nhiều cố gắng, nỗ lực, chủ động và tích cực khắc phục khó khăn, triển khai chặt chẽ, nghiêm túc có chất lượng công tác xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc; với sự cố gắng, nỗ lực của các lực lượng tham gia biên soạn, chất lượng chương trình đào tạo NVQYc của Trường CD Hậu cần 1 từng bước được nâng lên rõ rệt. Góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc.

Nhìn chung, việc xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc cơ bản được tiến hành chặt chẽ, tuân thủ đúng theo các qui định chung đảm bảo tính kế thừa, tính đổi mới, tính khoa học và tính pháp lý. Báo cáo kết quả công tác xây dựng, đổi mới nội dung, chương trình từ năm 2015 đến 2020 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2020 - 2025 của nhà trường đã chỉ rõ: “Điểm nổi bật là chương trình đào tạo do Nhà trường xây dựng, chỉnh lý, biên soạn cơ bản thực hiện đúng chỉ đạo của CQY – TCHC, CNT – BTM; bám sát chương trình chung, có nhiều đổi mới theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và thực tiễn nhu cầu công tác”. Quán triệt đúng phương châm huấn luyện, đào tạo của Bộ Quốc phòng “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”.

Nguyên nhân mạnh

Có được những điểm mạnh nêu trên trước hết là Nhà trường đã quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước, Quân đội về phát triển GD-ĐT, phát triển y tế trong tình hình mới. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường mà trực tiếp là Hội đồng khoa học, cấp ủy, chỉ huy các đơn vị trong toàn trường đã có nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về vị trí, vai trò, nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đã có nhiều cố gắng, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực thực hiện nhiệm vụ xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo. Hội đồng khoa học và các cơ quan nhất là Phòng Đào tạo đã có nhiều cố gắng, chủ động trong xây dựng kế hoạch, tổ chức lực lượng, nghiệm thu đánh giá; thường xuyên tiến hành rút kinh nghiệm đối với công tác xây dựng chương trình đào tạo nói chung và chương trình NVQYc nói riêng. Nhà trường có nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác xây dựng, biên soạn, chỉnh lý, bổ sung chương trình đào tạo NVQYc, trong đó có giải pháp cử cán bộ, giáo viên đi thực tế đơn vị. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, giúp đỡ của CQY-TCHC, CNT – Bộ Tổng tham mưu và quân y các đơn vị trong toàn quân đối với công tác đào tạo nói chung, xây dựng chương trình đào tạo NVQYc nói riêng.

** Những hạn chế*

Một là, nhận thức của một số lực lượng tham gia xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc có mặt chưa thật đầy đủ, sâu sắc, toàn diện.

Nhận thức của một bộ phận lực lượng tham gia công tác xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc có mặt chưa thật đầy đủ, chưa thật sâu sắc, toàn diện về vị trí, vai trò của chương trình đào tạo trong tổng thể đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo trong tình hình mới. Ở một số cấp ủy, chỉ huy đơn vị công tác tổ chức triển khai thực hiện chưa thực sự đồng bộ, chưa quyết liệt.

Nhận thức của một số cấp ủy, đơn vị về hướng dẫn của cấp trên trong thực hiện xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc chưa đầy đủ, thậm chí xem nhẹ việc biên soạn chương trình đào tạo đối tượng NVQYc. Do đó chất lượng biên soạn ở một số bộ môn, khoa chưa cao.

Nhận thức về cơ cấu tổ chức, vị trí, vai trò của NVQYc trong hệ thống ngành quân y chưa đầy đủ từ đó có nhận thức chưa đúng trong xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, đổi mới chương trình đào tạo.

Đảng ủy Nhà trường cũng như các cấp ủy đảng chưa có nghị quyết chuyên đề lãnh đạo xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo. Do đó, chưa tạo ra sự thống nhất cao trong nhận thức cũng như trong huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng cho hoạt động này. Một số cấp ủy, chỉ huy, thành viên Hội đồng khoa học, chủ biên, thành viên Ban biên soạn chưa thực sự phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ nghiên cứu, biên soạn chương trình đào tạo. Biểu hiện là việc còn thiếu chủ động trong xác định nội dung, chủ trương và biện pháp lãnh đạo. Khi có hướng dẫn của thường trực Hội đồng khoa học, vẫn còn tình trạng người chỉ huy chưa kịp thời quán triệt và xây dựng kế hoạch, xác định rõ những thuận lợi, khó khăn của đơn vị trong việc nghiên cứu, biên soạn chương trình đào tạo và báo cáo lên Hội đồng khoa học. Việc phối hợp hoạt động giữa chỉ huy, Ban biên soạn, Tổ biên soạn của các đơn vị với thường trực Hội đồng khoa học có lúc chưa thường xuyên và thực sự có hiệu quả. Tính kế hoạch của chủ biên, thành viên Ban biên soạn ở một số đơn vị có lúc chưa cao. Chủ biên của một số chương trình đào tạo NVQYc chưa làm tốt vai trò kiểm tra, đôn đốc các thành viên thực hiện nghiêm túc kế hoạch và tiến độ đã xác định. Vì thế, chậm tiến độ trong biên soạn chương trình đào tạo NVQYc vẫn còn diễn ra ở một vài đơn vị. Đặc biệt, một số chủ biên chưa thể hiện rõ năng lực của người chủ trì về nội dung chương trình, tính thực tiễn thấp.

Hai là, quá trình tổ chức xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc có khâu, có bước chưa thật chặt chẽ, hợp lý, chất lượng còn hạn chế.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc vẫn còn có những đơn vị làm chưa thật tốt một số khâu, một số bước của quy trình xây dựng, chỉnh lý, biên soạn. Điều này, một mặt làm cho các đơn vị lúng túng trong việc đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cũng như quá trình tiến hành sơ - tổng kết hoạt động này trong từng học kỳ, năm học. Mặt khác, tạo ra sự thiếu thống nhất do các đơn vị tự xác định thêm tiêu chí trong quá trình đánh giá, nghiệm thu chất lượng công tác xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo của đơn vị mình; cá biệt còn một số Ban biên soạn, Tổ biên soạn chưa làm tốt khâu biên tập, hoàn chỉnh bản thảo theo kết luận của Hội đồng khoa học, Ban thường trực và còn chậm tiến độ.

Ba là, công tác nghiên cứu, khảo sát thực tế, cập nhật kiến thức phục vụ xây dựng chương trình đào tạo có mặt chưa kịp thời. Chương trình khung, chương trình môn học, bài học còn một số điểm bất hợp lý. Thiếu nội dung bệnh dịch mới phát sinh, thiếu nội dung gợi mở, tự học, tự nhiên cứu, nội dung huấn luyện đêm. Cấu trúc kiểm tra, đánh giá người học chưa chặt chẽ.

Chất lượng bản thảo của chương trình đào tạo NVQYc ở một số Ban, Khoa còn thấp, thiếu tính kế thừa hoặc thiếu tính cập nhật, mới dừng lại ở mức độ hệ thống hóa sắp xếp lại các nội dung kiến thức đã có trong chương trình cũ. Thiếu cập nhật nội dung dịch bệnh, nội dung hướng dẫn tự học có hướng dẫn của giáo

viên, có cán bộ quản lý chưa thể hiện thật rõ; nội dung huấn luyện đêm chưa đưa vào chương trình khung, chương trình chi tiết để sát với thực tiễn tại các đơn vị.

Công tác khảo sát, đánh giá thực trạng nhu cầu sử dụng NVQYc tại các đơn vị trong quân đội chưa toàn diện, cụ thể, thường xuyên. Khảo sát chương trình đào tạo NVQYc chưa tiến hành một cách chủ động, toàn diện. Chất lượng của chương trình đào tạo không chỉ dừng lại ở việc đánh giá của Hội đồng thẩm định các cấp, mà còn là sự đánh giá, nhận xét của đội ngũ giáo viên, học viên, phụ trách quân y các đơn vị, học viên NVQYc sau khi ra trường và thực hiện nhiệm vụ ở đơn vị. Những thông tin đa chiều là hết sức quan trọng và cần thiết để những người biên soạn, chỉnh lý kịp thời có kế hoạch bổ sung, điều chỉnh phù hợp và sát thực tiễn hoạt động chăm sóc sức khỏe bộ đội.

Bốn là, chương trình đào tạo NVQYc hiện hành thiếu tính chi tiết, cụ thể, có mặt chưa thống nhất với giáo trình, đề cương, bài giảng về mục tiêu, nội dung, phương pháp.

Trong những năm qua thực hiện hướng dẫn Bộ Quốc phòng, Bộ LĐTĐ&XH về xây dựng chương trình đào tạo theo thông tư 03, nhà trường đã xây dựng chương trình chi tiết các đối tượng trung cấp, cao đẳng các đối tượng. Thực tế vận hành chương trình xây dựng theo thông tư 03 cho thấy tính ưu việt của nó. Tới đây, nhà trường có chủ trương xây dựng chương trình đào tạo NVQYc chi tiết theo thông tư 03, đây là chủ trương đúng đắn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc.

Nguyên nhân hạn chế

Từ năm 2013, thực hiện công tác tuyển quân 01 đợt/năm, công tác chiêu sinh NVQYc thực hiện 01 đợt/năm, thời gian đào tạo từ 03 tháng lên 06 tháng. Do đó việc xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc có mặt còn chưa phù hợp.

Năm 2017 Nhà trường có sự nâng cấp, năm 2020 Nhà trường thay đổi đơn vị chủ quản; thay đổi nhiệm vụ huấn luyện đào tạo NVQYc; mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo NVQYc của Nhà trường thời gian qua vẫn đang trong quá trình đổi mới, chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện. Trong cùng một thời điểm có nhiều nhiệm vụ đan xen, thời gian dành cho nghiên cứu, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc còn ít. Hầu hết các chủ biên, các ủy viên Hội đồng khoa học đều là cán bộ quản lý, giảng viên chính, bận nhiều công việc nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình nghiên cứu, xây dựng, chỉnh lý biên soạn chương trình đào tạo NVQYc nói riêng và các đối tượng đào tạo tại nhà trường nói riêng.

Kinh phí phục vụ nghiên cứu, xây dựng chương trình còn gặp nhiều khó khăn; cơ chế chính sách và công tác bảo đảm chưa thật sự khoa học, phù hợp.

Nhận thức, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức hoạt động biên soạn chương trình đào tạo NVQYc của một số cấp ủy, chỉ huy còn có mặt chưa đầy đủ; năng lực, kinh nghiệm của một số chủ biên, thành viên Ban biên soạn có mặt chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Công tác kiểm tra thực hiện tiến độ, qui trình nghiên cứu, biên soạn của cơ quan chức năng và của lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị chủ trì nghiên cứu biên soạn chương trình NVQYc có lúc chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

Khảo sát ý kiến của đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên, học viên 89,3% cho rằng rất cần thiết tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo NVQYc; nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội tuyển đại đội trong tình hình mới.

1.2.2.2. Giáo trình, tài liệu đào tạo đối tượng nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1

** Những điểm mạnh*

Trước năm 2017, Nhà trường sử dụng giáo trình đào tạo y tá sơ cấp do Trường Trung cấp Quân y biên soạn, Cục Quân y nghiệm thu năm 1997. Giáo trình cơ bản đáp ứng mục tiêu đào tạo y tá sơ cấp (đào tạo 3 tháng) tại các đơn vị. Năm 2017, trước yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo NVQYc 6 tháng, Nhà trường biên soạn giáo trình đào tạo NVQYc (Lưu hành nội bộ), cùng với giáo trình đào tạo Y tá sơ cấp biên soạn năm 1997 cơ bản đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, học viên. Giáo trình đào tạo y tá sơ cấp, giáo trình đào tạo NVQYc (lưu hành nội bộ) hiện đang sử dụng có một số ưu điểm sau:

Giáo trình đào tạo sơ cấp (1997) được biên soạn đúng quy trình, được Cục Quân y nghiệm thu và sử dụng đào tạo y tá sơ cấp trong toàn quân. Qua hơn 20 năm sử dụng vẫn thể hiện tính phù hợp về hình thức, kỹ thuật, nội hàm và tính thực tiễn tại đơn vị.

Giáo trình phù hợp với mục tiêu, chương trình đào tạo nhân viên quân y ở tuyển đại đội. Đảm bảo tính sư phạm của giáo trình.

Nội dung kiến thức trong giáo trình đảm bảo khoa học, logic, cơ bản cân đối giữa lý thuyết và thực hành, giữa lý luận và thực tiễn. Nội hàm giáo trình đảm bảo kiến thức, kỹ năng, thái độ của NVQYc trong thực hiện chức trách nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội tại tuyển quân y đại đội. Đặc biệt thể hiện tính độc lập tương đối trong thực hiện nhiệm vụ chẩn đoán và điều trị các bệnh đơn giản, cấp cứu, vận chuyển bộ đội bị thương, bị nạn.

Giáo trình đào tạo y tá sơ cấp, giáo trình đào tạo nhân viên quân y đại đội hiện hành đáp ứng tương đối tốt nhu cầu nghiên cứu, biên soạn bài giảng, kế hoạch giảng bài của giáo viên. Là tài liệu quan trọng để học viên tự học, nghiên cứu, tham khảo. Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Giáo trình đào tạo y tá sơ cấp, giáo trình đào tạo NVQYc gồm 02 tập, hình thức trình bày phù hợp, có hình ảnh minh họa, dung lượng đảm bảo nhu cầu dạy học; thuật ngữ văn phong rõ ràng, phù hợp với thuật ngữ y khoa, quân sự, dễ đọc, dễ hiểu. Trình bày đúng quy định giáo trình cho học viên hệ quân sự.

Tính mới của giáo trình đào tạo y tá sơ cấp (1997) có nội hàm phù hợp cho đào tạo y tá sơ cấp thời gian 3 tháng. Giáo trình đào tạo NVQYc (lưu hành nội bộ) có nhiều đổi mới, cập nhật về nội dung, thuốc điều trị (thuốc thiết yếu), thể hiện tính

độc lập tương đối trong chẩn đoán, cấp cứu, chuyển thương, phù hợp với đào tạo nhân viên quân y 6 tháng.

** Những điểm hạn chế*

Giáo trình đào tạo y tá sơ cấp (1997) biên soạn để đào tạo y tá sơ cấp 3 tháng, hiện nay chương trình đào tạo NVQYc có thời hạn 6 tháng vì vậy cấu trúc, nội hàm có mặt chưa phù hợp giữa mục tiêu, nội dung chương trình với giáo trình, giữa giáo trình với bài giảng, KHGB. Nhiều nội dung không còn phù hợp, nhiều nội dung chưa được cập nhật để sát với thực tiễn huấn luyện, chiến đấu của bộ đội. Giáo trình còn mang nặng tính phụ thuộc quân y cấp trên (phụ giúp y, bác sĩ).

Giáo trình đào tạo y tá sơ cấp (1997) đã qua hơn 20 năm sử dụng, không tránh được yếu tố thời gian, tiêu hao, giáo trình trong giai đoạn xuống cấp nghiêm trọng, khó khăn cho học tập, nghiên cứu, bảo quản. Số lượng giáo trình giảm xuống nhiều theo từng năm chưa được tái bản bổ sung kịp thời.

Giáo trình đào tạo NVQYc (lưu hành nội bộ) biên soạn có khâu chưa đúng quy trình, chưa được cấp có thẩm quyền nghiệm thu; một số nội dung chưa phù hợp với mục tiêu, chương trình đào tạo NVQYc tuyển đại đội. Một số nội dung chưa cập nhật kịp thời như huấn luyện đêm, bệnh mới phát sinh, một số kỹ thuật điều dưỡng...

Giáo trình, tài liệu đào tạo NVQYc chưa phong phú, đa dạng. Chưa có giáo trình điện tử, tài liệu tham khảo. Việc xây dựng giáo trình mới phù hợp với chương trình đào tạo NVQYc 6 tháng là tất yếu khách quan.

Khảo sát ý kiến của đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên, học viên 93,4% cho rằng tái bản, biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo đối tượng NVQYc là rất cần thiết góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội tuyển đại đội.

1.2.2.3. Đội ngũ nhà giáo, công tác biên soạn bài giảng, kế hoạch giảng bài, phương pháp dạy học đối tượng nhân viên quân y đại đội

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục của Nhà trường có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn nhà giáo dục trong các nhà trường cao đẳng. Đội ngũ nhà giáo có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo y tá sơ cấp trước đây, cũng như NVQYc ngày nay (*Phụ lục 5*).

** Chất lượng giáo viên*

+ Ưu điểm

Trong quá trình phát triển, Nhà trường đặc biệt quan tâm chú trọng xây dựng đội ngũ nhà giáo. Nhà trường đã từng bước chuẩn hóa, cập nhật phương pháp sư phạm mới đưa vào giảng dạy, nhiều đồng chí đã được cử đi thực tế, đi bồi dưỡng nâng cao kiến thức ở các học viện nhà trường trong và ngoài quân đội...nhiều lớp tập huấn được tổ chức tại nhà trường trong thời gian vừa qua. Để nâng cao chất lượng đào tạo NVQYc Nhà trường chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có kinh nghiệm thực tế đơn vị, giáo viên có điểm xuất phát là y sĩ, dược sĩ trung

cấp, cao đẳng. Đặc biệt Nhà trường đã cử nhiều cán bộ, giáo viên đi thực tế tại quân y các đơn vị.

Nhà trường đặc biệt quan tâm, chú trọng nhiệm vụ giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng đạo đức người thầy giáo, thầy thuốc. Quan điểm của Đảng ủy, BGH Nhà trường là thương yêu học viên NVQYc như cháu, như con; mỗi hành động, lời nói của thầy cô trước học viên NVQYc phải thể hiện tính trách nhiệm, mẫu mực, tình cảm. Tuyệt đối tránh tư tưởng xem nhẹ, coi thường các em. Xác định đào tạo học viên NVQYc là đào tạo đối tượng đặc biệt, Nhà trường đã tổ chức nhiều buổi hội thảo, sinh hoạt chuyên môn nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo NVQYc. Phân công giảng viên, giáo viên dạy học đối tượng NVQYc vừa phải xét yếu tố trình độ, kinh nghiệm thực tế và thái độ đạo đức. Nhà trường thường phân công những giảng viên, giáo viên trách nhiệm, tâm huyết quản lý, giảng dạy đối tượng NVQYc. Nhiều mô hình tốt, nhiều cách làm hay, nhiều tấm gương nhà giáo giỏi trong dạy học NVQYc đã được nhân rộng, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc.

Số lượng giảng viên, giáo viên đáp ứng theo quy định tại Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTĐ ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Về chất lượng đội ngũ giảng viên, giáo viên của nhà trường ngày một nâng cao kể cả bản lĩnh chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và tình yêu nghề nghiệp, tất cả vì học viên thân yêu. Đến nay nhà trường đã có 01 giảng viên là Tiến sĩ; 92% là giảng viên, giáo viên trình độ đại học và sau đại học; 8 đồng chí được vinh dự phong tặng nhà giáo ưu tú; 01 đồng chí được phong tặng thầy thuốc ưu tú; 04 đồng chí đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi toàn quốc; 16 đồng chí đạt danh hiệu giáo viên giỏi toàn quân; 02 giảng viên đạt tiêu chuẩn giảng viên chính; 07 đồng chí là giáo viên giỏi cấp Bộ Quốc phòng; 48 đồng chí đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp Tổng cục Hậu cần và Học viện Quân y; hơn 422 lượt đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp trường.

Về trình độ ngoại ngữ, tin học 100% giảng viên, giáo viên có chứng chỉ tin học cơ bản; 90% có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương chuẩn A2 châu Âu, chứng chỉ tương đương chuẩn B1 châu Âu 2,7%. Nhà trường đã xây dựng trung tâm ngoại ngữ, tin học phục vụ huấn luyện đào tạo và nhu cầu học tập của cán bộ, giảng viên, sinh viên nhà trường. Trong thời gian qua phong trào học tập ngoại ngữ, tin học của nhà trường có nhiều chuyển biến tích cực, năng lực ngoại ngữ, tin học của giảng viên và giáo viên đã được nâng lên. Nhà trường đã tạo điều kiện cho nhiều đồng chí học viên NVQYc có năng lực và niềm đam mê học ngoại ngữ được nghiên cứu, học tập tại trung tâm ngoại ngữ, các lớp học ngoại ngữ và câu lạc bộ ngoại ngữ của nhà trường. Qua đó khơi dậy khát khao học tập, trau dồi kiến thức và giao lưu, bồi dưỡng kỹ năng sống.

Về chứng chỉ sư phạm 100% giảng viên, giáo viên có chứng chỉ sư phạm nghề bậc cao đẳng, trung cấp theo đúng quy định của Bộ Lao động – Thương binh xã hội. Thâm niên giảng dạy trên 10 năm 49,3%; dưới 10 năm 50,7%. Ngoài công tác giảng dạy, đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên của nhà trường rất tích cực trong công tác nghiên cứu khoa học. Đến nay đã có hàng trăm đề tài, sáng kiến khoa học

cấp Bộ Tổng tham mưu, cấp cơ sở được nghiệm thu; nhiều đề tài đạt xuất sắc, có ý nghĩa thực tiễn cao. Nhiều đề tài về đối tượng y tá sơ cấp, NVQYc đã được nghiên cứu, ứng dụng qua đó thúc đẩy nâng cao chất lượng đào tạo NVQYc.

+ Hạn chế

Kinh nghiệm dạy học đối tượng NVQYc của một số giảng viên, giáo viên chưa nhiều, nhất là kinh nghiệm thực tế đơn vị. Tính phù hợp giữa chương trình đào tạo, giáo trình và bài giảng, kế hoạch giảng, phương pháp dạy chưa tương xứng và hiệu quả chưa cao.

Các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tự học có hướng dẫn của giáo viên chưa được các khoa, giáo viên quan tâm đúng mức. Biên soạn bài giảng, kế hoạch giảng bài của một số giảng viên, giáo viên cho đối tượng NVQYc có mặt chưa phù hợp kể cả nội dung, ý định phương pháp, tính thực tiễn.

** Công tác biên soạn bài giảng, kế hoạch giảng bài*

+ Ưu điểm

Nhận thức của cấp ủy, chỉ huy, giảng viên, giáo viên đối với công tác biên soạn bài giảng, kế hoạch giảng bài ngày một đầy đủ, toàn diện. Quá trình biên soạn thực hiện đúng theo quy định. Chất lượng bài giảng đối tượng NVQYc ngày một nâng cao.

Xác định công tác biên soạn bài giảng, kế hoạch giảng bài là nhiệm vụ hết sức quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo, nhất là với đối tượng nhân viên quân y đại đội. Bởi lẽ, bài giảng phản ánh mục tiêu nội dung chương trình môn học, bài học; kế hoạch giảng bài phản ánh ý định, phương pháp chuyển tải và gián tiếp phản ánh năng lực, chuẩn đầu ra. Có thể nói người thầy cùng với chương trình, bài giảng và kế hoạch giảng bài, phương pháp dạy học có tính chất quyết định đến chất lượng đào tạo.

Để thực hiện tốt công tác biên soạn bài giảng, kế hoạch giảng bài, hàng năm Phòng Đào tạo – Cơ quan thường trực của Hội đồng khoa học Nhà trường triển khai kế hoạch xây dựng, chỉnh lý, biên soạn bài giảng đối tượng NVQYc. Tổ chức tập huấn, quán triệt mục tiêu, phương pháp thực hiện, đồng thời có khâu làm mẫu. Các khoa giáo viên trên cơ sở đó thực hiện công tác biên soạn bài giảng và kế hoạch giảng bài. Nguyên tắc chung bám sát quy định 1206 của CNT – Bộ Tổng tham mưu.

Ban Giám hiệu Nhà trường, thường trực Hội đồng khoa học tiến hành kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất tiến độ, quy trình, chất lượng công tác biên soạn bài giảng, kế hoạch giảng bài của các khoa, từng giáo viên. Sau kiểm tra tổ chức rút kinh nghiệm nghiêm túc, qua đó các khoa và từng giáo viên rút kinh nghiệm kịp thời.

Nhờ thực hiện tốt quy trình biên soạn bài giảng, kế hoạch giảng bài nên trong những năm qua hệ thống bài giảng, KHGB đối tượng NVQYc đầy đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

+ Hạn chế

Một số cấp ủy, chỉ huy đơn vị, giảng viên, giáo viên nhận thức chưa được đầy đủ về công tác biên soạn bài giảng, kế hoạch giảng bài. Dẫn đến tiến độ biên soạn còn chậm, chất lượng chưa cao.

Một số khoa, môn học, bài giảng, kế hoạch giảng bài chưa đúng quy định 1206. Ý định, phương pháp chưa thể hiện rõ, vận dụng thực tiễn tại các tuyến chưa phù hợp.

Tính phù hợp giữa chương trình, giáo trình, bài giảng, phương pháp có nội dung chưa đáp ứng yêu cầu.

Chưa biên soạn một số nội dung có tính cấp thiết và thực tiễn cao như bệnh dịch mới phát sinh phát triển, huấn luyện đêm.

** Phương pháp dạy học*

+ Ưu điểm

Cấp ủy, chỉ huy các đơn vị, giảng viên, giáo viên có nhận thức rất đúng đắn về vị trí, vai trò của phương pháp dạy học trong chuỗi giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc. Cán bộ, giảng viên, giáo viên quán triệt quan điểm, phương pháp dạy học không thể tách rời mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo. Nếu giới hạn trong phạm vi xem xét vai trò vị trí của phương pháp giảng dạy trong việc nâng cao chất lượng đào tạo ta thấy có mối quan hệ tương hỗ giữa chương trình, phương pháp dạy học và kiểm tra, cùng tác động đến phương pháp học tập của học viên, tất nhiên sẽ dẫn đến tác động quyết định đến thành quả học tập của học viên bao gồm tình cảm thái độ, kiến thức kỹ năng và phương pháp tư duy.

Dạy học đối tượng NVQYc quả là khó đối với những nhà giáo thiếu kinh nghiệm dạy học, kinh nghiệm thực tế đơn vị, nhất là giáo viên mới. Nếu giảng viên, giáo viên quá chú trọng đến nội dung và phô diễn phương pháp mà không chú trọng đến làm sao để học viên dễ học, dễ hiểu, có hứng thú học, người học nhận thức được bao nhiêu, ở đơn vị cần gì thì chắc chắn không đáp ứng được chất lượng đào tạo. Nhiều hội thảo, sinh hoạt khoa học, sinh hoạt chuyên môn các nhà giáo nhiều kinh nghiệm trong dạy học đối tượng NVQYc cho rằng sử dụng phương pháp dạy học đơn giản nhất sẽ cho hiệu quả cao chất.

Đối với nội dung lý thuyết, trước đây phương pháp thuyết trình là phương pháp dạy học được áp dụng phổ biến. Trong những năm qua được sự quan tâm giúp đỡ của CNT – Bộ Tổng tham mưu, Bộ LĐTĐ&XH, Nhà trường đã tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực, dạy học khối ngành chăm sóc sức khỏe cho đội ngũ nhà giáo với sự hướng dẫn của các chuyên gia sư phạm, sư phạm y học, sư phạm quân y. Chính vì vậy, quá trình dạy học giảng viên đã áp dụng đa dạng nhiều phương pháp dạy học tích cực, hiệu quả. Qua khảo sát chúng tôi thấy các phương pháp dạy học NVQYc thường được áp dụng trong thời gian qua là: Thuyết trình, đàm thoại, động não, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh, dạy học theo tình huống, giải quyết vấn đề, đóng vai... Tỷ lệ sử dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực trong một bài học là 82,1%.

Nhận thức của đối tượng NVQYc không đồng đều, vì vậy bằng nhiều phương pháp chuyển tải đến học viên một lượng kiến thức phù hợp sẽ cho hiệu quả cao. Kinh nghiệm của nhiều giảng viên, giáo viên tại nhà trường áp dụng trong dạy học NVQYc là:

- Bước 1: Nêu vấn đề, giao bài tập để học viên đọc giáo trình, tài liệu, nghiên cứu.
- Bước 2: Học viên phát biểu, phát biểu bổ sung (thông qua trò chơi vui nhộn).
- Bước 3: Thuyết trình, phân tích, minh họa, kết luận vấn đề...
- Bước 4: Ghi ngắn, ghi những nội dung cơ bản, quan trọng.
- Bước 5: Lượng giá, củng cố kiến thức (thông qua lượng giá đọc, cắt ngang hoặc hướng dẫn tự học có giáo viên).

Đối với dạy học thực hành tại phòng thực tập, phương pháp dạy học được áp dụng phổ biến là thuyết trình, làm mẫu, rèn luyện nhóm, cầm tay chỉ việc, kết hợp các phương pháp. Trong đó đối với NVQYc chú trọng phương pháp làm mẫu, cầm tay chỉ việc.

Đối với giảng dạy thực hành tại bệnh viện phương pháp thường được áp dụng và hiệu quả cao là dạy học bệnh viện theo 8 việc, dạy học theo ca bệnh, dạy học theo tình huống lâm sàng, cầm tay chỉ việc.

Đối với hoạt động diễn tập, huấn luyện đêm đã được chú trọng, thực hiện bước đầu có hiệu quả.

+ Hạn chế

Đối với dạy học lý thuyết: Việc dạy học theo năng lực, dạy học tích cực cho đối tượng NVQYc vẫn chưa được áp dụng triệt để, áp dụng chưa thuần thực, hiệu quả chưa cao. Ngược lại một số giảng viên, giáo viên quá lạm dụng phương pháp mà chưa chú ý đến người học và tính hiệu quả. Tình trạng dạy học theo dạng đọc chép, truyền đạt một chiều vẫn còn tồn tại.

Đối với dạy học thực hành tại phòng thực tập: Dạy học tích cực, dạy học theo mô đun, cắt đoạn, cầm tay chỉ việc chưa được thực hiện nhuần nhuyễn. Chưa chú trọng đến hệ thống bảng kiểm, quy trình và hoạt động đóng vai.

Đối với dạy học thực hành tại bệnh viện: Một số giáo viên vẫn chưa tích cực đổi mới phương pháp dạy học. Chưa lấy hoạt động tự học, tự quản lý của học viên làm trung tâm, nặng thuyết trình, chưa chú trọng đến dạy thái độ của nhân viên y. Công tác quản lý học viên có mặt chưa chặt chẽ.

Dạy học trong diễn tập, huấn luyện đêm hệ thống giáo trình, bài giảng, mô hình học cụ chưa được đầy đủ, quy chuẩn. Phối hợp các lực lượng tham gia có mặt chưa tốt.

Qua khảo sát chung có đến 90% ý kiến đồng ý cần thiết phải đổi mới phương pháp dạy học lý thuyết, dạy học thực hành, thực tập tại bệnh viện và đẩy mạnh hoạt

động diễn tập, huấn luyện đêm sát thực tiễn chiến đấu của bộ đội, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của NVQYc.

1.2.2.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học

+ Ưu điểm

Trước năm 2017, công tác kiểm tra đánh giá học viên NVQYc do Phòng Đào tạo phụ trách. Nhìn chung công tác kiểm tra, đánh giá thực hiện đúng quy chế đào tạo, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan.

Từ năm 2017, Ban khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo của Nhà trường được thành lập. Ban có 5 đồng chí, 1 đồng chí trưởng ban, 1 đồng chí trợ lý, 3 đồng chí nhân viên. Kế thừa truyền thống của Nhà trường trong công tác kiểm tra đánh giá, Ban khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo đã có nhiều đổi mới trong công tác đánh giá, lượng giá người học. Đặc biệt đưa hình thức đánh giá người học qua 5 bước (ISBAR), đánh giá người học có phản hồi (Price feedback), đánh giá bằng tình huống lâm sàng, ca bệnh đã bước đầu giúp học viên, sinh viên hình thành năng lực cơ bản. Với học viên NVQYc, Ban khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo đã đề xuất với Ban Giám hiệu thực hiện đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đối tượng.

Hiện nay phương pháp kiểm tra đánh giá lý thuyết chủ yếu dựa vào ba hình thức là thi tự luận, trắc nghiệm và kết hợp. Trong đó phương pháp thi tự luận áp dụng cho đối tượng NVQYc chiếm 63%, kết hợp chiếm 37%. Đối với thực hành tại trường có ba hình thức thi chủ yếu là vấn đáp, chạy trạm, kết hợp; trong đó hình thức thi vấn đáp chiếm 69%, thi kết hợp chiếm 31%. Thi thực hành tại bệnh viện chủ yếu thi kết hợp kỹ thuật, ca bệnh.

Qua thống kê cho thấy hình thức thi tự luận đối với lý thuyết chiếm chủ yếu; với thực hành thi vấn đáp là hình thức thi chủ yếu. Khảo sát ý kiến của giảng viên, giáo viên, học viên, cựu học viên về phương pháp thi, kiểm tra tại trường có 91,3% cho rằng phương pháp kiểm tra, thi tự luận cho kết quả chính xác, khách quan; 89% ý kiến cho rằng thi thực hành vấn đáp cho kết quả chính xác, giúp học viên hình thành đồng thời kiến thức, kỹ năng, thái độ, giúp học viên bồi dưỡng kinh nghiệm thực tế. Tuy nhiên có 8,7% cho rằng thi lý thuyết bằng phương pháp thi tự luận còn có nhiều hạn chế; 11% ý kiến cho rằng thi vấn đáp chưa được khách quan, ít nhiều bị ảnh hưởng bởi yếu tố người chấm, người thi. Đối với kiểm tra, thi tại bệnh viện 90,6% giảng viên, học viên đồng ý với phương pháp thi như hiện tại. Cũng qua khảo sát 94% giảng viên, học viên, cán bộ quản lý cho rằng cần tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá học viên NVQYc. Các ý kiến cũng đề xuất một số hình thức thi mới có thể đánh giá được đồng thời kiến thức, kỹ năng, thái độ đồng thời mang tính nhân văn cao như thi theo bài tập tình huống, giải quyết vấn đề...bên cạnh các phương pháp thi hiện tại.

+ Hạn chế

Hình thức thi tự luận vẫn chiếm tỷ lệ cao, một số môn học số lượng câu hỏi chưa bao phủ chương trình môn học, ngược lại một số môn học số lượng câu hỏi chưa phù hợp với nhận thức của đối tượng. Thi thực hành và thi thực tế tại bệnh

viện vẫn còn thiếu bảng kiểm, đáp án đúng quy định. Còn lúng túng trong khâu xây dựng đề, đáp án, vận dụng chấm thi.

1.2.2.5. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo đối tượng nhân viên quân y đại đội

+ Ưu điểm

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, Quân đội, Trường Cao đẳng Hậu cần 1 được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho huấn luyện đào tạo. Hiện nay nhà trường có hệ thống phòng giảng lý thuyết, thực hành tương đối hiện đại, đầy đủ trang thiết bị, mô hình, dụng cụ học tập, đáp ứng nhu cầu đào tạo trong tình hình mới.

Ngoài hệ thống phòng giảng lý thuyết, thực hành nhà trường có 01 trung tâm hội nghị trực tuyến; hệ thống thư viện trang bị 100 máy tính và hàng ngàn đầu sách; 01 trung tâm ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, học viên nhà trường.

Hiện nay Nhà trường đang xây dựng, hoàn thiện hệ thống bãi tập huấn luyện Amygame, trung tâm huấn luyện thực hành cho đối tượng trung cấp Hậu cần. Nhiều dự án đang được triển khai, xây dựng theo hướng Nhà trường thân thiện, hiện đại, tiếp cận kỹ nguyên số 4.0.

Khảo sát ý kiến của giảng viên, học viên 95,1% cho rằng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ huấn luyện đào tạo của nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu dạy học.

+ Hạn chế:

Một số hạng mục, cơ sở vật chất, mô hình học cụ xuống cấp theo thời gian chưa được sửa chữa kịp thời. Thao trường, bãi tập đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện nên phục vụ huấn luyện cho đối tượng NVQYc chưa được đầy đủ. Cơ sở vật chất phục vụ diễn tập, huấn luyện đêm còn thiếu. Nhà trường chưa xây dựng được phòng học tích hợp, dạy học mô phỏng.

Qua khảo sát ý kiến của giảng viên, học viên cho rằng phòng giảng lý thuyết cần sửa chữa thay thế hệ thống công cụ hỗ trợ dạy học; phòng giảng thực hành cần đầy đủ hệ thống quy trình, bảng kiểm; hệ thống thao trường, bãi tập cần tiếp tục xây dựng, hoàn thiện.

1.2.2.6. Công tác chiêu sinh, xây dựng kế hoạch, quản lý đào tạo, quản lý giáo dục học viên

** Công tác chiêu sinh*

+ Ưu điểm:

Trường Cao đẳng Hậu cần 1 thực hiện đúng Quy chế chiêu sinh, tuyển sinh của Bộ Quốc phòng. Hàng năm Cục Quân lực căn cứ vào nhu cầu NVQYc ở các đơn vị, điều động chiến sĩ hoàn thành huấn luyện tân binh về nhà trường đào tạo.

Kết quả chiêu sinh:

- Năm 2018: Chỉ tiêu 265, kết quả chiêu sinh 265 học viên, đạt 100%.
- Năm 2019: Chỉ tiêu 273, kết quả chiêu sinh 273 học viên, đạt 100%.

- Năm 2020: Chỉ tiêu 265, kết quả chiêu sinh 265 học viên, đạt 100%.
- Năm 2021: Chỉ tiêu 280, kết quả chiêu sinh 280 học viên, đạt 100%.
- Năm 2022: Chỉ tiêu 280, kết quả chiêu sinh 280 học viên, đạt 100%.

Nhận xét chung: 100% học viên NVQYc thực hiện đúng luật nghĩa vụ quân sự, tình nguyện lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc. Lập trường chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm đường lối chủ trương của đảng, pháp luật nhà nước, kỷ luật quân đội, nội quy đơn vị. 91% học viên NVQYc học hết 12; 9% trình độ trung học cơ sở. 97% dân tộc kinh, 3% dân tộc thiểu số.

+ Hạn chế

Nhận thức của học viên NVQYc không đồng đều; 9% học viên có trình độ văn hóa THCS, 3% học viên dân tộc thiểu số, tiếp thu nội dung học tập có mặt còn khó khăn.

Chưa có sự hiệp đồng giữa nhà trường, cơ quan đơn vị trong tuyển chọn học viên NVQYc. Chưa tuyển chọn được học viên có trình độ văn hóa phù hợp, tình yêu nghề nghiệp, khát vọng cống hiến cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe bộ đội.

** Công tác kế hoạch*

+ Ưu điểm: Tổ xây dựng kế hoạch thuộc phòng đào tạo có 4 đồng chí, 2 đồng chí sĩ quan, 2 đồng chí quân nhân chuyên nghiệp; 3 đồng chí trình độ đại học, 1 đồng chí trình độ cao đẳng. Công tác kế hoạch đào tạo có nhiều đổi mới từ xây dựng kế hoạch ngắn hạn (theo tháng) sang xây dựng kế hoạch đào tạo theo học kỳ, năm học, toàn khóa học. Kế hoạch đào tạo tương đối khoa học, phù hợp, tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo nghiêm túc, đúng quy chế.

+ Hạn chế: Việc phối kết hợp giữa xây dựng kế hoạch và dự kiến nhân lực giảng viên, giáo viên ở các khoa có mặt, có thời điểm chưa được tốt. Sắp xếp các môn học có lúc chưa thật hợp lý.

** Quản lý đào tạo*

+ Ưu điểm

Nhà trường thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về giáo dục, quản lý chất lượng đào tạo, quản lý cơ sở vật chất, quản lý học viên. Nhà trường quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm Chỉ thị, Thông tư, Hướng dẫn của Chính phủ, Bộ giáo dục – đào tạo, Bộ LĐTB&XH, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng. Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản về quy chế chiêu sinh, tuyển sinh, quy chế thi, quy chế kiểm tra, xét lên lớp, xét tốt nghiệp, điều lệ trường Cao đẳng. Đó là cơ sở cần thiết để kiểm tra, giám sát quá trình hoạt động của nhà trường thực hiện đúng pháp luật.

Nhà trường luôn chú ý tăng cường kỷ cương trong việc dạy và học, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của giáo viên và cán bộ quản lý. Nhà trường thực hiện tốt nền nếp kiểm tra định kỳ, giao ban trong cán bộ, duy trì việc nhận xét đầu tháng kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

Nhà trường đã duy trì hội nghị giao ban công tác đào tạo hàng tháng, quý, 6 tháng, năm; công khai các chế độ chính sách liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học viên, sinh viên. Thực hiện đánh giá cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên nghiêm túc. Do vậy đã giải quyết tốt những thắc mắc trong nhà trường, tạo không khí phấn khởi, đoàn kết, kỷ cương, trách nhiệm trong nhà trường. Nhà trường thực hiện tốt các bước kế hoạch đề ra.

+ Hạn chế

Do nhà trường mới thực hiện chuyển giao từ HVQY về TCHC, thực hiện biểu biên chế mới, nhiều nhiệm vụ mới phát sinh, đan xen vì vậy trong quản lý đào tạo có mặt còn chưa được thống nhất, chồng chéo; đội ngũ nhà giáo, quản lý giáo dục còn mỏng; quá trình thực hiện xây dựng nhà trường hiện đại, thông minh, ứng dụng công nghệ số còn chậm.

** Quản lý giáo dục học viên*

+ Ưu điểm

Trường CDHC1 luôn coi trọng công tác quản lý học viên, sinh viên đây là một khâu quan trọng trong công tác giáo dục, đào tạo của Nhà trường. Nhà trường có 03 tiểu đoàn và 10 đại đội quản lý học viên, sinh viên. Mỗi lớp được biên chế 50 – 60 học viên, sinh viên, có từ 1 – 2 cán bộ quản lý là các sĩ quan được đào tạo cơ bản, mỗi tốp học có từ 15 – 20 học viên. Công tác quản lý học viên luôn được chú trọng, học viên hệ Quân đội quản lý theo điều lệnh quản lý bộ đội, theo quy định của Nhà trường. Cán bộ quản lý luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tạo mọi điều kiện cho học viên rèn luyện học tập toàn diện kiến thức, kỹ năng, thái độ phấn đấu trở thành người nhân viên quân y đại đội vừa hồng, vừa chuyên. Qua khảo sát về công tác quản lý học viên cho thấy: 92% đánh giá tốt, rất tốt; 8% đánh giá khá.

Việc theo dõi bám sát, quản lý học viên tại giảng đường cũng như khi học viên thực tập, tự ôn tại đơn vị được thực hiện tốt. Đảng ủy, BGH Nhà trường đánh giá cao vai trò của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên trong quản lý và giáo dục học viên. Qua khảo sát có 91% ý kiến cho rằng cán bộ quản lý luôn thường xuyên bám sát học viên trong mọi hoạt động học tập; 85,5% ý kiến cho rằng cán bộ quản lý có phương pháp, tác phong công tác và năng lực tốt, 13,5% mức khá và 1% mức trung bình.

Nhà trường đã quán triệt cho học viên nắm được quy chế, quy định, phổ biến những chính sách, quyền lợi và nghĩa vụ của học viên... giúp cho sinh viên hiểu rõ quyền và lợi ích của mình, giúp học viên phát huy vai trò tích cực, tự giác của mình, gắn trách nhiệm cá nhân với tập thể, với nhà trường.

Nhà trường tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể trong trường cùng với địa phương, gia đình và xã hội để quản lý và giáo dục học viên. Khuyến khích học viên tham gia tích cực các phong trào thanh niên giao lưu văn hóa, văn nghệ... và nhiều các chương trình hoạt động khác. Các hoạt động trên vừa tạo ra không khí vui tươi lành mạnh, giúp hạn chế và đẩy lùi các tiêu cực trong học viên. Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho học viên học tập, sinh hoạt.

Câu lạc bộ thứ 7 phối hợp với Đoàn Thanh niên tổ chức nhiều hội thi, hội thao, hoạt động phong trào tạo ra sân chơi bổ ích lành mạnh cho học viên. Duy trì và phát huy tính tự giác của học viên, phát hiện và góp ý các hoạt động tiêu cực thông qua các cuộc đối thoại dân chủ.

Duy trì đều đặn quy định giờ tự học, điểm danh, chào cờ toàn trường vào sáng thứ 2 tuần đầu hàng tháng qua đó nhận xét, đánh giá các hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo trong tháng, đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong tháng tới.

+ Hạn chế

Công tác quản lý học viên NVQYc đôi lúc còn cứng nhắc, quản lý một chiều, thiếu yếu tố tự quản lý. Chưa phối hợp đồng bộ công tác quản lý với giáo dục rèn luyện và các hoạt động bổ trợ khác.

Trong giai đoạn vừa qua dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng ít nhiều đến công tác quản lý, hoạt động bổ trợ học viên.

Sự phối hợp giữa các phòng, khoa, cán bộ quản lý trong giáo dục quản lý học viên chưa nhịp nhàng, có mặt, có lúc hiệu quả chưa cao.

1.2.2.7. Kết quả đào tạo của học viên NVQYc từ năm 2018 – 2022

Chất lượng đào tạo NVQYc của trường Cao đẳng Hậu cần 1 phản ánh ở nhiều yếu tố, trong đó kết quả học tập của học viên là chủ yếu, nhất ở tỷ lệ học viên tốt nghiệp (*Phụ lục 7*).

+ Ưu điểm: Học viên NVQYc có lập trường chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm quy chế đào tạo của Nhà trường, học viên phát triển toàn diện kiến thức, kỹ năng, thái độ. Thống kê kết quả đào tạo 5 năm 2018 – 2022 cho thấy, kết quả đào tạo năm học sau cao hơn năm trước, tỷ lệ học viên khá, giỏi ngày một tăng, tỷ lệ học viên tốt nghiệp trung bình khá, trung bình ngày càng giảm. Học viên tốt nghiệp vui vẻ, phấn khởi nhận nhiệm vụ theo sự phân công của tổ chức, về đơn vị phát huy năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

+ Hạn chế: Thi hết môn không đạt yêu cầu vẫn còn chiếm một tỷ lệ nhất định. Một số học viên thực hiện các kỹ thuật cơ bản vẫn còn lúng túng, vận dụng thực tiễn hạn chế.

1.2.2.8. Tổng hợp kết quả khảo sát giảng viên, giáo viên, học viên, cựu học viên và cán bộ quân y các đơn vị sử dụng NVQYc của nhà trường

Từ kết quả khảo sát ý kiến của 80 cán bộ, giảng viên, giáo viên; 160 học viên NVQYc khóa K49; 60 cựu học viên khóa K48 về các yếu tố liên quan đến chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc. Trên cơ sở kết quả điều tra xã hội học từ cán bộ, giảng viên và học viên NVQYc. Được sự giúp đỡ của nhà trường, nhóm đề tài đã tổ chức được 02 buổi hội thảo, 02 đợt tập huấn; tiến hành lấy ý kiến của cán bộ quân y các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực NVQYc do nhà trường cung cấp đều có kết quả tương đồng đó là cần giữ vững và nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc. Để nâng cao chất lượng đào tạo NVQYc hơn nữa cần thực hiện đồng bộ các giải pháp từ đổi mới chương trình đào tạo; biên soạn giáo trình, tài liệu; phát triển đội ngũ nhà giáo, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm

tra đánh giá, quản lý học viên; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ huấn luyện... Đây là cơ sở quan trọng để chúng tôi đề xuất những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo NVQYc trong thời gian tới.

Kết luận chương 1

Xuất phát từ Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước, Quân đội về phát triển giáo dục đào tạo, phát triển y tế. Căn cứ vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ của quân y đơn vị, của lực lượng NVQYc trong hệ thống ngành quân y. Qua nghiên cứu chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc và các yếu tố liên quan; đối chiếu với các thông tư, chỉ thị, hướng dẫn của BQP, Bộ GD-ĐT, BLĐTB&XH về đào tạo nhân lực ngành y tế, ngành quân y chúng tôi nhận thấy rằng công tác đào tạo NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1 hiện nay cơ bản đáp ứng mục tiêu đào tạo nhân viên quân y đại đội, tuy nhiên có một số hạn chế cần khắc phục để chất lượng đào tạo NVQYc ngày một hoàn thiện hơn, như:

Nội dung chương trình đào tạo NVQYc có mặt chưa phù hợp, thiếu tính cập nhật để phù hợp với thực tiễn hoạt động huấn luyện, chiến đấu của bộ đội. Một số nội dung cần được bổ sung kịp thời vào chương trình đào tạo như đại dịch Covid-19, huấn luyện đêm, thuốc thiết yếu, điều trị theo tuyến quân y.

Phát triển đội ngũ nhà giáo, đổi mới phương pháp dạy học, công tác biên soạn bài giảng, kế hoạch giảng bài, quản lý học viên, hiệu quả công tác tự ôn, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, công tác chiêu sinh, kế hoạch, khảo thí... bên cạnh ưu điểm là cơ bản vẫn còn một số hạn chế... Nếu được khắc phục đồng bộ, toàn diện chắc chắn chất lượng đào tạo NVQYc sẽ có những đột phá vượt bậc.

Để nâng cao chất lượng đào tạo NVQYc đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội trong tình hình mới cần một giải pháp đồng bộ từ đổi mới chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình tài liệu, phát triển đội ngũ nhà giáo, biên soạn bài giảng đi đôi với đổi mới phương pháp dạy học, quản lý học viên và nâng cao chất lượng tự học, đổi mới công tác kiểm tra đánh giá... Từ thực trạng đó chúng tôi tiến hành đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhân viên quân y đại đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội trong tình hình mới.

Chương 2

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN QUÂN Y ĐẠI ĐỘI TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẬU CẦN 1

2.1. Nguyên tắc và yêu cầu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường CĐ Hậu cần 1

Các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1 phải đảm bảo các nguyên tắc và yêu cầu sau:

- Hệ thống giải pháp phải quán triệt sâu sắc và thực hiện đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước, Quân đội về phát triển Giáo dục – đào tạo, phát triển ngành y tế, phát triển ngành quân y đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Trọng tâm thực hiện hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI; chiến lược phát triển GD-ĐT giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045; chiến lược phát triển y tế giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Hệ thống giải pháp phải đảm bảo tính kế thừa và phát triển:

Đây là một nguyên tắc rất quan trọng, nguyên tắc này yêu cầu khi đề xuất hệ thống giải pháp phải kế thừa truyền thống công tác đào tạo NVQYc của Nhà trường; phải kế thừa các biện pháp đã và đang thực hiện, phát huy điểm mạnh, khắc phục những tồn tại hạn chế, đề xuất những giải pháp tiến bộ, hiệu quả, phù hợp quy luật phát triển của thời đại. Các giải pháp phải thể hiện rõ tính kế thừa, tôn trọng quá khứ, lịch sử; tránh quan điểm phủ định toàn bộ.

- Hệ thống nguyên tắc phải bảo đảm tính đồng bộ:

Chất lượng đào tạo NVQYc của nhà trường được cấu thành từ rất nhiều yếu tố như đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, vật lực, tài lực, hệ thống giáo trình tài liệu... Do đó, khi nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo NVQYc phải quán triệt nguyên tắc này, để chúng bao trùm toàn bộ các mặt đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Hệ thống nguyên tắc phải bảo đảm tính khả thi:

Hệ thống giải pháp đưa ra không xa vời, mà phải áp dụng được, tính khả thi cao và mang lại hiệu quả trên thực tế. Được sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là sự đồng thuận của toàn thể cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên, học viên.

- Hệ thống nguyên tắc phải bảo đảm tính thực tiễn:

Hệ thống giải pháp đưa ra phải phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, nhất là phù hợp với khả năng của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của nhà trường; khi áp dụng các giải pháp đó chúng mang lại hiệu quả trên thực tế.

- Hệ thống nguyên tắc bảo đảm tính hiệu quả:

Thước đo của tính hiệu quả, chính là những giải pháp đưa ra được áp dụng sẽ tạo ra những học viên nhân viên quân y đại đội khi ra trường có đầy đủ các phẩm chất, năng lực theo mục tiêu đào tạo. Các giải pháp đề ra phải thực sự đảm

bảo nâng cao được chất lượng đào tạo NVQYc của nhà trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội tại tuyến đại đội.

Tóm lại, các nguyên tắc đề xuất giải pháp trên chính là những yêu cầu đòi hỏi người nghiên cứu phải quán triệt nó, cùng với kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn ở chương 1, để đưa ra các giải pháp được khách quan khoa học hơn.

2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1

2.2.1. Đổi mới chương trình đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1

2.2.1.1. Vị trí, vai trò của giải pháp

Chương trình đào tạo được xem là một trong những yếu tố có vai trò quan trọng nhất trong hoạt động đào tạo của Nhà trường. Là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định đến chất lượng đào tạo. Những hoạt động dạy học chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chương trình đào tạo. Một chương trình đào tạo tốt có thể cung cấp động lực để việc giảng dạy và học tập được hiệu quả hơn. Ngược lại, chương trình đào tạo không phù hợp có thể tạo ra những cản trở và ràng buộc khả năng sáng tạo và phát triển của người dạy và người học. Vì vậy, đổi mới chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo phù hợp là một khâu quan trọng để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, với đối tượng NVQYc càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Đổi mới chương trình đào tạo bao gồm đổi mới nhận thức, nâng cao trách nhiệm của hệ thống lực lượng tham gia xây dựng chương trình đào tạo; đổi mới quy trình xây dựng chương trình đào tạo; đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo nhân viên quân y đại đội. Xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu đào tạo, đạt chuẩn năng lực, chuẩn đầu ra nhân viên quân y tuyến đại đội.

2.2.1.2. Nội dung, biện pháp cụ thể

a) Chương trình đào tạo NVQYc hiện tại (*Phụ lục 8,9*)

b) Một số nội dung, biện pháp đổi mới chương trình đào tạo nhân viên quân y đại đội

*** Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các lực lượng tham gia công tác xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đổi mới chương trình đào tạo NVQYc**

Để nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các lực lượng tham gia xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đổi mới chương trình đào tạo NVQYc tại Trường CD Hậu cần 1 – TCHC, cần thực hiện tốt một số vấn đề cơ bản sau:

Trước hết, các cấp ủy đảng, lãnh đạo chỉ huy các đơn vị, cán bộ, nhân viên phải nghiên cứu, nắm chắc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước, QUTW, BQP, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ LĐTB&XH, Bộ Y tế về đổi mới, phát triển toàn diện GD-ĐT, phát triển y tế trong tình hình mới. Các cơ quan đơn vị cần phải nghiên cứu, quán triệt sâu sắc nội dung các văn bản, từ đó tham mưu với Đảng ủy,

Ban Giám hiệu, Hội đồng khoa học nhà trường các giải pháp để tổ chức thực hiện. Trong đó, tập trung quán triệt, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội đảng bộ Quân đội lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TCHC lần thứ XII, Nghị quyết Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020 – 2025; Nghị quyết 29 của Ban chấp hành trung ương; Nghị quyết 86, 89, 765 của Quân ủy trung ương; Thông tư 15/2018/TT-BQP; Tiếp tục thực hiện phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng SSCĐ của các đơn vị”; “Một tập trung – Ba khâu đột phá theo NQ Đảng ủy TCHC” v.v.. Từ đó, nâng cao nhận thức, triển khai thực hiện kế hoạch, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Mỗi cán bộ, nhân viên tham gia xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đổi mới nội dung chương trình phải quán triệt và gương mẫu thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ LĐTĐ&XH, Bộ Giáo dục – đào tạo và Bộ Y tế; tích cực, tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, đề cao tính nêu gương, lấy kết quả chất lượng là thước đo hoàn thành nhiệm vụ. Bên cạnh đó đề cao tính tổ chức, kỷ luật, hiệp đồng và tương trợ lẫn nhau trong quá trình biên soạn. trong mọi công việc của nhà trường, đoàn thể giao phó, làm việc có chất lượng.

Trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ được giao lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ, nhân viên các cơ quan đơn vị cần quán triệt và thực hiện một số nhiệm vụ theo phân cấp.

Đối với Thường vụ, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường nghiên cứu ra Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo công tác xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đổi mới chương trình đào tạo NVQYc. Trên cơ sở Nghị quyết lãnh đạo của Thường vụ, Đảng ủy Nhà trường, Hiệu trưởng đề ra kế hoạch thực hiện nhiệm vụ xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đổi mới chương trình đào tạo NVQYc. Tạo ra sự thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò của nội dung, chương trình đào tạo cũng như tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đổi mới chương trình, xây dựng tinh thần trách nhiệm cao của cả hệ thống chính trị trong công tác đổi mới chương trình đào tạo nhân viên quân y đại đội.

Hàng năm, căn cứ vào chỉ lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, hướng dẫn của TCHC. Nghị quyết của Thường vụ, Đảng ủy Nhà trường đánh giá toàn diện các mặt công tác, trong đó cần có nội dung đánh giá những điểm mạnh, hạn chế, bài học kinh nghiệm của công tác biên soạn chương trình đào tạo, qua đó chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng bổ sung kinh nghiệm, nâng cao chất lượng lãnh đạo công tác xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đổi mới chương trình đào tạo. Trong Nghị quyết của Thường vụ Đảng ủy ngoài các mặt lãnh đạo toàn diện cần xác định rõ chủ trương, nội dung lãnh đạo đối với hoạt động xây dựng chương trình đào tạo cho đối tượng NVQYc. Hội đồng khoa học là cơ quan tham mưu, tư vấn giúp Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hiệu trưởng chỉ đạo các hoạt động xây dựng, chỉnh lý biên soạn đổi mới chương trình đào tạo NVQYc. HĐKH cần phát huy vai trò tích cực chủ động hơn nữa trong việc đề xuất các nhiệm vụ biên soạn, trong việc theo dõi, chỉ đạo, thẩm định, đánh giá kết quả biên soạn đổi mới chương trình đào tạo NVQYc.

Đối với Phòng Đào tạo, là cơ quan thường trực của Hội đồng Khoa học Nhà trường, có trách nhiệm tham mưu giúp Đảng ủy, Ban Giám hiệu về hoạt

động xây dựng chương trình đào tạo, đồng thời là cơ quan chỉ đạo, hướng dẫn toàn bộ các hoạt động đào tạo của Nhà trường. Trên cơ sở những văn bản của Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ LĐTB&XH và Bộ Quốc phòng, căn cứ vào tính chất hoạt động đặc thù của Nhà trường cần chủ động tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám hiệu về công tác xây dựng kế hoạch, tổ chức lực lượng biên soạn, thành lập các Hội đồng, cần chú trọng xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy định về định mức, yêu cầu, tiêu chí đánh giá... Đảm bảo cho chương trình đào tạo NVQYc có tính khoa học cao và tuân thủ đúng các qui định hiện hành. Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng khoa học xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đổi mới chương trình đào tạo NVQYc của Nhà trường, chỉ đạo hoạt động biên soạn đi vào nền nếp, đạt hiệu quả cao.

Đối với Phòng Chính trị, với tư cách là cơ quan tham mưu giúp Đảng ủy, Ban Giám hiệu về hoạt động Công tác đảng, Công tác chính trị; đồng thời là cơ quan chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi toàn bộ hoạt động Công tác đảng, Công tác chính trị trong Nhà trường có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động Công tác đảng, Công tác chính trị trong đổi mới chương trình đào tạo NVQYc, đảm bảo cho các tài liệu đổi mới biên soạn chương trình đúng về định hướng chính trị, tư tưởng; bám sát các nghị quyết của các cấp ủy đảng. Cần chủ động nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách động viên khen thưởng và đưa kết quả xây dựng chương trình đào tạo NVQYc thành các tiêu chí đánh giá cán bộ, đảng viên và tổ chức một cách chặt chẽ, khoa học.

Đối với Ban Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo có trách nhiệm tham mưu giúp Đảng ủy, Ban Giám hiệu về chương trình đào tạo, đánh giá chất lượng giáo dục đào tạo; đồng thời là cơ quan theo dõi, phối hợp hoạt động xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đổi mới chương trình đào tạo đảm bảo cho chương trình có chất lượng tốt đáp ứng mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo đối tượng NVQYc.

Ban tài chính là cơ quan quản lý việc thu chi tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám hiệu về công tác tài chính của toàn trường; đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn các các cơ quan, đơn vị thanh, quyết toán các hợp đồng đúng thủ tục nguyên tắc, nhanh gọn, thuận lợi.

Các khoa giáo viên và đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục trong Nhà trường giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục - đào tạo, đồng thời là lực lượng trực tiếp tiến hành xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đổi mới chương trình đào tạo NVQYc. Vì vậy, từng cán bộ, giảng viên, cần phải nhận thức và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ giảng dạy và tham gia nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, chương trình đào tạo.

Xây dựng chương trình đào tạo và giảng dạy là hai hoạt động có tính độc lập tương đối nhưng quan hệ mật thiết với nhau không thể tách rời, chất lượng đào tạo, trực tiếp là chất lượng giảng dạy phụ thuộc vào chất lượng nghiên cứu khoa học, xây dựng chương trình của đội ngũ giảng viên trong Nhà trường. Mặt khác chính quá trình đào tạo, giảng dạy nảy sinh những vấn đề cấp thiết phải nghiên cứu bổ sung vào mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo. Thực tế trên, đòi hỏi phải phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động giảng dạy với hoạt động nghiên cứu khoa học, xây

dựng chương trình đào tạo. Muốn nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, nhất là chất lượng giảng dạy của các khoa, phải nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, xây dựng chương trình đào tạo của đội ngũ giảng viên, giáo viên. Các khoa giáo viên cần đề cao trách nhiệm trong việc mời các chuyên gia phụ trách quân y các đơn vị tham gia biên soạn góp phần nâng cao chất lượng chương trình đào tạo NVQYc.

*** Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, giảng viên xây dựng chương trình đào tạo đối tượng NVQYc**

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên của Trường CD Hậu cần là lực lượng nòng cốt tham gia vào quá trình nghiên cứu, biên soạn, xây dựng chương trình đào tạo. Vì thế, đội ngũ cán bộ, giảng viên phải luôn được đào tạo, học tập và tự học tập mới có thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ biên soạn, đổi mới chương trình đào tạo.

Do đó, phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên trong hoạt động xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo là giải pháp có ý nghĩa cấp thiết góp phần nâng cao chất lượng biên soạn, xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo ở Trường Cao đẳng Hậu cần 1 hiện nay.

Nội dung bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, giáo viên thực hiện nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo bao gồm hoạt động đào tạo và tự đào tạo. Đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn; đào tạo thông qua tập huấn, hội thảo, tham quan, thực tế. Bồi dưỡng khác với các đối tượng đào tạo khác, NVQYc có đặc trưng thời gian đào tạo ngắn, hoạt động độc lập, hoạt động liên tục sát bộ đội nhất. Vì vậy nếu không có kinh nghiệm thực tế, kiến thức lâm sàng phong phú sẽ khó khăn trong hoạt động xây dựng chương trình đào tạo.

Một trong những vấn đề quan trọng trong công tác đổi mới chương trình đào tạo NVQYc tại nhà trường là kinh nghiệm thực tế. Nhiều cán bộ, giảng viên, giáo viên chưa qua thực tế đơn vị, chưa nắm được hoạt động của NVQYc, sự thay đổi hoạt động của bộ đội và của NVQYc hiện nay... Do đó để nâng cao hiệu quả hoạt động xây dựng đổi mới chương trình đào tạo cần chú ý đến công tác bồi dưỡng năng lực thực tế. Để chương trình đào tạo NVQYc đảm bảo chất lượng, cần phải bồi dưỡng cán bộ làm công tác biên soạn, xây dựng chương trình về kinh nghiệm thực tiễn, năng lực thực tiễn. Cử cán bộ đi thực tế tại quân y tuyến đại đội, tiểu đoàn là giải pháp mang tính cấp thiết, khả thi cao.

*** Đổi mới nâng cao chất lượng quy trình xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc**

Một là, đổi mới, nâng cao chất lượng công tác kế hoạch xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc.

Xây dựng kế hoạch chỉnh lý, biên soạn chương trình NVQYc phải bám sát các căn cứ:

- Căn cứ vào Tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm của Đảng, Nhà nước, Quân đội; Bộ Y tế, Giáo dục – đào tạo, LĐTĐ&XH về phát triển giáo dục, y tế trong tình hình mới. Đặc biệt căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội đảng bộ Quân đội lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TCHC

lần thứ XII, Nghị quyết Đảng bộ Trường lần thứ XXIX; Nghị quyết 29 của Ban chấp hành trung ương; Nghị quyết 86, 89, 765 của Quân ủy trung ương; Thông tư 15/2018/TT-BQP; Thông tư 03 và 09 của Bộ LĐTB&XH; Luật GDNN; Chỉ lệnh huấn luyện đào tạo “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng SSCĐ của các đơn vị”; “Một tập trung – Ba khâu đột phá theo NQ Đảng ủy TCHC”;

- Căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu đào tạo đối tượng NVQYc của Nhà trường;
- Căn cứ vào nội dung, chương trình khung, chương trình môn học đã được Hội đồng khoa học Nhà trường, Cục Quân y – TCHC, Cục Nhà trường - BTM phê duyệt cho đối tượng NVQYc;
- Căn cứ vào yêu cầu về đổi mới chương trình đào tạo NVQYc, nhất là đổi mới phù hợp với chuẩn đầu ra;
- Căn cứ vào trình độ, kinh nghiệm, khả năng của lực lượng tham gia biên soạn, xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo NVQYc;
- Căn cứ vào kinh nghiệm giáo dục - đào tạo, nhất là kinh nghiệm xây dựng chương trình đào tạo của Nhà trường trong thời gian vừa qua để xây dựng kế hoạch biên soạn cho phù hợp;
- Căn cứ vào đề nghị của các bộ môn, khoa giáo viên về việc xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo;
- Căn cứ vào kết quả khảo sát, đánh giá về chương trình đào tạo NVQYc hiện hành.

Trong các nội dung trên, đặc biệt chú trọng đến chương trình đào tạo NVQYc hiện nay đã được Nhà trường, Cục Quân y, Cục Nhà trường phê duyệt; đồng thời, phải nghiên cứu các định hướng về phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển y tế của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng; phân tích kỹ các nhu cầu về đào tạo và chương trình đào tạo; những khó khăn và thuận lợi, điểm mạnh, hạn chế đối với chương trình đã biên soạn; các tổng kết, các bài học kinh nghiệm; tham khảo các khảo sát, hội thảo, lấy ý kiến của giảng viên và học viên, cán bộ quản lý nhân viên quân y đại đội... từ đó rút ra kết luận làm cơ sở để xây dựng kế hoạch biên soạn xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo NVQYc sát thực tiễn.

Hai là, tổ chức chặt chẽ việc xây dựng kế hoạch biên soạn chương trình đào tạo NVQYc theo phân cấp:

- Kế hoạch xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đổi mới chương trình đào tạo NVQYc phải nằm trong hệ thống kế hoạch xây dựng, chỉnh lý, bổ sung chương trình đào tạo của Nhà trường và được thực hiện ở các cấp độ: Kế hoạch của Nhà trường, kế hoạch của Khoa, kế hoạch của Bộ môn và kế hoạch của từng giảng viên, giáo viên.
- Đối với từng cấp, việc xây dựng kế hoạch biên soạn có sự phân cấp rõ ràng, với yêu cầu cụ thể khác nhau. Ở đây chỉ đề cập tới cách thức xây dựng kế hoạch biên soạn ở cấp Nhà trường và cấp Khoa.

- Ở cấp Nhà trường: Nhiệm vụ chính của việc xây dựng kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo là của Hội đồng khoa học Nhà trường, trong đó Phòng Đào tạo là cơ quan thường trực, thư ký giúp việc. Cách thức tiến hành xây dựng kế hoạch có thể tiến hành theo các bước như sau: Nắm rõ dự kiến nhiệm vụ biên soạn của Nhà trường trong năm theo thông báo của trên; tổng hợp đề xuất về nhiệm vụ biên soạn của các khoa, các cơ quan, của các thành viên Hội đồng khoa học; báo cáo xin ý kiến các thành viên HĐKH; hoàn chỉnh sơ bộ kế hoạch biên soạn trong năm; giúp Thủ trưởng Nhà trường tiến hành họp HĐKH thông qua kế hoạch biên soạn; sau khi đã có kết luận của HĐKH, Phòng Đào tạo hoàn chỉnh kế hoạch, trình Hiệu trưởng ký duyệt; tổ chức hội nghị giao nhiệm vụ nghiên cứu, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc. Xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo NVQYc là một vấn đề hết sức quan trọng, kế hoạch cần xác định rõ nhiệm vụ nghiên cứu của 5 năm, hàng năm; dự kiến được thuận lợi, khó khăn, kết quả đạt được và tác động đến hiệu quả chuẩn đầu ra.

- Ở cấp khoa, bộ môn: Hàng năm, các khoa căn cứ vào kế hoạch xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo của Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch biên soạn, chỉnh lý chương trình đào tạo NVQYc. Kế hoạch đó nằm trong kế hoạch nghiên cứu khoa học của khoa. Để kế hoạch xây dựng có tính khả thi cao, các khoa phải phân tích rõ thực trạng và nhu cầu, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên; tính toán đến khả năng thực hiện nhiệm vụ biên soạn chương trình của khoa (khả năng có thể thực hiện được, khả năng có thể huy động và liên kết để thực hiện được), khả năng đảm bảo của Nhà trường, của cấp trên.... Trên cơ sở đó xác định rõ những nội dung, chương trình phải biên soạn và tổ chức lực lượng biên soạn ra sao, từ đó xây dựng thành kế hoạch biên soạn (nằm trong kế hoạch nghiên cứu khoa học tổng thể của các khoa). Tuy nhiên cần có ý đồ chiến lược cho việc biên soạn chương trình của khoa trong 5 năm, sau đó chia ra các giai đoạn của từng năm cho phù hợp. Về phương pháp làm: Chủ nhiệm khoa (Trưởng Tiểu ban khoa học khoa) thông báo cho các thành viên trong Hội đồng khoa học suy nghĩ, đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu, biên soạn; sau đó tổng hợp và bổ sung ý kiến của cá nhân; báo cáo với Thủ trưởng Nhà trường (qua Phòng Đào tạo).

Xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu biên soạn, chỉnh lý chương trình đào tạo NVQYc là một vấn đề hết sức quan trọng. Vì vậy, cần tiếp tục đổi mới để bảo đảm cho công tác kế hoạch được tiến hành một cách chặt chẽ, khoa học, qua đó góp phần đổi mới nâng cao chất lượng xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo NVQYc ở Trường Cao đẳng Hậu cần 1 hiện nay.

- Nội dung kế hoạch biên soạn chương trình đào tạo NVQYc phải đảm bảo tính khoa học, thiết thực, khả thi. Nội dung của kế hoạch dù kế hoạch ở cấp nào, mốc thời gian nào, thì cũng phải tuân thủ các nội dung như sau:

+ Xác định rõ hệ thống mục tiêu cần đạt được của việc xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo. Hệ thống mục tiêu này cần được tiêu chí hóa một cách cụ thể theo từng chuyên ngành khoa học và đúng quy định của các đối tượng đào tạo của Nhà trường. Xác định mục tiêu một cách khoa học, hợp lý có ý nghĩa

hết sức quan trọng trong định hướng toàn bộ hoạt động xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đổi mới chương trình đào tạo.

- + Xác định cấu trúc các nội dung chương trình khung, chương trình chi tiết, chương trình môn học, nội dung bài học.

- + Xác định rõ các cá nhân, bộ phận thực hiện từng công việc trong toàn bộ quá trình. Chú ý sự hài hoà, thống nhất đồng bộ, không để chồng chéo trong thực hiện các công việc, các hoạt động khác.

- + Xác định rõ phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động của từng cá nhân, từng bộ phận.

- + Xác định rõ các khoảng thời gian thực hiện từng nội dung công việc từ khởi đầu đến kết thúc và sản phẩm.

- + Xác định rõ cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động biên soạn.

- + Kiểm tra các sản phẩm của giai đoạn lập kế hoạch và thông qua kế hoạch theo phân cấp quản lý.

Ba là, tổ chức hợp lý lực lượng xây dựng, chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo nhân viên quân y đại đội.

Sau khi có kế hoạch xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo, tổ chức lực lượng biên soạn có vai trò quan trọng trực tiếp quyết định chất lượng và tiến độ thực hiện kế hoạch.

Các thành viên tham gia biên soạn chương trình đào tạo phải là những cán bộ, giảng viên có đủ những tiêu chuẩn sau: Có uy tín sư phạm, có trình độ lý luận sâu rộng, có kinh nghiệm và thâm niên sư phạm, giỏi chuyên môn, am hiểu đối tượng đào tạo, ngành học, bậc học, cấp học; có năng lực, kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu thuộc chuyên ngành của nội dung, chương trình đó (thành viên Ban biên soạn phải có lý lịch khoa học đăng ký ở Phòng Đào tạo); có thể mời những cán bộ khoa học đầu ngành (có chức danh khoa học, học vị) hoặc những người có năng lực, giàu kinh nghiệm về các bộ môn khoa học, ngành học tham gia biên soạn. Trưởng tiểu ban xây dựng chương trình đào tạo phải là những cán bộ, giảng viên chuyên ngành, có trình độ thạc sĩ (hoặc tương đương), có kinh nghiệm giảng dạy, quản lý đào tạo, xây dựng chương trình tham gia biên soạn.

Hiệu trưởng ra quyết định lựa chọn các thành viên Ban biên soạn, thành lập các Ban để xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo. Trong các Ban biên soạn phải xác định rõ chủ biên và người biên soạn; Hiệu trưởng quyết định số lượng thành viên tham gia Ban biên soạn, chỉnh lý chương trình đào tạo hoặc cá nhân nhà khoa học biên soạn.

Hiệu trưởng quy định thành phần, tổ chức và hoạt động của Ban biên soạn chương trình đào tạo bằng văn bản.

Chủ biên, đồng chủ biên tổ chức biên soạn chương trình đào tạo theo đúng đề cương đã được Hiệu trưởng phê duyệt; chịu trách nhiệm về chương trình đào

tạo; tiếp thu, sửa chữa nội dung theo góp ý của các nhà khoa học và ý kiến kết luận của Hội đồng khoa học. Đề xuất với Hiệu trưởng thay thế hoặc bổ sung thành viên tham gia biên soạn chương trình đào tạo khi thấy cần thiết.

Tác giả (thành viên tham gia biên soạn) chịu trách nhiệm về chương trình đào tạo, chịu sự chỉ đạo về mặt chuyên môn của chủ biên hoặc đồng chủ biên và Hội đồng khoa học của Nhà trường trong quá trình biên soạn và về bản quyền tác giả theo quy định hiện hành của Nhà nước; tác giả có nghĩa vụ tuân thủ sự phân công công việc của chủ biên, đảm bảo trung thực và làm việc khoa học đối với phần được phân công viết, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ thời gian, sử dụng ngôn ngữ, văn phong,... Thống nhất chung của chương trình đào tạo.

Cần nghiên cứu sớm có cơ chế “tuyển chọn” cho phép các nhóm, cá nhân độc lập tham gia đăng ký biên soạn, chỉnh lý chương trình đào tạo. Theo cơ chế này thì cùng một đối tượng đào tạo có thể có nhiều nhóm tác giả hoặc cá nhân các nhà khoa học có thể đăng ký xây dựng, chỉnh lý, bổ sung chương trình đào tạo; trên cơ sở thuyết minh và khả năng của từng nhóm, từng cá nhân, Hội đồng khoa học của Nhà trường quyết định lựa chọn chương trình đào tạo phù hợp; chủ biên chịu trách nhiệm lựa chọn các thành viên, các nhà khoa học tham gia biên soạn. Nguyên tắc chung là bám sát chương trình khung đã được cấp trên phê duyệt.

Bốn là, nâng cao chất lượng xây dựng đề cương và tổ chức biên soạn chương trình đào tạo nhân viên quân y đại đội

Trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ biên soạn của Hiệu trưởng, Ban biên soạn (cá nhân) theo sự phân công tiến hành viết đề cương và bảo vệ đề cương trước Tiểu ban khoa học của khoa, bộ môn hoặc trước Hội đồng khoa học của Nhà trường. Đề cương phải xác định rõ tên chương trình, mục tiêu chung, mục tiêu môn học, bài học; khung chương trình, chương trình môn học, nội dung bài học; thời điểm kiểm tra định kỳ, hết môn học/học phần; lực lượng biên soạn và các mốc thời gian chính trong quá trình thực hiện. Khi viết đề cương, chủ biên phải xây dựng đề cương ban đầu, lấy ý kiến của tập thể thành viên. Sau khi có đề cương, chủ biên và tập thể biên soạn viết đề cương chi tiết, thống nhất trong Ban biên soạn.

Chủ biên chương trình đào tạo báo cáo đề cương với Hiệu trưởng (qua Phòng Đào tạo). Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng duyệt đề cương chương trình đào tạo theo phân cấp; theo chức năng, nhiệm vụ Hội đồng tổ chức hội nghị duyệt đề cương chương trình đào tạo.

Căn cứ vào đề cương đã được Hiệu trưởng phê duyệt, chủ biên và thành viên Ban biên soạn được giao nhiệm vụ, phân công viết bản thảo chương trình đào tạo.

Để việc biên soạn chương trình đào tạo đạt được chất lượng cao, chủ biên và người biên soạn phải xây dựng hồ sơ, tập hợp các tài liệu; tổng hợp các loại ý kiến của giảng viên, học viên, của các nhà khoa học... Quá trình biên soạn có thể tổ chức biên soạn thử một phần, một môn học để rút kinh nghiệm, sau đó mới tổ chức biên soạn toàn bộ bản thảo chương trình đào tạo cho toàn khóa học.

Việc biên soạn một bản thảo chương trình đào tạo cần được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, nghiêm túc: Lập kế hoạch; xây dựng đề cương, bảo vệ đề

cương, thông qua đề cương; biên soạn lần một, lần hai, lần ba theo từng phần, từng môn học, từng bài học cụ thể; song song với việc biên soạn, tiến hành biên tập và trình lên hội đồng thẩm định đánh giá, xét duyệt.

Nếu chương trình đào tạo do nhiều tác giả biên soạn thì chủ biên phải chịu trách nhiệm đọc lại tất cả các bản thảo để kiểm tra, (nếu cần, có thể bổ sung, sửa chữa) để có sự nhất quán về văn phong, về cấu trúc...

Làm tốt công tác biên tập bản thảo chương trình đào tạo nhằm đảm bảo bản thảo chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về chất lượng, nội dung, hình thức theo mục tiêu đã đặt ra; có thể tổ chức “biên tập lần lượt” sau khi xong toàn bộ bản thảo hoặc cũng có thể tổ chức “biên tập song song” sau khi biên soạn xong từng phần, từng môn học của chương trình đào tạo. Người biên tập phải đọc kỹ bản thảo đã viết, phát hiện vấn đề, bàn bạc, góp ý kiến kịp thời với tác giả, nhằm thực hiện đúng những yêu cầu đối với bản thảo.

Biên tập nhằm xử lý về các mặt: Cấu trúc mục tiêu, khung chương trình, nội dung chương trình, ngôn ngữ và hình thức trình bày của chương trình đào tạo. Đặc biệt về cấu trúc nội dung cần xem xét kiến thức đưa vào chương trình đào tạo có phù hợp với chương trình đã được cấp trên thông qua, phù hợp với mục tiêu, đối tượng đào tạo.

Khi biên tập người biên tập cần ghi rõ ý kiến của mình về những nội dung: Có phù hợp với đề cương không, có sai sót không, có lỗi chính tả và ngữ pháp không, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật chưa... Khi đạt đầy đủ các yêu cầu của một bản thảo mới đưa đánh máy hoặc chế bản điện tử để sơ duyệt.

Sau khi đánh máy xong bản sơ duyệt, nếu người biên tập phát hiện thấy các sai sót cần trực tiếp làm việc với tác giả để chỉnh sửa rồi đánh máy lại. Nếu thấy bản thảo đã đạt yêu cầu thì đưa in thử; nếu chưa đạt yêu cầu thì tổ chức biên tập vòng hai và làm phiếu biên tập vòng hai tương tự như biên tập vòng một. Khi bản thảo được biên tập bảo đảm đúng yêu cầu mới gửi lên Hội đồng khoa học xét duyệt cho ý kiến.

Năm là, thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc việc thẩm định, đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo NVQYc.

Trên cơ sở kết quả xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đổi mới nội dung chương trình đào tạo, đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định, đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo theo qui định.

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo thuộc phạm vi Nhà trường tổ chức biên soạn.

Hội đồng thẩm định, nghiệm thu được thành lập cho từng chương trình đào tạo. Hội đồng thẩm định đánh giá, cho ý kiến chi tiết về bản thảo trên các mặt: Mục tiêu, chương trình khung, chương trình chi tiết, chương trình môn học, nội dung bài học, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, nhân lực dạy học, vật chất phương tiện đảm bảo. Đặc biệt chú trọng đến yêu cầu, mục tiêu đào tạo. Hội đồng khoa học cần xem xét sự phù hợp của chương trình đào tạo với trình độ học tập

và giảng dạy của giảng viên học viên, có đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đào tạo và phương pháp dạy học bộ môn hay không. Sau khi được Hội đồng thẩm định, nghiệm thu đánh giá, Ban biên tập tiến hành sửa chữa, hoàn chỉnh bản thảo theo ý kiến của Hội đồng và nộp sản phẩm về Phòng Đào tạo, trình Hiệu trưởng phê chuẩn cho phép sử dụng.

Sử dụng, vận hành chương trình đào tạo NVQYc phải thực hiện đúng qui định về phân cấp biên soạn và quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ LĐTB&XH. Chương trình đào tạo NVQYc do Bộ Quốc phòng tổ chức biên soạn phải được Hội đồng thẩm định đánh giá, xét duyệt và phải được Bộ Quốc phòng phê chuẩn cho phép sử dụng.

Sáu là, làm tốt công tác sơ, tổng kết hoạt động biên soạn chương trình đào tạo nhân viên quân y đại đội.

Sơ, tổng kết là khâu cuối của một qui trình biên soạn chương trình đào tạo; đồng thời, là khâu cung cấp những căn cứ khoa học cho việc xây dựng kế hoạch biên soạn, chỉnh lý chương trình đào tạo những năm tiếp theo. Do vậy, lãnh đạo, chỉ huy các cấp cần coi trọng và thường xuyên làm tốt công tác sơ kết hàng năm và tổng kết 5 năm. Sơ kết hàng năm cần tập trung xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hàng năm, việc thực hiện tiến độ, chất lượng về mặt nội dung, chỉnh lý theo kế hoạch đã xác định, những điểm đổi mới, những vấn đề nảy sinh và cách tháo gỡ, giải quyết... Trên cơ sở đó xác định kế hoạch xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo của năm sau.

Tổng kết 5 năm cần đánh giá một cách toàn diện tất cả các mặt liên quan đến hoạt động xây dựng chương trình đào tạo, từ khâu xây dựng kế hoạch, tổ chức lực lượng biên soạn, xây dựng đề cương, tổ chức biên soạn, thẩm định, đánh giá, nghiệm thu; khảo sát số, chất lượng, những điểm mới so với chương trình trước, hiệu quả sử dụng thực tế, hạn chế cần khắc phục... Đánh giá chính xác những mặt mạnh yếu, hạn chế và nguyên nhân đồng thời rút ra các bài học kinh nghiệm có giá trị cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức hoạt động xây dựng chương trình đào tạo giai đoạn tiếp theo.

Trên đây là qui trình xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1. Khi tổ chức biên soạn, xây dựng phải căn cứ vào tình hình cụ thể để vận dụng cho phù hợp.

*** Đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1**

Trên cơ sở chương trình khung đào tạo y tá sơ cấp của Bộ Y tế, Bộ LĐTB&XH, Bộ Quốc phòng; chương trình đào tạo NVQYc do Bộ Quốc phòng phê duyệt năm 2016, chương trình đào tạo NVQYc hiện hành. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ LĐTB&XH (thông tư 03) về xây dựng chương trình đào tạo, ban đề tài đã đề xuất đổi mới chương trình đào tạo NVQYc ở Trường CD Hậu cần 1 như sau.

- Đổi mới mục tiêu đào tạo

Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể chương trình đào tạo NVQYc, mục tiêu môn học và mục tiêu cụ thể từng bài học. Mục tiêu đào tạo chung hướng người học hình thành kiến thức, kỹ năng và thái độ. Trong đó làm rõ, sâu sắc chính trị tư tưởng, tinh thần thái độ phục vụ của người của người chiến sĩ quân y cách mạng. Điểm mới ở mục tiêu đào tạo là xây dựng tổng thể, chi tiết, thống nhất mục tiêu chương trình, môn học, bài học theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ LĐTB&XH (thông tư 03). Đổi mới căn bản mục tiêu đào tạo từ nhân viên y tá phụ giúp y bác sĩ trong hoạt động chăm sóc sức khỏe bộ đội tuyển đại đội, tiểu đoàn sang mục tiêu đào tạo nhân viên quân y đại đội có năng lực chẩn đoán điều trị các nhóm bệnh đơn giản, thường gặp ở tuyến đại đội; cấp cứu vận chuyển thương binh, bệnh binh từ tuyến đại đội về tuyến sau đảm bảo an toàn; thực hiện công tác vệ sinh, phòng g dịch...bảo đảm sức khỏe cho bộ đội trong sinh hoạt, huấn luyện, chiến đấu.

+ Mục tiêu chung

Đào tạo nhân viên quân y đại đội từ những chiến sĩ trong quân đội, có phẩm chất đạo đức tốt, sức khỏe tốt, có trình độ văn hóa trung học cơ sở và trung học phổ thông để trở thành NVQYc đảm nhiệm công tác chăm sóc sức khỏe bộ đội tại tuyến đại đội.

+ Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

Có kiến thức và hiểu biết cơ bản về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm đường lối chính sách của Đảng, nhiệm vụ của LLVT; bản chất truyền thống Quân đội và ngành Quân y; pháp luật, quốc phòng - an ninh theo quy định của Bộ Quốc phòng đối với hệ đào tạo nhân viên quân y đại đội;

Nắm được một số nguyên tắc chiến thuật quân sự, hậu cần, quân y cấp đại độ, tiểu đoàn bộ binh để vận dụng vào công tác bảo đảm quân y trong thời bình và thời chiến; quy định, tiêu chuẩn của Quân đội về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bộ đội.

Nắm được những nội dung cơ bản của Điều lệnh quản lý bộ đội, điều lệnh đội ngũ; cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người; sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe;

Nắm được những kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh đơn giản, thường gặp ở tuyến đại đội;

Về kỹ năng

Rèn luyện thể lực đạt các tiêu chuẩn sức khỏe để phục vụ bộ đội trong huấn luyện, chiến đấu; thực hiện thành thạo các kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương tại tuyến đại đội;

Vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện tốt việc theo dõi, phát hiện, điều trị đơn giản, thường gặp cho bộ đội; phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu tại đơn vị; giới thiệu chuyên tuyến trên kịp thời các trường hợp bệnh vượt quá quy định và khả năng giải quyết ở tuyến quân y đại đội;

Sử dụng thuốc an toàn và hợp lý; xây dựng vườn thuốc nam, điều trị một số bệnh thông thường bằng Đông - Tây y kết hợp; tổ chức thực hiện tốt công tác vệ sinh, phòng bệnh và tuyên truyền giáo dục sức khỏe tại đại đội;

Về thái độ

Bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước, kỷ luật quân đội, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao;

Thường xuyên rèn luyện ý thức kỷ luật, tu dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và nếp sống trong sạch, lành mạnh, phấn đấu theo tiêu chuẩn "Chiến sĩ Quân y làm theo lời Bác";

Thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, qui định của Quân đội, yêu ngành, yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bộ đội. Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành Quân y;

Có tinh thần, thái độ nhanh nhẹn, khẩn trương, cẩn thận với công việc, ân cần chu đáo và tôn trọng thương bệnh binh, chiến sỹ và nhân dân. Khiêm tốn học hỏi, tích cực học tập vươn lên.

- Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo NVQYc (Phụ lục 9)

Trước hết, tiếp tục thực hiện tốt việc chuẩn hoá nội dung, chương trình đào tạo đối tượng NVQYc ở Trường CD Hậu cần 1, bám sát thực tiễn điều kiện huấn luyện, chiến đấu tại các đơn vị hiện nay; công tác chăm sóc sức khỏe bộ đội tại tuyến đại đội. Nội dung chương trình đào tạo NVQYc là bảng chi tiết năng lực cần đạt được trong quá trình đào tạo. Để NVQYc đạt mục tiêu đào tạo, đạt chuẩn năng lực cần thiết, chuẩn đầu ra chúng tôi xây dựng nội dung chương trình sát với mục tiêu đào tạo và yêu cầu của quân đội trong tình hình mới. Thực hiện đúng phương châm đào tạo "Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị".

Đổi mới nội dung chương trình đào tạo NVQYc là giải pháp quan trọng hàng đầu, là cơ sở để thực hiện vấn đề đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo, bởi xét về thực chất, phương pháp chính là sự vận động của chương trình đào tạo, nếu chương trình không đảm bảo được tính khoa học, tính hiện đại thì cũng khó có thể thực hiện đổi mới phương pháp, khó nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, trên cơ sở chương trình đã có, căn cứ vào mục tiêu, thực tiễn yêu cầu công tác chăm sóc bộ đội tại tuyến đại đội để tiếp tục cập nhật, bổ sung, sắp xếp, hiệu chỉnh cho phù hợp và hiệu quả. Trên cơ sở chương trình đào tạo được đổi mới, giảng viên cụ thể hoá, chi tiết hoá đề cương chi tiết của các môn học, bài học đối tượng NVQYc đảm bảo tốt tính khoa học, hiện đại, thiết thực. Nhà

trường tiến hành tập huấn và thống nhất cho toàn bộ đội ngũ nhà giáo trực tiếp dạy học NVQYc về chương trình mới xây dựng, chỉnh lý, biên soạn đổi mới.

Chương trình đào tạo, phương pháp dạy học là những yếu tố cơ bản nhất cấu thành quá trình đào tạo của một nhà trường, là cơ sở quan trọng quyết định chất lượng đào tạo NVQYc. Đây là những yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến hứng thú, động cơ học tập của học viên. Do vậy, khi xác định đổi mới chương trình đào tạo NVQYc, chúng tôi quan tâm trước tiên đến người học, phải trên cơ sở xem xét người học như một chủ thể chủ động, độc lập suy nghĩ và giúp họ phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp cũng như công việc sau này ra trường phải đảm nhiệm. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở đảm bảo logic khoa học, logic nhận thức, logic của sự phát triển kiến thức; phải đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp theo một chỉnh thể thống nhất đem đến sự hứng thú, say mê, lôi cuốn người học. Xây dựng chương trình đào tạo NVQYc theo tinh thần đảm bảo hợp lý nội dung lý thuyết, tăng nội dung thực hành, rèn luyện kỹ năng thực hành cho học viên; cung cấp một khối lượng kiến thức cơ bản, có trọng tâm, trọng điểm và mang tính cập nhật thiết thực, không nhồi nhét thông tin, gây hiện tượng quá tải đối với người học; có tỷ lệ nhất định thời lượng cho học viên tự học, tự nghiên cứu (có giáo viên hướng dẫn hoặc không). Đổi mới chương trình gắn với thực tiễn lâm sàng, thực tiễn huấn luyện, chiến đấu của bộ đội, tình hình dịch Covid-19 hiện hành.

Xây dựng chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo, nhận thức của người học có vai trò rất quan trọng tới chất lượng đào tạo. Chương trình đào tạo phải thể hiện rõ tính hệ thống, logic, toàn diện và khoa học. Theo đó, một cấu trúc phải thực sự hợp lý bao hàm cả những nội dung có tính nguyên lý, những kiến thức chuyên sâu và tính thực tiễn.

Chương trình đào tạo phải thể hiện được hình thức, đối tượng và phương pháp dạy học. Hòa chung với dòng đổi mới trong nhận thức và thực tiễn đào tạo, chúng tôi xây dựng nội dung, chương trình hướng đào tạo là lấy người học làm trung tâm, phát huy được mạnh mẽ nhất tính tích cực của người học; người thầy là nhà đạo diễn, tổ chức, quản lý, định hướng quá trình dạy học. Vì vậy, trong chương trình đào tạo mới có lượng kiến thức nhất định mang yếu tố mở để người học tự nghiên cứu, giải quyết, tự học, tự đào tạo, tự hoàn thiện.

Quá trình xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo NVQYc chúng tôi đặc biệt chú trọng đến yếu cầu về tính phù hợp giữa mục tiêu và nội dung với mục tiêu đào tạo, chuẩn năng lực, chuẩn đầu ra. Phải đảm bảo tính toàn diện về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Chúng tôi tiến hành lược bớt các nội dung vượt quá tầm nhận thức của học viên NVQYc, những nội dung không phù hợp, đồng thời tăng cường các nội dung ứng dụng sát thực tiễn, bệnh mới, bệnh hay gặp, nhiệm vụ chức trách, giúp ích cho thực hiện công tác tại tuyến đại đội. Tăng thời gian, tăng số buổi học thực hành để các em có điều kiện học trực quan góp phần nâng cao chất lượng học tập môn học, đồng thời áp dụng phương pháp dạy học có hướng dẫn của giáo viên, dạy kết hợp cả lý thuyết và thực hành, giúp học viên hình thành năng lực, kỹ năng và thái độ.

Ban đề tài cũng đã đề xuất xây dựng chương trình khung, chương trình chi tiết, chương trình môn học, bài học với thời lượng phù hợp với đối tượng NVQYc đào tạo trong thời gian 6 tháng. Đưa thời gian thi, kiểm tra các môn học vào trong chương trình đào tạo. Tăng số tiết các môn học kỹ thuật điều dưỡng, bệnh học nội, vệ sinh phòng dịch, tổ chức chỉ huy quân y, 5 kỹ thuật cấp cứu để phù hợp với đặc điểm huấn luyện, chiến đấu của bộ đội và tình hình dịch Covid-19 hiện nay. Bổ sung nội dung huấn luyện đêm 5 kỹ thuật cấp cứu vào môn học 5 kỹ thuật cấp cứu để phù hợp với thực tiễn huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu tại các đơn vị; bổ sung nội dung triệu chứng, xử trí nhiễm Covid-19 vào môn bệnh học nội; biện pháp phòng dịch Covid-19 vào môn học vệ sinh phòng dịch; lấy bệnh phẩm xét nghiệm Covid-19 vào môn Kỹ thuật điều dưỡng; thiết kế nội dung dạy học có hướng dẫn của giáo viên một số môn học nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tự ôn qua đó nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng nhân viên quân y đại đội.

- Nội dung, chương trình đào tạo NVQYc đề xuất đổi mới (phụ lục 10)

+ Số lượng môn học: 13 môn.

+ Khối lượng lý thuyết: 267 tiết; thực hành, thực tập: 328 tiết; thi, kiểm tra: 48 tiết; tổng: 643 tiết; tự học có hướng dẫn giáo viên: 52 tiết (Giải phẫu – Sinh lý, 5 Kỹ thuật cấp cứu, Quân sự chung – giáo dục thể chất, Tổ chức chỉ huy quân y).

+ So sánh khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

. Số lượng môn học: Không thay đổi (13 môn học).

. Khối lượng kiến thức toàn khóa học: Tăng 64 tiết, thực chất chỉ tăng 16 tiết, vì có 48 tiết thi, kiểm tra chương trình cũ không đưa vào.

. Khối lượng lý thuyết: Tăng 17 tiết.

. Khối lượng thực hành, thực tập: Giảm 1 tiết.

. Tổng thời gian: 6 tháng.

+ Một số môn học có nội dung đổi mới quan trọng:

. Môn bệnh học nội: Bổ sung nội dung triệu chứng, xử trí nhiễm Covid-19.

. Môn Giải phẫu – Sinh lý: Bổ sung nội dung hướng dẫn tự học có hướng dẫn giáo viên

. Môn Quân sự chung – Giáo dục thể chất: Bổ sung nội dung hướng dẫn tự học có hướng dẫn giáo viên.

. Môn Điều dưỡng cơ bản: Bổ sung nội dung lấy bệnh phẩm xét nghiệm Covid-19.

. Môn Vệ sinh – Phòng dịch: Bổ sung nội dung biện pháp phòng chống dịch Covid-19.

. Môn 5 kỹ thuật cấp cứu: Bổ sung nội dung huấn luyện đêm 5 kỹ thuật cấp cứu; hướng dẫn tự học có hướng dẫn giáo viên.

. Môn Tổ chức chỉ huy quân y: Bổ sung nội dung huấn luyện đêm, tự học có hướng dẫn giáo viên.

. Diễn tập học viên cuối khóa: Bổ sung nội dung huấn luyện đêm.

- **Hướng dẫn sử dụng chương trình** (Tham khảo chương trình chi tiết)

2.2.2. Đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, tài liệu đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1

2.2.2.1. Vị trí, vai trò của giải pháp

Giáo trình, tài liệu dạy học là các công trình khoa học, cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng và thái độ quy định trong chương trình đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu dạy và học trong các nhà trường; đồng thời là một trong những thành tố có vai trò đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả của công tác giáo dục - đào tạo trong các nhà trường. Trong những năm qua, giáo dục - đào tạo có chuyển biến tích cực, tuy nhiên chất lượng, hiệu quả giáo dục toàn diện có mặt còn chưa theo kịp, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục chậm đổi mới chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn cuộc sống.

Để nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo toàn diện, cần tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó đổi mới hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo trình, tài liệu dạy học là nội dung, giải pháp quan trọng, là một trong những nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên của các nhà trường.

Hiện nay các nhà trường trong quân đội đang tiếp tục đẩy mạnh ba khâu đột phá, trong đó xác định đột phá huấn luyện, đào tạo được xem là khâu đột phá chiến lược. Thực hiện huấn luyện đào tạo theo phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”. Để thực hiện được yêu cầu mới của nhiệm vụ đào tạo trong các nhà trường quân đội, cần phải đổi mới mạnh mẽ giáo dục - đào tạo, trong đó đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học là một trong những nội dung, giải pháp quan trọng có ý nghĩa cấp thiết cho việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các nhà trường Quân đội.

Trường Cao đẳng Hậu cần 1 trong những năm qua đã có nhiều cố gắng trong biên soạn, tái bản giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo. Quá trình tổ chức biên soạn được tiến hành tương đối chặt chẽ theo qui trình thống nhất trong toàn trường, các giáo trình, tài liệu dạy học do Nhà trường tổ chức biên soạn trong thời gian qua cơ bản đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng khá, sát đặc điểm đối tượng đào tạo.

Tuy nhiên, trước sự yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường thời kỳ mới, đòi hỏi phải có giáo trình, tài liệu dạy học có chất lượng cao. Trong bối cảnh đó, hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học ở Trường CĐ Hậu cần 1 cho đối tượng NVQYc thời gian qua vẫn còn một số bất cập. Một số khâu, một số bước của qui trình biên soạn tiến hành chưa tốt; tính cập nhật, tính hiện đại, tính khái quát, tính khoa học, tính sư phạm còn hạn chế; tính phù hợp thực tiễn có mặt chưa cao; số lượng giáo trình, tài liệu dạy học còn ít ... Vì vậy, việc đẩy mạnh công

tác biên soạn giáo trình, tài liệu đào tạo nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1 có ý nghĩa hết sức quan trọng. Cùng với đổi mới chương trình đào tạo, đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, tài liệu sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng nhân viên quân y đại đội, đáp ứng mục tiêu đào tạo, đạt chuẩn năng lực, chuẩn đầu ra.

Việc biên soạn, xuất bản được các giáo trình, tài liệu đảm bảo chất lượng, khoa học sẽ góp phần:

- Nâng cao chất lượng đào tạo. Nhờ có giáo trình, tài liệu, học viên sẽ có thêm tài liệu để phục vụ việc tự học, giúp phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của học viên. Nhờ có giáo trình, tài liệu, giảng viên có nhiều điều kiện để đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, bồi dưỡng.

- Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên. Thông qua việc biên soạn, xuất bản các giáo trình, tài liệu sẽ giúp từng bước nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên. Thậm chí, có thể thúc đẩy hình thành các nhóm chuyên gia gắn với từng chuyên môn cụ thể.

- Quảng bá, khẳng định thương hiệu của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng. Việc chủ động biên soạn, xuất bản hệ thống giáo trình, tài liệu đảm bảo chất lượng, khoa học, phù hợp với đặc thù chuyên môn của nhà trường không chỉ giúp cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chủ động được nguồn giáo trình, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, bồi dưỡng mà còn góp phần quảng bá, khẳng định chất lượng, thương hiệu, hình ảnh của nhà trường trước học viên và xã hội.

Nhiều cơ sở đào tạo, bồi dưỡng coi việc biên soạn, xuất bản giáo trình, tài liệu là yêu cầu bắt buộc, là cam kết của cơ sở về năng lực và chất lượng đào tạo, bồi dưỡng để xã hội giám sát.

Đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo đối tượng nhân viên quân y đại đội tại trường Cao đẳng Hậu cần 1 trên cơ sở tuân thủ quy định chung về biên soạn giáo trình, tài liệu; tái bản giáo trình, tài liệu cần tập trung chủ yếu những nội dung như căn cứ đẩy mạnh hoạt động biên soạn giáo trình tài liệu, các bước chung, các giải pháp chung, các nội dung đổi mới giáo trình đào tạo NVQYc nhằm nâng cao chất lượng đào tạo NVQYc, đáp ứng mục tiêu đào tạo, đạt chuẩn năng lực NVQYc tại tuyến quân y đại đội.

2.2.2.2. Nội dung, biện pháp cụ thể

a) Căn cứ biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1

Giáo trình, tài liệu dạy học là công cụ chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ dạy học trong các nhà trường. Giáo trình, tài liệu dạy học có vị trí, vai trò to lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo.

Về mặt thuật ngữ, theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, giáo trình là “Tài liệu giảng dạy - học tập, được dùng trong các nhà trường, nhưng chỉ có tính chất nội bộ; chưa được Nhà nước công nhận là tài liệu giảng dạy - học tập chính thức”.

Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam, cho rằng: Giáo trình quân sự là “Tài liệu học tập, giảng dạy dùng trong các trường quân đội và môn học quốc phòng trong các nhà trường ngoài quân đội; được trình bày một cách có hệ thống, nhất quán, tương đối trọn vẹn và sâu về những tri thức cơ bản, hiện đại của một bộ môn khoa học trong lĩnh vực quân sự. Giáo trình quân sự có thể dùng cho nhiều đối tượng trong bậc giáo dục chuyên nghiệp, đại học, sau đại học; được biên soạn theo quyết định của các cấp có thẩm quyền: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, liên Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng (Giám đốc) các nhà trường (học viện) quân đội”.

Luật Giáo dục năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, điểm 2, Điều 41, chỉ rõ: “Giáo trình, tài liệu cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình giáo dục đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục, đáp ứng yêu cầu về phương pháp giáo dục. Hiệu trưởng các trường tổ chức biên soạn hoặc tổ chức lựa chọn; duyệt giáo trình giáo dục để sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức trong trường trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình do Hiệu trưởng thành lập để bảo đảm có đủ giáo trình giảng dạy, học tập”.

Trong thời đại ngày nay, các quốc gia, dân tộc đều nhận rõ vai trò to lớn của giáo dục đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, coi phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Để nâng cao chất lượng giáo dục, cần coi trọng nâng cao chất lượng tất cả các thành tố của quá trình giáo dục, trong đó đổi mới nâng cao chất lượng biên soạn giáo trình, tài liệu học được quan tâm đặc biệt. Tổ chức UNESCO đã đánh giá giáo trình, tài liệu là một trong ba nhân tố tác động mạnh mẽ nhất, quyết định chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Cho đến nay, hầu hết các Nhà trường đều có những quy định khá chi tiết về việc biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học. Để thống nhất hoạt động biên soạn giáo trình tài liệu, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Thông tư số 4/2011/TT - BGD&ĐT ngày 28 tháng 01 năm 2011 “Thông tư ban hành quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình giáo”, trong đó quy định chi tiết về qui trình biên soạn, yêu cầu phải đạt được của giáo trình, tài liệu học tập.

Trong quân đội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã có Chỉ thị số 30/2006/CT-BQP “Về việc tổ chức nghiên cứu, biên soạn hoàn thiện hệ thống tài liệu huấn luyện, tài liệu dạy học trong quân đội”, nhằm thống nhất chỉ đạo, quản lý hoạt động biên soạn trong toàn quân.

Vấn đề đổi mới nâng cao chất lượng biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học đã có nhiều công trình nghiên cứu góp phần quan trọng cung cấp luận cứ khoa học cho hoạt động đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo.

Tác giả Phạm Văn Lâm với nghiên cứu “Đánh giá một giáo trình đại học”, tác giả Nguyễn Xuân Lạc với nghiên cứu “Sách giáo khoa trong giáo dục hiện đại” và tác giả Phan Trọng Luận trong nghiên cứu “Quan niệm về sách giáo khoa thế kỷ XXI” đã đi sâu nghiên cứu phân tích những yêu cầu phải đạt được của một giáo trình, theo các tác giả: Giáo trình được coi là có chất lượng tốt khi có qui trình biên

soạn, thẩm định chặt chẽ khoa học, đáp ứng được những tiêu chí về tính cơ bản, tính hệ thống, tính cập nhật, tính hiện đại, tính giáo dục, tính thẩm mỹ...

Tác giả Nguyễn Sinh Huy trong nghiên cứu “Sách giáo khoa và vấn đề hình thành nhân cách học sinh” đã chỉ ra vai trò to lớn không thể thiếu của sách giáo khoa, giáo trình trong quá trình dạy và học của cả thầy và trò, cũng như tác động của nó tới việc phát triển, hoàn thiện nhân cách của học sinh. Các tác giả Phạm Viết Vượng, Thái Duy Tuyên, Nguyễn Văn Hộ, quan niệm giáo trình tài liệu học tập là những công trình khoa học của các nhà khoa học.

Tác giả Đặng Đức Thắng, Trần Đình Tuấn, Nguyễn Văn Chung, Mai Văn Hoá, có chung quan niệm cho rằng: Giáo trình, tài liệu là một công trình khoa học chọn lọc, tổng kết, hệ thống hoá các thành tựu của khoa học chuyên ngành, được trình bày theo chương trình môn học và mục tiêu, yêu cầu đào tạo; là những tài liệu cơ bản, chính thống dùng để giảng dạy và học tập trong hệ thống các nhà trường trong và ngoài quân đội.

Đề tài cấp Bộ Quốc phòng “Cơ sở khoa học và phương pháp biên soạn giáo trình, sách giáo khoa quân sự” do Học viện Quốc phòng triển khai nghiên cứu năm 1997 đã chỉ ra những vấn đề lý luận cơ bản của hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu trong các nhà trường quân đội.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của giáo trình, tài liệu dạy học và biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học; Bộ Quốc phòng và các cơ quan tham mưu đã chỉ đạo và tăng kinh phí để đầu tư nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng của biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học trong các nhà trường quân đội.

Nhìn chung các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài quân đội đã phân tích làm sáng tỏ vai trò quan trọng của giáo trình, tài liệu dạy học cũng như những yêu cầu cơ bản của giáo trình, tài liệu dạy học, chỉ ra được một số vấn đề trong biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học. Là căn cứ khoa học cho việc tiếp tục đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Nghiên cứu các văn bản pháp quy, các công trình nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng đề xuất quy trình, giải pháp đẩy mạnh biên soạn giáo trình, tài liệu cho đối tượng NVQYc tại Nhà trường.

b) Các bước biên soạn giáo trình, tài liệu

Nghiên cứu các quy định về quy trình biên soạn giáo trình, tài liệu Ban đề tài đề xuất các bước chung để biên soạn các giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.

- Bước 1: Đăng ký biên soạn giáo trình, tài liệu

+ Đầu tháng 10 hàng năm, các khoa gửi danh mục đăng ký, thuyết minh biên soạn giáo trình, tài liệu, dự toán (được khoa thông qua) và biên bản họp khoa về Ban Khoa học Quân sự.

+ Trên cơ sở đề nghị của các khoa, bộ môn trực thuộc Trường và đề xuất của Ban Khoa học Quân sự, Hiệu trưởng chỉ đạo, tổ chức phê duyệt kế hoạch biên soạn

giáo trình, tài liệu để phục vụ giảng dạy, học tập cho các học phần trong chương trình đào tạo của Trường.

+ Sau khi được phê duyệt Chủ biên xây dựng tiến độ thực hiện việc biên soạn gửi về Ban Khoa học Quân sự để theo dõi và quản lý.

- Bước 2: Xây dựng hợp đồng biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy

Chủ biên soạn hợp đồng biên soạn giáo trình, tài liệu với Hiệu Trưởng, thông qua Ban Khoa học Quân sự trình Hiệu Trưởng ký.

- Bước 3: Thực hiện biên soạn giáo trình, tài liệu.

+ Chủ biên và các thành viên tham gia biên soạn chịu trách nhiệm thực hiện việc biên soạn theo đúng thuyết minh đã gửi về Ban Khoa học Quân sự và theo hợp đồng đã ký kết.

+ Trong quá trình biên soạn nếu có điều chỉnh phải thông báo kịp thời bằng văn bản về Ban Khoa học Quân sự để trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.

+ Trong quá trình biên soạn, nhóm biên soạn tổ chức họp chuyên môn lấy góp ý của khoa/bộ môn, và phải được khoa thông qua về nội dung (có biên bản họp của khoa, bộ môn). Kết hợp với Ban Khoa học Quân sự tổ chức hội thảo cấp trường (đối với giáo trình, tài liệu) hoặc cấp Khoa/Bộ môn (đối với các tài liệu khác) với sự tham gia của các giảng viên Khoa/Bộ môn và mời một số các chuyên gia khác trong và ngoài Trường để lấy ý kiến đóng góp.

+ 03 tháng 1 lần kể từ lúc được phê duyệt kế hoạch biên soạn, chủ biên phải làm báo cáo tiến độ thực hiện việc biên soạn giáo trình, tài liệu mình đã đăng ký bằng văn bản kèm theo minh chứng gửi Ban Khoa học Quân sự để ban quản lý và báo cáo Hiệu trưởng.

- Bước 4: Gửi bản thảo và thẩm định giáo trình, tài liệu.

+ Căn cứ theo danh mục đăng ký và thuyết minh biên soạn giáo trình, tài liệu của Chủ biên, sau khi nhận được bản thảo và tờ trình xin đề nghị thẩm định của chủ biên, Ban Khoa học Quân sự chịu trách nhiệm đọc bản thảo so sánh với mẫu đề cương chi tiết và biên bản hội thảo cấp Trường của Chủ biên đã gửi kèm thuyết minh biên soạn giáo trình, tài liệu và làm báo cáo trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình.

+ Ban Khoa học Quân sự là đầu mối liên hệ tới các thành viên thuộc Hội đồng thẩm định, lập kế hoạch thời gian tiến hành thẩm định giáo trình. Hội đồng thẩm định giáo trình tổ chức thẩm định giáo trình theo quy định;

+ Trong vòng 3 ngày kể từ khi họp Hội đồng thẩm định, ủy viên thư ký phải tập hợp và chuyển toàn bộ Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình, Phiếu đánh giá giáo trình, Bản nhận xét của các ủy viên phản biện đến Ban Khoa học Quân sự để làm báo cáo trình Hiệu trưởng cho ý kiến và chuyển lại cho nhóm biên soạn chỉnh sửa.

+ Đối với những giáo trình tái bản có bổ sung sửa chữa dưới 30% và tài liệu phục vụ học tập, Nhà trường sẽ không thành lập Hội đồng thẩm định và sẽ chỉ mời 01 Phản biện đọc duyệt và cho ý kiến.

+ Trong vòng 30 ngày kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định giáo trình, Ban biên soạn giáo trình sẽ tiến hành chỉnh sửa trên cơ sở những ý kiến đóng góp được nêu ra trong cuộc họp thẩm định. Nhóm biên soạn phải gửi về Ban Khoa học Quân sự 03 bản thảo giáo trình và 02 bản giải trình chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng thẩm định.

+ Hiệu trưởng căn cứ theo báo cáo của Ban Khoa học Quân sự và biên bản giải trình chỉnh sửa của tác giả để xem xét, quyết định nghiệm thu, cho phép in, xuất bản giáo trình, tài liệu.

- Bước 5: Ban Khoa học Quân sự cùng chủ biên tiến hành thanh lý hợp đồng.

- Bước 6: Làm thủ tục in ấn.

+ Giáo trình, tài liệu sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt cho phép xuất bản, chủ biên kiểm tra lại lần cuối và gửi bản mềm cho Ban Khoa học Quân sự để chuyển đến Nhà xuất bản làm thủ tục in ấn.

+ Bìa và số lượng in sẽ do Hiệu trưởng quyết định. Khổ in theo quy định thống nhất của trường, (khổ giấy 16x24cm, 21x29,7cm).

c) Một số biện pháp đẩy mạnh biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1

Trong những năm qua, hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học nói chung ở Trường Cao đẳng Hậu cần 1 đã được triển khai thực hiện thành nền nếp, số lượng ngày càng tăng, chất lượng được nâng lên, bảo đảm được tính thống nhất các đơn vị kiến thức cơ bản với giáo trình chuẩn; đồng thời thể hiện được tính đặc thù trong đào tạo chuyên ngành cho từng đối tượng cụ thể ở Trường CĐ Hậu cần 1; thiết thực góp phần nâng cao chất lượng đào tạo các đối tượng tại Nhà trường. Tuy nhiên, qua tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội XXVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 của Nhà trường về công tác biên soạn giáo trình tài liệu cho thấy: Năng lực, kinh nghiệm biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học của một số thành viên ban biên soạn còn hạn chế; công tác quản lý quy trình biên soạn có khâu, có bước chưa chặt chẽ; sự phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng trong triển khai biên soạn, in ấn, xuất bản có mặt còn chưa thống nhất, còn có sự chòng chéo về chức năng, nhiệm vụ; một số giáo trình, tài liệu dạy học còn biểu hiện trùng lặp nội dung giữa các môn học, cấp học, bậc học; quy cách trình bày một số giáo trình, tài liệu dạy học chưa thống nhất, chính quy; đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra; giáo trình tài liệu một số đối tượng thiếu tính cập nhật; công tác tái bản giáo trình, tài liệu còn chậm...

Trong thời gian tới, trước sự tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư, hệ thống thông tin, tri thức trên các lĩnh vực khoa học được con

người nghiên cứu, khám phá, sáng tạo với tốc độ nhanh; khối lượng thông tin và tri thức ngày càng tăng lên. Quân đội đang trong quá trình tiến lên chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Đặc điểm huấn luyện, chiến đấu của bộ đội ngày càng thay đổi nhanh chóng. Tình hình dịch bệnh ngày càng phức tạp, khó lường... Do đó, vấn đề đặt ra trong biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học cần phải thường xuyên, kịp thời cập nhật thông tin, tri thức khoa học mới, nhằm đáp ứng chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chuẩn hóa, hiện đại hóa nhằm đáp ứng đào tạo nhân viên quân y phù hợp tình hình mới. Vì vậy, để đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học nói chung và giáo trình, tài liệu đào tạo nhân viên quân y đại đội nói riêng ở Trường Cao đẳng Hậu cần 1 cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng đối với công tác biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học

Phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng, đề cao trách nhiệm cán bộ chủ trì các cấp, tạo chuyển biến cơ bản về thái độ trách nhiệm và chất lượng hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu cho cán bộ, giảng viên là một giải pháp quan trọng, cần thiết. Trên cơ sở thống nhất về nhận thức tạo ra sự chuyển biến về trách nhiệm, phát huy tính tích cực, chủ động, khắc phục khó khăn để tổ chức thực hiện có hiệu quả hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học.

Các tổ chức, các lực lượng, cán bộ chủ trì các cấp trong Nhà trường có vai trò quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ biên soạn giáo trình, tài liệu. Để phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ chủ trì các cấp, tạo chuyển biến cơ bản về trách nhiệm và chất lượng biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học ở Trường Cao đẳng Hậu cần 1 hiện nay cần phải phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng; cán bộ chủ trì cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học; nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của các ban biên soạn, của hội đồng khoa học duyệt đề cương, thẩm định, nghiệm thu, của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý biên soạn, biên tập giáo trình, tài liệu dạy học cho các đối tượng, trong đó có đối tượng NVQYc.

Hai là, đổi mới, hoàn thiện công tác quản lý, quy trình tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học

Đẩy mạnh công tác đổi mới quản lý biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học: Trước hết, phải đổi mới việc phân công trách nhiệm quản lý. Công tác quản lý biên soạn giáo trình, tài liệu bao gồm: quá trình quản lý của khoa giáo viên và quá trình quản lý của cơ quan chức năng. Tuy nhiên, các khâu quản lý, nội dung quản lý của khoa giáo viên và cơ quan chức năng có khác nhau do chức năng, nhiệm vụ của mỗi đơn vị này là khác nhau.

Đối với các khoa giáo viên: Căn cứ vào trình độ phát triển tri thức của khoa học chuyên ngành, nhu cầu tài liệu học tập môn học của học viên, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của khoa, cần dự kiến kế hoạch tổng thể biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học bộ môn.

Đối với cơ quan chức năng: Trực tiếp là Ban Khoa học quân sự có trách nhiệm quản lý toàn bộ việc nghiên cứu, biên soạn giáo trình, tài liệu theo quy định chung của Bộ Quốc phòng. Phải quản lý cả việc thẩm định nội dung, quyền phát hành, sử dụng giáo trình, tài liệu dạy học cùng với việc sử dụng kinh phí trong chỉ tiêu (theo quy định của ngành tài chính). Việc phân công phải tuân thủ theo quy định của Bộ Quốc phòng, vừa thuận lợi cho quản lý, tránh chồng chéo, không hiệu quả. Bên cạnh đó, phải đổi mới quá trình xây dựng kế hoạch biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học. Trên cơ sở các khoa đề xuất, Ban Khoa học quân sự trực tiếp xây dựng kế hoạch biên soạn bảo đảm tính khoa học, hợp lý và triển khai nhiệm vụ biên soạn cho các khoa, cá nhân (chủ biên, thành viên ban biên soạn) bảo đảm kịp thời và chính xác. Làm tốt khâu này sẽ góp phần hạn chế và từng bước khắc phục được tình trạng khi lập kế hoạch chưa nắm rõ thực tế nhu cầu, chưa bám sát nhu cầu và hệ quả là kế hoạch phải điều chỉnh, bổ sung ngay bước đầu triển khai biên soạn. Đồng thời, phải đổi mới nội dung quản lý biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học (quản lý khối lượng, tiến độ thời gian; quản lý chất lượng chuyên môn; quản lý hành chính biên soạn; quản lý biên tập, xuất bản).

Đẩy mạnh công tác đổi mới, hoàn thiện quy trình biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học: Quá trình thực hiện quy trình gồm các nội dung, cách thức, biện pháp tiến hành được tuân thủ theo các bước cụ thể, khoa học, phù hợp với mục đích, yêu cầu quá trình nghiên cứu, biên soạn. Quy trình này được áp dụng triệt để sẽ khắc phục được sự tùy tiện, máy móc trong biên soạn giáo trình, tài liệu, giúp cho hoạt động nghiên cứu, biên soạn có hiệu quả hơn. Mục đích xây dựng và hoàn thiện quy trình quản lý nhằm chuẩn hoá, cụ thể hóa mục tiêu, chương trình, nội dung chi tiết; nghiên cứu, xây dựng mô hình, biên soạn giáo trình, tài liệu cho từng môn học, lấy đó làm tài liệu nền tảng cho việc dạy và học. Đưa các giáo trình, tài liệu dạy học của từng môn học, ngành học vào giảng dạy, học tập thống nhất trong Học viện. Đồng thời, phát huy tính sáng tạo, tự học và tự nghiên cứu của giảng viên và học viên. Biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học là một trong những nội dung quan trọng của công tác nghiên cứu khoa học, cần tuân thủ quy trình hoạt động giống như một đề tài nghiên cứu khoa học, bao gồm: Triển khai thực hiện kế hoạch duyệt đề cương và lựa chọn, giao nhiệm vụ cho ban biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học; Thực hiện nghiêm túc, có chất lượng khâu thẩm định cấp khoa và đánh giá, nghiệm thu cấp trường, cấp Cục, Tổng cục, Bộ Quốc phòng; Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác biên tập, in, xuất bản giáo trình tài liệu dạy học.

Ban đề tài đề xuất quy trình biên soạn giáo trình, tài liệu qua 6 bước (đã trình bày ở trên).

Ba là, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ biên soạn, quản lý giáo trình, tài liệu dạy học

Đội ngũ cán bộ khoa học của Trường CD Hậu cần 1 là lực lượng nòng cốt tham gia vào quá trình nghiên cứu, biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học. Vì thế, đội ngũ cán bộ khoa học phải luôn được học tập và tự học tập mới có thể huấn luyện, đào tạo ra đội ngũ chuyên môn kỹ thuật quân đội có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Do đó, phát huy vai trò của đội ngũ

cán bộ khoa học và đội ngũ cán bộ biên tập, xuất bản trong hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học là giải pháp có ý nghĩa cơ bản, lâu dài và cấp thiết góp phần nâng cao chất lượng biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học ở Trường Cao đẳng Hậu cần 1 hiện nay.

Để nâng cao phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ khoa học và cán bộ quản lý, biên tập trong biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học, cần phải phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy đối với bồi dưỡng, nâng cao năng lực, phẩm chất, kinh nghiệm biên soạn giáo trình, tài liệu cho đội ngũ cán bộ, giảng viên; phát huy tốt chức năng tham mưu của Ban Khoa học quân sự; tổ chức tập huấn và thông qua hoạt động thực tiễn để bồi dưỡng nghiệp vụ, năng lực, kinh nghiệm biên soạn, biên tập giáo trình, tài liệu dạy học; phát huy vai trò, trách nhiệm của từng cán bộ, giảng viên trong tự học tập nâng cao trình độ, năng lực biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học; tăng cường bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực, kinh nghiệm cho đội ngũ biên tập, xuất bản giáo trình, tài liệu dạy học.

Một trong những vấn đề quan trọng trong hoạt động biên soạn giáo trình tài liệu phục vụ biên soạn giáo trình tài liệu đó là kinh nghiệm thực tế. Nhiều cán bộ giáo viên chưa qua thực tế đơn vị, chưa nắm được hoạt động của NVQYc, sự thay đổi của NVQYc hiện nay... Do đó để nâng cao hiệu quả hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu. Để giáo trình tài liệu đúng với nội dung, chương trình, phù hợp với thực tiễn công tác cần phải chú ý đến yếu tố bồi dưỡng cán bộ làm công tác biên soạn giáo trình tài liệu yếu tố kinh nghiệm thực tiễn, năng lực thực tiễn.

Năng lực thực tiễn là khả năng hiểu biết thực tiễn ở góc độ tư duy, nhận thức và được trải nghiệm trong thực tế trên cơ sở tư duy, nhận thức đó. Người có năng lực thực tiễn là người biết vận dụng một cách linh hoạt lý luận vào thực tiễn, có khả năng giải quyết hiệu quả những tình huống nảy sinh trong thực tế; đồng thời có khả năng hướng dẫn người khác ứng xử kịp thời trong những hoàn cảnh và môi trường tương tự. Năng lực thực tiễn của cán bộ được tạo bởi khả năng xác định về mục đích, phương pháp, cách thức, lực lượng, phương tiện có đúng, phù hợp hay không; phát hiện, giải quyết mâu thuẫn tạo ra động lực cho hoạt động; hình thành tình cảm gắn bó say mê với nghề nghiệp và kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động thực tiễn. Trong hoạt động thực tiễn của mỗi cán bộ bao giờ cũng có sự thống nhất không thể tách rời giữa quyền lợi và nghĩa vụ, thuận lợi và khó khăn, thành công và thất bại. Cán bộ tâm huyết, gắn bó với hoạt động thực tiễn sẽ sẵn sàng chấp nhận hy sinh, gian khổ, không chỉ tìm thấy niềm vui khi thuận lợi, thành công, mà còn tìm thấy niềm vui chinh phục được khi những khó khăn, thử thách, vượt qua được chính mình và được xã hội thừa nhận. Thực tiễn không chỉ là cơ sở mục đích, động lực, tiêu chuẩn để kiểm tra lý luận mà thông qua thực tiễn giúp cán bộ học hỏi, rèn luyện, trưởng thành.

Để tiếp tục nâng cao năng lực thực tiễn của đội ngũ cán bộ, cấp ủy, chính quyền các cấp cần quan tâm triển khai, thực hiện có hiệu quả một số giải pháp: Thể chế hóa, cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ, về xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ thành các quy định và chính sách cụ thể đối với cán bộ để cán bộ chủ động, tích cực, yên tâm công tác khi được điều

động, luân chuyển, biệt phái đảm nhiệm nhiệm vụ ở cơ sở. Xây dựng quy chế đối với cán bộ là người đứng đầu cơ quan, đơn vị không phải là người địa phương để tránh tâm lý ngại khó khăn, ngại vất vả, ngại đi cơ sở, ngại va chạm trong hoạt động thực tiễn. Ban hành qui định xây dựng và bồi dưỡng cán bộ yêu cầu phải thông qua hoạt động thực tiễn, trưởng thành từ hoạt động thực tiễn.

Bản thân mỗi cán bộ cần tích cực, chủ động tự học tập, trau dồi kiến thức, kỹ năng, rèn luyện ý chí, bản lĩnh, đồng thời thâm nhập vào hoạt động thực tiễn cuộc sống mới giúp nâng cao năng lực thực tiễn và hoạt động có hiệu quả. Kế thừa, đúc rút kinh nghiệm của các thế hệ trước, học hỏi ở Nhân dân, học hỏi từ chính những hoạt động thực tiễn, từ đó tìm ra hướng đúng đắn, hiệu quả nhất trong việc nâng cao khả năng hoạt động thực tiễn phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Đồng thời, từ những công việc trong hoạt động thực tiễn cán bộ sẽ tích lũy, đúc rút kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý, kỹ năng xử lý các tình huống khó khăn, phức tạp... tạo nên phẩm chất, năng lực toàn diện của cán bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

Một trong những đòi hỏi đối với cán bộ trong hoạt động thực tiễn là phải dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, có như vậy năng lực thực tiễn của cán bộ mới ngày càng được nâng cao. Thông qua lời nói và việc làm của cán bộ trong các hoạt động thực tiễn hằng ngày mang lại lợi ích thiết thực cho người dân thì lòng tin của người dân với cấp ủy, chính quyền, với hệ thống chính trị ngày càng được củng cố vững chắc; thông qua đó, uy tín của cán bộ với nhân dân được nâng cao.

Hiện nay, các cấp ủy, tổ chức đảng đang triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp; hiện thực hóa Nghị quyết thông qua việc ban hành các Đề án, chương trình cụ thể, các phong trào đi đầu yêu nước đưa Nghị quyết vào thực tiễn cuộc sống thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước phồn vinh, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Một trong những yếu tố quan trọng mang tính quyết định đó là phải có đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, nhất là năng lực hoạt động thực tiễn để tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp đã đề ra.

Đối với hoạt động bồi dưỡng năng lực thực tiễn, Ban đề tài đề xuất cử cán bộ tham gia công tác xây dựng chương trình, giáo trình tài liệu, giảng viên đi thực tế tại quân y các đơn vị. Qua đó giúp cán bộ có cái nhìn thực tiễn, lấy tư liệu thực tiễn cho công tác biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình. Giúp cho hoạt động dạy học sát thực tiễn đơn vị, hoạt động của bộ đội. Mặt khác nên chọn lựa, bồi dưỡng cán bộ trẻ đã qua thực tiễn công tác ở đơn vị trở thành cán bộ biên soạn giáo trình, tài liệu, chương trình đào tạo và giảng viên, giáo viên.

Bón là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chỉ huy các cấp, cơ quan chức năng; duy trì thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học

Kiểm tra, đôn đốc, sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm là một trong những chức năng quan trọng của người lãnh đạo, chỉ huy các cấp. Lãnh đạo mà không kiểm tra

coi như không lãnh đạo. Căn cứ vào kế hoạch đã xác định, thủ trưởng Ban Giám hiệu (trực tiếp là Phó Hiệu trưởng phụ trách khoa học, đào tạo) và Ban Khoa học quân sự kiểm tra các khoa giáo viên, các bộ môn thực hiện các khâu, các bước trong quy trình biên soạn. Đặc biệt coi trọng kiểm tra việc thực hiện tiến độ và chất lượng, quy cách sản phẩm theo từng công đoạn. Việc kiểm tra trong quá trình biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học là cần thiết, thuộc chức năng của cơ quan quản lý và có tác dụng thúc đẩy chất lượng và tiến độ biên soạn. Đối với việc biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học không nhất thiết phải kiểm tra, nắm tình hình hàng tuần mà có thể tiến hành theo tháng là phù hợp với đặc điểm của hoạt động nghiên cứu khoa học, đủ tạo ra uy lực của công tác kiểm tra, giảm bớt tính chất hành chính hoá trong quản lý biên soạn.

Do đó, để nâng cao chất lượng biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học phải đặc biệt coi trọng công tác kiểm tra, đôn đốc và tổ chức rút kinh nghiệm. Ở phạm vi Nhà trường, Ban Khoa học quân sự cần chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đối với hoạt động này và phải tổ chức rút kinh nghiệm kịp thời. Ở cấp khoa, lãnh đạo chỉ huy khoa phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc đến các thành viên tham gia biên soạn, nếu cần có thể lựa chọn những giáo viên có kinh nghiệm và năng lực nghiên cứu tốt làm trước một bước để tham khảo và rút kinh nghiệm.

Đối với công tác kiểm tra biên soạn giáo trình, tài liệu đối tượng nhân viên quân y đại đội việc kiểm tra, giám sát của các cấp có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Ngoài việc kiểm tra về mặt tiến độ, yêu cầu chung cần chú ý đến chất lượng giáo trình, tài liệu. Chất lượng giáo trình, tài liệu cần được kiểm tra giám sát tổng thể và chi tiết, đặc biệt là chất lượng chi tiết. Cần phải chú ý sự phù hợp giữa mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo với giáo trình, tài liệu và bài giảng, kế hoạch giảng bài. Chú ý đến nội hàm, tính thực tiễn và chuẩn năng lực đạt được. Bởi lẽ đối tượng NVQYc trình độ nhận thức và yêu cầu công việc ở mức độ nhất định. Nếu giáo trình, tài liệu không phù hợp sẽ không đáp ứng mục tiêu đào tạo.

Năm là, hoàn thiện cơ chế, chính sách, huy động các nguồn lực, bảo đảm ngày càng tốt hơn các điều kiện thuận lợi cho hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học

Kết quả hoạt động biên soạn không chỉ là sự kết hợp chặt chẽ giữa cố gắng nỗ lực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức của cấp uỷ, cán bộ chủ trì các cấp, của công sức, trí tuệ và ý chí quyết tâm của mỗi cán bộ, mà còn phụ thuộc một phần rất quan trọng vào nguồn lực vật chất, kinh phí, các máy móc, phương tiện kỹ thuật, nguồn tài liệu... bảo đảm cho hoạt động này được duy trì thành nền nếp thường xuyên, hiệu quả. Đây là yếu tố bên ngoài có tính chất điều kiện nhưng có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng soạn giáo trình, tài liệu dạy học ở Trường CD Hậu cần 1.

Thực tiễn những năm qua cho thấy, kinh phí bảo đảm cho hoạt động biên soạn ngày càng được quan tâm hơn. Kinh phí đầu tư cho biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học ngày một tăng. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi để chuẩn bị cho quá trình biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học; tái bản giáo trình, tài liệu dạy học. Tuy

nhiên, nhìn tổng thể, kinh phí bảo đảm cho hoạt động này vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Hiện nay, điều kiện phương tiện bảo đảm cho hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học đa dạng và thuận tiện. Song, hệ thống phương tiện phục vụ cho hoạt động này vẫn còn nhiều thiếu thốn và chưa đồng bộ; việc tổ chức phổ biến, khai thác kết quả nghiên cứu, các sản phẩm khoa học chưa thông suốt; cán bộ khó tiếp cận, khai thác nhanh nhất các nguồn tư liệu, tài liệu hiện có phục vụ cho tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ. Đa dạng hoá và vận dụng linh hoạt các phương thức huy động nguồn lực vật chất, kinh phí, bảo đảm tốt các điều kiện cho hoạt động biên soạn đi đôi với thường xuyên bồi dưỡng năng lực khai thác sử dụng hệ thống trang thiết bị hiện có nhằm không ngừng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ và chất lượng biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học ở Trường Cao đẳng Hậu cần 1 hiện nay là một giải pháp có ý nghĩa quan trọng.

Theo đó, cần phải tăng cường và đa dạng hoá việc thu hút các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, trong đó có nhiệm vụ nghiên cứu, biên soạn giáo trình, tài liệu. Mặt khác, Nhà trường cần phát huy tính chủ động trong tạo nguồn cho biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học, kết hợp với sự giúp đỡ không chỉ của các cơ quan cấp nhằm không ngừng tăng cường các nguồn lực (vật chất, tài chính, nhân lực...) phục vụ cho nhiệm vụ giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học nói chung, nâng cao chất lượng hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học nói riêng. Hoàn thiện chính sách đãi ngộ, khuyến khích động viên, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học, giảng viên phát huy tinh thần, trách nhiệm cao trong biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học. Đồng thời, sử dụng hiệu quả, hợp lý cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật hiện có của Nhà trường phục vụ hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học.

Sáu là, đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, tài liệu điện tử phục vụ đào tạo đối tượng nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1

Trong thời gian gần đây, giáo trình điện tử đang tạo ra sự chú ý và quan tâm của không chỉ ngành giáo dục mà của toàn xã hội. Với sự ưu việt và tiện lợi của mình, giáo trình điện tử đã khắc phục được sự hạn chế của việc sử dụng giáo trình truyền thống.

Trong giai đoạn hiện nay, trên thế giới, công nghệ thông tin có sự phát triển mạnh mẽ chưa từng thấy và tác động tích cực đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Công nghệ thông tin giúp cho mọi cá nhân, dân tộc, quốc gia xích lại gần nhau hơn, hiểu nhau hơn và có thể sẻ chia được những thành tựu quan trọng.

Trong những năm gần đây, lĩnh vực giáo dục quốc dân ở nước ta đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng, đóng góp cho việc đào tạo đội ngũ lao động có trình độ cao. Những thành công mà lĩnh vực giáo dục đã đạt được có một phần sự đóng góp rất lớn của công nghệ thông tin. Trong thời gian gần đây, giáo trình điện tử đang tạo được sự chú ý và quan tâm không chỉ của ngành giáo dục mà toàn xã hội. Năm bắt được xu thế này, qua một thời gian chuẩn bị, ngày 27 tháng 3 năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chính thức khai trương Thư viện giáo trình điện tử (Thư viện học liệu mở) ở hai địa chỉ <http://gttd.edu.net.vn> và <http://ebook.edu.net.vn>. Giáo trình điện tử hiện nay đang dần dần thể hiện vai trò

quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy và học theo hướng tích cực, từng bước mở rộng cơ hội học tập cho mọi tầng lớp nhân dân hơn, bớt phải chi phí cho việc in ấn.

Người viết (thiết kế) giáo trình điện tử có thể nhận được những nhận xét, góp ý trực tiếp, thẳng thắn từ phía chuyên gia về nội dung lĩnh vực đó và người học, từ đây làm cơ sở để người thiết kế giáo trình có thể thay đổi, chỉnh sửa kịp thời.

Bên cạnh những ưu điểm, giáo trình điện tử khi sử dụng còn một số khó khăn, hạn chế sau đây:

Người thiết kế giáo trình điện tử, ngoài kiến thức sâu, rộng về chuyên môn, nghiệp vụ thì cần phải am hiểu kiến thức mang tính kỹ thuật giống như một nhà đạo diễn khi dàn dựng một bộ phim. Họ phải phối hợp hài hoà âm thanh, hình ảnh, ánh sáng, minh họa cho phù hợp với nội dung giáo trình và đối tượng người học.

Việc học thông qua giáo trình điện tử đòi hỏi người học phải có tinh thần tự giác cao độ, quyết tâm và thực sự yêu thích lĩnh vực mình quan tâm. Mọi sự miễn cưỡng, gò ép đều không có hiệu quả.

Giáo trình điện tử không phát huy được hiệu quả cao khi với một số lĩnh vực đào tạo như: múa, nhạc, họa, sân khấu, điện ảnh. Đặc biệt tính truyền cảm sẽ không cao như người dạy với những môn học như văn học, âm nhạc, nghệ thuật.

Đối tượng học của giáo trình điện tử có thể không thuần nhất, cho nên sẽ khó khăn cho người học nếu như người viết giáo trình điện tử không có kinh nghiệm viết đơn giản, dễ hiểu, đại chúng.

Giáo trình điện tử có nhiều ưu điểm. Tuy nhiên, khi thực hiện việc sử dụng nó còn nhiều vấn đề phải bàn đến, chẳng hạn: các trang thiết bị kỹ thuật thiết yếu đi cùng như: máy tính, Internet, máy chiếu; vấn đề thẩm định chất lượng giáo trình; bản quyền giáo trình; tính chủ động tự giác của người học. Nhìn chung hiện nay giáo trình điện tử chưa thể hoàn toàn thay thế cho giáo trình in, nhưng nó đã mở ra cho người học nhiều thuận lợi, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Cho nên, trước mắt việc kết hợp sử dụng hai loại giáo trình này là cần thiết. Tiến tới việc sử dụng giáo trình điện tử trong giáo dục là việc làm cần thiết và là một xu thế tất yếu của một nền giáo dục tiên tiến.

Như vậy, với những ưu việt của mình, giáo trình điện tử đóng vai trò hết sức quan trọng cho nền giáo dục tiên tiến. Giáo trình điện tử là xu thế phổ biến mang tính khách quan, đáp ứng được đòi hỏi của nền giáo dục hiện đại. Việc tiếp cận, tạo điều kiện thúc đẩy cho sự phát triển của giáo án điện tử của chúng ta góp phần thực hiện thành công Nghị quyết 29-NQ/TW với nội dung Đổi mới căn bản, toàn diện hệ thống giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Hiện nay các trường trong cả nước đẩy mạnh hoạt động xây dựng thư viện điện tử, giáo trình điện tử, giáo án điện tử. Là một trong những đơn vị nhận thức đúng đắn vai trò của kỹ nguyên số đối với giáo dục đào tạo. Trường Cao đẳng Hậu

cần 1 đã xây dựng nền tảng CNTT phục vụ đào tạo đảm bảo hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học trong thời đại 4.0. Nhà trường hiện nay có thư viện điện tử với hơn 100 máy tính, 2 trung tâm điều hành trực tuyến, 3 phòng học ngoại ngữ tin học đa năng, các khoa có hệ thống máy tính kết nối mạng nội bộ. Hệ thống cơ sở vật chất bước đầu đảm bảo phục vụ đào tạo trong thời đại điện tử, số hóa. Nhà trường cũng đã có Nghị quyết, kế hoạch thực hiện biên soạn giáo án, giáo trình, tài liệu điện tử và đưa vào ứng dụng bước đầu cho hiệu quả cao. Tuy nhiên để đáp ứng yêu cầu cao về giáo dục đào tạo trong thời đại mới, Nhà trường cần tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất khoa học, công nghệ. Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu giáo dục đào tạo trong kỷ nguyên số. Một trong những yêu cầu trước mắt là hoàn thành biên soạn giáo trình điện tử phục vụ đào tạo tại Nhà trường.

d) Một số đổi mới về nội dung, hình thức của giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1

Như đã đề cập ở trên, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo Y tá sơ cấp được Nhà trường biên soạn, Cục Quân y nghiệm thu năm 1997, đến nay đã 25 năm. Giáo trình biên soạn phục vụ đào tạo NVQYc năm 2017 ở dạng lưu hành nội bộ, quá trình biên soạn, thông qua có mặt chưa đúng quy trình, quy định. Giáo trình, tài liệu hiện nay đang sử dụng có mặt hạn chế về nội dung, hình thức, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo NVQYc. Vì vậy biên soạn giáo trình, tài liệu đào tạo NVQYc là yêu cầu cấp thiết.

Một số yêu cầu cơ bản về nội dung, hình thức giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.

Giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1 phải bám sát Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước, Quân đội về phát triển giáo dục – đào tạo, phát triển ngành y tế, ngành quân y.

Giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1 phải căn cứ các quy định về biên soạn giáo trình, tài liệu của Bộ Giáo dục – Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ LĐTB&XH, Bộ Quốc phòng.

Giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1 phải bám sát chương trình đào tạo NVQYc đã được Cục Quân y – TCHC, Cục Nhà trường – Bộ Tổng tham mưu phê duyệt. Bám sát mục tiêu đào tạo, đạt chuẩn năng lực NVQYc tại tuyển đại đội.

Giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo NVQYc gồm: Giáo trình giáo dục khoa học xã hội và nhân văn (Tổng cục Chính trị cấp); Quân sự chung và giáo dục thể chất (Cục Quân huấn – Bộ Tổng tham mưu cấp); Tập 1 (Giải phẫu – Sinh lý, Thuốc thông thường, Điều dưỡng cơ bản, Bệnh học nội khoa); Tập 2 (Bệnh học ngoại khoa, Y học cổ truyền, Tổ chức chỉ huy quân y, Vệ sinh phòng dịch, năm kỹ thuật cấp cứu).

Nghiên cứu lược bỏ một số nội dung không còn phù hợp với thực tiễn hoạt động chăm sóc sức khỏe bộ đội ở tuyển quân y đại đội.

Bổ sung một số nội dung: Hướng dẫn lấy mẫu xét nghiệm Covid-19 vào chương Điều dưỡng cơ bản; biện pháp phòng chống nhiễm Covid-19 vào chương vệ sinh phòng dịch; triệu chứng, xử trí nhiễm Covid-19 vào chương bệnh học nội khoa. Bổ sung nội dung huấn luyện đêm vào chương 5 kỹ thuật cấp cứu...Chỉnh lý, bổ sung một số nội dung để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của NVQYc ở tuyến đại đội; một số bệnh cấp cứu thường gặp...

Bổ sung tranh ảnh, hình vẽ, sơ đồ minh họa; quy trình kỹ thuật để nâng cao chất lượng giáo trình. Tạo điều kiện cho hoạt động dạy học tích cực, hiệu quả.

Chỉnh lý về mặt hình thức, thiết kế, trình bày giáo trình đúng quy định của Bộ Giáo dục – Đào tạo, Bộ LĐTB&XH, Bộ Quốc phòng.

Ngoài giáo trình truyền thống, cần xây dựng giáo trình, tài liệu điện tử để dạng hóa nguồn tài liệu phục vụ dạy học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

* Một số chú ý khi biên soạn nội dung huấn luyện đêm giáo trình đào tạo NVQYc tại Trường CĐ Hậu cần 1.

Hoạt động, chiến đấu ban đêm là truyền thống và kinh nghiệm quý báu của Quân đội ta trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đều mang lại hiệu quả cao. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai chúng ta phải tác chiến với đối tượng địch trong điều kiện ban đêm trang bị nhiều vũ khí trang bị hiện đại. Vì vậy huấn luyện kỹ, chiến thuật trong điều kiện ban đêm của Quân đội ta có một vị trí đặc biệt quan trọng để: Không ngừng nâng cao năng lực, trình độ và bản lĩnh chỉ huy trong tổ chức chuẩn bị và thực hành chiến đấu cho cán bộ các cấp; rèn luyện và nâng cao kỹ năng vận dụng kỹ thuật kết hợp với chiến thuật và tâm lý chiến đấu ban đêm cho chiến sĩ, phân đội.

Trong đội hình chiến đấu của ta, một lực lượng không thể thiếu là lực lượng quân y, trong đó có NVQYc. Khi toàn bộ đội hình thực hiện tác chiến trong điều kiện ban đêm thì đòi hỏi NVQYc cũng thực hiện công tác bảo đảm tốt trong điều kiện đó. Vì vậy huấn luyện bảo đảm quân y trong điều kiện chiến đấu ban đêm là một tất yếu khách quan.

Trường Cao đẳng Hậu cần 1 – Tổng cục Hậu cần trải qua 56 năm xây dựng và phát triển. Trong những năm qua, Nhà trường đặc biệt chú trọng đến các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc đáp ứng yêu cầu phục vụ chiến đấu. Đứng trước nhiệm vụ chiến đấu của Quân đội trong điều kiện ban đêm, đòi hỏi công tác bảo đảm phục vụ chiến đấu trong đó có lực lượng NVQYc cũng phải phải thay đổi nhằm đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới.

Cơ sở lý luận huấn luyện đêm: Trong giáo trình, trước khi trình bày nội dung huấn luyện đêm môn 5 kỹ thuật cấp cứu cho đối tượng NVQYc, cần nêu bật vị trí, vai trò, yêu cầu và đặc điểm kỹ chiến thuật chiến đấu ban đêm của quân đội ta.

- Vị trí, vai trò, ý nghĩa và đặc điểm huấn luyện ban đêm.
- Mục đích, yêu cầu huấn luyện ban đêm.
- Điều kiện huấn luyện ban đêm.

- Quy định chung khi huấn luyện ban đêm.
- Huấn luyện đội ngũ chiến thuật.
- Tập chiến thuật.
- Diễn tập chiến thuật.
- Một số điểm cần chú ý khi huấn luyện phòng ngự ban đêm.

Nội dung huấn luyện đêm 5 kỹ thuật cấp cứu, giáo trình đào tạo NVQYc. Huấn luyện đêm thực hiện trên cơ sở huấn luyện ngày. Huấn luyện đêm thực hiện sau huấn luyện ngày thành thạo. Vì vậy nội dung giáo trình huấn luyện đêm 5 kỹ thuật cấp cứu cho đối tượng NVQYc cũng bao gồm băng bó, cầm máu, cố định, hô hấp nhân tạo và chuyển thương nhưng trong điều kiện đêm tối. Giáo trình phải nêu rõ được cách nhận biết thương binh, vết thương, cách cấp cứu, vận chuyển.

Cơ sở vật chất phục vụ huấn luyện đêm môn 5 kỹ thuật cấp cứu cho đối tượng Nhân viên Quân y đại đội.

- Nguyên tắc xây dựng: Những cơ sở vật chất sử dụng huấn luyện môn 5 kỹ thuật cấp cứu ban ngày đều được trang bị để huấn luyện ban đêm. Cơ sở vật chất huấn luyện 5 kỹ thuật cấp cứu ban đêm có những đặc tính riêng biệt phù hợp với điều kiện huấn luyện đêm như phát quang, dễ nhận biết trong đêm tối. Một số dụng cụ huấn luyện chuyên biệt sử dụng trong huấn luyện đêm như đèn pin, dụng cụ phát quang.

- Cơ sở vật chất huấn luyện môn 5 kỹ thuật cấp cứu ban đêm

+ Túi lớn đảm bảo cơ sở huấn luyện 5 kỹ thuật cấp cứu: Có ký hiệu phát quang trong điều kiện đêm tối rất thuận tiện trong huấn luyện.

+ Túi nhỏ đảm bảo cơ sở 5 kỹ thuật cấp cứu: Có ký hiệu phát quang trong điều kiện đêm tối rất thuận tiện trong huấn luyện.

+ Bông, băng, gạc: Có ký hiệu phát quang trong điều kiện đêm tối rất thuận tiện trong huấn luyện.

+ Nẹp cố định: Xây dựng đầy cơ sở nẹp cố định, các bộ nẹp có trang bị thành phần phát quang rất thuận tiện cho huấn luyện đêm.

+ Tăng vồng: Xây dựng cơ sở tăng vồng theo quy định, điểm đặc biệt là có dụng cụ phát quang, rất thuận tiện trong huấn luyện đêm

+ Con chèn, ga rô, phiếu chuyển thương, ký hiệu đỏ

+ Đèn pin, còi: Đây là những dụng cụ không thể thiếu trong huấn luyện đêm.

Huấn luyện chiến đấu ban đêm trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, có nhiều phương tiện nhìn đêm là một nội dung khó, nhưng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Quân đội ta trong điều kiện hiện nay, khi địch lấy đánh đêm là phổ biến.

Quân y nói chung và NVQYc nói riêng là lực lượng quan trọng trong đội hình chiến đấu của Quân đội ta. Lực lượng NVQYc là lực lượng luôn ở tuyến đầu thực hiện cấp cứu, cứu chữa TBBB có ý nghĩa hết sức quan trọng. Việc biên soạn nội dung huấn luyện môn 5 KTCC và tổ chức huấn luyện bảo đảm quân y trong chiến đấu ban đêm là nhiệm vụ, là yêu cầu cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

2.2.3. Phát triển đội ngũ nhà giáo, đổi mới phương pháp dạy học đối tượng nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1

2.2.3.1 Vị trí, vai trò của giải pháp

Nếu nói chương trình đào tạo, giáo trình tài liệu, cơ sở vật chất kỹ thuật là những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo thì đội ngũ nhà giáo được coi là xương sống của nhà trường, là yếu tố quyết định đến sự tồn tại, phát triển của nhà trường. Bởi đội ngũ nhà giáo là nhân tố cụ thể hóa nội dung chương trình, giáo trình thành năng lực, thông qua kỹ năng, phương pháp biên soạn bài giảng, phương pháp dạy học.

Đại hội XIII của Đảng đặc biệt coi trọng vị trí, tầm quan trọng của đội ngũ nhà giáo và CBQLGD đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo. Nếu Đại hội XII của Đảng đề ra chủ trương “phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới” thì Đại hội XIII khẳng định giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQLGD là khâu then chốt có tính quyết định để thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục. Đại hội XIII nhấn mạnh: “Chú trọng đào tạo, đào tạo lại đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo”.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1 – TCHC, cần quán triệt quan điểm phát triển đội ngũ Nhà giáo theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4-11-2013, của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TCHC lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XXIX. Theo đó, mục tiêu, phương hướng chung là đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo, tiến tới tất cả giáo viên giảng viên phải có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực sư phạm, năng lực nghiệp vụ. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp phải qua đào tạo về nghiệp vụ quản lý. Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý bảo đảm về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển khoa học - công nghệ cho đất nước, gắn với yêu cầu khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Cùng với phát triển đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực sư phạm; cần đẩy mạnh đổi mới công tác biên soạn bài giảng, kế hoạch giảng bài đúng quy định 1206 của Bộ Quốc phòng; đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học theo hướng tích cực, hiệu quả phù hợp nhận thức và đáp ứng năng lực đối tượng NVQYc.

2.2.3.2. Nội dung, biện pháp cụ thể

a) Mục tiêu

Xây dựng đội ngũ nhà giáo tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1 giai đoạn 2020 – 2025 và những năm tiếp theo đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, có đủ tâm, đủ tầm, đủ sức gánh vác trọng trách, nhiệm vụ nặng nề là đưa nhà trường phát triển bền vững trong điều kiện Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Về số lượng, đúng theo theo biểu biên chế mới của Bộ Tổng tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam đối với trường Cao đẳng Hậu cần 1 – Tổng cục Hậu cần. Đội ngũ nhà giáo phải có số lượng, cơ cấu hợp lý, đồng thời phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng khoa, bộ môn, trong từng giai đoạn, thời điểm; phù hợp với xu thế phát triển của nhà trường trong thời kỳ mới.

Về chất lượng, xây dựng đội ngũ nhà giáo có đủ năng lực, đủ sức, đủ tầm, đủ tâm, đủ chí để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo trong thời đại công nghiệp 4.0.

Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đến từng chức danh lãnh đạo, chỉ huy khoa, giảng viên, giáo viên. Thực hiện công tác quy hoạch phù hợp với cơ cấu tổ chức đã được quy định. Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nhà giáo trên cơ sở đủ số lượng, chất lượng, tính kế cận, kế tiếp đảm bảo nhà trường phát triển bền vững.

b) Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực công tác của đội ngũ nhà giáo

Năm học 2021 - 2022, 2022 – 2023 toàn đảng, toàn quân, toàn dân đang phấn khởi thi đua thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng các cấp; các đơn vị cơ sở Đại hội chi bộ giữa nhiệm kỳ... Tình hình đất nước thuận lợi là cơ bản nhưng vẫn đan xen nhiều khó khăn, thách thức; dịch Covid-19 cơ bản được khống chế song tiềm ẩn nguy cơ diễn biến phức tạp; cạnh tranh trên thế giới khốc liệt, các thế lực thù địch không ngừng chống phá đất nước ta; quân đội tiếp tục điều chỉnh tổ chức, lực lượng theo hướng tinh gọn mạnh, linh hoạt, cơ động. Sự phát triển của kinh tế tri thức và cuộc cách mạng công nghệ 4.0 tiếp tục tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội nhất là Giáo dục – Đào tạo, Khoa học – Công nghệ.

Giáo dục, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo quân đội nói chung và Trường CD Hậu cần 1 nói riêng có bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực công tác tốt là việc làm rất có ý nghĩa trong giai đoạn hiện nay. Trước hết, các cấp ủy đảng, lãnh đạo chỉ huy các đơn vị và giảng viên phải nghiên cứu, nắm chắc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước, QUTW, BQP, Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới toàn diện công tác GD-ĐT để triển khai công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo cho phù hợp với yêu cầu xây dựng, phát triển của nhà trường. Hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, quân đội về công tác GD-ĐT chính là hành lang pháp lý để quy hoạch đội ngũ nhà giáo trong nhà trường bảo đảm đúng hướng, đúng mục tiêu đã đề ra. Vì vậy, các khoa giáo viên các cơ quan chức năng, cần phải nghiên cứu, quán triệt sâu kỹ nội dung các văn bản, từ đó tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường các giải pháp để tổ chức thực hiện. Trong đó, tập trung quán triệt, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI; Nghị quyết số 29-

NQ/TW (khóa XI) của Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Kết luận số 51-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Kết luận số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; quán triệt phương châm hành động “bứt phá” của Chính phủ để hoàn thành kế hoạch 5 năm 2016 – 2020; Kết luận số 16-KL/TW của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 2021; Luật Giáo dục; Luật Giáo dục (sửa đổi năm 2018); Nghị quyết số 109-NQ/QUTW ngày 11-2-2019 của QUTW về xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội, nhất là cấp chiến dịch, chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; Chỉ thị số 89/CT-BQP, ngày 09/11/2016 của Bộ Quốc phòng, tạo đột phá về dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống các nhà trường Quân đội; Chỉ thị số 105/CT-BQP, ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc tăng cường học tập ngoại ngữ và tiếng dân tộc thiểu số trong toàn quân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới và Kế hoạch số 1884/KH- BQP, ngày 27/5/2020 thực hiện Đề án Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030 trong Quân đội; Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo; Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Đề án 117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo; xây dựng và triển khai Chính phủ điện tử, hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến của Bộ Giáo dục và Đào tạo v.v.. Từ đó, tham mưu, xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, đề án nhằm kiện toàn, phát triển đội ngũ nhà giáo theo từng giai đoạn, trước mắt là giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030. Mục tiêu, yêu cầu đặt ra là, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo phải gắn kết chặt chẽ với định hướng xây dựng, phát triển Trường Cao đẳng Hậu cần 1 – TCHC chính quy, hiện đại, dạy học trong điều kiện kỹ nguyên số.

Mỗi nhà giáo phải quán triệt và gương mẫu thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng; tích cực trong mọi công việc của nhà trường, đoàn thể giao phó, làm việc có chất lượng. Bản thân mỗi thầy cô giáo phải xây dựng cho mình một phong cách sống khiêm tốn, giản dị, thân thiện, nhiệt huyết, ham học, cầu tiến bộ. Lối sống mẫu mực, chấp hành nghiêm kỷ luật, nói và hành động đúng đường lối chủ trương của đảng mà mỗi người thầy thể hiện không chỉ bảo tồn những giá trị tốt đẹp của nhà giáo mà còn góp phần nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, hình thành tác phong con người mới xã hội chủ nghĩa; đưa lối sống nhân văn, khoa học, cách mạng thấm sâu vào nhận thức và hành động trong mọi thể hệ học viên, sinh viên để xây dựng và phát triển nhà trường.

Nhà trường thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm về việc tổ chức, thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị, Hướng dẫn của cấp trên đối với công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo.

Hằng năm, triển khai thực hiện có hiệu quả Quy chế kiểm tra, giám sát đối với các chi bộ, khoa, giảng viên nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của đảng, Quân đội về công tác cán bộ nói chung, xây dựng đội ngũ nhà giáo nói riêng. Lấy việc thực hiện đúng mục tiêu, quan điểm về xây dựng đội ngũ nhà giáo tại các cơ quan đơn vị, mỗi giảng viên làm tiêu chí bình xét phân loại cán bộ, giảng viên, đảng viên, tổ chức đảng. Biểu dương, tôn vinh kịp thời những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong đổi mới Giáo dục – Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Quân đội. Quá trình tạo nguồn cũng là quá trình chọn lọc đội ngũ nhà giáo, kiên quyết đưa ra khỏi công tác giảng dạy đối với những nhà giáo không còn đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phê bình nghiêm khắc những đơn vị xem nhẹ công tác quán triệt, tổ chức thực hiện bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo. Bên cạnh đó cần thực hiện tốt chế độ chính sách, tôn vinh phù hợp đội ngũ nhà giáo tạo động lực để họ phấn đấu vươn lên.

c) Phát triển đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, gắn với nâng cao chất lượng theo tiêu chuẩn của Nhà nước, các quy định của Bộ Quốc phòng

- Bổ sung đủ số lượng nhà giáo

Theo biểu biên chế mới của Bộ Tổng tham mưu, Trường Cao đẳng Hậu cần 1 có cơ cấu 9 khoa giáo viên, với 135 giảng viên. Hiện nay nhà trường có 105 giảng viên, giáo viên, thiếu 30 giảng viên, giáo viên.

Để thực hiện bổ sung đủ giảng viên, giáo viên theo đúng biên chế, chúng tôi đề xuất phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên từ 4 nguồn sau:

Một là, giữ học viên tốt nghiệp Y sĩ, Cao đẳng Điều dưỡng loại giỏi ở lại đào tạo, bồi dưỡng trở thành giảng viên thực hiện công tác giảng dạy. Thực tế, tại nhà trường nguồn giảng viên được đào tạo từ học viên giỏi giữ lại cho kết quả tốt và tính ổn định cao.

Hai là, tuyển chọn cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo trở thành giảng viên kiêm chức. Trong những năm qua đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục bên cạnh làm tốt nhiệm vụ được giao, họ còn tham gia giảng dạy, những kiến thức thực tế quản lý khi lồng ghép vào vào nội dung bài giảng có tác dụng giáo dục học viên, sinh viên.

Ba là, phối hợp với các bệnh viện quân đội trong khu vực bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quân y trở thành giảng viên kiêm chức. Trường Cao đẳng Hậu cần 1 có mối quan hệ chặt chẽ với các bệnh viện quân đội trong khu vực (Bệnh viện quân y 105, bệnh viện 354 – TCHC); trong những năm qua nhà trường đã phối hợp với các đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ cán bộ quân y trở thành giảng viên kiêm chức. Đội ngũ giảng viên kiêm chức tại các bệnh viện có đóng góp rất lớn

trong đào tạo các thế hệ học viên, sinh viên của nhà trường. Trong đó kinh nghiệm thực tiễn lâm sàng của đội ngũ giảng viên kiêm chức là vô cùng quý giá.

Bốn là, điều động những cán bộ có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, có khả năng sư phạm ở các đơn vị về nhà trường làm giảng viên. Được sự quan tâm của Bộ Quốc phòng, TCHC, các cơ quan cấp trên trong những năm qua đã thường xuyên bổ sung cho nhà trường nhiều cán bộ, giảng viên. Tuy nhiên so với nhu cầu vẫn còn thiếu nhiều; trong thời gian tới Bộ Quốc phòng, TCHC và các cơ quan tiếp tục giúp đỡ để đội ngũ cán bộ nói chung, giảng viên nói riêng có số lượng phù hợp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Song song với công tác giải quyết số lượng giảng viên cần chú ý đến công tác tạo nguồn nhằm xây dựng đội ngũ nhà giáo của nhà trường có nhiều thế hệ, có sự kế cận, kế tiếp hợp lý, với đầy đủ các thành phần, đúng cơ cấu, chuyên ngành, sát với đặc thù nhiệm vụ của các nhà trường y dược quân đội. Đây là nhiệm vụ rất quan trọng, nếu không làm tốt sẽ tạo ra khoảng trống trong quá trình dạy học, làm ảnh hưởng đến công tác đào tạo. Vì vậy, việc tạo nguồn nhà giáo của nhà trường phải được chú trọng thực hiện ngay từ các khoa, bộ môn trong nhà trường. Do đó hằng năm các nhà trường cần phải rà soát đội ngũ nhà giáo, có kế hoạch bổ sung ngay những vị trí khuyết thiếu. Phòng Đào tạo và các cơ quan chức năng phải bám sát các khoa giáo viên nắm chắc thực trạng số lượng đội ngũ nhà giáo của toàn trường để tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám hiệu các giải pháp về tạo nguồn đội ngũ nhà giáo trong nhà trường. Quá trình tạo nguồn cũng là quá trình chọn lọc đội ngũ nhà giáo, kiên quyết đưa ra khỏi công tác giảng dạy đối với những nhà giáo không đủ tiêu chí giáo viên, giảng viên bậc trung cấp, cao đẳng trong quân đội; không còn đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức; hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Không vì số lượng mà giảm tiêu chí chất lượng.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo

Năm 2020, tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong quân đội giai đoạn 2011-2020 tại nhà trường, công tác GD-ĐT của nhà trường đã đạt được những kết quả tích cực. Trong các kết quả đó có sự trưởng thành, lớn mạnh của đội ngũ nhà giáo, đã xây dựng được nhiều thế hệ nhà giáo trí tuệ, chính quy, mẫu mực, là nhân tố quyết định chất lượng GD-ĐT của nhà trường. Các nội dung của Chiến lược cơ bản nhà trường đã hoàn thành, tiêu biểu nhất là tiêu chuẩn chất lượng đội ngũ nhà giáo bậc cao đẳng. Tuy nhiên để đáp ứng tiêu chuẩn nhà giáo trong thời kỳ mới, theo chúng tôi cần tập trung thực hiện các nội dung trọng tâm sau:

Trước hết, nâng cao nhận thức của đội ngũ nhà giáo về vị trí, vai trò của đội ngũ nhà giáo đối với chất lượng đào tạo; vai trò trách nhiệm của nhà giáo trong thời đại giáo dục số. Cần làm cho mỗi cán bộ, giáo viên hiểu rõ bản chất, yêu cầu đặt ra trong thực thi nhiệm vụ dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, từ đó hình thành ý thức công vụ của từng cán bộ, công chức gắn với mục tiêu phát triển của khoa, nhà trường. Đây là tiền đề, động lực quan trọng để phát huy tài năng, tâm huyết, khát vọng cống hiến, làm việc của đội ngũ giảng viên vào sự

nghiệp đổi mới dạy học, qua đó góp phần xây dựng đội ngũ nhà giáo vừa hồng vừa chuyên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong điều kiện số hóa.

Tiếp theo là nâng cao năng lực sử dụng các phương tiện công nghệ phục vụ quá trình dạy học. Người giảng viên phải có năng lực quản lý tài nguyên mạng, có khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện công nghệ phục vụ quá trình dạy học. Để có được những năng lực này, nhà trường nên tiếp tục bồi dưỡng năng lực tin học, năng lực sử dụng công nghệ thông tin cho giảng viên. Bên cạnh đó, nhà trường cần phải công bố những phương tiện công nghệ mà giảng viên có thể sử dụng để phục vụ hỗ trợ quá trình giảng dạy. Khi giảng viên am hiểu được các phương tiện công nghệ sẵn có, họ sẽ chủ động, sáng tạo hơn trong việc ứng dụng công nghệ và cho phép cũng như hướng dẫn sinh viên của mình sử dụng để cải tiến quá trình học tập.

Thứ ba là bồi dưỡng năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên bằng các hình thức đào tạo tiên tiến, mô hình trực tuyến. Hiện nay, nhiều giảng viên chưa tiếp cận được với các mô hình dạy học mới sẽ làm hạn chế việc rèn kỹ năng nghề cho sinh viên. Vì thế công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên nên kết hợp các mô hình đào tạo tiên tiến 4.0, đào tạo trực tuyến, từ xa để giảng viên vừa nâng cao trình độ chuyên môn, vừa tiếp cận các mô hình dạy học mới. Các hình thức dạy học này sẽ giúp giảng viên bổ sung vào kiến thức nghiệp vụ, làm phong phú hơn các hình thức dạy học của mình. Bên cạnh đó, có một số mô hình giảng viên dạy trực tuyến đã và sẽ được ứng dụng trong đào tạo và bồi dưỡng giảng viên như Mô hình E-learning (đây là mô hình hệ thống quản lý qua mạng); mô hình B-learning (mô hình dạy học kết hợp hình thức học tập trên lớp với hình thức học hợp tác qua mạng máy tính và tự học); mô hình ứng dụng kỹ thuật hội thảo truyền hình (là dịch vụ cho phép nhiều người hội thảo từ xa, với sự xuất hiện của hình ảnh và âm thanh từ một người đến những người còn lại); Mô hình 4.0 là mô hình giáo dục thông minh, liên kết chủ yếu giữa các yếu tố nhà trường - nhà quản lý, tạo điều kiện cho việc đổi mới, sáng tạo và năng suất lao động trong xã hội tri thức.

Thứ tư là bồi dưỡng năng lực NCKH của giảng viên bằng cách đẩy mạnh công tác NCKH, bồi dưỡng giảng viên theo hướng nghiên cứu. Bên cạnh việc bồi dưỡng năng lực chuyên môn nghiệp vụ, giảng viên sư phạm cần phải bồi dưỡng năng lực NCKH. Một trong những kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học là những nghiên cứu viên có kinh nghiệm bồi dưỡng cho những giáo viên mới dưới hình thức “Đồng Chủ nhiệm”, “Thư ký”, “Thành viên tham gia”.

Thứ năm là nâng cao trình độ ngoại ngữ cho giảng viên. Để tiếp cận những tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến do sự phát triển của công nghệ 4.0 mang lại, con người không thể không thông thạo ngoại ngữ. Đây là điều cần thiết để giảng viên hội nhập với xu hướng kết nối toàn cầu, hội nhập với giáo dục thế giới. Vì thế người giảng viên cần nâng cao trình độ ngoại ngữ bằng nhiều biện pháp khác nhau.

Thứ sáu là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo theo hướng phát triển năng lực sư phạm gắn với chuyên ngành và khoa học kỹ thuật. Thực hiện việc quy

hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo chất lượng cao, gắn với việc sẵn sàng tiếp nhận và ứng phó với những tác động sâu sắc của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Chú trọng đào tạo kỹ năng sử dụng công nghệ, ứng dụng tiên bộ khoa học - kỹ thuật vào dạy học, sản xuất, điều trị, nghiên cứu khoa học... Việc đào tạo, bồi dưỡng phải đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ truyền thống, tiếp cận công nghệ hiện đại, tiến tới sáng tạo công nghệ. Trong thời gian tới, cần tập trung đầu tư cho đào tạo giảng viên trong các lĩnh vực về mô phỏng, số hóa để tạo ra một lực lượng sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 trong giáo dục đào tạo.

Thứ bảy, gắn đào tạo, bồi dưỡng với tự đào tạo và tự bồi dưỡng của mỗi giảng viên. Để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, nhà trường phải đặt ra yêu cầu cho họ phấn đấu vươn lên, đó là các yêu cầu về: tình yêu nghề nghiệp, nhiệt tình say mê khoa học, khát vọng tự hoàn thiện, vươn lên để chiếm lĩnh đỉnh cao về năng lực sư phạm, khoa học kỹ thuật. Biểu hiện ở trình độ hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn giảng dạy và các lĩnh vực khoa học liên quan, có tư duy khoa học, sự am hiểu tâm lý sinh viên, có kỹ xảo, kỹ năng nghề nghiệp; có tính trung thực và thái độ trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ dạy học, giáo dục; luôn mô phạm về đạo đức và đòi hỏi cao đối với bản thân và sinh viên...

Xây dựng và tổ chức thực hiện đề án phát triển, đào tạo đội ngũ giảng viên giai đoạn 2020 - 2025. Nhà trường cần quan tâm thường xuyên đến việc bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho giảng viên. Hàng năm có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường, nhất là giảng viên trực tiếp đào tạo chuyên ngành y dược, ngoại ngữ, tin học. Đảm bảo các quyền dân chủ trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu của đội ngũ giảng viên; và có chính sách tạo điều kiện cho họ tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong và ngoài nước.

Đảm bảo trình độ chuẩn về giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo theo quy định, cơ cấu chuyên môn và trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên. Tạo vị thế người Thầy trong nhà trường, trong xã hội; tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên phát huy quyền dân chủ của mình. Hoàn thiện các văn bản liên quan đến đảm bảo quyền dân chủ trường cao đẳng, tích cực phòng ngừa hiện tượng thiếu công bằng, mất đoàn kết, xử lý nghiêm những sự việc vi phạm quyền dân chủ.

Thường xuyên tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ từ các đối tượng sinh viên giỏi, cán bộ khoa học có năng lực và đã qua công tác tại các đơn vị trong và ngoài quân đội. Chú trọng phát huy kinh nghiệm công tác chuyên môn của giảng viên lâu năm đồng thời tích cực bồi dưỡng chuyên môn cho lớp giảng viên trẻ.

Xây dựng quy trình bồi dưỡng và thực hiện cơ chế sàng lọc để đảm bảo chất lượng; hoàn chỉnh các chính sách về phát triển năng lực chuyên môn của đội ngũ; mở rộng quan hệ, tìm kiếm đối tác, nhà tài trợ cho phát triển năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên chuyên ngành y dược. Tiếp tục bổ sung giảng viên ở một số ngành còn thiếu đảm bảo đủ giảng viên thực hiện các chương trình đào tạo hiện tại

và những năm sau. Đảm bảo cân bằng giữa trình độ và cơ cấu chuyên môn, đồng bộ về cơ cấu và đạt chuẩn qui định.

Thứ tám, gắn đào tạo với tự đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thế giới phát triển liên tục, không ngừng với y tế, giáo dục, khoa học công nghệ càng có ý nghĩa với tính cập nhật. Vì vậy cần xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; gắn đào tạo với tự đào tạo, bồi dưỡng và đào tạo lại. Có như vậy người cán bộ, giảng viên trong môi trường đào tạo y khoa mới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thứ chín, bồi dưỡng kiến thức thực tiễn cho đội ngũ nhà giáo dạy học đối tượng y dược, dạy học NVQYc. Để thực hiện tốt nội dung này cần cử cán bộ, giảng viên đi thực tế tại các đơn vị để tìm hiểu hoạt động huấn luyện, chiến đấu tại đơn vị; thực tế chức trách nhiệm vụ chủ nhiệm quân y tiểu đoàn, quân y đại đội giúp cho việc tổng kết kinh nghiệm, biên soạn giáo trình, chương trình và năng lực dạy học. Giúp quá trình công tác sát với thực tế đơn vị.

Trong những năm qua, Đảng uỷ - Ban Giám hiệu Trường CDHC1 đã thường xuyên chăm lo bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên. Nhà trường đã mở nhiều lớp tập huấn sư phạm, cử nhiều lượt cán bộ đi học tập tại các bệnh viện, các cơ sở y tế trong và ngoài quân đội. Nhờ vậy đội ngũ giảng viên của nhà trường ngày càng được củng cố và nâng cao cả về chuyên môn, phương pháp, kinh nghiệm, thực tiễn.

Trong thời gian tới Nhà trường cần chú trọng hơn nữa công tác bồi dưỡng giảng viên, nhất là giảng viên đặc thù như giảng viên dạy học lâm sàng, giảng viên chuyên ngành y học quân sự, mở các lớp tập huấn và cấp chứng chỉ dạy học lâm sàng, hành nghề y dược để đội ngũ giảng viên vừa giỏi về chuyên ngành vừa đầy đủ hồ sơ dạy học theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó cần chú trọng công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ và kiến thức thực tiễn.

Cần xây dựng hệ thống công cụ giúp tổ chức và thực hiện kế hoạch xây dựng đội ngũ nhà giáo. Đổi mới công tác bồi dưỡng, đánh giá, chú trọng thực chất, tránh hình thức, kiên quyết chống bệnh thành tích trong giáo dục.

Trong thời đại công nghệ 4.0, người giảng viên bên cạnh việc thường xuyên bồi dưỡng các năng lực như năng lực chuyên môn, năng lực giảng dạy, năng lực nghiên cứu khoa học... còn đòi hỏi phải đặc biệt chú trọng bồi dưỡng một số năng lực đáp ứng yêu cầu mới: Năng lực sử dụng thành thạo CNTT, thành thạo ngoại ngữ trong giao tiếp và giảng dạy. Hay nói một cách gần gũi, giản đơn người giảng viên trường Cao đẳng Hậu cần 1 trong điều kiện Cuộc cách mạng 4.0 phải có đạo đức tốt, có chuyên môn giỏi, có phương pháp sư phạm, làm chủ công nghệ thông tin, có trình độ ngoại ngữ phù hợp.

d) Đổi mới nâng cao chất lượng bài giảng, kế hoạch giảng bài đối tượng nhân viên quân y đại đội

Để nâng cao chất lượng bài giảng, kế hoạch giảng bài các môn học đối tượng NVQYc, vấn đề đầu tiên phải thống nhất thế nào là “một bài giảng tốt”. Chúng ta thường nói đến chất lượng bài giảng, nhưng quan niệm về chất lượng bài

giảng thì có nhiều và đôi khi khác nhau. Vì vậy, theo nhóm đề tài, chất lượng bài giảng các môn học cho đối tượng NVQYc là mức độ đáp ứng mục tiêu yêu cầu đào tạo. Một bài giảng được xem là có chất lượng nếu những mục tiêu đặt ra trong nội dung, chương trình được bài giảng, KHGB thể hiện đầy đủ. Do đó, chất lượng giảng bài không những phụ thuộc vào từng bài học, nội dung, từng đối tượng mà còn phụ thuộc vào trình độ và thâm niên giảng dạy của mỗi giáo viên. Tuy nhiên, nói một cách khái quát nhất thì một bài giảng tốt là bài giảng phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về nội dung, phương pháp, tổ chức lớp học và phải mang lại hiệu quả đích thực về kiến thức, kỹ năng, thái độ, phương pháp cho người học. Mỗi quan hệ biện chứng giữa đổi mới nội dung, chương trình đào tạo gắn chặt với đổi mới mục tiêu, nội dung biên soạn bài giảng và ngược lại.

Một bài giảng, KHGB đối tượng NVQYc tốt phải được xây dựng dựa trên các yếu tố:

Thứ nhất, bài giảng, KHGB phải quán triệt được những yêu cầu về nội dung giảng dạy như:

- Tính tư tưởng: Thông qua nội dung giảng dạy phải bồi dưỡng cho người học thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin, là cơ sở hiểu đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, hiểu được những chuẩn mực giá trị đạo đức của người thầy thuốc. Vì vậy bài giảng của thầy không chỉ truyền đạt và hình thành phẩm chất chuyên môn mà còn góp phần hình thành phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

- Tính khoa học: Nội dung bài giảng phải bảo đảm những yêu cầu về tính khoa học, cơ bản và hiện đại. Tức là phải phản ánh đúng bản chất, quy luật của môn học, phải cung cấp được những tri thức cơ bản nền tảng của môn học. Những vấn đề về cơ bản đã thể hiện trong giáo trình tài liệu. Tuy nhiên, những vấn đề có tính chất thực sự, những thay đổi về chuyên môn cần phải được giáo viên cập nhật và chuyển hoá thành nội dung giảng dạy ở mức độ hợp lý.

- Tính hệ thống, logic, nhất quán: Các nội dung trong bài giảng và giữa bài giảng với các bài khác trong môn học và các môn học khác phải bảo đảm tính hệ thống, logic, nhất quán, đồng thời phải phù hợp với logic nhận thức của người học.

- Tính thực tiễn: Nội dung bài giảng phải quan hệ chặt chẽ với thực tiễn lâm sàng, thực tiễn đơn vị. Tính thực tiễn đòi hỏi nội dung dạy học trong bài giảng phải được chứng minh bằng thực tiễn và phải chỉ ra phương hướng ứng dụng của những nội dung đó vào giải quyết các vấn đề các môn học kế tiếp và thực tế lâm sàng. Các nội dung đó phải thiết thực cho sự phát triển phẩm chất, năng lực của người học theo mục tiêu, yêu cầu đào tạo của nhà trường.

- Tính mới: Khoa học kỹ thuật nói chung và khoa học y học nói riêng thay đổi từng ngày. Vi sinh y học, thuốc điều trị, bệnh học, phương pháp phẫu thuật cho đến tổ chức quản lý y tế ...đều thay đổi không ngừng. Vì vậy cùng với việc đổi mới nội dung chương trình đào tạo, đội ngũ nhà giáo không ngừng cập nhật kiến thức y học mới để cung cấp cho người học, giúp người nhân viên

quân y đại đội ra trường đáp ứng với thực tiễn chăm sóc sức khỏe bộ đội ở đơn vị. Trong những năm qua, Trường CD Hậu cần 1 đã chú trọng đến việc cập nhật kiến thức y học mới vào chương trình, giáo trình và bài giảng. Tuy nhiên hiện nay công tác huấn luyện, phục vụ chiến đấu của quân đội, cơ cấu bệnh tật có nhiều thay đổi. Vì vậy hoạt động chăm sóc khỏe của bộ đội cũng thay đổi theo. Do đó công tác biên soạn bài giảng, kế hoạch giảng bài phải cập nhật sát với thực tiễn đặt ra.

Đối với biên soạn bài giảng, KHGB đối tượng NVQYc, ban đề tài đề xuất một số nội dung cơ bản sau: Bám sát chương trình, giáo trình đối mới phù hợp với thực tiễn nhiệm vụ của NVQYc. Bài giảng, KHGB biên soạn đúng mẫu 1206 và những nội dung đã được thống nhất toàn trường. Bổ sung một số nội dung mới đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới:

- Môn bệnh học nội: Bổ sung nội dung triệu chứng, xử trí covid-19.
- Môn Điều dưỡng cơ bản: Bổ sung nội dung lấy bệnh phẩm xét nghiệm covid-19.
- Môn Vệ sinh – Phòng dịch: Bổ sung nội dung các biện pháp phòng chống dịch Covid-19.
- Môn Tổ chức chỉ huy quân y, quân sự chung: Bổ sung nội dung huấn luyện đêm, thời lượng chiếm khoảng 10% đề mục huấn luyện.
- Môn 5 kỹ thuật cấp cứu: Bổ sung nội dung huấn luyện đêm 5 kỹ thuật cấp cứu.

Thứ hai, phương pháp giảng dạy của giảng viên phù hợp.

Phương pháp giảng dạy là cách thức, là con đường để truyền tải nội dung bài giảng đến người học. Với những nội dung đã chỉ ra trong bài giảng, người giáo viên phải tìm ra được cách tốt nhất để người học tiếp thu đầy đủ nhất, tốt nhất. Muốn vậy, người giáo viên phải hiểu rõ tâm lý, nắm chắc đối tượng đào tạo, căn cứ vào trình độ của người học mà vận dụng linh hoạt các phương pháp cho phù hợp, đảm bảo ngắn gọn, dễ hiểu, thực hành thành thạo, phát huy tính tích cực cũng như sáng tạo của học viên, tạo điều kiện tốt nhất cho học viên tiếp cận kiến thức điều dưỡng từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Qua đó, khơi dậy niềm say mê, yêu thích học tập các môn trong chương trình đào tạo NVQYc của học viên. Trong thời gian qua Trường CD Hậu cần 1 đã tích cực đổi mới phương pháp dạy học, trước đây phương pháp thuyết trình là cơ bản, hiện nay trong một bài giảng nhiều phương pháp được vận dụng như thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, động não, nói một không trùng, đọc – bình luận, cầm tay chỉ việc, học theo bảng kiểm, dạy học theo tình huống lâm sàng, đóng vai... Vai trò trung tâm tập trung vào người học, người dạy trở thành nhà tổ chức, quản lý, đạo diễn, gợi mở, trọng tài.

Đối với đối tượng NVQYc cần áp dụng phương pháp dạy học tích cực và hiệu quả. Đừng xem nhẹ đối tượng NVQYc để lạm dụng đọc chép, chậm đổi mới phương pháp. Với đối tượng ngắn hạn, yếu tố phương pháp càng có ý nghĩa quyết định đến chất lượng. Ban đề tài đề xuất áp dụng phương pháp dạy học tích cực và

hiệu quả cho đối tượng NVQYc. Nên áp dụng đa dạng phương pháp dạy học tích cực để giải quyết một vấn đề. Hay nói một cách đơn giản là áp dụng nhiều cách khác nhau để lặp lại một vấn đề, phương pháp này rất phù hợp với nhận thức của học viên NVQYc. Dạy học NVQYc nên thông qua 6 bước:

- Bước 1: Yêu cầu học viên làm bài tập (đọc giáo trình, tài liệu, thảo luận nhóm).
- Bước 2: Học viên phát biểu, phát biểu bổ sung (thông qua trò chơi khuấy động, chỉ định).
- Bước 3: Giảng viên, giáo viên thuyết trình, đàm thoại, trình chiếu hình ảnh, tình huống, sơ đồ minh họa, kết luận.
- Bước 4: Học viên ghi ngắn (ghi nội dung chính, ý chính).
- Bước 5: Nhớ nhanh tại lớp (dành một vài phút để học viên lưu tâm nội dung chính).
- Bước 6: Tự học, tự học có hướng dẫn của giáo viên (sau mỗi buổi học học viên tự ôn lại nội dung hoặc ngoài giờ giảng viên đến lớp kết hợp kiểm tra hoạt động tự học, định hướng học viên ôn tập sẽ giúp nâng cao chất lượng học tập).

Vừa qua ban đề tài phối hợp với một số bộ môn, khoa áp dụng thí điểm hình thức, phương pháp dạy học trên cho đối tượng nhân viên quân y đại đội khóa K47, K48 cho kết quả rất tốt.

Thứ ba, thực hiện nghiêm quy chế huấn luyện.

Ở bất kỳ nhà trường nào, trong quá trình thực hiện bài giảng cũng phải thực hiện đúng quy chế huấn luyện và ở Trường CD Hậu cần 1 vấn đề này càng khắc khe hơn nhiều. Vì vậy, khi lên lớp người giáo viên phải thực hiện đúng quy trình huấn luyện cả về kế hoạch thời gian nội dung và hình thức huấn luyện cũng như thứ tự các bước của quá trình huấn luyện.

Thứ tư, đảm bảo tính hiệu quả trong giảng dạy.

Giảng dạy với hiệu quả cao được xem xét trên mấy khía cạnh sau:

Sử dụng hiệu quả phương tiện dạy học đã trang bị, nội dung nào cần sử dụng phương tiện, hình ảnh, mô hình....mới sử dụng, nếu không thì thôi, tránh hình thức; sử dụng sức lực của giáo viên hợp lý từ giọng nói, đi lại, viết bảng sao cho tối ưu; người học không mất quá nhiều thời gian để hiểu bài.

Từ việc quan niệm về chất lượng bài giảng và các tiêu thức đánh giá chất lượng bài giảng, kinh nghiệm giảng dạy của đội ngũ cán bộ giáo viên, trao đổi với các đồng nghiệp, nhóm tác giả cho rằng để nâng cao chất lượng bài giảng cần làm tốt các vấn đề cơ bản sau đây:

- Biên soạn bài giảng theo hướng dạy học tích cực, có tính gợi mở, tự học, tự giải quyết vấn đề. Trong đó cần chú ý đến tính phù hợp đối tượng NVQYc.
- Dạy học tích cực là phương thức tổ chức dạy học tron đó giảng viên là nhà tổ chức, quản lý, đạo diễn; học viên là đối tượng trung tâm.

- Giáo án dạy học tích cực là bản kế hoạch hoạt động của giáo viên và học viên nhằm làm cho học viên lĩnh hội được kiến thức, hình thành kỹ năng và thái độ đối với hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống. Giáo án tích cực là kế hoạch giảng dạy cho một nội dung hoặc một phần kỹ năng nghề nghiệp do giáo viên biên soạn dựa theo chương trình môn học và lịch trình giảng dạy.

- Các bước thiết kế giáo án tích cực

Xác định mục tiêu học tập

Mục tiêu học tập là những kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải đạt được sau khi kết thúc bài dạy. Nếu giáo án là kế hoạch giảng dạy cho một kỹ năng nghề nghiệp, mục tiêu hướng đến giải quyết trọn vẹn một kỹ năng. Nếu giáo án là kế hoạch giảng dạy cho một nội dung kiến thức thì mục tiêu hướng đến giải quyết nội dung kiến thức. Dĩ nhiên trong một nội dung lý thuyết hay hay thực hành hoặc tích hợp vẫn đan xen kiến thức, kỹ năng, thái độ.

Thiết kế hình thức tổ chức dạy học (DH): Hình thức tổ chức DH là toàn bộ những cách thức tổ chức hoạt động của giáo viên và học viên trong quá trình DH ở thời gian và địa điểm nhất định nhằm thực hiện những nhiệm vụ DH.

Trong thực tế, tùy thuộc vào số lượng học viên, đặc điểm nội dung học tập, điều kiện về cơ sở vật chất, thời gian và không gian DH, đặc điểm HĐ của thầy - trò và mục tiêu học tập cần đạt GV có thể thiết kế các hình thức tổ chức DH như: Theo nhóm, theo lớp. Hiện nay ở Nhà trường dạy học lý thuyết thường tổ chức dạng toàn lớp (50 – 60 học viên); dạy học lớp lớn, lớp ghép với đối tượng NVQYc hiện không được áp dụng; dạy học thực hành, thực tập thường tổ chức nhóm nhỏ (15 – 20 học viên).

Thiết kế nội dung học tập

Căn cứ vào mục tiêu học tập đã xác định cho bài dạy để xác định các nội dung học tập. Các nội dung học tập cần được xây dựng theo trình tự logic, phù hợp với tiến trình thực hiện bài dạy được quy định trong mẫu giáo án. Với đối tượng NVQYc cần đặc biệt chú ý đến nội hàm để phù hợp với khả năng nhận thức, tránh tình trạng nhồi nhét nội dung, sẽ ảnh hưởng đến chất lượng.

Việc xác định nội dung học tập phải tiến hành những công việc sau đây:

Xác định nội hàm, kỹ năng chuyển tải;

Xác định những kiến thức liên quan đến việc hình thành năng lực, kỹ năng;

Cấu trúc nội dung theo logic nhất định, phù hợp tiến trình dạy học.

Để xác định đúng năng lực, kỹ năng cần thực hiện, ngoài nghiên cứu mục tiêu, đề cương bài giảng trong chương trình đào tạo, quan trọng hơn là nghiên cứu phiếu phân tích trình tự năng lực, kỹ năng đạt được;

Thiết kế các hoạt động dạy - học và phương tiện;

Căn cứ đặc điểm của từng nội dung học tập để thiết kế các hoạt động của GV và HS theo định hướng phát huy sự tham gia tích cực của HV vào quá trình học tập. Với đối tượng NVQYc, kế hoạch dạy học rất sát với hoạt động của giảng

viên, học viên ở lớp học;

Mỗi hoạt động của HV cần có ít nhất một hoạt động tương ứng của giáo viên để hướng dẫn, tổ chức.

Thiết kế hoạt động (HĐ) dạy - học không phải là nêu tên các HĐ hay tên của phương pháp DH mà cần mô tả rõ cách thức triển khai HĐ của giáo viên và học viên.

Với mỗi HĐ cần chỉ rõ tên HĐ; mục tiêu của HĐ; cách tiến hành HĐ.

Căn cứ vào nội dung và phương pháp dạy học, giáo viên lựa chọn các phương tiện phù hợp nhằm tổ chức tốt nhất hoạt động dạy – học. Việc sử dụng các phương tiện phải được mô tả trong các hoạt động dạy – học.

Thiết kế tổng kết và hướng dẫn học tập

Thiết kế tổng kết: Những nội dung cốt lõi về kiến thức, kỹ năng cần được củng cố, hệ thống lại nhằm làm cho học viên hiểu được bài học một cách sâu sắc. Giáo viên nên sử dụng các phương tiện trực quan như bản vẽ, sơ đồ, mô hình, sản phẩm,... để tổ chức các hoạt động củng cố.

Thiết kế hướng dẫn học tập: Không đơn giản là giao bài tập hoặc nhiệm vụ về nhà. Điều chủ yếu nhất của khâu này là GV hướng dẫn cách học, khuyến khích tìm kiếm tư liệu, chuẩn bị các điều kiện phục vụ học tập bài tiếp theo.

- Xác định thời gian cho mỗi nội dung của giáo án.

Khi xác định thời gian thực hiện các nội dung của giáo án cần chú trọng thời gian thực hiện dạy – học từng tiểu kiến thức, kỹ năng.

Biên soạn bài tập, bài tập tình huống, bài tập tư duy, quy trình, bảng kiểm giúp công tác dạy học

Nội dung thực hành phải biên soạn thành các quy trình, bảng kiểm chi tiết và khi thực hành dạy học cần dạy theo quy trình, bảng kiểm và tuân thủ một cách chính xác, ngoài ra phải xây dựng các bài tập tình huống, bài tập tư duy và đưa vào trong quá trình dạy học. Kết thúc mỗi nội dung bài học cần có các bảng kiểm để học sinh tự lượng giá mình đã đạt được, thực hiện được yêu cầu đề ra hay chưa.

+ Làm tốt công tác chuẩn bị huấn luyện.

Chuẩn bị huấn luyện là bước rất quan trọng, nó quyết định phần lớn đến chất lượng bài giảng. Trong giai đoạn này có hai việc cần quan tâm là soạn giáo án bài giảng và nắm đối tượng.

Soạn giáo án là khâu cực kỳ quan trọng, để có giáo án hay cần làm tốt các việc sau:

- Đọc kỹ và hiểu được các nội dung trong giáo trình, tài liệu. Chỉ có trên cơ sở hiểu được nội dung mới có thể soạn được giáo án hay, sâu sắc và sau này tự tin giảng giải, cắt nghĩa khi đứng trước lớp. Đối với đối tượng NVQYc bước này rất quan trọng, luôn luôn chú ý đến yếu tố phù hợp.

- Đọc các tài liệu tham khảo và các môn học có liên quan để tạo phong kiến

thức rộng. Một giáo án hay không chỉ phản ánh đúng, đủ nội dung trong tài liệu, mà phải được bổ sung bằng các tài liệu, các thông tin có liên quan đến môn học. Chuẩn bị sẵn các ví dụ minh họa, đồng thời dự kiến trước các câu hỏi mà người học có thể hỏi. Đối với bước nay, giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn rất thuận lợi cho cả chuẩn bị lẫn thực giảng.

- Phác thảo ý đồ trình bày vấn đề cho người học và phương pháp trình bày. Cùng một nội dung nhưng mỗi người tùy trình độ và cách tiếp cận, tùy đối tượng có thể có ý đồ trình bày khác nhau. Đây là việc thiết kế bài giảng của giáo viên. Với bài giảng đó nội dung chính cần đi sâu là gì, kiến thức bổ trợ là gì, dùng phương pháp nào để trình bày. Sau khi có ý tưởng cho từng bài, từng mục mới bắt tay soạn giáo án. Như đã trình bày ở trên, với đối tượng NVQYc, thiết kế dạy học qua 6 bước đem lại hiệu quả cao, nhưng người giảng viên thường hoạt động nhiều, đòi hỏi tinh thần trách nhiệm, lòng nhiệt huyết với học viên.

- Thuần thực giáo án:

Nội dung của bài giảng và ý tưởng trình bày được thể hiện trong giáo án. Giáo án được xem là cái cốt, là chỗ dựa của người giáo viên. Nhưng trong quá trình giảng dạy không nên quá lệ thuộc vào giáo án. Thoát ly giáo án chứng tỏ khả năng hiểu và nhớ vấn đề cần trình bày và nó cũng là một điểm để đánh giá chất lượng bài giảng.

- Giảng tập, giảng thử, giảng thông qua:

Sau khi đã thuần thực giáo án, một việc cần phải làm là giảng tập, giảng thử. Đây là khâu rất quan trọng, nhất là đối với giáo viên mới. Qua giảng tập, giảng thử bản thân giáo viên được tập dượt đồng thời bổ sung các nội dung cũng như phương pháp giảng dạy thông qua sự trao đổi, đóng góp của đồng nghiệp. Dạy học đối tượng NVQYc không dễ như nhiều người tưởng, bởi khả năng nhận thức của các em có hạn, vì vậy khâu giảng tập, giảng thử, dự giảng bộ môn khoa cần được thực hiện nghiêm túc.

Vấn đề không thể thiếu của công tác chuẩn bị là tìm hiểu đối tượng. Đây là việc chúng ta rất ít làm hoặc có làm nhưng chưa cẩn thận. Nhưng nếu chúng ta chú ý đến hoạt động này, chất lượng bài giảng sẽ tốt hơn. Chúng ta sẽ biết trước chúng ta sẽ giảng cho ai, họ làm gì, trình độ của họ ra sao, họ đã biết cái gì và cần biết cái gì. Từ đó giáo viên tự tin hơn khi lên lớp, lường trước được lĩnh vực học sinh sẽ trao đổi, ví dụ nào đưa ra sẽ thiết thực với họ. Giảng cho đối tượng NVQYc, nội dung cần truyền đạt hết sức đơn giản “hạt lúa, củ khoai”, càng ngắn gọn, càng đơn giản hiệu quả càng cao.

Để thực hiện đúng quy chế huấn luyện, nâng cao chất lượng đào tạo, trong thời gian tới đội ngũ nhà giáo tại các khoa cần làm tốt hơn nữa công tác biên soạn, chỉ huy bộ môn, khoa, Ban Giám hiệu cần thực hiện tốt công tác thông qua bài giảng và phê duyệt giáo án. Kiên quyết không để tình trạng vi phạm quy chế đào tạo khi lên lớp.

+ Nâng cao chất lượng thực hành giảng bài.

Sau khi soạn giáo án một cách cẩn thận (giảng cái gì), nắm vững đối tượng nghe (giảng cho ai), chất lượng bài giảng phụ thuộc chặt chẽ vào phương pháp truyền đạt (giảng như thế nào). Đây được xem là khâu quan trọng nhất, quyết định nhất đến chất lượng bài giảng, nó phản ánh năng lực sư phạm của một giáo viên. Lý luận dạy học đã đưa ra một hệ thống các phương pháp dạy học, nhưng sử dụng phương pháp nào thì lại tùy thuộc vào mỗi giáo viên, mỗi bài giảng và đối tượng học. Qua quá trình giảng dạy, mỗi giáo viên sẽ tìm được một phương pháp chủ công và các phương pháp hỗ trợ của mình, phải xem đây là một quá trình rất vất vả và khó khăn chứ không chỉ là vấn đề thời gian, bởi dạy học là một nghệ thuật. Các giáo viên dạy học đối tượng NVQYc thường tiến hành giảng qua 3 bước:

Bước 1: Đặt vấn đề; Mở đầu.

Ở bước này, giảng viên giới thiệu khái quát vị trí, vai trò, tầm quan trọng, khái quát nội dung nhằm tạo ra sự chú ý ban đầu của học viên.

Ví dụ: Đối với mỗi bài học có sự dẫn dắt vào đề, giới thiệu lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng của nó vào thực tiễn. Có nhiều cách để giới thiệu: Thuyết trình, trình bày trực quan, tình huống, lồng ghép...

Bước 2: Giải quyết vấn đề.

Trong bước này, giảng viên cần và học viên giải quyết từng vấn đề nhỏ kiến thức, kỹ năng để giúp học viên dễ tiếp thu, nhất là với học viên NVQYc.

Dạy học lý thuyết có thể đi theo con đường diễn giảng hay quy nạp. Nếu đi theo con đường diễn dịch, mở đầu giáo viên nêu lên một kết luận sơ bộ hoặc trọn vẹn sau đó lần lượt phân tích, giảng giải để chứng minh cho kết luận đó. Nếu đi theo con đường quy nạp, giảng viên đi thẳng ngay vào việc phân tích vấn đề để cuối cùng rút ra kết luận. Con đường quy nạp - khái quát hoá này có tác dụng tương đối tích cực hơn đối với sự phát triển tư duy của học viên. Tuy nhiên theo nhiều giảng viên có kinh nghiệm dạy học NVQYc, nên giải quyết những năng lực kiến thức nhỏ theo 6 bước (5 bước tại lớp, 1 bước thực hiện ngoài giờ có hướng dẫn của giảng viên) sẽ cho kết quả tốt, phù hợp với nhận thức đối tượng đào tạo.

Dạy học thực hành, phương pháp cắt đoạn theo mô đun, dạy học theo từng kỹ năng nhỏ rất hiệu quả đối với NVQYc. Một kỹ năng thực hành thường được thực hiện qua 4 bước.

Trong quá trình giải quyết vấn đề các nội dung được sắp xếp từ thấp đến cao do đó khi có một vấn đề mới phát sinh trên cơ sở đã được giải quyết, giảng viên có thể phát vấn yêu cầu học sinh vận dụng, sáng tạo... nhằm đưa học viên vào trạng thái tập trung của người trong cuộc, tránh tình trạng thụ động một chiều.

Khi thao tác mẫu, giảng viên cần hướng dẫn các thao tác tỷ mỉ để học viên theo dõi. Có thể thực hiện nhiều lần, thầy làm trò quan sát, thầy trò cùng làm tổng quan sát, trò làm thầy quan sát... Đặc biệt trong quá trình giảng dạy nói chung và thao tác mẫu nói riêng cần chú trọng việc tạo ra các tình huống "sự phạm" để khắc

sâu kiến thức đồng thời tạo ra sự cuốn hút học viên trong học tập.

Bước 3: Kết thúc nội dung.

Đây là giai đoạn cuối cùng của quá trình nghiên cứu vấn đề. Kết luận chung ở bước này chính là câu trả lời cô đọng cho các câu hỏi đã nêu ra trong các bước 1 và 2. Kết luận phải rõ ràng, chính xác, đầy đủ, kết tinh được những điểm cơ bản đã phân tích, đảm bảo tính khái quát cao, khi đó mới thực sự có tác dụng mạnh mẽ đến học viên về cả hai mặt dạy học và giáo dục. Có thể giới thiệu nội dung nghiên cứu tham khảo, câu hỏi ôn tập, bài học sau để học viên chủ động chuẩn bị.

Nói chung kiểu phương pháp thông báo, thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, nêu vấn đề kết hợp với thao tác mẫu, trình bày trực quan, tình huống thực tế, có khả năng cung cấp cho học sinh một khối lượng lớn thông tin có hệ thống, chính xác trong một thời gian ngắn. Phương pháp này thì giáo viên đỡ tốn sức lực, học sinh ít vất vả, ít mắc phải sai lầm. Tuy nhiên, cần kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp này sẽ phát huy được tính tích cực độc lập và tư duy sáng tạo của học viên thì hiệu quả của phương pháp này sẽ rất cao, có tác dụng trong thực tiễn và trở thành phương pháp chủ đạo cho việc giảng dạy các môn học cho đối tượng NVQYc ở Trường Cao đẳng Hậu cần 1.

Trong quá trình giảng phải liên hệ với thực tiễn, phải lường trước từng nội dung người học sẽ hỏi gì, mình sẽ trả lời ra sao, hết sức tránh không trả lời. Với các nội dung khó nên cố gắng làm cho nó thật đơn giản để học viên dễ tiếp cận, không nên quan trọng hoá vấn đề, quan trọng hoá môn học. Với dạy học NVQYc, càng đơn giản, cụ thể, thực tế càng có hiệu quả.

+ Thường xuyên cập nhật, tu chỉnh, hoàn thiện, nâng cao chất lượng bài giảng.

Chất lượng bài giảng không chỉ phụ thuộc vào nội dung và phương pháp truyền đạt mà cái cuối cùng là kết quả học tập của người học. Do đó, sau mỗi bài giảng, buổi giảng, lớp giảng, giảng viên cần tự rút kinh nghiệm để bổ sung, tu chỉnh giáo án và điều chỉnh phương pháp cho phù hợp. Muốn vậy, người giáo viên phải dựa vào các kênh thông tin chủ yếu:

- Thông qua kết quả kiểm tra nhanh, qua quá trình giảng dạy trên lớp (phát vấn, nêu vấn đề, tình huống "sự phạm"...) để nắm bắt sự tiếp thu của học viên các giờ học trước.

- Thông qua kết quả kiểm tra, thi định kỳ và kết thúc môn học: Qua kết quả của các lớp, các đối tượng trong một khoảng thời gian nhất định cho phép chúng ta đánh giá chất lượng bài giảng đã tốt chưa.

- Thông qua dân chủ huấn luyện để nắm được sự phản ánh ngược lại của người học về nội dung, chương trình, thời gian mà đặc biệt là phương pháp giảng dạy.

Mặt khác, việc thông qua giáo viên mới và thông qua giáo viên dạy giỏi cũng là cơ hội để rèn luyện cho giáo viên về mọi mặt, trong đó có rèn luyện về nâng cao chất lượng bài giảng. Tiến tới, nhà trường định kỳ hoặc đột xuất kiểm

tra chế độ biên soạn bài giảng kết hợp bình bài giảng, chấm bài giảng tại các khoa. Khen thưởng, biểu dương chính xác những cá nhân, đơn vị duy trì nghiêm chế độ biên soạn bài giảng, thực hiện nghiêm quy chế huấn luyện và ngược lại.

Có thể thấy chất lượng bài giảng đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy học của môn học, vì vậy trên góc độ của một giáo viên, cần tập trung vào việc nâng cao chất lượng bài giảng. Trong thời gian qua thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa tổ chức nhiều buổi sinh hoạt chuyên môn, tập huấn nhằm nâng cao chất lượng công tác biên soạn bài giảng, kế hoạch giảng bài. Thực tế hệ thống bài giảng, KHGB của các khoa ngày một tốt hơn. Kiểm tra công tác đào tạo tại nhà trường, Thủ trưởng cấp trên đánh giá rất cao công tác biên soạn bài giảng, KHGB của nhà trường. Tuy nhiên với đối tượng NVQYc, hệ thống bài giảng vẫn còn một số hạn chế cần sớm được khắc phục. Trong đó phổ biến nhất là tính phù hợp của chương trình, mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và tính cập nhật. Kiến nghị các khoa và Phòng Đào tạo trong thời gian tới tiếp tục tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng biên soạn bài giảng, KHGB đối tượng NVQYc. Bổ sung một số nội dung để phù hợp với tình hình huấn luyện và dịch bệnh đang lưu hành như công tác bảo đảm quân y trong huấn luyện đêm, phòng chống dịch covid-19.

* Phương pháp biên soạn bài giảng, chuẩn bị cơ sở huấn luyện đêm môn 5 kỹ thuật cấp cứu cho đối tượng NVQYc

- Xây dựng bài giảng huấn luyện đêm môn 5 kỹ thuật cấp cứu cho đối tượng Nhân viên Quân y đại đội.

Huấn luyện đêm thực hiện trên cơ sở huấn luyện ngày. Huấn luyện đêm thực hiện sau huấn luyện ngày thành thạo. Vì vậy trước khi huấn luyện đêm phải thực hiện huấn luyện ngày. Giảng viên xây dựng bài giảng huấn luyện đêm môn 5 kỹ thuật cấp cứu cho đối tượng NVQYc theo đúng mẫu 1206 của Cục Nhà trường – Bộ Tổng Tham mưu. Nội dung giáo trình huấn luyện đêm 5 kỹ thuật cấp cứu cho đối tượng NVQYc gồm băng bó, cầm máu, cố định, hô hấp nhân tạo và chuyển thương hỏa tuyến nhưng trong điều kiện đêm tối. Bài giảng phải nêu rõ được cách nhận biết thương binh, vết thương, cấp cứu, vận chuyển.

- Nguyên tắc xây dựng cơ sở vật chất phục vụ huấn luyện đêm môn 5 kỹ thuật cấp cứu cho đối tượng Nhân viên Quân y đại đội.:

+ Những cơ sở vật chất sử dụng huấn luyện môn 5 kỹ thuật cấp cứu ban ngày đều được trang bị để huấn luyện ban đêm.

+ Cơ sở vật chất huấn luyện 5 kỹ thuật cấp cứu ban đêm có những đặc tính riêng biệt phù hợp với điều kiện huấn luyện đêm như phát quang, dễ nhận biết trong đêm tối.

+ Một số dụng cụ huấn luyện chuyên biệt sử dụng trong huấn luyện đêm như đèn pin, dụng cụ phát quang.

- Cơ sở vật chất huấn luyện môn 5 kỹ thuật cấp cứu ban đêm cho đối

tượng Nhân viên Quân y đại đội:

- + Túi lớn đảm bảo cơ sở huấn luyện 5 kỹ thuật cấp cứu: Có ký hiệu phát quang trong điều kiện đêm tối rất thuận tiện trong huấn luyện.

- + Túi nhỏ đảm bảo cơ sở 5 kỹ thuật cấp cứu: Có ký hiệu phát quang trong điều kiện đêm tối rất thuận tiện trong huấn luyện.

- + Bông, băng, gạc: Có ký hiệu phát quang trong điều kiện đêm tối rất thuận tiện trong huấn luyện.

- + Nẹp cố định: Xây dựng đầy cơ sở nẹp cố định, các bộ nẹp có trang bị thành phần phát quang rất thuận tiện cho huấn luyện đêm.

- + Tăng võng: Xây dựng cơ sở tăng võng theo quy định, điểm đặc biệt là có dụng cụ phát quang, rất thuận tiện trong huấn luyện đêm

- + Con chèn, ga rô, phiếu chuyển thương, ký hiệu đỏ

- + Đèn pin, còi: Đây là những dụng cụ không thể thiếu trong huấn luyện đêm.

* Khoa Quân sự chung phối hợp chặt chẽ với Khoa Y học Quân sự trong thiết kế bài giảng và thực hành huấn luyện đêm, đảm bảo chất lượng, an toàn và sát với thực tế chiến đấu của bộ đội, hoạt động cứu chữa thương binh.

e) Đổi mới nâng cao chất lượng dạy học đối tượng NVQYc

Bản chất của quá trình dạy học nói chung và dạy học cho các đối tượng NVQYc của Nhà trường nói riêng là quá trình nhận thức của học viên dưới sự quản lý, tổ chức, đạo diễn của giáo viên. Như vậy vai trò trung tâm của hoạt động dạy học là học viên, giáo viên là nhà tổ chức, đạo diễn nhưng phải là nhà tổ chức, đạo diễn có tài. Chất lượng giáo viên có vai trò quyết định trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Do vậy việc phát triển đội ngũ giáo viên được coi là giải pháp quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Giáo viên không chỉ trang bị cho học viên những kiến thức theo quy định của chương trình mà quan trọng hơn là phải trang bị cho học viên phương pháp tư duy và nghiên cứu khoa học, giúp học viên hình thành nhân cách. Trong giảng dạy, cần chú trọng phát huy tính tư duy sáng tạo của người học, kết hợp học tập kiến thức với rèn luyện đạo đức nhân cách của người cán bộ ngành y: yêu ngành nghề, có ý thức trách nhiệm chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho bộ đội và nhân dân. Để đạt được điều đó, người thầy không những phải có kiến thức chuyên môn sâu, rộng mà còn phải có phương pháp sư phạm và phương pháp nghiên cứu khoa học tốt, đặc biệt phải thực sự mô phạm trước học viên. Người thầy phải thực sự là một tấm gương để học viên phấn đấu noi theo. Để nâng cao chất lượng dạy học đối tượng NVQYc, trong thời gian tới, cần thực hiện một cách đồng bộ các biện pháp bồi dưỡng nâng cao chất lượng cho đội ngũ giáo viên sau:

- + **Một là**, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhà giáo

Trong những năm qua, Đảng ủy - Ban Giám hiệu Trường CD Quân y 1 đã thường xuyên chăm lo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Nhà trường đã mở nhiều lớp

tập huấn bồi dưỡng kiến thức sư phạm, cử nhiều lượt giáo viên đi học tập tại Bệnh viện Quân Y 103, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Việt Đức, Bệnh viện 354, Bệnh viện 105, Bệnh viện Sơn Tây, Quân y các đơn vị trong toàn quân. Nhờ vậy đội ngũ giáo viên của nhà trường nói chung và giáo viên trực tiếp giảng dạy NVQYc nói riêng ngày càng được củng cố và nâng cao cả về chuyên môn, phương pháp, kinh nghiệm, thực tiễn lâm sàng, thực tiễn đơn vị.

Tuy nhiên, hiện tại đội ngũ nhà giáo trực tiếp giảng dạy chuyên ngành y dược nói chung và NVQYc nói riêng còn thiếu về số lượng, cơ cấu độ tuổi tính kế thừa chưa hợp lý, kinh nghiệm thực tế chưa nhiều. Từ thực trạng đó nâng cao chất lượng giảng dạy đối tượng NVQYc, cần thực hiện các biện pháp đồng bộ:

Bổ sung đủ giảng viên, có nguồn giảng viên dự trữ như mục tiêu trên, chúng tôi đề xuất khai thác đội ngũ giảng viên từ 4 nguồn sau:

- Giữ học viên tốt nghiệp Y sĩ, Cao đẳng Điều dưỡng loại giỏi ở lại đào tạo, bồi dưỡng trở thành giảng viên thực hiện công tác giảng dạy. Thực tế, tại nhà trường nguồn giảng viên được đào tạo từ học viên giỏi giữ lại cho kết quả tốt và tính ổn định cao.

- Tuyển chọn cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo trở thành giảng viên kiêm chức. Trong những năm qua đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục bên cạnh làm tốt nhiệm vụ được giao, họ còn tham gia giảng dạy, những kiến thức thực tế quản lý khi lồng ghép vào vào nội dung bài giảng có tác dụng giáo dục học viên, sinh viên.

- Phối hợp với các bệnh viện quân đội trong khu vực bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quân y trở thành giảng viên kiêm chức. Trường Cao đẳng Hậu cần 1 có mối quan hệ chặt chẽ với các bệnh viện quân đội trong khu vực (Bệnh viện quân y 105, bệnh viện 354 – TCHC); trong những năm qua nhà trường đã phối hợp với các đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ cán bộ quân y trở thành giảng viên kiêm chức. Đội ngũ giảng viên kiêm chức tại các bệnh viện có đóng góp rất lớn trong đào tạo các thế hệ học viên, sinh viên của nhà trường. Trong đó kinh nghiệm thực tiễn lâm sàng của đội ngũ giảng viên kiêm chức là vô cùng quý giá.

- Điều động những cán bộ có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, có khả năng sư phạm ở các đơn vị về nhà trường làm giảng viên. Được sự quan tâm của Bộ Quốc phòng, TCHC, các cơ quan cấp trên trong những năm qua đã thường xuyên bổ sung cho nhà trường nhiều cán bộ, giảng viên. Tuy nhiên so với nhu cầu vẫn còn thiếu nhiều; trong thời gian tới Bộ Quốc phòng, TCHC và các cơ quan tiếp tục giúp đỡ để đội ngũ cán bộ nói chung, giảng viên nói riêng có số lượng phù hợp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Song song với công tác giải quyết số lượng giảng viên cần chú ý đến công tác tạo nguồn nhằm xây dựng đội ngũ nhà giáo của nhà trường có nhiều thế hệ, có sự kế cận, kế tiếp hợp lý, với đầy đủ các thành phần, đúng cơ cấu, chuyên ngành, sát với đặc thù nhiệm vụ của các nhà trường y dược quân đội. Đây là nhiệm vụ rất quan trọng, nếu không làm tốt sẽ tạo ra khoảng trống trong quá trình dạy học, làm ảnh hưởng đến công tác đào tạo. Vì vậy, việc tạo nguồn nhà giáo của nhà trường phải được chú trọng thực hiện ngay từ các khoa, bộ môn trong nhà trường. Do đó

hàng năm các nhà trường cần phải rà soát đội ngũ nhà giáo, có kế hoạch bổ sung ngay những vị trí khuyết thiếu. Phòng Đào tạo và các cơ quan chức năng phải bám sát các khoa giáo viên nắm chắc thực trạng số lượng đội ngũ nhà giáo của toàn trường để tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám hiệu các giải pháp về tạo nguồn đội ngũ nhà giáo trong nhà trường. Quá trình tạo nguồn cũng là quá trình chọn lọc đội ngũ nhà giáo, kiên quyết đưa ra khỏi công tác giảng dạy đối với những nhà giáo không còn đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Không vì số lượng mà giảm tiêu chí chất lượng.

Cử giáo viên đi học nâng cao trình độ, tập huấn cho 100 % giáo viên đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu giảng dạy trong tình hình mới. Ngoài việc cử giáo viên đi đào tạo đại học, thạc sĩ cần phải cử giáo viên theo các khoá đào tạo chuyên đề, nhằm nâng cao trình độ về kiến thức chuyên ngành, cử giảng viên đi thực tế đơn vị. Để thực hiện việc này cần có cơ chế chính sách của các cấp; tự bản thân giáo viên hoặc thông qua sự liên hệ giới thiệu của nhà trường được tham gia tập huấn tại các lớp trong và ngoài quân đội, đi thực tập, thực tế tại bệnh viện và quân y các đơn vị. Qua đó, giảng viên không những học tập, cập nhật tri thức mới mà còn học tập cả phương pháp truyền thụ kiến thức, phương pháp tổ chức học tập, nghiên cứu và đánh giá kết quả. Bên cạnh đó Nhà trường cũng cần có cơ chế mời giảng, mời các đồng chí giáo viên chuyên ngành lâm sàng, cận lâm sàng, dịch tễ học, chủ nhiệm quân y các đơn vị, giảng viên các bệnh viện quân y để bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, thái độ cho học viên.

Một trong những biện pháp nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên là lựa chọn xây dựng tổ trưởng bộ môn - giáo viên “đầu đàn” chuyên ngành tiền lâm sàng, lâm sàng, tổ chức quản lý y tế, tổ chức quân y. Đó là giáo viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng nắm bắt tri thức mới, là giáo viên có tinh thần say mê, nhiệt tình trong giảng dạy cũng như trong nghiên cứu khoa học. Người tổ trưởng bộ môn đóng vai trò quan trọng trong công tác điều hành, quản lý cũng như định hướng về chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

Mỗi giáo viên xác định rõ trách nhiệm bản thân, cần chủ động tích cực tự học, tự đào tạo, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đây là biện pháp chủ yếu và quyết định chất lượng của đội ngũ giáo viên dạy đối tượng điều dưỡng trong những năm tới vì chính bản thân mỗi giáo viên mới hiểu được mình yếu về lĩnh vực nào và cần phải làm gì để tiếp tục học tập nâng cao trình độ. Mỗi một giáo viên cần phải thật sự khiêm tốn, không dấu dốt, tích cực tự học tập và học tập các giáo viên kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn vững và học tập lẫn nhau.

Cập nhật kịp thời thông tin về lĩnh vực chuyên môn bằng các biện pháp: tích cực đọc các tài liệu tham khảo, tạp chí có liên quan, truy cập mạng Internet, tham gia các hội thảo chuyên ngành... Khi phát hiện có những tài liệu mới về lĩnh vực chuyên môn có thể tự mua hoặc thông báo để bộ môn, đề nghị Phòng Đào tạo mua bổ sung nguồn tài liệu, kịp thời cập nhật những kiến thức mới.

Mặt khác, quy trình bồi dưỡng giáo viên phải bắt đầu từ dễ đến khó, từ ít đến nhiều. Các giáo viên mới bắt đầu dạy không nên cho dạy nhiều lớp, nhiều môn. Có như vậy bài giảng mới thực sự phong phú, giáo viên mới tự tin đứng

trước lớp và có thể gợi ý cho học viên những vấn đề cần thiết, mới chủ trì được các buổi thảo luận của lớp về những nội dung liên quan nào đó trong môn học. Hiện nay chúng ta lãnh trách nhiệm giảng dạy với mong muốn là tối thiểu đảm bảo giờ chuẩn, chính vì vậy mà việc phụ trách giảng dạy có tính cào bằng trong từng bộ môn, mỗi giáo viên phải dạy rất nhiều nội dung (ngay cả những môn không phải mình phụ trách). Mỗi giáo viên cần thiết phải chuyên sâu vào một lĩnh vực mới có thể nghiên cứu tích lũy và phát triển được.

Giáo viên phải không ngừng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ giáo viên về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập, sử dụng ngoại ngữ, đặc biệt là ngoại ngữ chuyên ngành, tin học trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong giai đoạn hiện nay thông qua việc tổ chức các diễn đàn, tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề về ngoại ngữ; thông qua hệ thống báo chí, các phương tiện truyền thông, website của nhà trường và một số trang mạng xã hội. Các cấp cũng cần phát hiện, tuyên dương, khen thưởng các giáo viên có thành tích cao trong học tập ngoại ngữ, tin học hội nhập quốc tế nhằm khuyến khích, tạo động lực cho giáo viên hăng hái học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học. Xây dựng các mô hình, loại hình học tập, sử dụng ngoại ngữ phù hợp với các đối tượng giáo viên dạy điều dưỡng nói riêng và nhân viên giáo viên toàn trường nói chung. Triển khai các mô hình học tập ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh có hiệu quả. Nghiên cứu đa dạng hóa các hình thức học tập tiếng Anh, tin học thông qua sinh hoạt chuyên môn, cuộc thi Olympic, các hoạt động của các câu lạc bộ, đội nhóm ngoại ngữ, trò chơi, tăng cường các hoạt động giao lưu với người nước ngoài nhằm rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ cho giáo viên. Giới thiệu hướng dẫn cho giáo viên các phương pháp học tập tiếng Anh và tin học hiệu quả.

Chủ động tham mưu cơ chế và đào tạo, bồi dưỡng nhận thức, vận động nguồn lực của Nhà trường trong việc tổ chức các lớp ngoại ngữ cho giáo viên. Phối hợp tổ chức các cuộc thi ngoại ngữ, tin học cho cán bộ giáo viên nhằm khuyến khích tinh thần, tạo phong trào thi đua học tập, sử dụng ngoại ngữ.

+ Hai là, Bồi dưỡng về phương pháp sư phạm cho các giáo viên

Phương pháp dạy học là một trong hai yếu tố cơ bản quyết định sự phát triển năng lực trí tuệ của người học và là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng dạy học. Việc lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp với nội dung và trình độ tư duy người học sẽ kích thích được năng lực học tập của người học, thông qua đó nâng cao được chất lượng và hiệu quả dạy học, tăng được sự chuyển tải các kiến thức trong chương trình cho người học. Do vậy, bên cạnh việc bồi dưỡng tích lũy kiến thức, các giáo viên cần phải được bồi dưỡng về phương pháp. Việc bồi dưỡng phương pháp được tiến hành liên tục thông qua quá trình tự học tập của giáo viên và thông qua các khóa đào tạo, tập huấn giáo viên của Nhà trường.

Hiện nay, trong tổng số 105 giảng viên, giáo viên của nhà trường, giảng viên có thâm niên giảng dạy từ 5 - 30 năm chiếm 90%, đa phần giảng viên đã tham gia giảng dạy nhiều đối tượng khác nhau; nhiều đồng chí là giáo viên dạy giỏi toàn quốc, toàn quân, học viện, nhà trường. Toàn bộ đội ngũ nhà giáo đã được đào tạo

qua các lớp bồi dưỡng chứng chỉ sư phạm, tâm lý giáo dục, tin học cơ bản, ngoại ngữ tiếng Anh bậc 1,2 theo khung tham chiếu châu Âu. Hiện có 15 đồng chí giảng viên mới đang ở giai đoạn giảng tập, giảng thử. Do vậy, trong thời gian tới, nhà trường cần tiếp tục đẩy mạnh việc bồi dưỡng phương pháp cho các giáo viên dạy NVQYc bằng các biện pháp:

Các giáo viên, đặc biệt giáo viên mới tăng cường giảng tập, giảng thử và bố trí các đồng chí giáo viên có kinh nghiệm dự giảng đóng góp ý kiến trước khi tổ chức giảng thông qua nhà trường. Phân công giảng dạy phù hợp về số lượng, nội dung.

Tăng cường dự giảng rút kinh nghiệm. Qua đó trao đổi rút kinh nghiệm, bổ sung kiến thức, điều chỉnh, cập nhật kịp thời và vận dụng phương pháp phù hợp.

Nhà trường, các khoa giáo viên và Hội đồng khoa học cần lập kế hoạch dự giảng và duy trì chặt chẽ, đúng quy chế. Cần đa dạng hình thức dự giảng: dự giảng trực tiếp, dự giảng qua kamera, chủ nhiệm Khoa dự giảng đối với giáo viên, giáo viên có kinh nghiệm dự giảng cho giáo viên mới, giáo viên mới dự giảng các giáo viên có kinh nghiệm, có thể tổ chức hình thức dự giảng cá nhân hoặc tập thể, dự giảng theo kế hoạch, dự giảng đột xuất. Định kỳ tổ chức các kỳ sát hạch giáo viên, đánh giá năng lực giáo viên để có hướng bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng phù hợp.

Mặt khác, phải xây dựng và áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực vào trong dạy học đối tượng NVQYc. Đây là phương pháp giảng dạy mới làm người học có khả năng tự học và giúp thời gian trên lớp được sử dụng có hiệu quả hơn. Một khi học sinh tự khám phá ra tri thức mới thì các em sẽ cảm thấy hứng thú hơn với việc học. Điều này không chỉ tốt cho các em khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường mà còn hữu ích ngay cả khi các em đã ra trường, làm việc ở bất cứ lĩnh vực nào thì cũng luôn phải học và tự học suốt đời thì mới có thể đáp ứng, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Còn đối với giáo viên thì niềm say mê học tập của học viên luôn truyền cảm hứng cho các thầy cô giảng dạy hăng say và nhiệt tình hơn. Vì vậy, hơn bao giờ hết, việc đổi mới giảng dạy theo hướng tích cực hóa là thực sự cần thiết.

Thí điểm và triển khai một số phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy như: phương pháp làm việc theo nhóm, phương pháp học theo chuyên đề, học tập qua 6 bước; rèn luyện theo bảng kiểm, ứng dụng ngân hàng A.V vào dạy học trong lâm sàng, đóng vai, tự học có hướng dẫn giáo viên... Trong đó cần nhân rộng mô hình dạy học qua 6 bước, tự học có hướng dẫn của giáo viên, dạy học thực hành có bảng kiểm qua 5 bước, đây là một số phương pháp mà chúng tôi đã tiến hành thử nghiệm và thu được những kết quả tốt trên đối tượng NVQYc.

Phương pháp dạy học lý thuyết qua 6 bước:

- Bước 1: Yêu cầu học viên làm bài tập (đọc giáo trình, tài liệu, thảo luận nhóm).

- Bước 2: Học viên phát biểu, phát biểu bổ sung (thông qua trò chơi khuấy động, chỉ định).

- Bước 3: Giảng viên, giáo viên thuyết trình, đàm thoại, trình chiếu hình ảnh, tình huống, sơ đồ minh họa, kết luận.

- Bước 4: Học viên ghi ngắn (ghi nội dung chính, ý chính).

- Bước 5: Nhớ nhanh tại lớp (dành một vài phút để học viên lưu tâm nội dung chính).

- Bước 6: Tự học, tự học có hướng dẫn của giáo viên (sau mỗi buổi học học viên tự ôn lại nội dung hoặc ngoài giờ giảng viên đến lớp kết hợp kiểm tra hoạt động tự học, định hướng học viên ôn tập sẽ giúp nâng cao chất lượng học tập).

Phương pháp dạy học thực hành qua 5 bước:

- Bước 1: Nhắc lại lý thuyết (Giảng viên yêu cầu học viên nhắc lại lý thuyết, học viên bổ sung, giáo viên nhận xét kết luận).

- Bước 2: Giảng viên làm mẫu (Học viên quan sát giảng viên thực hiện thao tác mẫu).

- Bước 3: Thầy trò cùng rèn luyện (Giảng viên, học viên cùng làm mẫu, rút kinh nghiệm).

- Bước 4: Học viên rèn luyện (rèn luyện theo nhóm, theo bảng kiểm, giáo viên quản lý).

- Bước 5: Lượng giá (lượng giá, kết thúc kỹ năng).

Phương pháp tự học có hướng dẫn của giáo viên:

- Sau mỗi buổi học giảng viên dành vài chục phút cùng học viên giải quyết một vấn đề, thường là nội dung trọng tâm hoặc nội dung mở rộng, tham khảo, liên hệ thực tiễn. Để tránh nhàm chán, một môi trường chức năng dưới dạng bài tập tư duy, trò chơi khuấy động, video minh họa, tình huống lâm sàng thực tế...

- Để tăng hiệu quả giờ tự ôn, để nâng cao chất lượng đào tạo môn học, bộ môn khoa nên phối hợp với đơn vị xây dựng lịch cử cán bộ giáo viên đến đơn vị hướng dẫn học viên tự học. Một số khoa vừa qua thực hiện tốt hình thức, phương pháp này kết quả đào tạo chuyển biến rõ rệt.

+ **Ba là**, bồi dưỡng về kiến thức thực tiễn

Kết hợp chặt chẽ kiến thức cơ bản với kiến thức lý thuyết chuyên ngành và thực tế lâm sàng, thực tế đơn vị là nguyên tắc dạy học có vị trí quan trọng đối với NVQYc. Thực chất của nguyên tắc này là làm cho việc giảng dạy, học tập kiến thức về NVQYc gắn liền với thực tiễn lâm sàng, thực tiễn đơn vị giúp học viên không những nắm được kiến thức lý thuyết mà còn phát triển hoàn thiện kỹ năng và thái độ; liên hệ chặt chẽ với chức trách nhiệm vụ được giao. Để thực hiện tốt nguyên tắc này, giáo viên cần có kinh nghiệm thực tiễn, trải qua thực tiễn công tác. Thực tế hiện nay, trong tổng số 105 giảng viên, giáo viên của nhà trường có 70 giảng viên, giáo viên tham gia dạy học đối tượng NVQYc, trong đó có khoảng 1/3 giảng viên chưa trải qua thực tiễn giảng dạy lâm sàng, thực tế đơn vị, đại đa số chưa qua thực tế chức trách quân y tiểu đoàn, đại đội. Do đó, việc vận dụng kiến thức thực tế lâm sàng, thực tế đơn vị còn rất hạn chế; trong liên hệ, vận dụng vào

bài giảng thường chưa sát hoặc chung chung, tính thuyết phục chưa cao. Đây là một yếu tố có ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy đối tượng NVQYc. Để tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực thực tế, trong thời gian tới nhà trường cần tiếp tục tạo điều kiện cử cán bộ, giảng viên đi thực tế tại các bệnh viện, đơn vị để nâng cao kiến thức thực tế giúp cho công tác biên soạn chương trình, giáo trình, bài giảng được sát thực tế. Đề nghị các cơ quan chức năng thường xuyên tạo điều kiện (về phương tiện, vật chất, thời gian) cho các giáo viên được đi đào tạo, học tập và tham quan tại các nhà trường, bệnh viện, các đơn vị quân đội.

Mặt khác các giáo viên cần nắm thực tế thông qua việc hướng dẫn học viên học tập, nghiên cứu các đề tài khoa học, thông qua các buổi thảo luận, xemina, hoạt động ngoại khóa giúp đỡ, hỗ trợ học viên học tập. Đây là một hình thức nắm thực tế dễ thực hiện và nếu biết khai thác sẽ mang lại hiệu quả tốt.

+ **Bốn là**, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học

Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo nói chung và công tác giảng dạy nói riêng, hoạt động nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ đồng thời là bộ phận hữu cơ không thể tách rời nhau. Đối với một giáo viên, việc chú trọng hoạt động nghiên cứu khoa học càng trở nên cần thiết. Bởi lẽ, nghiên cứu khoa học là một trong những giải pháp tích cực và hiệu quả nhất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và ở Trường CD Hậu cần 1 nói riêng. Hoạt động này ngày càng được quan tâm và đổi mới cả về nội dung và hình thức, góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi giáo viên cũng như học viên trong tiếp cận và gia tăng tri thức.

Mặt khác, nghiên cứu khoa học còn là động lực thúc đẩy niềm say mê nghề nghiệp trong mỗi giảng viên, giáo viên, giúp họ làm chủ tri thức trên cơ sở độc lập suy nghĩ, sáng tạo, vận dụng hợp lý và hiệu quả tri thức vào bài giảng cũng như thực tiễn cuộc sống. Mỗi bài viết, mỗi vấn đề nghiên cứu đòi hỏi giáo viên phải xây dựng đề cương, nghiên cứu, tìm tòi tri thức từ nhiều nguồn tài liệu liên quan...vì thế, giáo viên có quá trình tích lũy về lượng để biến đổi về chất; tri thức ngày càng được mở rộng và chuyên sâu. Qua đó, giáo viên sẽ thực sự chủ động trước mọi vấn đề đặt ra và sẽ kết hợp tốt, sử dụng nhuần nhuyễn các phương pháp trong mỗi giờ giảng để nâng cao chất lượng đào tạo gắn với việc giải quyết những nhiệm vụ cần thiết.

Đội ngũ nhà giáo Trường CD Hậu cần 1, trong những năm qua bên cạnh việc tích cực biên soạn, đổi mới chương trình đào tạo; biên soạn tài liệu; chỉnh lý, biên soạn bài giảng còn say mê nghiên cứu khoa học. Trung bình mỗi năm có khoảng 4 đề tài, sáng kiến cấp ngành; 10 đề tài, sáng kiến cấp cơ sở được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng, nhiều đề tài, sáng kiến có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Tuy nhiên đề tài, sáng kiến về lĩnh vực đào tạo NVQYc chưa nhiều.

Trong thời gian tới, tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học của các giáo viên với nhiều hình thức phong phú như thực hiện đề tài các cấp, hội thảo, tọa đàm, viết báo, biên soạn giáo trình tài liệu.... Đặc biệt, chú trọng phát triển các đề tài về chuyên ngành NVQYc. Từ đó, áp dụng liên hệ trong giảng dạy, tạo cho bài

giảng ngày càng cuốn hút học viên.

2.2.4. Nâng cao chất lượng tự học đối tượng nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1

2.2.4.1 Vị trí, vai trò của giải pháp

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng cho nền giáo dục cách mạng Việt Nam và dành sự quan tâm sâu sắc tới sự nghiệp GD-ĐT. Người luôn nhấn mạnh vai trò của đội ngũ các nhà giáo, đồng thời cũng khẳng định vai trò, sự cần thiết của việc tự học để vươn lên làm chủ tri thức. Ngày nay, chúng ta đang sống trong nền văn minh tri thức của thế kỉ XXI, để không bị tụt hậu, kịp thời nắm bắt những tri thức tiên tiến của nhân loại, con người phải không ngừng tự học để tự hoàn thiện mình. Đối với học viên, sinh viên trong nhà trường quân đội, việc tự học trở thành yêu cầu bắt buộc trong đào tạo, nhằm phát huy khả năng độc lập, chủ động, sáng tạo trong việc tiếp thu tri thức, rèn luyện kĩ năng thực hành, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Trong vấn đề giáo dục nói chung và việc học nói riêng thì tự học có một vai trò hết sức quan trọng. Tự học giúp người học hiểu sâu, mở rộng, củng cố và ghi nhớ bài học một cách vững chắc nhờ vào khả năng tự phân tích, tổng hợp tài liệu, từ đó có khả năng vận dụng các tri thức đã học vào việc giải quyết những nhiệm vụ học tập mới. Đồng thời, tự học giúp người học hình thành được tính tích cực, độc lập tự giác trong học tập cũng như nề nếp làm việc khoa học. Từ đó quyết định sự phát triển các phẩm chất nhân cách và quyết định chất lượng học tập của học viên.

Trường CD Hậu cần 1 – TCHC có truyền thống 56 năm dạy tốt – học tốt, một trong yếu tố xây dựng nên truyền thống đó chính là tinh thần tự học, tự quản của học viên. Vốn là nhà trường quân đội, vấn đề tự học, tự quản vừa là quy chế quản lý học viên, sinh viên của nhà trường quân đội đồng thời là nhu cầu, là động lực học tập, rèn luyện để trở thành người nhân viên quân y vừa hồng, vừa chuyên. Hoạt động tự ôn của học viên NVQYc trong thời gian qua bước đầu có kết quả tốt, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo. Tuy nhiên để góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng tự học, cần tiếp tục đổi mới hoạt động tự học của học viên, trong đó chú ý đến vai trò giảng viên, cán bộ quản lý và học viên.

2.2.4.2 Nội dung và biện pháp cụ thể

Chất lượng dạy học phụ thuộc vào rất nhiều nhân tố, trong đó người học đóng vai trò chủ động, tích cực và là trung tâm của quá trình đào tạo. Học viên không chỉ đơn thuần lĩnh hội tri thức một cách thụ động một chiều, mà phải tham gia vào quá trình đào tạo một cách tích cực trong vai trò chủ thể, dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Tuy nhiên, người học cũng cần phải đáp ứng được những yêu cầu cơ bản về mặt bằng tri thức, động cơ, thái độ học tập... do vậy, cần phải:

Một là, giáo dục nâng cao về nhận thức, trách nhiệm của học viên

Trước đây, có nhiều quan điểm chưa thực sự đúng đắn về học viên NVQYc (y tá sơ cấp), thậm chí có ý kiến cho rằng y tá sơ cấp là người phụ giúp y bác sĩ.

Ngày nay, qua thực tiễn công tác đã có nhiều quan điểm đầy đủ về NVQYc, là nhân viên y tế gần bộ đội nhất; cùng ăn, cùng sinh hoạt, cùng huấn luyện, phục vụ chiến đấu. Là người nắm chắc sức khỏe bộ đội nhất, phát hiện sớm nhất những bệnh lý, tại nạn và tham gia cấp cứu vận chuyển đầu tiên. Đại dịch Covid-19 đã chứng minh rất rõ vị trí vai trò, chức năng, nhiệm vụ của y tế tuyến cơ sở trong đó NVQYc, là lực lượng tuyến đầu, trực tiếp truy vết, cách ly, chăm sóc, điều trị. Cũng qua đại dịch covid-19 mới thấy rõ những bất cập trong hệ thống ngành y tế và những ưu việt của hệ thống ngành quân y, bộc lộ những quan điểm sai lầm về tổ chức, vì vậy cần nhìn nhận đúng vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ của y tế cơ sở, NVQYc trong hệ thống ngành quân y cách mạng.

Có nhận thức được vị trí, vai trò của y tế cơ sở, NVQYc thì mới có thể nâng cao trách nhiệm của người học, tạo động lực cho người học. Vì vậy, trước hết cần phải giáo dục tinh thần trách nhiệm, tự giác trong học tập, nhận thức đúng vị trí, vai trò của NVQYc. Xác định đúng đắn động cơ, thái độ, phương pháp học tập, có ý chí và nghị lực vươn lên với tinh thần tự học để trở thành người thầy thuốc có chuyên môn và phẩm chất đạo đức tốt. Đồng thời, cần phải quản lý tốt, kỷ luật nghiêm, rèn luyện tích cực và có biện pháp kích thích học viên tự học và nghiên cứu khoa học, cụ thể:

Đối với cán bộ quản lý là người trực tiếp duy trì các hoạt động ở các đơn vị nói chung và các hoạt động học tập nói riêng. Cán bộ là người quản lý chặt chẽ, nắm bắt tâm tư tình cảm, nguyện vọng, nhu cầu của học viên trong các hoạt động. Do đó, vai trò của đội ngũ cán bộ, lãnh đạo chỉ huy đơn vị trong công tác giáo dục, quản lý công tác huấn luyện học viên là rất quan trọng. Để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của học viên đối với chất lượng tự học, cán bộ quản lý cần phải: Thường xuyên quán triệt, giáo dục cho học viên xây dựng động cơ, thái độ học tập đúng đắn, nghiêm túc và tích cực. Tập trung chú ý nghe giảng, nắm chắc bài ngay trên lớp, tự giác tích cực tham gia thảo luận, trao đổi xây dựng bài học, phát huy tính tự chủ để xóa bỏ tâm lý ngại học. Tạo được môi trường thoải mái, thân thiện. Tạo điều kiện để học viên khai thác tài liệu, thông tin trên mạng nội bộ, thư viện và các phòng thực hành.

Xét trên một khía cạnh nào đó mọi phương pháp là làm sao cho người thầy, người học thấy được môi trường mình đang học chính là ngôi nhà thứ hai của mình, thấy được sự ấm áp trong quan hệ thầy trò, không có sự áp đặt, là nơi để người học phát huy được khả năng sáng tạo, tư duy của mình. Người học tìm được sự hứng khởi để tìm tòi cái mới, tìm được sự đồng thuận và khuyến khích nơi người thầy và tập thể nhà trường.

Tăng cường công tác quản lý, xử lý nghiêm những học viên chưa có ý thức trách nhiệm với môn học, xử phạt đối với những trường hợp học viên cố tình vi phạm nề nếp, chế độ học tập. Sử dụng các biện pháp hành chính và các biện pháp khác để áp dụng đối với những học viên có ý thức kém trong quá trình học tập.

Quản lý tốt giờ tự học của học viên trên giảng đường cũng như tại đơn vị. Hiện nay tại thư viện Nhà trường có hệ thống thư viện điện tử với 100 máy tính kết nối mạng nội bộ, được cài đặt nhiều tài liệu, học liệu, phần mềm chương trình đào

tạo, sản phẩm nghiên cứu khoa học, cũng như các đề thi thử các môn, đây là một điều kiện thuận lợi để học viên có thể nâng cao chất lượng học tập các môn trong chương trình đào tạo y dược. Hệ thống sách giáo khoa, sách tham khảo, giáo trình đa dạng đáp ứng nhu cầu học tập của học viên. Nhưng nếu quản lý không tốt, cùng với trình độ phát triển của khoa học công nghệ ngày nay thì học viên rất dễ lợi dụng những sơ hở trong công tác quản lý của cán bộ chỉ huy đơn vị để sử dụng máy vi tính vào các mục đích không lành mạnh, nguy hiểm hơn là vi phạm vào các tệ nạn xã hội.

Đối với học viên cần phải:

Chuẩn bị tâm lý học tập tốt, động cơ học tập đúng đắn, thực sự say mê trong học tập.

Động cơ học tập đúng đắn là một trong những yếu tố cơ bản chủ yếu quyết định tính tích cực chủ động sáng tạo của người học viên trong quá trình học tập tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1. Khi người học có động cơ đúng đắn họ sẽ nhiệt tình, tận tâm và trung thực trong giải quyết các nhiệm vụ học tập.

Cần xác định rõ mục tiêu phấn đấu của bản thân mình, có như vậy bản thân mới có tinh thần trách nhiệm, ý thức phấn đấu để dành kết quả cao trong học tập.

Hai là, nâng cao chất lượng tự học của học viên

Một trong những nét đặc thù của hoạt động nhận thức của học viên là sự khám phá lại chân lý khoa học, đây chính là quá trình tập dượt nghiên cứu khoa học để biến tri thức của nhân loại thành của mình.

Với quá trình dạy học ở Nhà trường quân đội thì tự học, tự nghiên cứu, có thói quen tự học trong quá trình đào tạo mới có thể đáp ứng được những đòi hỏi của thời đại, tự học sẽ giúp học viên nắm vững kiến thức một cách vững chắc, phát triển khả năng, năng lực tư duy độc lập sáng tạo, rèn luyện ý chí phấn đấu đức tính kiên trì, óc phán đoán, biết cách phát hiện, tiếp cận và giải quyết các vấn đề, làm cơ sở cho học tập, nghiên cứu học tập tiếp theo.

Để nâng cao chất lượng tự học, yêu cầu mỗi học viên cần xây dựng cho mình kế hoạch, thời gian biểu tự học phù hợp với khối lượng kiến thức tương ứng và chấp hành nghiêm kế hoạch đã đặt ra trong cả quá trình, tránh học dồn ép, chủ yếu tập trung vào trước thời điểm thi và kiểm tra. Cần chọn cho bản thân mình phương pháp học tập thích hợp như học theo nhóm, học theo cặp, học mọi lúc mọi nơi. Tranh thủ những ngày nghỉ, giờ nghỉ để khai thác mạng internet, thư viện điện tử, phòng mạng LAN, phòng thực tập điều dưỡng, giảng đường, để củng cố và nâng cao kiến thức.

Để nâng cao sự tự giác trong tự học và tự nghiên cứu cần tin tưởng vào khả năng tự học của mình, phát huy tối đa nội lực và tận dụng triệt để các yếu tố khách quan nhất là sự hướng dẫn của giảng viên, cụ thể là:

Học viên phải tự mình xác định đúng động cơ, mục đích của việc tự học, thấy được lợi ích của việc tự học. Phải xác định việc học là học cho mình, “học để biết, học để làm việc, học để làm người”, học để phát huy năng lực phẩm chất của

mình, rèn luyện mình sau đó có điều kiện phục vụ nhân dân và xã hội. Khi đã có động cơ mục đích đúng đắn, học viên cần tự giác, chủ động trong học tập, tự lên kế hoạch học tập: đọc tài liệu, làm đề cương thảo luận nhóm, bài tập thực hành, bài tập lớn, đề cương ôn tập; xây dựng thời gian biểu hợp lý giữa các môn học, địa điểm, thời gian, hình thức tự học... và phải kiên trì thực hiện theo lịch trình đã định, đồng thời tập trung cao độ, không bị chi phối bởi hoàn cảnh bên ngoài.

Bản thân học viên cần tìm ra cho mình phương pháp học tập có hiệu quả. Trước hết, cần chịu khó nghe giảng để tiếp thu tri thức, nhớ tri thức thì mới có thể nghiền ngẫm, so sánh, phân tích, biến tri thức từ sách vở, từ thầy cô và từ nhiều nguồn khác thành tri thức của mình; biết cách ghi chép, biết nắm ý cơ bản, luôn biết đặt câu hỏi nảy sinh trong quá trình nghe giảng. Để tự học tốt, đọc sách cũng rất quan trọng. Trong quá trình đọc, học viên phải thấu tóm vấn đề một cách logic chặt chẽ; khi đọc, ngoài giáo trình chính thống, cần tìm nhiều tài liệu tham khảo khác nhau để đối chiếu, so sánh, từ đó nắm vấn đề sâu sắc hơn.

Trong quá trình tự học, học viên cần suy nghĩ sáng tạo và mạnh dạn đưa ý kiến nhận xét, thắc mắc của mình mà không quá phụ thuộc vào tài liệu và bài giảng viên. Cần có tư duy phản biện, tư duy phán đoán lâu dần hình thành cho mình khả năng phê phán.

Học viên biết gắn học tập với hoạt động thực tiễn, phải sáng tạo, học đi đôi với hành; thông qua thực tiễn làm sáng tỏ nội dung tri thức, kiểm nghiệm tri thức, biến tri thức thành kỹ năng của mình.

Có thể khẳng định rằng chất lượng tự học của học viên có ảnh hưởng rất lớn tới kết quả khóa học. Dù giáo viên có truyền đạt kiến thức để tiếp thu đến đâu nhưng nếu học viên không có tinh thần cố gắng trong học tập, chỉ dành thời gian tiếp thu kiến thức lý thuyết ở trên lớp thông qua bài giảng của giáo viên thì chất lượng nắm kiến thức và kết quả tiếp thu kết thức môn học là rất hạn chế. Vì vậy, quá trình tự học có ảnh hưởng rất quan trọng tới chất lượng học tập, từng học viên cần lựa chọn phương pháp học tập phù hợp với trình độ nhận thức, cũng như khả năng về sức khỏe và đặc điểm tâm sinh lý của bản thân mình.

Trong tự học các môn thuộc chương trình đào tạo, học viên cần khắc phục tình trạng “học chay” tức là học chỉ dựa vào vở ghi trên lớp, mà cần tập trung lên các phòng thực hành điều dưỡng, tại đó có các mô hình, tranh, máy móc y học và đặc biệt là có sự trợ giúp của các giáo viên tình nguyện giúp đỡ học viên học tốt hơn; ngoài ra tại thư viện điện tử không những có sách, video, phần mềm dạy học giúp học viên học tập mà còn có cả các đề thi thử để học viên có thể kiểm tra kiến thức các môn học của mình. Tuy nhiên, cần có sự hướng dẫn của giáo viên và có sự quản lý chặt chẽ của cán bộ quản lý để học viên sử dụng thời gian và trang thiết bị, mô hình đúng mục đích là phục vụ cho nhiệm vụ học tập chương trình y sĩ.

Đối với cán bộ quản lý các cấp, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chỉ huy đại đội, những người trực tiếp quản lý đối tượng học viên cần quản lý chặt chẽ thời gian tự học của học viên tại giảng đường, phòng thực tập, thư viện điện tử. Kết hợp xây dựng các tổ nhóm học tập, đôi bạn học tập để học viên học khá kèm học viên học yếu, nhằm mục đích nâng cao mặt bằng chung chất lượng các môn trong chương

trình đào tạo của học viên. Thường xuyên tạo ra phong trào, không khí thi đua học tập trong đơn vị, không để tình trạng học theo mùa vụ xảy ra trong đơn vị. Thực tế cho thấy lớp học nào có cán bộ quản lý tâm huyết, nhiệt tình thì ý thức, nề nếp và kết quả học tập của học viên tốt hơn, từ đó cho thấy vai trò quan trọng của cán bộ quản lý trong việc nâng cao chất lượng học tập của học viên.

Cần phân loại năng lực của người học, đánh giá, phân loại học viên trước khi vào trường để chia lớp, thành lập các tổ học tập giúp cho việc dạy học dựa vào năng lực. Trong quá trình học tập cần tiếp tục bám sát, phân loại người học để dự báo cho người học và bồi dưỡng giúp các học viên nâng cao kết quả học tập.

Tổ chức các hội thảo giữa giáo viên và cán bộ quản lý, phòng đào tạo để tìm ra những giải pháp nâng cao chất lượng học tập cho học viên y sĩ đa khoa.

Trước khi đi thực tập, cán bộ quản lý cần quán triệt cho học sinh kỹ lưỡng về những quy định chấp hành nề nếp khi học tập, những quy định về việc lên xuống lớp, quy định về phân công nhóm học tập, làm, chức trách nhóm trưởng, nhóm phó.

Cần quán triệt cho học sinh kỹ lưỡng về mục tiêu, về những nội dung học tập mà học viên phải thực hiện khi đi học tập. Và đặc biệt cần giới thiệu phương pháp học tập có hiệu quả cho học viên.

Xây dựng diễn đàn học tập, nơi học sinh có thể nêu các vấn đề thắc mắc học tập để giáo viên có thể trả lời và xây dựng kho tư liệu hình ảnh, video, cung cấp phần mềm học tập để học viên có thêm tư liệu cho học tập.

Phát huy vai trò của giảng viên nhằm nâng cao chất lượng tự học. Để nâng cao khả năng tự học cho học viên, giúp họ thực sự phát huy tính độc lập sáng tạo trong học tập, đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ hiện nay thì vai trò của giảng viên là rất quan trọng.

Phải kích thích được nhu cầu, khơi gợi hứng thú học tập cho học viên. Việc kích thích nhu cầu, gợi hứng thú khám phá tri thức cho học viên cần được thực hiện liên tục trong quá trình lên lớp. Đòi hỏi người dạy phải biết đặt vấn đề, dẫn dắt vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học và giúp người học dễ tiếp thu bài, tích cực tham gia giờ học, muốn tự mình tìm hiểu, khám phá tri thức.

Xác định mục đích và động cơ học tập đúng đắn cho học viên: Cần tăng cường các hình thức học nhóm, trao đổi, thảo luận, nêu chính kiến của mình, yêu cầu người học phải nghiên cứu tài liệu, mổ xẻ vấn đề ở các khía cạnh khác nhau để có thể tham gia đóng góp ý kiến hoặc tranh luận để bảo vệ ý kiến của mình.

Có tinh thần trách nhiệm, có tâm huyết nghề nghiệp, không ngừng tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực sáng tạo của học viên. Để phát huy khả năng tự học tự nghiên cứu cho học viên, đổi mới phương pháp là yêu cầu quan trọng. Khi đổi mới phương pháp dạy học cần tổ chức hoạt động nhận thức của học viên theo hướng gợi mở, phát hiện và giải quyết vấn đề. Với cách dạy này, đòi hỏi giảng viên phải sử dụng có hiệu quả phương pháp dạy học mới như: phương pháp dạy

học giải quyết vấn đề, phương pháp dạy học nghiên cứu, phương pháp hợp tác,...

Hướng dẫn học viên biết vận dụng, ứng dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống bản thân, vào giải quyết những vấn đề công việc. Qua đó, giúp học viên thấy được ý nghĩa thực tiễn của môn học, sự cần thiết tự học để không ngừng nâng cao hiểu biết đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Cần tăng cường tổ chức quản lý hoạt động tự học của học viên, giao nhiệm vụ tự học cho học viên một cách cụ thể, rõ ràng, đầy đủ với yêu cầu từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, đồng thời giới thiệu tài liệu thiết thực nhất. Bên cạnh đó, giảng viên cần tăng cường công tác kiểm tra việc tự học thường xuyên, chặt chẽ và nghiêm túc; có các hình thức phù hợp để học viên báo cáo kết quả tự học, tự nghiên cứu của mình. Có như vậy, giảng viên mới kiểm soát học viên có thực hiện nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu hay không, kết quả thực hiện thế nào. Từ đó, đề ra biện pháp điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao chất lượng học tập của học viên.

Bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho học viên. Đây là vấn đề có ý nghĩa mấu chốt trong đào tạo theo tín chỉ, bởi người dạy không chỉ đơn thuần là người truyền thụ kiến thức mà còn dạy cách học, kỹ năng thực hành. Vì vậy, cần hướng dẫn cho học viên cách đọc tài liệu, cách thực hiện các nhiệm vụ học tập khác nhau, cách phân tích so sánh, nêu vấn đề để từ đó giải quyết vấn đề.

Trong những năm qua Trường CĐ Hậu cần 1 có nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tự học. Nhiều mô hình hay, nhiều cách làm tốt của các khoa, các giảng viên góp phần nâng cao chất lượng tự học. Một trong những cách làm hay cần được áp dụng cho đối tượng NVQYc đó là hoạt động tự học có hướng dẫn của giảng viên.

Sau mỗi buổi học giảng viên dành vài chục phút cùng học viên giải quyết một vấn đề, thường là nội dung trọng tâm hoặc nội dung mở rộng, tham khảo, liên hệ thực tiễn. Để tránh nhàm chán, một mỗi cần tổ chức dưới dạng bài tập tư duy, trò chơi khuấy động, video minh hoạt, tình huống lâm sàng thực tế...

Để tăng hiệu quả giờ tự ôn, để nâng cao chất lượng đào tạo môn học, bộ môn khoa nên phối hợp với đơn vị xây dựng lịch cử cán bộ giáo viên đến đơn vị hướng dẫn học viên tự học. Một số khoa vừa qua thực hiện tốt hình thức, phương pháp này kết quả đào tạo chuyển biến rõ rệt.

Ba là, sử dụng kiến thức lý thuyết liên hệ với thực tế lâm sàng, thực tiễn đơn vị

Học phải đi đôi với hành, thông qua thực hành, thông qua việc sử dụng kiến thức lý thuyết, tiền lâm sàng để liên hệ với thực tế lâm sàng thì người học mới có thể củng cố và nắm chắc kiến thức mình đã được học. Để học tốt các môn trong chương trình đào tạo NVQYc, yêu cầu đầu tiên là học viên phải nắm chắc lý thuyết và biết vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo vào thực tế lâm sàng. Muốn trau dồi lý thuyết, thực hành liên hệ với thực tiễn lâm sàng, thực tiễn đơn vị người học viên cần phải:

- Hoàn thành tốt các nội dung thực hành mà giáo viên yêu cầu cả về số

lượng lẫn chất lượng.

- Có tinh thần ham học hỏi, cầu tiến bộ, không giấu dốt, mạnh dạn hỏi bạn bè, thầy cô giáo những kiến thức mà bản thân chưa nắm được hoặc nắm còn chưa chắc.

- Tận dụng tốt thời gian học thực hành tại phòng thực hành ngoài giờ hành chính để nâng cao trình độ.

- Mạnh dạn áp dụng các kiến thức lý thuyết vào việc xác định nhu cầu chăm sóc người bệnh.

- Xây dựng các tổ, nhóm, câu lạc bộ học tập điều dưỡng, tạo không khí học tập sôi nổi, hào hứng trong đơn vị.

2.2.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng nhân viên quân y đại đội

2.2.5.1 Vị trí, vai trò của giải pháp

Quá trình giáo dục và dạy học được cấu thành bởi nhiều thành tố có liên quan chặt chẽ và tương tác với nhau. Các thành tố đó là: mục tiêu, nội dung, phương pháp, giáo viên, học sinh và phương tiện (cơ sở vật chất-kỹ thuật). Các yếu tố cơ bản này giúp thực hiện quá trình giáo dục và dạy học.

Mối quan hệ giữa các thành tố cấu thành quá trình giáo dục và dạy học trong đó cơ sở vật chất - kỹ thuật là một thành tố không thể tách rời được.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật có mặt trong quá trình nêu trên có vai trò và vị trí như các thành tố khác và không thể thiếu một thành tố nào. Như vậy, cơ sở vật chất - kỹ thuật là một bộ phận, một thành tố không thể thiếu được trong quá trình giáo dục và dạy học

2.2.5.2 Nội dung và biện pháp cụ thể

Một là, đánh giá đúng vai trò của phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại. Phương tiện kỹ thuật dạy học là tập hợp những thiết bị kỹ thuật mà người dạy và người học trực tiếp sử dụng trong quá trình dạy học. Phương tiện kỹ thuật dạy học rất đa dạng, bao gồm các phương tiện đồ dùng dạy học và các máy móc, thiết bị. Điều quan trọng nhất là khai thác ưu thế cập nhật thông tin nhanh của các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong dạy học môn giải phẫu và rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho học viên.

Trong những năm qua, việc ứng dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại, nhất là công nghệ thông tin vào giáo dục - đào tạo đã đem lại những kết quả khả quan. Trong thời gian tới, sự ứng dụng này chắc chắn sẽ sâu rộng, mạnh mẽ hơn.

Ưu thế lớn nhất của phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại là tốc độ cập nhật thông tin nhanh và nếu được xử lý trên cơ sở phương pháp luận Mác- Lênin sẽ góp phần to lớn vào việc nâng cao chất lượng giáo dục- đào tạo. Tận dụng ưu thế của phương tiện kỹ thuật hiện đại vào tổ chức dạy học lý thuyết giải phẫu kết hợp với rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho học viên cần chú trọng: Thường xuyên khai thác những thông tin lý thuyết hiện đại; phát triển mới của khoa học

chuyên ngành, xử lý, bổ sung làm phong phú nội dung dạy học. Luôn thu thập những thông tin thực tiễn nghề nghiệp của học viên xử lý và diễn đạt dưới nhiều dạng khác nhau: xây dựng các tình huống có video, clip; xây dựng các đoạn phim về tình huống lâm sàng qua đó giúp người học lĩnh hội nhanh nhất, rõ ràng nhất bức tranh toàn cảnh, chân thực về nghề nghiệp tương lai của mình.

Tích cực khai thác phương tiện dạy học, phương tiện kỹ thuật dạy học, đặc biệt là máy tính điện tử để tăng khả năng truyền tải thông tin, giảm nhẹ lao động của giáo viên, kích thích hứng thú học tập của học viên đối với môn học.

Theo xu hướng dạy học điều dưỡng thế giới cũng như một số trường đào tạo điều dưỡng tại Việt Nam, việc xây dựng các phòng học tích hợp dạy cả lý thuyết và thực hành mang lại hiệu quả cao trong học tập. Phòng học này có đủ tiêu chuẩn về diện tích, âm thanh, ánh sáng, đầy đủ máy chiếu, máy quay, Camera quan sát, máy tính, và các mô hình giải phẫu cần thiết, các phần mềm mô phỏng..., có thể cho học viên học tập ngoại khóa, tổ chức các hoạt động ngoại khóa liên quan đến môn học.

Cần nghiên cứu triển khai các phần mềm dạy học điều dưỡng để giúp việc dạy và học hiệu quả. Xây dựng nguồn dữ liệu, học liệu điện tử, thư viện điện tử để giáo viên và học viên có điều kiện nghiên cứu học tập thuận tiện.

Hai là, khai thác có hiệu quả các loại phương tiện dạy học

- Máy chiếu: để chiếu các hình ảnh, các tình huống lâm sàng, các kỹ thuật. Sử dụng loại phương tiện này, giảng viên tránh được thuyết trình, trực quan sinh động; các nội dung trình bày được chuẩn bị trước nên có giá trị sư phạm rất cao.

- Video: Xây dựng các tình huống cụ thể giao bài tập cho học viên xử trí, qua đó nhiều kênh tác động vào học viên giúp học viên học tập tốt hơn. Để sử dụng có hiệu quả phương tiện này cần đầu tư xây dựng thành ngân hàng các phim học tập và giảng dạy cho từng môn học.

- Máy tính điện tử: Máy tính có thể sử dụng trong quản lý nội dung, chương trình, kế hoạch giảng dạy của giảng viên; quản lý chất lượng học tập của học viên trong quá trình dạy học; lưu giữ các bài giảng của giảng viên; soạn giáo án; và nhất là tiến hành giảng bài nhờ sử dụng những phần mềm dạy học thích hợp kết hợp với máy chiếu Projector.

Khi sử dụng máy tính điện tử để giảng bài, nhiều nội dung dạy học được biểu diễn một cách sinh động, có thể thay đổi rất linh hoạt, lặp lại một cách chính xác. Nhiều nội dung được minh họa sát thực, tiết kiệm thời gian. Có thể ghi lời giảng của giảng viên; có thể lồng tiếng, âm thanh minh họa làm sâu sắc, phong phú nội dung dạy học, lôi cuốn học viên hứng thú học tập. Máy tính còn có thể tổ chức tự học chương trình hoá; có thể tự động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên theo một chương trình nhất định. Khi được kết hợp với các phương tiện khác, máy tính cho khả năng nâng cao toàn diện hiệu quả giảng dạy môn học giải phẫu. Đó là hệ thống đa phương tiện.

- Hệ thống đa phương tiện: máy tính điện tử - máy chiếu Projector - mạng máy tính - các phương tiện nghe nhìn.

- Đầu tư xây dựng các phần mềm dạy học sao cho vừa kế thừa được truyền thống, vừa đưa vào đó những nội dung mới nhất, hiện đại nhất.

- Tiến hành tập huấn, đào tạo lại về phương pháp và kỹ năng sử dụng phương tiện dạy học hiện đại cho đội ngũ giáo viên dạy điều dưỡng. Cần có những bài giảng mẫu, điển hình để phổ biến, vận dụng cho toàn bộ môn.

- Có chính sách hỗ trợ tài chính để sao cho mỗi giảng có máy tính cá nhân, tạo điều kiện cho họ nỗ lực, tích cực sử dụng phương tiện dạy học trong điều kiện hiện nay.

Trong hoạt động dạy học để bảo đảm hiệu quả học tập, việc sử dụng CNTT, nhất là sử dụng các công cụ media để truyền tải và lưu trữ hoặc để lưu và gửi thông tin hoặc dữ liệu, để thiết lập một kênh dùng để giao tiếp cho bất kỳ dữ liệu của bất kỳ mục đích nào trong quá trình dạy học là một đòi hỏi tất yếu khách quan cần được đáp ứng tích cực.

Các công cụ media được xem là phù hợp trong hoạt động dạy, học và đánh giá chất lượng có thể kể đến: máy tính cá nhân, máy chiếu, ngân hàng ảnh số, ngân hàng bài giảng, giáo trình điện tử, video clip mô phỏng, video clip bài bài hướng dẫn thực hành, các video clip phân tích cơ thể và mô tạng.

2.2.6. Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá học viên NVQYc

2.2.6.1 Vị trí, vai trò của kiểm tra, đánh giá

Vị trí của kiểm tra, đánh giá: Kiểm tra, đánh giá có vị trí là đầu tàu kéo cả quy trình đào tạo đi lên tạo ra đổi mới về chất lượng trong đào tạo. Kiểm tra, đánh giá cung cấp các thông tin về kết quả học tập của học viên. Nhiều quyết định quan trọng đều dựa trên điểm số của kiểm tra, đánh giá. Kiểm tra, đánh giá có thể có ảnh hưởng hai mặt: tạo ra những thay đổi tích cực trong quá trình đào tạo, hoặc có thể mang lại những cản trở cho sự phát triển của giáo dục. Kiểm tra, đánh giá đi chệch hướng mục tiêu đào tạo hay sử dụng những loại hình thi không phù hợp với mục đích của kiểm tra, đánh giá đều đưa đến những tác động tiêu cực, cản trở quá trình cải tiến và phát triển chương trình, tài liệu giảng dạy, phương pháp dạy học.

Vai trò của kiểm tra, đánh giá: Văn bản chỉ đạo thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá tại Hội thảo về đổi mới kiểm tra, đánh giá thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học do Bộ GD&ĐT tổ chức (tại Cần Thơ, tháng 4/2009) đã khẳng định: kiểm tra, đánh giá là hoạt động không thể thiếu nhằm xác định hiệu quả của việc thực hiện mục tiêu dạy học, từ đó định hướng và thúc đẩy GV đổi mới phương pháp dạy học, thúc đẩy học sinh, sinh viên đổi mới phương pháp học tập nhằm nâng cao chất lượng thực hiện mục tiêu giáo dục. Hoạt động đánh giá còn là để phát hiện những mặt tốt, mặt chưa tốt, khó khăn, vướng mắc và xác định nguyên nhân để đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học, hiệu quả giáo dục.

2.2.6.2 Nội dung và biện pháp cụ thể

Chức năng của kiểm tra, đánh giá: Có ba chức năng.

- Chức năng quản lí: được thể hiện qua hai phương diện: một là xếp loại hoặc tuyển chọn người học; hai là duy trì và phát triển chuẩn chất lượng.

- Chức năng kiểm soát và điều chỉnh hoạt động dạy và học: Bao gồm: Đối với GV và nhà trường, đánh giá nhằm kiểm soát các hoạt động ngay trong quá trình dạy và học, sau đó ra quyết định điều chỉnh, cải tiến dạy học là cơ chế đảm bảo cho việc phát triển chất lượng dạy học. Đối với học viên, thông tin kiểm tra, đánh giá nhận được (thể hiện qua điểm số, nhận xét) từ GV và sự tự đánh giá của bản thân giúp người học kiểm soát, điều chỉnh việc học của mình.

- Chức năng giáo dục và phát triển người học: Quá trình đánh giá kết quả học tập được thực hiện một cách hiệu quả có tác dụng phát triển động cơ học tập cho học viên. Ngoài ra kết hợp với chức năng kiểm soát và điều chỉnh, kiểm tra đánh giá góp phần phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ để chuẩn bị cho người học vào đời.

Mục đích của kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra, đánh giá là công cụ hay phương tiện đo lường kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của người học.

Đánh giá nhằm xác định mức độ, trình độ của người học, cụ thể là điểm số.

Kiểm tra là phương tiện của đánh giá. Còn đánh giá là mục đích của kiểm tra. Và mục đích đánh giá quyết định nội dung và hình thức của kiểm tra.

Mục đích cơ bản nhất là phải xác định chất lượng, số lượng của giáo dục và học tập nhằm khuyến khích trò học tốt, thầy dạy tốt. Người học học tập và nâng cao tinh thần trách nhiệm của bản thân đối với việc học tập của mình. Giáo viên phải kiểm tra đánh giá vì nhiều mục đích khác nhau bởi họ phải ra nhiều quyết định. Nếu chúng ta xem lại các quyết định của giáo viên trong suốt ngày dạy của mình, chúng ta sẽ thấy được mục đích để đánh giá của giáo viên có ý nghĩa như thế nào.

Ý nghĩa của kiểm tra đánh giá:

- Đối với người học: Việc kiểm tra đánh giá có hệ thống và thường xuyên, cung cấp kịp thời những thông tin “phản hồi” giúp cho người học tự điều chỉnh hoạt động học.

- Đối với giáo viên: Việc kiểm tra đánh giá người học nhằm cung cấp cho giáo viên những thông tin “phản hồi bên ngoài” giúp người dạy điều chỉnh hoạt động dạy.

- Đối với các cấp cán bộ quản lý giáo dục: Kiểm tra đánh giá người học cung cấp cho các cán bộ quản lý giáo dục các cấp những thông tin cơ bản về thực trạng dạy và học trong một đơn vị giáo dục để có những chỉ đạo, kịp thời uốn nắn những lệch lạc, khuyến khích hỗ trợ nhằm đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu giáo dục.

Để nâng cao chất lượng đào tạo thì nội dung và hình thức kiểm tra là hết sức quan trọng. Một phương pháp kiểm tra, đánh giá chính xác, khách quan kết quả

của người học sẽ tạo ra được động lực cho người học tích cực hơn trong học tập. Kiểm tra đánh giá như thế nào thì người học sẽ lái theo cái đó, nên cần có nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá để đảm bảo chất lượng, hiệu quả, chính xác và đặc biệt là tác động đến ý thức người học.

Thứ nhất, để tăng tính tin cậy và hỏi thi sát mục đào tạo, cần áp dụng bảng kiểm trong đánh giá kết quả thực hành. Việc xây dựng bảng kiểm đánh giá kết quả học tập giúp học sinh có định hướng tốt hơn trong việc xây dựng phương pháp và nội dung học thực hành; giúp giáo viên hỏi thi có sự thống nhất trong cách đánh giá, điều này tạo nên sự công bằng, khách quan trong đánh giá kết quả thực tập.

Thứ hai, phải nhấn mạnh vai trò của kiểm tra thường xuyên. Điểm thường xuyên là điểm đánh giá cả quá trình học. Do đó, giáo viên cần tích cực chấm điểm thường xuyên hơn và điểm này cần được tính với hệ số cao hơn.

Thứ ba, cần tiến hành đa dạng các hình thức thi, kiểm tra như: Thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, chạy trạm để tránh việc học tủ, học lệch của học viên.

Thứ tư, cần đưa lượng giá và tự lượng giá vào trong các môn học y sĩ đa khoa nhất là thực hành lâm sàng, thực tập tiền lâm sàng. Kết hợp giữa lượng giá dọc (thường xuyên) với lượng giá cắt ngang.

Thứ năm, để đảm bảo tính minh bạch, công bằng và nguyên tắc cần thành lập ban khảo thí và kiểm định chất lượng. Ban này có nhiệm vụ đánh giá chất lượng dạy và học y sĩ đa khoa.

Kết luận chương 2

Trên cơ sở đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1, chúng tôi đã đề xuất tổng thể các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1.

Trước hết đổi mới chương trình đào tạo đối tượng NVQYc. Tiếp đó, đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo. Phát triển đội ngũ nhà giáo đi đôi với đổi mới phương pháp dạy học, công tác biên soạn bài giảng đối tượng NVQYc. Nâng cao chất lượng tự học của học viên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ đào tạo đối tượng NVQYc. Cuối cùng là đổi mới công tác kiểm tra đánh giá người học. Trong đó giải pháp đổi mới chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình tài liệu, phát triển đội ngũ nhà giáo gắn với đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng tự học là giải pháp then chốt, quan trọng nhất. Các giải pháp có mối quan hệ biện chứng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc tại Trường CD Hậu cần 1.

KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng nhân viên quân y đại đội tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1 hiện nay là một trong những nhiệm vụ quan trọng đặt ra trong đào tạo của Nhà trường. Đề tài đã chỉ ra cơ sở lý luận và thực tiễn đối với chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc tại Trường CD Hậu cần 1.

Trong đó đề tài đã mô tả, chỉ rõ những ưu điểm nổi bật và những mặt hạn chế về tổng thể, chi tiết về công tác đào tạo đối tượng NVQYc tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1. Từ đó đề xuất những giải pháp rất cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc tại Trường CD Hậu cần 1. Để nâng cao chất lượng đào tạo NVQYc tại Trường CD Hậu cần 1 hiện nay cần tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

- Đổi mới chương trình đào tạo đối tượng NVQYc.
- Đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo.
- Phát triển đội ngũ nhà giáo đi đôi với đổi mới phương pháp dạy học, công tác biên soạn bài giảng đối tượng NVQYc.
- Nâng cao chất lượng tự học của học viên.
- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ đào tạo đối tượng NVQYc.
- Đổi mới công tác kiểm tra đánh giá người học.

Trong đó giải pháp đổi mới chương trình đào tạo là quan trọng nhất. Trên cơ sở kế thừa tính ưu việt của nội dung chương trình hiện hành; bám sát hướng dẫn của cấp trên; đề xuất xây dựng hệ thống mục tiêu chương trình, môn học, bài học phù hợp với mục tiêu đào tạo, chuẩn năng lực NVQYc; bổ sung nội dung huấn luyện đêm, phòng chống dịch Covid-19, tự học có hướng dẫn của giảng viên; tăng thời lượng môn % kỹ thuật cấp cứu, kỹ thuật điều dưỡng. Đối với giải pháp biên soạn giáo trình tài liệu, nhóm đề tài đề xuất biên soạn giáo trình đào tạo NVQYc phù hợp với mục tiêu đào tạo NVQYc có thời hạn 6 tháng, có nội hàm phù hợp với đối tượng và thực tiễn; xây dựng giáo trình điện tử. Phát triển đội ngũ nhà giáo về số lượng, chất lượng, bồi dưỡng kinh nghiệm thực tế lâm sàng, thực tế đơn vị; đổi mới công tác biên soạn bài giảng, phương pháp giảng; biên soạn nội dung huấn luyện đêm và phòng chống dịch Covid-19. Đối với giải pháp nâng cao chất lượng tự học, ban đề tài đề xuất đổi mới hoạt động của cán bộ quản lý, hoạt động tự học, vai trò của giảng viên; với giảng viên tăng cường hướng dẫn học viên tự học ngoài giờ. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng phục vụ đào tạo trong kỹ nguyên số, xây dựng cơ sở vật chất huấn luyện đêm. Đổi mới công tác kiểm tra đánh giá học viên NVQYc, ban đề tài đề xuất đa dạng hóa hình thức đánh giá. Đây là các giải pháp khả thi và có ý nghĩa thực tiễn cao. Sáu nhóm giải pháp này bám sát chiến lược phát triển giáo dục đào tạo từ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các giải pháp này sẽ phối hợp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc, đạt mục tiêu đào tạo NVQYc tại tuyển quân y đại đội.

KIẾN NGHỊ

1. Đối với Cục Nhà trường

- Định kỳ tổ chức hội thảo, tập huấn phương pháp xây dựng chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy tích cực đối tượng nhân viên quân y đại đội.
- Đầu tư trang thiết bị hiện đại như máy móc, mô hình học cụ đáp ứng yêu cầu đào tạo trong tình hình mới cho Trường Cao đẳng Hậu cần 1.

2. Đối với Trường Cao đẳng Hậu cần 1

- Định kỳ tổ chức tập huấn nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, biên soạn chương trình, giáo trình, bài giảng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên.
- Nhà trường tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ đào tạo sát thực tế lâm sàng, thực tế đơn vị.
- Cử cán bộ, giảng viên đi thực tế lâm sàng, thực tế đơn vị nhằm nâng cao chất lượng dạy học đối tượng NVQYc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng; Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 8, khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Ngày 4 tháng 12 năm 2013.
2. Ban chấp hành Trung ương Đảng; Nghị quyết hội nghị lần thứ hai (khóa VIII) về “Định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000”. Ngày 24 tháng 2 năm 2017.
3. Bộ Quốc phòng, Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong Quân đội giai đoạn 2011-2020, Nxb QĐND, 2013.
4. Bộ Quốc phòng, Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong Quân đội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nxb QĐND, 2021.
5. Bộ Quốc phòng, Chỉ lệnh số 971/CT-TM ngày 04-12-2020 của Tổng tham mưu trưởng về công tác quân sự, quốc phòng năm 2021.
6. Bộ Giáo Dục - Đào tạo, Chương trình đào tạo nhóm ngành sức khỏe, năm 2014.
7. Bộ Giáo Dục - Đào tạo, Chiến lược phát triển Giáo dục – đào tạo giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
8. Bộ Lao động Thương binh - Xã hội, Chương trình đào tạo nhóm ngành sức khỏe, năm 2017.
9. Bộ Lao động Thương binh - Xã hội, Chiến lược phát triển Giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
10. Bộ Y tế, Chiến lược phát triển ngành Y tế giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
11. Bộ Y tế, Hướng dẫn dạy và học trong đào tạo ngành sức khỏe, năm 2020.
12. Bộ Y tế, Hướng dẫn xây dựng và thực hiện chuẩn năng lực nghề nghiệp, năm 2017.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, 2016.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG, 2021.
15. Đảng bộ Quân đội, Văn kiện Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, Nhà xuất bản QĐND, năm 2020.
16. Đảng bộ Tổng cục Hậu cần, Văn kiện Đại hội Đảng bộ Tổng cục Hậu cần lần thứ XII, 2020.
17. Đảng bộ Trường Cao đẳng Hậu cần 1, Văn kiện Đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng Quân y 1 lần thứ XXIX, 2020.

18. Đỗ Minh Thái, Đổi mới cách đánh giá kết quả học tập, Tạp chí Nhà trường quân đội, số 6/2000.

19. Đặng Thành Hưng, Dạy học hiện đại - Lý luận, biện pháp, kỹ thuật, Nxb ĐHQG, 2002.

20. Hồ Văn Thanh, Giải pháp đổi mới nội dung chương trình đào tạo đối tượng Điều dưỡng trung học tại Trường Trung cấp Quân y 1, đề tài cấp ngành 2017.

21. Hồ Văn Thanh, Giải pháp nâng cao chất lượng dạy học chuyên ngành Điều dưỡng tại Trường Cao đẳng Quân y 1, đề tài cấp ngành, 2019.

22. Lê Đình Mạnh, Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo Dược sĩ ở Trường Cao đẳng Quân y 1, đề tài cấp ngành, 2020.

23. Lê Đình Mạnh, Giải pháp đổi mới nội dung chương trình đào tạo đối tượng Y sĩ đa khoa tại Trường Cao đẳng Quân y 1, đề tài cấp ngành, 2021.

24. Lê Minh Vụ, Các giải pháp nâng cao chất lượng tự học của học viên sĩ quan trong Nhà trường Quân đội, đề tài cấp ngành, 2003.

25. Hoàng Văn Thanh, Xây dựng động cơ học tập của học viên ở các Trường đào tạo Sĩ quan trong Quân đội hiện nay, đề tài tiềm lực cấp Viện, HVCT, 2010.

26. Nguyễn Quốc Thịnh, Giải pháp xây dựng đội ngũ nhà giáo tại Trường Cao đẳng Quân y 1 trong điều kiện Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đề tài cấp ngành, 2020.

27. Nguyễn Biên Cương, Giải pháp nâng cao chất lượng dạy học môn giải phẫu tại Trường Trung cấp Quân y 1, đề tài cấp ngành, 2017.

28. Nguyễn Văn Tuấn, Lý luận dạy học, Nxb Đại học Sư phạm, 2016.

29. Nguyễn Văn Cường, Bernd Meier, Lý luận dạy học hiện đại, Nxb Đại học Sư phạm, 2015.

30. Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Hữu Hợp, Dạy học dựa vào lý thuyết học tập trải nghiệm trong đào tạo giáo viên kỹ thuật, Tạp chí khoa học - Trường đại học Sư phạm Hà Nội, 2013.

31. Nguyễn Văn Hạnh, Dạy học theo phong cách học tập, Tạp chí khoa học và công nghệ số 2/2014.

32. Nguyễn Ngọc Hưng, Vai trò của phương tiện dạy học, Nxb ĐHQG, 2014.

33. Nguyễn Xuân Ván, Xây dựng cơ sở huấn luyện đêm môn 5 kỹ thuật cấp cứu cho đối tượng Y sĩ đa khoa hệ Quân sự tại Trường Cao đẳng Quân y 1, đề tài cấp cơ sở, năm 2021.

34. Tôn Quang Cường, Một số vấn đề về xây dựng chương trình đào tạo tiếp cận năng lực chuẩn đầu ra, Nxb Giáo dục, 2017.

35. Trương Việt Dũng, Phí Văn Thâm, Phương pháp giảng dạy Y - Dược học”, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2014.

36. Vũ Đình An, Đẩy mạnh việc biên soạn giáo trình tài liệu nâng cao chất lượng đào tạo, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2022.

37. Vũ Quang Lộc, Nâng cao chất lượng quản lý giáo dục - đào tạo trong các Học viện, Trường sĩ quan quân đội đáp ứng yêu cầu mới, Nxb QĐND, 2005.

38. Phan Thị Hồng Vinh, Phương pháp dạy học giáo dục học, Nxb Đại học sư phạm, 2010.

39. Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam, Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13.

40. Yvonne Osbome, Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo dựa trên năng lực, Nxb Giáo dục, 2012.

PHỤ LỤC 1
TỔNG CỤC HẬU CẦN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẬU CẦN 1

PHIẾU KHẢO SÁT CÔNG TÁC
ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN QY ĐẠI ĐỘI
(Dùng cho Nhân viên Quân y đại đội)

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng Nhân viên Quân y Đại đội tại Trường CD Hậu cần 1, rất mong đồng chí đóng góp ý kiến. Mọi thông tin trong phiếu khảo sát sẽ được lưu trữ và bảo mật, chỉ phục vụ cho nghiên cứu đề tài.

Họ tên:..... Khóa:..... Lớp:.....

Đơn vị:..... Điện thoại liên hệ:.....

I. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Hoàn toàn đồng ý;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
1. Mục tiêu chương trình đào tạo NVQYc phù hợp chuẩn đầu ra	☐	☐	☐	☐
2. Nội dung, chương trình đào tạo NVQYc hiện nay phù hợp với đối tượng	☐	☐	☐	☐
3. Thời lượng các môn học lý thuyết phù hợp để học viên nắm được kiến thức cơ bản của NVQYc	☐	☐	☐	☐
4. Thời lượng dành cho các môn học thực hành phù hợp để học viên làm được kỹ năng cơ bản của NVQYc	☐	☐	☐	☐
5. Nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn phục vụ huấn luyện, chiến đấu của bộ đội	☐	☐	☐	☐
6. Thời lượng dành cho thực hành tại bệnh viện của học viên nhân viên quân y đại đội là phù hợp.	☐	☐	☐	☐
7. Thời gian toàn khóa học hiện nay là phù hợp với đối tượng nhân viên quân y đại đội	☐	☐	☐	☐
8. Cần thiết tiếp tục đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo NVQYc để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phục vụ huấn luyện, chiến đấu của bộ đội	☐	☐	☐	☐

9. Xin đ/c cho biết môn học nào nên loại bỏ khỏi chương trình đào tạo NVQYc

.....

10. Xin đ/c cho biết môn học nào nên thêm vào chương trình đào tạo NVQYc

.....

11. Xin đ/c cho biết những môn học nào cần tiếp tục đổi mới, chỉnh lý

.....

12. Xin đ/c cho biết môn học nào có thời gian quá ngắn cần tăng thời gian

.....

13. Xin đ/c cho biết môn học nào có thời lượng quá dài cần rút ngắn thời gian

.....

14. Xin đ/c cho biết các ý kiến khác về mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo NVQYc

.....

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ CÔNG TÁC KHẢO THÍ

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Hoàn toàn đồng ý;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn;

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
15. Hình thức, phương pháp đánh giá phù hợp đối tượng đào tạo	☐	☐	☐	☐
16. Nội dung đánh giá phù hợp mục tiêu, nội dung chương trình	☐	☐	☐	☐
17. Hình thức, phương pháp, nội dung kiểm tra đánh giá đúng năng lực của người học	☐	☐	☐	☐
18. Công tác khảo thí hiện nay là chính xác, công bằng	☐	☐	☐	☐
19. Số lượng câu hỏi trong mỗi môn học phù hợp với đối tượng	☐	☐	☐	☐
20. Kết quả thi, kiểm tra được thông báo kịp thời đến học viên	☐	☐	☐	☐
21. Cần thiết tiếp tục đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá đối với học viên nhân viên quân y đại đội	☐	☐	☐	☐

22. Xin cho biết phương pháp đánh giá nào là phù hợp với các môn học lý thuyết.

23. Xin cho biết phương pháp kiểm tra, đánh giá nào là phù hợp với các môn học thực hành tại Nhà trường

24. Xin cho biết các phương pháp kiểm tra đánh giá nào là phù hợp nhất với môn học thực hành tại bệnh viện

25. Xin cho biết phương pháp kiểm tra đánh giá nào hiện nay là không phù hợp với học viên nhân viên quân y đại đội

26. Xin cho biết môn học nào có số lượng câu hỏi quá nhiều đối với học viên NVQYc

27. Xin cho biết môn học nào có số lượng câu hỏi quá ít đối với học viên NVQYc

III. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Hoàn toàn đồng ý;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn;

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
28. Đối với từng môn học giáo viên (GV) giới thiệu đầy đủ đề cương chi tiết cho học viên (HV)	☐	☐	☐	☐
29. Gv phổ biến mục tiêu, nội dung, chuẩn đầu ra của môn học	☐	☐	☐	☐
30. GV phổ biến hình thức kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của môn học	☐	☐	☐	☐
31. GV cung cấp/giới thiệu đầy đủ thông tin về tài liệu học tập	☐	☐	☐	☐

32. GV tổ chức lớp học, hướng dẫn học tập phù hợp NVQYc	☐	☐	☐	☐
33. Nội dung bài giảng phù hợp với giáo trình, tài liệu và thực tiễn tại đơn vị hiện nay	☐	☐	☐	☐
34. Gv có phương pháp dạy học phù hợp với học viên NVQYc	☐	☐	☐	☐
35. GV phối hợp hiệu quả các phương pháp dạy học	☐	☐	☐	☐
36. Gv áp dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực	☐	☐	☐	☐
37. Gv có biện pháp khích lệ, gây tâm thế hứng thú người học	☐	☐	☐	☐
38. Gv tiếp thu, giải đáp kịp thời các thắc mắc của học viên	☐	☐	☐	☐
39. GV bám sát mục tiêu, chương trình, giáo trình môn học	☐	☐	☐	☐
40. GV thường xuyên liên hệ với thực tiễn HL, CD ở đơn vị	☐	☐	☐	☐
41. GV thường xuyên cập nhật kiến thức liên quan đến môn học	☐	☐	☐	☐
42. GV lên lớp đúng giờ, dạy đủ thời gian quy định	☐	☐	☐	☐
43. GV có kiến thức chuyên môn tốt	☐	☐	☐	☐
44. Gv thể hiện tính thân thiện, chuẩn mực khi lên lớp	☐	☐	☐	☐
45. Gv tâm huyết, nhiệt tình, trách nhiệm trong giảng dạy	☐	☐	☐	☐
46. Gv thường xuyên tư vấn, hướng dẫn HV,SV học tập ngoài giờ	☐	☐	☐	☐
47. Sự cần thiết biên soạn nội dung bài giảng phù hợp với mục tiêu, chương trình, chuẩn đầu ra và thực tiễn tại đơn vị	☐	☐	☐	☐

48. Xin cho biết phương pháp dạy học lý thuyết nào là phù hợp với NVQYc

.....

49. Xin cho biết phương pháp dạy học lý thuyết nào là không phù hợp với NVQYc

.....

50. Xin cho biết phương pháp dạy học thực hành nào là phù hợp với NVQYc

.....

51. Xin cho biết phương pháp dạy học thực hành nào là không phù hợp với NVQYc

.....

52. Xin cho biết phương pháp dạy học nào hiện nay là phù hợp với NVQYc tại BV

.....

53. Xin cho biết phương pháp dạy học nào là không phù hợp với NVQYc tại BV

.....

IV. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ HOẠT ĐỘNG GIÚP HỌC VIÊN PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Đồng ý hoàn toàn;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn;

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
54. HV thường tự giác chuẩn bị bài trước khi lên lớp	☐	☐	☐	☐
55. Quá trình học tập ở lớp Hv luôn có thái độ tích cực, tham gia xây dựng bài, ghi chép những nội dung cần thiết	☐	☐	☐	☐

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
56. Sau mỗi buổi học HV thường xem lại và hệ thống bài học	☐	☐	☐	☐
57. Hoạt động tự học của HV là hoạt động bắt buộc, thuộc quy chế phải thực hiện	☐	☐	☐	☐
58. Hoạt động tự học có giáo viên hướng dẫn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo	☐	☐	☐	☐
59. Cần đổi mới phương pháp tự học theo hướng giao bài tập, học nhóm, khuyến khích sáng tạo nâng cao, có giáo viên hướng dẫn	☐	☐	☐	☐
60. Kết quả học tập của HV được thông báo chính xác, kịp thời	☐	☐	☐	☐
61. HV được đảm bảo các chế độ chính sách của học viên QĐ	☐	☐	☐	☐
62. HV được tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa	☐	☐	☐	☐
63. Nhà trường, đơn vị thường xuyên tuyên truyền, rèn luyện, bồi dưỡng giúp HV có lối sống lành mạnh				
64. Hoạt động ngoại khóa góp phần giúp HV phát triển toàn diện				
65. Xin cho biết ý kiến khác nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tự học của HV				

.....

.....

V. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ; CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC VIÊN

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Đồng ý hoàn toàn;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn;

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
66. Cán bộ quản lý Học viên có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo Nhân viên quân y Đại đội	☐	☐	☐	☐
67. Cán bộ quản lý Học viên mẫu mực, bám sát học viên trong mọi hoạt động sinh hoạt, học tập, huấn luyện	☐	☐	☐	☐
68. Cán bộ quản lý học viên thường xuyên quan tâm động viên giúp đỡ học viên trong học tập, sinh hoạt	☐	☐	☐	☐
69. HV được phổ biến đầy đủ quy chế, quy định của Bộ Quốc phòng và nhà trường	☐	☐	☐	☐
70. Hệ thống giáo trình, tài liệu đầy đủ phục vụ tốt HV học tập	☐	☐	☐	☐
69. Hệ thống giáo trình, tài liệu đảm bảo tính cập nhật đúng quy định của Bộ Quốc phòng	☐	☐	☐	☐
70. Hệ thống giáo trình, tài liệu phù hợp với chương trình, nội dung bài giảng, thực tiễn đơn vị	☐	☐	☐	☐
71. Sự cần thiết tiếp tục đẩy mạnh công tác biên soạn, tái bản giáo trình, tài liệu phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình, chuẩn đầu ra và thực tiễn đơn vị.	☐	☐	☐	☐

72. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đào tạo đầy đủ, hiện đại	☐	☐	☐	☐
73. Các sự cố về phòng học, máy móc, trang bị phục vụ đào tạo luôn được khắc phục kịp thời	☐	☐	☐	☐
74. Sự cần thiết tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu huấn luyện, chiến đấu trong tình hình mới				

Xin trân trọng cảm ơn!

TỔNG CỤC HẬU CẦN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẬU CẦN 1

PHIẾU KHẢO SÁT CÔNG TÁC
ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN QY ĐẠI ĐỘI
(Dùng cho Học viên NVQYc)

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng Nhân viên Quân y Đại đội tại Trường CD Hậu cần 1, rất mong các bạn Học viên đóng góp ý kiến. Mọi thông tin trong phiếu khảo sát sẽ được lưu trữ và bảo mật, chỉ phục vụ cho nghiên cứu đề tài.

Họ tên sinh viên:..... Khóa:.....Lớp:.....

I. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Hoàn toàn đồng ý;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
1. Mục tiêu chương trình đào tạo NVQYc phù hợp chuẩn đầu ra	☐	☐	☐	☐
2. Nội dung, chương trình đào tạo NVQYc hiện nay phù hợp với đối tượng	☐	☐	☐	☐
3. Thời lượng các môn học lý thuyết phù hợp để học viên nắm được kiến thức cơ bản của NVQYc	☐	☐	☐	☐
4. Thời lượng dành cho các môn học thực hành phù hợp để học viên làm được kỹ năng cơ bản của NVQYc	☐	☐	☐	☐
5. Nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn phục vụ huấn luyện, chiến đấu của bộ đội	☐	☐	☐	☐
6. Thời lượng dành cho thực hành tại bệnh viện của học viên nhân viên quân y đại đội là phù hợp.	☐	☐	☐	☐
7. Thời gian toàn khóa học hiện nay là phù hợp với đối tượng nhân viên quân y đại đội	☐	☐	☐	☐
8. Cần thiết tiếp tục đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo NVQYc để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phục vụ huấn luyện, chiến đấu của bộ đội	☐	☐	☐	☐

9. Xin đ/c cho biết môn học nào nên loại bỏ khỏi chương trình đào tạo NVQYc

.....

10. Xin đ/c cho biết môn học nào nên thêm vào chương trình đào tạo NVQYc

.....

11. Xin đ/c cho biết những môn học nào cần tiếp tục đổi mới, chỉnh lý

.....

12. Xin đ/c cho biết môn học nào có thời gian quá ngắn cần tăng thời gian

.....

13. Xin đ/c cho biết môn học nào có thời lượng quá dài cần rút ngắn thời gian

.....

14. Xin đ/c cho biết các ý kiến khác về mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo NVQYc

.....

.....

.....

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ CÔNG TÁC KHẢO THÍ

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Hoàn toàn đồng ý;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn;

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
15. Hình thức, phương pháp đánh giá phù hợp đối tượng đào tạo	☐	☐	☐	☐
16. Nội dung đánh giá phù hợp mục tiêu, nội dung chương trình	☐	☐	☐	☐
17. Hình thức, phương pháp, nội dung kiểm tra đánh giá đúng năng lực của người học	☐	☐	☐	☐
18. Công tác khảo thí hiện nay là chính xác, công bằng	☐	☐	☐	☐
19. Số lượng câu hỏi trong mỗi môn học phù hợp với đối tượng	☐	☐	☐	☐
20. Kết quả thi, kiểm tra được thông báo kịp thời đến học viên				
21. Cần thiết tiếp tục đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá đối với học viên nhân viên quân y đại đội	☐	☐	☐	☐

22. Xin cho biết phương pháp đánh giá nào là phù hợp với các môn học lý thuyết.

23. Xin cho biết phương pháp kiểm tra, đánh giá nào là phù hợp với các môn học thực hành tại Nhà trường

24. Xin cho biết các phương pháp kiểm tra đánh giá nào là phù hợp nhất với môn học thực hành tại bệnh viện

25. Xin cho biết phương pháp kiểm tra đánh giá nào hiện nay là không phù hợp với học viên nhân viên quân y đại đội

26. Xin cho biết môn học nào có số lượng câu hỏi quá nhiều đối với học viên NVQYc

27. Xin cho biết môn học nào có số lượng câu hỏi quá ít đối với học viên NVQYc

III. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Hoàn toàn đồng ý;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn;

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
28. Đối với từng môn học giáo viên (GV) giới thiệu đầy đủ đề cương chi tiết cho học viên (HV)	☐	☐	☐	☐
29. Gv phổ biến mục tiêu, nội dung, chuẩn đầu ra của môn học	☐	☐	☐	☐
30. GV phổ biến hình thức kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của môn học	☐	☐	☐	☐
31. GV cung cấp/giới thiệu đầy đủ thông tin về tài liệu học tập	☐	☐	☐	☐
32. GV tổ chức lớp học, hướng dẫn học tập phù hợp NVQYc	☐	☐	☐	☐

33. Nội dung bài giảng phù hợp với giáo trình, tài liệu và thực tiễn tại đơn vị hiện nay	☐	☐	☐	☐
34. Gv có phương pháp dạy học phù hợp với học viên NVQYc	☐	☐	☐	☐
35. GV phối hợp hiệu quả các phương pháp dạy học	☐	☐	☐	☐
36. Gv áp dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực	☐	☐	☐	☐
37. Gv có biện pháp khích lệ, gây tâm thế hứng thú người học	☐	☐	☐	☐
38. Gv tiếp thu, giải đáp kịp thời các thắc mắc của học viên	☐	☐	☐	☐
39. GV bám sát mục tiêu, chương trình, giáo trình môn học	☐	☐	☐	☐
40. GV thường xuyên liên hệ với thực tiễn HL, CD ở đơn vị	☐	☐	☐	☐
41. GV thường xuyên cập nhật kiến thức liên quan đến môn học	☐	☐	☐	☐
42. GV lên lớp đúng giờ, dạy đủ thời gian quy định	☐	☐	☐	☐
43. GV có kiến thức chuyên môn tốt	☐	☐	☐	☐
44. Gv thể hiện tính thân thiện, chuẩn mực khi lên lớp	☐	☐	☐	☐
45. Gv tâm huyết, nhiệt tình, trách nhiệm trong giảng dạy	☐	☐	☐	☐
46. Gv thường xuyên tư vấn, hướng dẫn HV,SV học tập ngoài giờ	☐	☐	☐	☐
47. Sự cần thiết biên soạn nội dung bài giảng phù hợp với mục tiêu, chương trình, chuẩn đầu ra và thực tiễn tại đơn vị	☐	☐	☐	☐

48. Xin cho biết phương pháp dạy học lý thuyết nào là phù hợp với NVQYc

49. Xin cho biết phương pháp dạy học lý thuyết nào là không phù hợp với NVQYc

50. Xin cho biết phương pháp dạy học thực hành nào là phù hợp với NVQYc

51. Xin cho biết phương pháp dạy học thực hành nào là không phù hợp với NVQYc

52. Xin cho biết phương pháp dạy học nào hiện nay là phù hợp với NVQYc tại BV

53. Xin cho biết phương pháp dạy học nào hiện nay là không phù hợp với NVQYc tại BV

IV. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ HOẠT ĐỘNG GIÚP HỌC VIÊN PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Đồng ý hoàn toàn;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn;

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
54. HV thường tự giác chuẩn bị bài trước khi lên lớp	☐	☐	☐	☐
55. Quá trình học tập ở lớp Hv luôn có thái độ tích cực, tham gia xây dựng bài, ghi chép những nội dung cần thiết	☐	☐	☐	☐
56. Sau mỗi buổi học HV thường xem lại và hệ thống bài học	☐	☐	☐	☐

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
57. Hoạt động tự học của HV là hoạt động bắt buộc, thuộc quy chế phải thực hiện	☐	☐	☐	☐
58. Hoạt động tự học có giáo viên hướng dẫn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo	☐	☐	☐	☐
59. Cần đổi mới phương pháp tự học theo hướng giao bài tập, học nhóm, khuyến khích sáng tạo nâng cao, có giáo viên hướng dẫn	☐	☐	☐	☐
60. Kết quả học tập của HV được thông báo chính xác, kịp thời	☐	☐	☐	☐
61. HV được đảm bảo các chế độ chính sách của học viên QĐ	☐	☐	☐	☐
62. HV được tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa	☐	☐	☐	☐
63. Nhà trường, đơn vị thường xuyên tuyên truyền, rèn luyện, bồi dưỡng giúp HV có lối sống lành mạnh				
64. Hoạt động ngoại khóa góp phần giúp HV phát triển toàn diện				
65. Xin cho biết ý kiến khác nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tự học của HV				

V. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ; CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC VIÊN

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Đồng ý hoàn toàn;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn;

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
66. Cán bộ quản lý Học viên có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo Nhân viên quân y Đại đội	☐	☐	☐	☐
67. Cán bộ quản lý Học viên mẫu mực, bám sát học viên trong mọi hoạt động sinh hoạt, học tập, huấn luyện	☐	☐	☐	☐
68. Cán bộ quản lý học viên thường xuyên quan tâm động viên giúp đỡ học viên trong học tập, sinh hoạt	☐	☐	☐	☐
69. HV được phổ biến đầy đủ quy chế, quy định của Bộ Quốc phòng và nhà trường	☐	☐	☐	☐
70. Hệ thống giáo trình, tài liệu đầy đủ phục vụ tốt HV học tập	☐	☐	☐	☐
69. Hệ thống giáo trình, tài liệu đảm bảo tính cập nhật đúng quy định của Bộ Quốc phòng	☐	☐	☐	☐
70. Hệ thống giáo trình, tài liệu phù hợp với chương trình, nội dung bài giảng, thực tiễn đơn vị	☐	☐	☐	☐
71. Sự cần thiết tiếp tục đẩy mạnh công tác biên soạn, tái bản giáo trình, tài liệu phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình, chuẩn đầu ra và thực tiễn đơn vị.	☐	☐	☐	☐
72. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đào tạo đầy đủ, hiện đại	☐	☐	☐	☐

73. Các sự cố về phòng học, máy móc, trang bị phục vụ đào tạo luôn được khắc phục kịp thời	☐	☐	☐	☐
74. Sự cần thiết tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu huấn luyện, chiến đấu trong tình hình mới	☐	☐	☐	☐

Xin trân trọng cảm ơn!

**TỔNG CỤC HẬU CẦN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẬU CẦN 1**

PHỤ LỤC 3

**PHIẾU KHẢO SÁT CÔNG TÁC
ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN QUÂN Yc**
(Dùng cho Cán bộ, giáo viên)

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng Nhân viên Quân y Đại đội tại Trường CD Hậu cần 1, rất mong các đồng chí cán bộ quản lý giáo dục, các Thầy cô giáo đóng góp ý kiến. Mọi thông tin trong phiếu khảo sát sẽ được lưu trữ và bảo mật, chỉ phục vụ cho nghiên cứu đề tài.

Họ tên:.....

Cấp bậc:.....; Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

I. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Hoàn toàn đồng ý;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
1. Mục tiêu chương trình đào tạo NVQYc phù hợp chuẩn đầu ra	☐	☐	☐	☐
2. Nội dung, chương trình đào tạo NVQYc hiện nay phù hợp với đối tượng	☐	☐	☐	☐
3. Thời lượng các môn học lý thuyết phù hợp để học viên nắm được kiến thức cơ bản của NVQYc	☐	☐	☐	☐
4. Thời lượng dành cho các môn học thực hành phù hợp để học viên làm được kỹ năng cơ bản của NVQYc	☐	☐	☐	☐
5. Nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn phục vụ huấn luyện, chiến đấu của bộ đội	☐	☐	☐	☐
6. Thời lượng dành cho thực hành tại bệnh viện của học viên nhân viên quân y đại đội là phù hợp.	☐	☐	☐	☐
7. Thời gian toàn khóa học hiện nay là phù hợp với đối tượng nhân viên quân y đại đội	☐	☐	☐	☐
8. Cần thiết tiếp tục đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo NVQYc để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phục vụ huấn luyện, chiến đấu của bộ đội	☐	☐	☐	☐

9. Xin đ/c cho biết môn học nào nên loại bỏ khỏi chương trình đào tạo NVQYc

.....

10. Xin đ/c cho biết môn học nào nên thêm vào chương trình đào tạo NVQYc

.....

11. Xin đ/c cho biết những môn học nào cần tiếp tục đổi mới, chỉnh lý

.....

12. Xin đ/c cho biết môn học nào có thời gian quá ngắn cần tăng thời gian

.....

13. Xin đ/c cho biết môn học nào có thời lượng quá dài cần rút ngắn thời gian

.....

14. Xin đ/c cho biết các ý kiến khác về mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo NVQYc

.....

.....

.....

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ CÔNG TÁC KHẢO THÍ

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Hoàn toàn đồng ý;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn;

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
15. Hình thức, phương pháp đánh giá phù hợp đối tượng đào tạo	☐	☐	☐	☐
16. Nội dung đánh giá phù hợp mục tiêu, nội dung chương trình	☐	☐	☐	☐
17. Hình thức, phương pháp, nội dung kiểm tra đánh giá đúng năng lực của người học	☐	☐	☐	☐
18. Công tác khảo thí hiện nay là chính xác, công bằng	☐	☐	☐	☐
19. Số lượng câu hỏi trong mỗi môn học phù hợp với đối tượng	☐	☐	☐	☐
20. Kết quả thi, kiểm tra được thông báo kịp thời đến học viên				
21. Cần thiết tiếp tục đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá đối với học viên nhân viên quân y đại đội	☐	☐	☐	☐

22. Xin cho biết phương pháp đánh giá nào là phù hợp với các môn học lý thuyết.

23. Xin cho biết phương pháp kiểm tra, đánh giá nào là phù hợp với các môn học thực hành tại Nhà trường

24. Xin cho biết các phương pháp kiểm tra đánh giá nào là phù hợp nhất với môn học thực hành tại bệnh viện

25. Xin cho biết phương pháp kiểm tra đánh giá nào hiện nay là không phù hợp với học viên nhân viên quân y đại đội

26. Xin cho biết môn học nào có số lượng câu hỏi quá nhiều đối với học viên NVQYc

27. Xin cho biết môn học nào có số lượng câu hỏi quá ít đối với học viên NVQYc

III. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Hoàn toàn đồng ý;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn;

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
28. Đối với từng môn học giáo viên (GV) giới thiệu đầy đủ đề cương chi tiết cho học viên (HV)	☐	☐	☐	☐
29. Gv phổ biến mục tiêu, nội dung, chuẩn đầu ra của môn học	☐	☐	☐	☐
30. GV phổ biến hình thức kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của môn học	☐	☐	☐	☐
31. GV cung cấp/giới thiệu đầy đủ thông tin về tài liệu học tập	☐	☐	☐	☐
32. GV tổ chức lớp học, hướng dẫn học tập phù hợp NVQYc	☐	☐	☐	☐

33. Nội dung bài giảng phù hợp với giáo trình, tài liệu và thực tiễn tại đơn vị hiện nay	☐	☐	☐	☐
34. Gv có phương pháp dạy học phù hợp với học viên NVQYc	☐	☐	☐	☐
35. GV phối hợp hiệu quả các phương pháp dạy học	☐	☐	☐	☐
36. Gv áp dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực	☐	☐	☐	☐
37. Gv có biện pháp khích lệ, gây tâm thế hứng thú người học	☐	☐	☐	☐
38. Gv tiếp thu, giải đáp kịp thời các thắc mắc của học viên	☐	☐	☐	☐
39. GV bám sát mục tiêu, chương trình, giáo trình môn học	☐	☐	☐	☐
40. GV thường xuyên liên hệ với thực tiễn HL, CD ở đơn vị	☐	☐	☐	☐
41. GV thường xuyên cập nhật kiến thức liên quan đến môn học	☐	☐	☐	☐
42. GV lên lớp đúng giờ, dạy đủ thời gian quy định	☐	☐	☐	☐
43. GV có kiến thức chuyên môn tốt	☐	☐	☐	☐
44. Gv thể hiện tính thân thiện, chuẩn mực khi lên lớp	☐	☐	☐	☐
45. Gv tâm huyết, nhiệt tình, trách nhiệm trong giảng dạy	☐	☐	☐	☐
46. Gv thường xuyên tư vấn, hướng dẫn HV,SV học tập ngoài giờ	☐	☐	☐	☐
47. Sự cần thiết biên soạn nội dung bài giảng phù hợp với mục tiêu, chương trình, chuẩn đầu ra và thực tiễn tại đơn vị	☐	☐	☐	☐

48. Xin cho biết phương pháp dạy học lý thuyết nào là phù hợp với NVQYc

49. Xin cho biết phương pháp dạy học lý thuyết nào là không phù hợp với NVQYc

50. Xin cho biết phương pháp dạy học thực hành nào là phù hợp với NVQYc

51. Xin cho biết phương pháp dạy học thực hành nào là không phù hợp với NVQYc

52. Xin cho biết phương pháp dạy học nào hiện nay là phù hợp với NVQYc tại BV

53. Xin cho biết phương pháp dạy học nào hiện nay là không phù hợp với NVQYc tại BV

IV. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ HOẠT ĐỘNG GIÚP HỌC VIÊN PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Đồng ý hoàn toàn;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn;

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
54. HV thường tự giác chuẩn bị bài trước khi lên lớp	☐	☐	☐	☐
55. Quá trình học tập ở lớp Hv luôn có thái độ tích cực, tham gia xây dựng bài, ghi chép những nội dung cần thiết	☐	☐	☐	☐
56. Sau mỗi buổi học HV thường xem lại và hệ thống bài học	☐	☐	☐	☐

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
57. Hoạt động tự học của HV là hoạt động bắt buộc, thuộc quy chế phải thực hiện	☐	☐	☐	☐
58. Hoạt động tự học có giáo viên hướng dẫn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo	☐	☐	☐	☐
59. Cần đổi mới phương pháp tự học theo hướng giao bài tập, học nhóm, khuyến khích sáng tạo nâng cao, có giáo viên hướng dẫn	☐	☐	☐	☐
60. Kết quả học tập của HV được thông báo chính xác, kịp thời	☐	☐	☐	☐
61. HV được đảm bảo các chế độ chính sách của học viên QĐ	☐	☐	☐	☐
62. HV được tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa	☐	☐	☐	☐
63. Nhà trường, đơn vị thường xuyên tuyên truyền, rèn luyện, bồi dưỡng giúp HV có lối sống lành mạnh				
64. Hoạt động ngoại khóa góp phần giúp HV phát triển toàn diện				
65. Xin cho biết ý kiến khác nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tự học của HV				

.....
.....

V. NỘI DUNG KHẢO SÁT VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ; CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC VIÊN

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Đồng ý hoàn toàn;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn;

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của bạn về các mục sau:	A	B	C	D
66. Cán bộ quản lý Học viên có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo Nhân viên quân y Đại đội	☐	☐	☐	☐
67. Cán bộ quản lý Học viên mẫu mực, bám sát học viên trong mọi hoạt động sinh hoạt, học tập, huấn luyện	☐	☐	☐	☐
68. Cán bộ quản lý học viên thường xuyên quan tâm động viên giúp đỡ học viên trong học tập, sinh hoạt	☐	☐	☐	☐
69. HV được phổ biến đầy đủ quy chế, quy định của Bộ Quốc phòng và nhà trường	☐	☐	☐	☐
70. Hệ thống giáo trình, tài liệu đầy đủ phục vụ tốt HV học tập	☐	☐	☐	☐
69. Hệ thống giáo trình, tài liệu đảm bảo tính cập nhật đúng quy định của Bộ Quốc phòng	☐	☐	☐	☐
70. Hệ thống giáo trình, tài liệu phù hợp với chương trình, nội dung bài giảng, thực tiễn đơn vị	☐	☐	☐	☐
71. Sự cần thiết tiếp tục đẩy mạnh công tác biên soạn, tái bản giáo trình, tài liệu phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình, chuẩn đầu ra và thực tiễn đơn vị.	☐	☐	☐	☐
72. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đào tạo đầy đủ, hiện đại	☐	☐	☐	☐

73. Các sự cố về phòng học, máy móc, trang bị phục vụ đào tạo luôn được khắc phục kịp thời	☐	☐	☐	☐
74. Sự cần thiết tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu huấn luyện, chiến đấu trong tình hình mới				

Xin trân trọng cảm ơn!

TỔNG CỤC HẬU CẦN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẬU CẦN 1

PHỤ LỤC 4
PHIẾU KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐÀO
TẠO NHÂN VIÊN QUÂN Y ĐẠI ĐỘI
(Dùng cho Đơn vị sử dụng NVQYc)

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo Nhân viên Quân y Đại đội (NVQYc) tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1 rất mong các đồng chí đóng góp ý kiến. Mọi thông tin trong phiếu khảo sát sẽ được lưu trữ và bảo mật, chỉ phục vụ cho nghiên cứu đề tài.

Họ tên:.....

Cấp bậc:.....Chức vụ:.....

Đơn vị:

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

A: Hoàn toàn đồng ý;

B: Đồng ý;

C: Phân vân, không chắc chắn

D: Không đồng ý;

Xin cho biết ý kiến của đồng chí về các mục sau:	A	B	C	D
1. NVQYc do Trường CDHC1 đào tạo thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho bộ đội trong huấn luyện, chiến đấu	☐	☐	☐	☐
2. NVQYc do Trường CDHC1 đào tạo về đơn vị không phải qua quá trình đào tạo lại	☐	☐	☐	☐
3. NVQYc do Trường CDHC1 đào tạo nắm vững kiến thức lý thuyết cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe bộ đội	☐	☐	☐	☐
4. NVQYc do Trường CDHC1 đào tạo có kỹ năng thực hành tốt trong chăm sóc sức khỏe bộ đội ở đơn vị.	☐	☐	☐	☐
5. NVQYc do Trường CDHC1 đào tạo có bản lĩnh chính trị, chấp hành kỷ luật, thái độ y đức tốt trong thực hiện nhiệm vụ	☐	☐	☐	☐
6. Trong hệ thống tổ chức ngành Quân y, NVQYc có vai trò rất quan trọng trong chăm sóc sức khỏe bộ đội	☐	☐	☐	☐
7. Thực tiễn đại dịch Covid-19 cho thấy, NVQYc là một trong những lực lượng tuyến đầu, trực tiếp phòng chống dịch, chăm sóc sức khỏe bộ đội và nhân dân	☐	☐	☐	☐
8. NVQYc nên được tuyển chọn, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ chuyên nghiệp trong chăm sóc sức khỏe bộ đội	☐	☐	☐	☐
9. NVQYc ở đơn vị thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ	☐	☐	☐	☐
10. NVQYc ở đơn vị kiêm nhiệm thêm các nhiệm vụ khác	☐	☐	☐	☐

11. Thực trạng NVQYc ở đơn vị đồng chí (thiếu, đủ, thừa so với biên chế):

.....

12. Đóng góp ý kiến của Đ/c để nâng cao CL đào tạo NVQYc ở Trường CDHC1:

.....

.....

Trân trọng cảm ơn Thủ trưởng và các đồng chí!

PHỤ LỤC 5

**TỔNG CỤC HẬU CẦN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẬU CẦN 1**

**PHIẾU KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐÀO
TẠO NHÂN VIÊN QUÂN Y ĐẠI ĐỘI**
(Ý kiến Chuyên gia)

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo Nhân viên Quân y Đại đội (NVQYc) tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1 rất mong Thủ trưởng, Thầy Cô và các đồng chí đồng chí đóng góp ý kiến. Mọi thông tin trong phiếu khảo sát sẽ được lưu trữ và bảo mật, chỉ phục vụ cho nghiên cứu đề tài.

Họ tên:.....

Cấp bậc:.....Chức vụ:.....

Đơn vị:

Xin đánh dấu tích (✓) vào mục chọn trả lời cho mỗi câu hỏi

I. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN QUÂN Y ĐẠI ĐỘI TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẬU CẦN 1

1. Chương trình đào tạo (Kính xin Thủ trưởng, Thầy cô, các đồng chí cho ý kiến về ưu điểm, nhược điểm đối với công tác biên soạn, chỉnh lý mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo NVQYc)

a) Ưu điểm.....

b) Hạn chế.....

2. Giáo trình, tài liệu (Kính xin Thủ trưởng, Thầy cô, các đồng chí cho ý kiến về ưu điểm, nhược điểm đối với công tác biên soạn, tái bản giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo NVQYc)

a) Ưu điểm.....

b) Hạn chế.....

3. Đội ngũ nhà giáo (Kính xin Thủ trưởng, Thầy cô, các đồng chí cho ý kiến về ưu điểm, nhược điểm đối với số lượng, chất lượng đội ngũ nhà giáo; chất lượng biên soạn bài giảng, KHGB; phương pháp dạy học; Vận dụng thực tiễn đối tượng NVQYc)

- Số lượng, chất lượng đội ngũ nhà giáo:

+ Ưu điểm:.....

+ Hạn chế:.....

- Biên soạn bài giảng, KH giảng bài:

+ Ưu điểm.....

+ Hạn chế.....

- Phương pháp dạy học (lý thuyết, thực hành, thực hành bệnh viện:

+ Ưu điểm.....

+ Hạn chế.....

- Vận dụng thực tiễn:

+ Ưu điểm.....

+ Hạn chế.....

4. Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo (Kính xin Thủ trưởng, Thầy cô, các đồng chí cho ý kiến về ưu điểm, nhược điểm đối với công tác kiểm tra, thi đối tượng NVQYc)

+ Ưu điểm.....

+ Hạn chế.....

5. Công tác quản lý và hoạt động hỗ trợ học viên phát triển toàn diện (Kính xin Thủ trưởng, Thầy cô, các đồng chí cho ý kiến về ưu điểm, nhược điểm đối với công tác quản lý giáo dục học viên, hoạt động ngoại khóa, chất lượng tự ôn đối tượng NVQYc)

+ Ưu điểm.....

+ Hạn chế.....

6. Đảm bảo vật chất phục vụ đào tạo (Kính xin Thủ trưởng, Thầy cô, các đồng chí cho ý kiến về ưu điểm, nhược điểm đối với công tác đảm bảo vật chất phục vụ đào tạo đối tượng NVQYc)

+ Ưu điểm.....

+ Hạn chế.....

7. Các mặt công tác khác (Kính xin Thủ trưởng, Thầy cô, các đồng chí cho ý kiến về ưu điểm, nhược điểm đối với các mặt công tác khác trong đào tạo đối tượng NVQYc)

+ Ưu điểm.....

+ Hạn chế.....

II. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN QUÂN Y ĐẠI ĐỘI TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẬU CẦN 1

1. Chương trình đào tạo (Kính xin Thủ trưởng, Thầy cô, các đồng chí cho ý kiến về giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đối với công tác biên soạn, chỉnh lý mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo NVQYc)

2. Giáo trình, tài liệu (Kính xin Thủ trưởng, Thầy cô, các đồng chí cho ý kiến về giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đối với công tác biên soạn, tái bản giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo NVQYc)

3. Đội ngũ nhà giáo (Kính xin Thủ trưởng, Thầy cô, các đồng chí cho ý kiến về giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo dạy học đối tượng NVQYc)

4. Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo (Kính xin Thủ trưởng, Thầy cô, các đồng chí cho ý kiến về nhằm nâng cao chất lượng công tác khảo thí đối tượng NVQYc)

5. Công tác quản lý và hoạt động hỗ trợ học viên phát triển toàn diện (Kính xin Thủ trưởng, Thầy cô, các đồng chí cho ý kiến về giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đối với công tác quản lý giáo dục học viên, hoạt động ngoại khóa, chất lượng tự ôn đối tượng NVQYc)

6. Đảm bảo vật chất phục vụ đào tạo (Kính xin Thủ trưởng, Thầy cô, các đồng chí cho ý kiến về giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đối với công tác đảm bảo vật chất phục vụ đào tạo đối tượng NVQYc)

7. Các mặt công tác khác (Kính xin Thủ trưởng, Thầy cô, các đồng chí cho ý kiến về cho biết các giải pháp khác nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng NVQYc)

Trân trọng cảm ơn Thủ trưởng, các đồng chí!

Phụ lục 6: Tổng hợp đội ngũ nhà giáo

**TỔNG CỤC HẬU CẦN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẬU CẦN 1**

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG
ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ
GIÁO DỤC TRƯỜNG CĐ HẬU CẦN 1**

Nội dung	Đối tượng	Nhà giáo	CBQL giáo dục
	Nhu cầu	140	
	Hiện có	105	38
Số lượng	Sĩ quan	57	31
	Quân nhân chuyên nghiệp	48	7
	Viên chức quốc phòng	0	0
Giới tính	Nam	70	38
	Nữ	35	0
Dân tộc	Kinh	105	38
	Khác (Có danh sách cụ thể kèm theo)	0	0
Chuyên ngành giảng dạy	Khoa học quân sự	3	11
	Khoa học Xã hội và Nhân văn	5	11
	Khoa học kỹ thuật	4	0
	Y dược	48	12
	Ngoại ngữ	5	0
	Các chuyên ngành khác	40	4
	Dưới 30	12	3
	Từ 31 đến 45	65	20
Độ tuổi	Từ 46 đến 53	25	13
	Từ 54 đến 57	3	2
	Trên 57	0	0
Thâm niên công tác	Dưới 3 năm	11	1
	Từ 4 đến 10 năm	27	5
	Từ 11 đến 15 năm	23	5
	Trên 15 năm	44	27
	Nhà giáo giỏi cấp Bộ	7	1
Danh hiệu	Nhà giáo ưu tú	0	1
	Nhà giáo nhân dân	0	0
Chức danh	Trợ giảng (trợ giáo)	24	3
	Giảng viên (giáo viên)	79	8
	Giảng viên (giáo viên) chính	2	1
	Giảng viên (giáo viên) cao cấp	0	0

Nội dung	Đối tượng		Nhà giáo	CBQL giáo dục
	Phó Giáo sư		0	0
	Ngành Khoa học quân sự			
	Ngành Kỹ thuật			
	Ngành KHXH&NV			
	Ngành Y			
	Các ngành khác (ghi rõ tên ngành)			
	Giáo sư		0	0
	Ngành Khoa học quân sự			
	Ngành Kỹ thuật			
	Ngành KHXH&NV			
	Ngành Y			
	Các ngành khác (ghi rõ tên ngành)			
	Trình độ chuyên môn	Cao đẳng		6
Đại học		67	27	
Thạc sĩ , Bs CK1, Ds CK1		17	3	
Tiến sĩ, Bs CK2, Ds CK2		3	2	
Khác		12	6	
Nghiên cứu khoa học (từ cấp cơ sở trở lên)	Giáo trình	Chủ biên	10	2
	tài liệu, sách	Tham gia	13	6
	Đề tài, công	Chủ trì	27	13
	trình NCKH	Tham gia	54	6
	Sáng kiến	Chủ trì	15	3
		Tham gia	36	0
	Bài báo	Trong nước	17	7
	khoa học	Quốc tế	1	0
	Báo cáo khoa	Trong nước	2	2
	học in kỷ yếu hội	Quốc tế	0	0
	nghị, hội thảo			
Qua chiến đấu	Gián tiếp		2	1
	Trực tiếp		0	1
Đào tạo theo chức vụ	Trung, sư đoàn và tương đương		4	10

Nội dung	Đối tượng	Nhà giáo	CBQL giáo dục
	Chiến dịch, chiến lược	0	1
Thực tế chức vụ	Cấp phân đội và tương đương	2	15
	Cấp trung đoàn và tương đương	4	2
	Cấp sư đoàn và tương đương	2	7
	Cấp chiến dịch, chiến lược	0	1
Trình độ tin học (Theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông)	Cơ bản	104	27
	Nâng cao	1	0
Ngoại ngữ	Tiếng Anh	105	27
	Tiếng Nga	0	0
	Tiếng khác	0	0
Trình độ ngoại ngữ (Theo Thông tư số 01/2014/TTBGD&ĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT)	Bậc 1	0	0
	Bậc 2	76	2
	Bậc 3	4	0
	Bậc 4	0	0
	Bậc 5	0	0
	Bậc 6	0	0
	Đại học	5	0
	Chứng chỉ quốc tế	4	0
Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Đào tạo giáo viên, giảng viên	0	1
	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	105	27
Sức khỏe	Loại A	105	33
	Loại B	0	4
	Loại khác	1	0
Khen thưởng (cấp Bộ trở lên)	Anh hùng LLVTND	0	0
	Huân chương	31	2
	Huy chương	62	20
	Bằng khen	28	16

Nội dung		Đối tượng	Nhà giáo	CBQL giáo dục
	Chiến sĩ thi đua		43	18

Phụ lục 7: Tổng hợp kết quả đào tạo NVQYc (2016 – 2021)

1. NĂM 2018

TT	LỚP	QUÂN SỐ	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP											
			X.SẮC		GIỎI		KHÁ		T.B.KHÁ		T.BÌNH		K.ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	K45A	66	0	0	1	1.5	12	18.2	46	69.7	7	10.6	0	0
2	K45B	65	0	0	7	10.8	18	27.7	31	47.7	9	13.8	0	0
3	K45C	70	0	0	12	17.1	24	34.3	30	42.9	4	5.7	0	0
4	K45D	64	0	0	10	15.6	21	32.8	27	42.2	6	9.4	0	0
CỘNG		265	0	0	30	11.3	75	28.3	134	50.5	26	9.8	0	0

Nhận xét: Đạt yêu cầu 100%; KG 39.6%; trung bình khá 50.5%; trung bình 9.8%.

2. NĂM 2019

TT	LỚP	QUÂN SỐ	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP											
			X.SẮC		GIỎI		KHÁ		T.B.KHÁ		T.BÌNH		K.ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	K46A	66	0	0	8	11.8	30	44.1	27	19.7	3	4.4	0	0
2	K46B	65	0	0	13	19.1	29	42.7	24	35.3	2	2.9	0	0
3	K46C	70	0	0	17	25.8	29	43.9	20	30.3	0	0	0	0
4	K46D	64	0	0	17	23.9	35	49.4	17	23.9	2	2.8	0	0
CỘNG		273	0	0	55	20.1	123	45.1	88	32.2	7	2.6	0	0

Nhận xét: Đạt yêu cầu 100%; KG 65.2%; trung bình khá 32.2%; trung bình 2.6%.

3. NĂM 2020

TT	LỚP	QUÂN SỐ	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP											
			X.SẮC		GIỎI		KHÁ		T.B.KHÁ		T.BÌNH		K.ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	K47A	67	0	0	6	9	32	47.8	29	43.2	0	0	0	0
2	K47B	65	0	0	10	15.4	27	41.6	29	44.6	1	1.5	0	0
3	K47C	66	0	0	6	15.1	26	39.4	33	50	3	4.5	0	0
4	K47D	67	0	0	12	17.9	29	43.3	24	35.8	2	3	0	0
CỘNG		265	0	0	34	12.8	114	43	111	41.8	6	2.3	0	0

Nhận xét: Đạt yêu cầu 100%; KG 55.8%; trung bình khá 41.8%; trung bình 2.3%.

4. NĂM 2021

TT	LỚP	QUÂN SỐ	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP											
			X.SẮC		GIỎI		KHÁ		T.B.KHÁ		T.BÌNH		K.ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	K48A	63	0	0	8	12.7	37	58.7	18	28.6	0	0	0	0
2	K48B	64	0	0	8	12.5	39	61	17	26.5	0	0	0	0
3	K48C	81	0	0	9	11.1	54	66.7	18	22.2	0	0	0	0
4	K48D	72	0	0	17	23.6	37	51.4	18	25	0	0	0	0
CỘNG		280	0	0	42	15	167	59.6	71	25.4	0	0	0	0

Nhận xét: Đạt yêu cầu 100%; KG 74.6%; trung bình khá 25.4%; trung bình 0%; yếu 0%.

5. NĂM 2022

TT	LỚP	QUÂN SỐ	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP											
			X.SẮC		GIỎI		KHÁ		T.B.KHÁ		T.BÌNH		K.ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	K49A													
2	K49B													
3	K49C													
4	K49D													
CỘNG														

Nhận xét:

Phụ lục 8: Tổng quan chương trình đào tạo Y tá sơ cấp năm 2016

TT	Tên môn học	Số tiết			Hệ số
		LT	TH	Tổng	
1	Chính trị	32		32	2
2	Quân sự cơ bản - Thể chất	24	22	46	3
3	Giải phẫu - Sinh lý	30	18	48	3
4	Thuốc thông thường	28	09	37	3
5	Điều dưỡng cơ bản	08	18	26	1
6	Bệnh nội khoa	58	06	64	4
7	Bệnh ngoại khoa	45	04	49	3
8	Y học cổ truyền	21	17	38	2
9	Tổ chức chiến thuật QY	23	20	43	2
10	Vệ sinh - Phòng dịch	22	06	28	2
11	Năm kỹ thuật cấp cứu	05	31	36	1
12	TT. dã ngoại cả ngày		40	40	1
12	TT bệnh viện		120	120	2
	Tổng cộng:	296	311	607	29

Phụ lục 9: Tổng quan chương trình đào tạo NVQYc năm 2021

TT	Tên môn học	Số tiết			Hệ số
		LT	TH	Tổng	
1.	KHXX & NV	40	13	53	3
2.	Quân sự cơ bản - Thể chất	12	26	38	3
3.	Giải phẫu - Sinh lý	30	18	48	3
4.	Thuốc thông thường	20	08	28	3
5.	Điều dưỡng cơ bản	08	16	24	1
6.	Bệnh nội khoa	40	06	46	3
7.	Bệnh ngoại khoa	36	04	40	3
8.	Y học cổ truyền	14	16	30	2
9.	Tổ chức chiến thuật QY	23	21	44	2
10.	Vệ sinh - Phòng dịch	18	08	26	2
11.	Năm kỹ thuật cấp cứu	09	33	46	1
12.	TT. dã ngoại cả ngày		40	40	1
13.	TT bệnh viện		120	120	2
	Tổng cộng:	250	329	579	29

Phụ lục 10: Chương trình đào tạo NVQYc đề xuất đổi mới (2022)

TT	Tên môn học	Số tiết				Tự học có hướng dẫn của GV	Hệ số
		LT	TH	Thi	Tổng		
1	KHXX & NV	41	12	2	55		3
2	Quân sự cơ bản - Thể chất	14	28	9	51	8	3
3	Giải phẫu - Sinh lý	30	18	2	50	8	3
4	Thuốc thông thường	24	08	1	33	4	3
5	Điều dưỡng cơ bản	10	18	9	37	4	1
6	Bệnh nội khoa	42	06	2	50	4	3
7	Bệnh ngoại khoa	36	04	2	42	4	3
8	Y học cổ truyền	14	16	1	31		2
9	Tổ chức chiến thuật QY	24	22	1	47	8	2
10	Vệ sinh - Phòng dịch	20	08	1	29	4	2
11	Năm kỹ thuật cấp cứu	12	37	9	58	8	1
12	TT. dã ngoại cả ngày		40		40		1
13	TT bệnh viện		111	9	120		2
	Tổng cộng:	267	328	48	643	52	29

Ghi chú:

- Tổng số môn học: 13 môn, không thay đổi.
- Tổng thời gian: Tăng 64 tiết (thực chất chỉ tăng 16 tiết, vì có 48 tiết thi chương trình cũ không đưa vào).
- Thời gian lý thuyết: Tăng 17 tiết
- Thời gian thực hành: Giảm 01 tiết.
- Bổ sung nội dung tự học có hướng dẫn của giảng viên: 52 tiết.